

Thư Quán

Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG

Chủ đề:

NHỮNG MÙA GIÁNG SINH KHÓ QUÊN

*Dương Nghiễm Mậu, Tạ Ty, Đặng Kim Côn,
Nguyễn Thanh Trinh, Trịnh Khả Nguyên, Trần Hoài Thư,
Huy Tường, Lê văn Trung...*



Đinh Cường - *Phía ở bên kia*

Sưu tập

Ngô Kha: Gió

- *Sống và Viết*
- *Sáng tác mới*

NĂM THỨ 10 TẬP 40 THÁNG 12 - 2009

Nhà xuất bản Thư Ấn Quán xin trân trọng giới thiệu
những tác phẩm vừa in xong:

1. VĂN MIỀN NAM Tập I, II, III, IV

(từ sách Di sản văn chương miền Nam)

Sưu tập từ các tạp chí trước 1975 như Văn, Văn học, Giữ
Thơm Quê Mẹ, Bách Khoa, Ý Thức, Trình Bày, Vấn Đề,
Khởi Hành, Thời Tập, Nghệ Thuật, Tiếng Nói, Sáng Tạo,
Văn Nghệ v.v...

Mỗi tập dày trung bình 550 trang. \$30 cho mỗi tập (kể
luôn cước phí). Vì đóng bìa cứng quá vất vả, nên sách chỉ
được đóng bằng bìa mềm (Softcover). Riêng quý vị nào
cần bìa cứng (hardcover) cho tập IV xin vui lòng cho
chúng tôi biết. Chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện.

2. ca nguyện. gởi cây xương rồng trong gió

Thi phẩm của **Nguyễn Thanh Châu**. Sách biếu khi có yêu
cầu

Muốn biết chi tiết xin liên lạc:

Thư Ấn Quán

P.O Box 58 South Bound Brook, NJ 08880

Email: tranhwaithu@verizon.net

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 40, THÁNG 12, NĂM 2009
Những Mùa Giáng Sinh Khó Quên

MUC LUC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và viết /4

Phạm văn Nhân, Hoài Ziang Duy, Trần Hoài Thư, TKN

Phần chủ đề: Những Mùa Giáng Sinh Khó Quên

Duong Nghiễm Mậu: Bông hồng đêm Giáng Sinh
(truyện)/ 29

Tạ Ty : Vương mắc (truyện) /37

Thơ Huy Tường /48

Truman Capote: Mùa Giáng sinh trong ký ức

Nguyễn thị Hải Hà chuyển ngữ / 49

Trịnh Khả Nguyên: Bình an dưới thể (truyện) / 67

Trần Hoài Thư : Nay Lat (truyện) / 73

Thơ Lê văn Trung /89

Nguyễn Thanh Trinh : Lễ Giáng sinh ở một
thành phố lớn / 81

Đặng Kim Côn: Chiếc bánh giáng sinh (truyện) / 93

Phần thường xuyên:

Khuất Đầu: Những con đom đóm (truyện) / 104

Trần Bang Thạch: Vài chuyện nhỏ

Trong một nhà dưỡng lão (truyện) / 110

Thơ Xuân Thao / 116

Đào Anh Dũng: Có Một Bàn Tay (truyện) / 117

Đặng Đình Túy: Vàng mây khoảng
cho mặt trời tới đậu (tản mạn) / 127

Thơ Đặng Phú Phong / 134

Thơ Trần Yên Hòa / 135

Thơ Khoa Hữu / 136

Thơ Nguyễn Thanh Châu /137

Thơ Cái Trọng Ty / 138

Thơ Trần Phù Thế / 139

Thơ Nguyễn Đình Niên (sưu tập) / 140

Thơ Ngô Kha (sưu tập) / 143

Trần văn Nam : Qua thi phẩm của Thành Tôn

Nghĩ về thơ biểu cảm và thơ biện luận /154

Khuất Đầu: Người giữ nhà thờ họ (truyện dài) / 162

Trần Bình Dân: Những đứa con của tự do (đọc sách) / 183

Thơ Lê văn Trung / 186

Nguyễn thị Hải Hà : Tình yêu trong chiến tranh / 187

Giới thiệu sách báo / 200

Giữa chúng tôi và thân hữu / 208

Tranh bìa: Đinh Cường

Phụ bản dùng trong tạp chí này được trích từ "Ngẫu hứng" tranh ký họa của Lữ Kiều, Ý thức Bản thảo 2001.

Chủ trương biên tập: THT

Tòa soạn:

PO BOX 58

South Bound Brook

NJ 08880

Email: tranhoaitu@verizon.net

Thư Tòa soạn



Số TQBT 40 đến với quý bạn bằng một tuyển tập mang chủ đề Những Mùa Giáng sinh khó quên.. Như Đêm Giáng sinh tại một căn cứ ở Gio Linh trong bài văn của Tạ Tỵ. Tình yêu nảy nở trên một thành phố cao nguyên vào đêm Noel trong một truyện của Dương Nghiễm Mậu. Chiếc bánh mà một người tù nữ tặng cho một tù nam trong truyện của Đặng Kim Côn, và một truyện của Trần Hoài Thư, Nguyễn Thanh Trịnh ...

Trong phần thường xuyên sẽ có những sáng tác thơ văn biên khảo mới nhất của các tác giả quen thuộc có lòng ưu ái dành riêng cho TQBT.

Hy vọng tập TQBT quý bạn cầm trên tay sẽ là món ăn tinh thần, thú vị và ý nghĩa trong những ngày mùa Lễ tháng chạp này.

Một lần nữa, xin được cảm ơn các tác giả, thân hữu và bạn bè xa gần đã không ngừng hỗ trợ TQBT. Xin được hẹn gặp lại quý bạn vào số 41 sẽ phát hành vào tháng 2-2010.

Xin được chúc quý bạn và gia đình vui hưởng một mùa Lễ Giáng Sinh bình an và một năm mới dương lịch tràn trề hạnh phúc.

*Trân trọng
Tòa soạn TQBT*

Sống và Viết

- Phạm văn Nhân
- Hoài Ziang Duy
- Trần Hoài Thư
- KTN

Một chặng đường đi tìm những sáng tác cũ: Văn Miền Nam *Phạm Văn Nhân*

Tôi nhớ không lầm, cách đây khoảng 5 tháng, vào tháng 5 năm 2009, anh THT gọi tôi và bảo làm một tuyển tập Văn Miền Nam. Tôi nói với anh Thư là để xem lại xem tụi mình có đủ “lực” để làm một tuyển tập hoàn toàn văn hay không? Thơ thì nhiều lắm, nhưng văn thì thật là hiếm hoi. Nhất là chúng ta đang ở hải ngoại, không đủ tư liệu, báo chí để tìm kiếm; mà muốn đi tìm lại những sáng tác văn đó phải đến thư viện Mỹ lục lạo, tìm kiếm. Nhưng không phải thư viện Mỹ nào cũng có những sách báo, tạp chí cũ Miền Nam. Ngoại trừ thư viện Cornell ở Nữ ước. Mà tới đó đâu phải dễ. Đường xá bên Mỹ này xa vời vợi. Chỗ ăn chỗ ở tốn kém. Không phải tới đó một hai giờ là “ngón” hết tất cả các tạp chí có được ở đó đâu. Rồi thủ tục mượn, copy, lắm nhiều khê...

Nhưng, tôi biết tánh của người bạn này từ lâu, quyết làm một cái gì đó là phải làm cho được. Như những ngày đầu gặp nhau lại sau bao năm xa cách vì chiến cuộc và thời cuộc. Gặp nhau thăm nhau và nói lên những trăn trở của anh khi anh muốn làm một cái gì đó về văn học. Như một tạp chí chẳng hạn. Những khó khăn không làm cản bước đường văn chương chữ nghĩa của anh, và cùng các anh em khác, tạp chí Thư Quán Bản Thảo được ra đời, mới ngày nào, thế mà đã 10 năm qua. 10 năm, với những chủ đề về những người viết cũ, văn trong thời chiến mà ở hải ngoại

này (báo giấy) ít có tờ báo nào chủ trương, ngoài tạp chí Khởi Hành. Cũng từ TQBT, bạn tôi và tôi đã gặp lại bạn bè cũ sau bao năm xa cách. Để từ đó thêm một Thư Ấn Quán ra đời.

Trở lại Văn Miền Nam, với sự tha thiết của bạn tôi hàng ngày gọi điện thoại để chúng tôi góp ý, tìm ra một hướng đi chung là: “phải thực hiện cho bằng được”. Vâng, thực hiện cho bằng được đó, không phải là dễ. Dù trên thực tế chúng tôi đã tìm lại được những bài thơ cũ gồm đủ loại, lục bát, tự do để Thư Ấn Quán phát hành nhiều tập trong những năm qua. Nhưng với bộ môn văn phải nói là khó tìm. Và nhất là phần tiểu sử tác giả. Khó khăn kèm theo khó khăn. Nhưng cũng may, sự gợi ý của bạn tôi đã “biểu lộ đồng tình” của những bạn bè trong và ngoài nước về Văn Miền Nam. Lúc đầu, phần tiểu sử tác giả, chúng tôi nhờ anh bạn nhà văn Lữ Quỳnh lo, nhưng cuối cùng, phải nói, là khó cho anh ấy lắm, dù tiểu sử chỉ ghi ngắn gọn thôi. Chờ hoài không thấy Lữ Quỳnh trả lời, mà THT thì hồi thúc, tôi đề nghị với THT là kêu gọi anh em trong nước. Hai nhà văn trong nước là Nguyễn Minh và Nguyễn Lệ Uyên “xắn tay áo” nhập cuộc ngay. Vì, chúng tôi nghĩ dù gì trong nước, anh em dễ tìm những truyện ngắn cũ hơn anh em chúng tôi ở ngoài này. Nhưng, phải nói trong nước cũng gặp khó khăn ghê gớm khi đi tìm những tác phẩm văn học cũ. Bởi sự hủy diệt nền văn học Miền Nam vào tháng 4-1975 mà họ gọi là “văn hóa Mỹ Ngụy” ấy đã bị thiêu cháy toàn bộ, ngay cả những tác phẩm nghiên cứu, dịch thuật rất có giá trị. Huống hồ gì về bộ môn sáng tác cũng cùng chung số phận thôi: văn hóa miền nam đổi trụ. Cũng may, nhà thơ Thành Tôn, trước khi qua Mỹ, anh đã đi lang thang “góp nhặt những tờ báo cũ” bán trên vỉa hè từ những nơi bán sách cũ. Anh gìn giữ nó từ bao nhiêu năm nay. Để làm gì, tôi nghĩ, Thành Tôn cũng chẳng làm gì hơn với những tạp chí cũ mà anh đã tìm kiếm mua, có lẽ, cũng vì “tiếc nuôi” một nền văn học miền nam đã bị “hủy diệt” trong đó có anh, có chúng tôi, có bạn bè đã cùng chung số phận. Mua, để giữ lại những kỷ niệm văn chương một thời. May ra có một lúc nào đó

sử dụng đến. Có phải thế không anh Thành Tôn?

Có cái đau nào hơn khi thấy một nền văn học chỉ trong vòng 20 năm thôi, quá ngắn để xây dựng nên một nền văn học toàn diện và đa diện, dù đất nước lâm vào cảnh chiến tranh tàn khốc; từ triết học, dịch thuật và sáng tác. Hai mươi năm văn học Miền Nam phát triển mạnh như thế, tôi nghĩ, sau 34 năm, ngày đất nước thống nhất và không còn chiến tranh nữa, chắc gì nền văn học trong và ngoài nước phát triển bằng 20 năm miền nam xây dựng nên?

Thành Tôn, với những tạp chí văn học, với những tờ nhật báo anh góp nhặt được đó, đã cùng với anh THT và các anh trong nhóm chủ trương “phục hồi” lại cái di sản “văn học Miền Nam” đã bị hủy diệt đó. Tùy theo từng anh góp sức, góp công để hình thành nó. Ba tập Văn Miền Nam đã hình thành, và hôm nay, tháng 11 năm 2009 hình thành tiếp tập 4 dày cũng trên 550 trang.

Hình thành trở lại nền văn học Miền Nam mà chúng tôi gọi là nền văn học đích thực này; vì nó là một nền văn học “thực” không “giả”. Thực với cái tên tác giả và thực với sự việc mà tác giả đã viết (đủ thể loại: tình yêu, chiến tranh, xã hội, thân phận con người giữa hai lần đạn...).

Cái thực tế đã rõ như thế, cho nên phải có sự suy nghĩ lại. Bằng chứng là tạp chí Văn Nghệ ở Hà Nội - cơ quan của Hội Nhà Văn Việt Nam - đã thấy đăng lại những sáng tác của các tác giả miền Nam trước 1975. Như những tác phẩm của nhà văn Dương Nghiễm Mậu đã cho in lại. Nhưng sau đó lại bị những lực cản vô lý của những con người có những thành kiến hẹp hòi, mang nặng thành kiến” văn chương Mỹ Ngụy” cản trở mà thôi.

Văn Miền Nam mà Thư Ấn Quán đã phát hành không mang nặng tính phê phán hay có thêm những lời bàn; mà với chủ trương của THT cũng như tôi, và hai anh bạn còn trong nước (Nguyên Minh và Nguyễn Lệ Uyên) là: không giới hạn về cốt truyện, không hàm chứa trong một đề tài như chiến tranh. Không chọn tác giả nổi tiếng hay tác giả có nhiều tác phẩm mà đi lại. Có những tác giả đi trên Văn Miền Nam có nhiều độc giả tưởng chừng chưa nghe tên

lần nào. Thế mới hay. Những truyện ngắn đó đã một lần được chọn đi trên các tạp chí văn học, và hôm nay, một lần nữa, qua bạn bè còn lưu giữ những tác phẩm ấy, chúng tôi ngồi lại đọc và đánh máy trở lại như một lần chọn lựa lần thứ hai.

Hơn hai ngàn trang giấy, với 4 tập khá đồ sộ, với 158 tác giả, dù chưa đủ để nói lên hết Văn Học Miền Nam bộ môn sáng tác, nhưng cũng đủ để cho người đọc hay những nhà nghiên cứu 20 năm Văn Miền Nam đã bị hủy diệt đó, nghiệm lại. Có phải đây là một nền văn học đích thực hay không so với nền văn học miền Bắc trong thời kỳ chiến tranh chia đôi đất nước? Một nền văn học đích thực. Đây cũng là chủ trương của TQBT muốn làm sống lại một nền văn học 20 năm mà trong đó thế hệ chúng tôi đã sống, đã làm việc và đã chiến đấu như thế nào.

Như nhà thơ Thành Tôn đã lần mò tìm kiếm trên khắp vỉa hè ở Sài gòn để mua cho được những tạp chí cũ, như anh THT mua gió và sương mù (anh đã nói với tôi) đi đi về về từ thành phố nhỏ bé Plainfield ở NJ mò đến Nữ Ước bất kể ngày đêm để vào thư viện cornell xin copy, rồi các anh Nguyên Minh, Nguyễn Lệ Uyên cũng ra tay tìm kiếm những sáng tác cũ, và tôi với những tạp chí cũ một găm, mất bìa như Văn, Văn Học, Thời Tập mà anh bạn Nguyễn Lệ Uyên từ trong nước gửi ra trong một cái thùng giấy do cô em về thăm nhà mang qua cho tôi. NLU nói anh không gửi quà bánh gì vì bên này không thiếu, nhưng tôi biết ông đang thèm một món ăn mà ông tìm không ra. Vâng, đúng vậy, làm sao tôi tìm lại hình bóng của những tạp chí ấy một thời đã theo chân chúng tôi mỗi lần có dịp về thành phố. Cũng nhờ bạn gửi cho một thùng quà “ một găm” đó, mà hôm nay góp một phần nhỏ cùng với anh bạn THT để hoàn thành nên 4 tập Văn Miền Nam này.

Đáng lẽ không nên nói ra làm chi, việc làm “nhỏ bé” ấy. Nhưng nghĩ lại những bạn bè đã góp công sức để hoàn thành nên nó (tập Văn Miền Nam), dù chỉ một lời đề nghị, hay đánh máy, hay bỏ công sức sưu tầm đều là công sức muốn “bảo tồn di sản văn học miền nam” một thời

điểm mà chúng ta đã trải qua.

Văn Miền Nam đã thực sự đến tay bạn bè, độc giả. Những email của bạn bè trong nước gửi ra đã khích lệ cho chúng tôi vững bước hơn nữa trên con đường chữ nghĩa này, cũng như những email của những nhà văn còn trong nước đã nghe và gửi email xin lại cái truyện ngắn mà tác giả không còn giữ “đứa con tinh thần” của mình từ lâu, nay sống lại. Qua Thư Ấn Quán, THT chẳng ngại chi, không gửi cái truyện ngắn của tác giả xin mà còn gửi cả tập (trên 550 trang) để biếu cho những tác giả nào có truyện đi trong tập Văn Miền Nam này. Và, hôm nay, người bạn thơ LQN vừa mới gửi email qua cho THT và tôi hay là đã nhận đủ 4 tập Văn Miền Nam từ NM.

Có nỗi vui nào hơn như thế nữa phải không các bạn đã góp tay để hình thành nên 4 tập Văn Miền Nam này.



Lần theo nỗi chết

HOÀI ZIANG DUY

Tôi thấy lại ngày cũ một thời tuổi nhỏ tôi. Tôi thấy lại đời sống của mấy chục năm xa vắng, một thuở yêu đương, một thời chinh chiến với khổ đau bất hạnh ở 158 truyện ngắn của ngần ấy tác giả trong bộ sưu tập 4 cuốn Văn miền Nam trước năm 75. Quá khứ gần lại từ những trang sách là một đời sống thực, một thời đao binh khói lửa ở Miền Nam Việt Nam, với những lãng mạn khát khao của những người viết tự do, viết cho mình, cho bằng hữu, cho tháng năm sau này.

Và bây giờ quả thực, nó không mất. Những đứa con lạc loài trong cùng cảm giác về lại mái nhà. Ở người

đọc, ở những con chữ rộn ràng, thân phận con người. Tôi tìm lại tôi, và có thể bạn, đọc lại hay người mới đọc lần đầu, sẽ thấy lại chợ trời chữ nghĩa, không khí văn chương miền Nam thuở nào.

Cái hạnh phúc tìm được tưởng chút ấm êm trải dài, bất chợt khựng lại. Đó là lúc những bút hiệu quen thuộc như Doãn Dân, Y Uyên, Song Linh . Tên tác giả được ghi chú chết trận ở cuối bài. Và Mạc Ly Châu (1). Được ghi chú tuần tiết vào ngày 5-5-1975 tại tư gia. Chỉ mấy giòng ngăn ngủi đó thôi, nhưng trong tôi xao xuyến chút ngậm ngùi. Họ là những người chết trẻ, đi vào cõi chết với tâm hồn của người viết nửa chừng. Họ chết trước, chết dùm chúng tôi những người cầm bút, cầm súng trong cùng một cuộc chiến khổ nạn.

Bây giờ là tháng mười, tháng mười với mùa thu se lạnh trên xứ người, nhưng tháng mười với tôi, ký ức không quên, một trong mấy lần chết lửng chừng không thật.

Chuyện ở trung tuần tháng 10 năm 72. Như lệ thường, trung đoàn hành quân trực thăng vận. Buổi sáng sau khi đổ các tiểu đoàn xuống, đi theo mục tiêu ở phóng đồ hành quân. Cho đến buổi trưa, bốc tiểu đoàn 3/15 xuống lần ranh Long Tiên, Long Sơn. Xuống được hơn hai đại đội, thì chạm địch dữ dội. Tình thế không mấy thuận lợi cho quân vừa xuống đất. Lúc bấy giờ là hai giờ trưa. Bộ chỉ huy hành quân trung đoàn 15, đóng tại Ba Dừa, đông nam Cai Lậy. Tôi đang trực ở trung tâm hành quân, qua máy nghe Đại tá Cẩn gọi về, bảo tôi chuẩn bị ra bãi. Đã nhiều lần với tôi như vậy, tôi biết ông sẽ xuống đất tham dự trận đánh, sau khi đổ quân xong. Ông có lý do của ông để nâng cao tinh thần binh sĩ. Gọi một sĩ quan hành quân đi theo, để đêm nhận báo cáo tọa độ điểm ngủ, chuyển lệnh cho ba tiểu đoàn và

đại đội trinh sát, liên lạc bộ chỉ huy ở nhà. Đó là lúc bộ chỉ huy nhẹ chúng tôi ở lại với tiểu đoàn qua đêm. Mỗi lần vậy tôi rất cực, khổ nỗi ông chỉ chọn mình tôi đi theo.

Trên máy bay chỉ huy lúc bấy giờ, chỉ có Đại tá Cẩn, trung tá Jonhson, cố vấn Mỹ, và tôi. Không hiểu sao lần đó lại không có tiểu đoàn trưởng pháo binh như lệ thường. Năm chiếc trực thăng của phi đoàn Thần Điều tiếp tục bốc quân đổ xuống mặt trận, tình hình có vẻ khó khăn hơn, từ phòng không địch. Lối đổ quân của Đại tá Cẩn là càng xuống sau càng gần vào mục tiêu hơn. Về phía phi hành đoàn ý kiến muốn ngưng nữa chừng, do vấn đề an toàn. Nhưng Đại tá Cẩn quyết định bất cứ giá nào, phải cho xuống đủ tiểu đoàn để tiếp ứng. Lúc bấy giờ máy bay chỉ huy vòng vòng trên mặt trận để theo dõi. Pháo binh vẫn bắn ở tọa độ chạm. Chúng tôi xuống thấp, xuống thấp nữa, đang ở độ cao khoảng 700 feet.. Thành lĩnh, một ánh lửa vụt tới. Một tiếng nổ lớn, máy bay rung động. Tôi nghe qua hệ thống vô tuyến từ tiểu đoàn dưới đất. “Máy bay Thủy Tiên đứt đuôi rồi”. Thời đó trực thăng, ống tổng khói còn thổi ngang về phía sau, (nên dễ bị loại tầm nhiệt hút vào, sau này mới thiết kế cho thổi lên trời). Lần này đạn SA7 chui tọt vào ống khói và nổ đứt thân máy bay. Lúc bấy giờ máy bay chỉ còn thân phía trước, mất thăng bằng, lắc đảo. Hai viên phi công, tôi chỉ nhớ một người là trung úy Diệm (pilot trực thăng) giật cần lái cho phi cơ tăng lên liên tục, để làm giảm sức rơi xuống chậm lại. Kính chắn ở đầu phi cơ bị sức gió thổi bung. Tiếng Đại tá Cẩn la lên trong ống liên hợp: “Máy bay Thủy Tiên rớt rồi”. Quay sang tôi ông la lên “Đưa máy cho Mỹ”. Tôi đập máy truyền tin qua hắc ta. Viên trung tá cố vấn Mỹ làm dấu thánh giá.

Lần đầu trong đời tôi biết cảm giác của người sắp chết. Khi con người trong một tình huống không còn lựa chọn nào khác. Không hốt hoảng, không là mình, không là gì hết, bởi mọi sự chỉ diễn ra trong tích tắc. Thoáng chốc tôi nghĩ đến cha tôi, người mà tôi vương vấn sống một mình nơi quê nhà, đến người vợ của mối tình từ thuở học trò, rồi thôi. Tôi còn đủ tỉnh táo, niệm Phật được hai câu là máy bay quay vòng vòng lao thẳng xuống. Tôi không còn chỗ nào bám giữ, cả thân mình bị xóc tác lên cao và rơi xuống, ngực đập vào thành ghế ngồi của viên phi công phía trước.

Một tiếng động vang lên, khi máy bay rớt dừng chúi thẳng xuống sinh đất. Bên trong máy bay mọi người bị tung lên, đầu chúi xuống đất, chân đưa ngược lên trời. Không khí yên tĩnh, bất động. Mấy đôi mắt nhìn nhau không nói. Một không khí chết. Tiếng người phi công la lên “Chun ra, chun ra Đại tá”. Tôi lấy bàn tay chùi vết máu từ tuyến mang tai chảy xuống, biết mình còn sống. Bên ngoài tiếng đạn Ak, tiếng đạn M 16, M79 nổ tung bùng. Thì ra trong lúc máy bay bị bắn rớt, diễn tiến xảy ra trước mắt cánh quân ở dưới. Một đại đội được lệnh bỏ ba lô để nhanh chóng tiến quân về hướng phi cơ rớt.

Tiếng la “chun ra, chun ra” là tiếng kêu đánh thức cái không gian bất động trong thoáng chốc. Vì máy bay vùi thân chúi dưới sinh, cửa hai bên thân đóng kín. Mọi người chỉ còn cách thoát ra từ cửa kính chắn ở đầu phi cơ bị sức gió văng mất. Tiếng la của viên phi công. “Chạy đi, máy bay nổ”. Xoay mình được hai bước. Đại tá Cẩm bảo tôi lấy máy liên lạc. Tôi thò bàn tay xuống, nâng máy lên, chiếc cà rá mang ở ngón tay tuột mất. Khi lấy được máy, coi ra ống liên hợp bị đứt. Không còn sử dụng được, tôi quăng lại. Có tiếng la “máy bay nổ”. Tôi bỏ máy xuống quay mình chạy theo. Tâm trạng lúc

bấy giờ vừa hốt hoảng thoát chết, vừa nghe tiếng đạn bên tai. Chúng tôi chưa đủ thời gian định vị phương hướng, cắm đầu chạy vô bìa rừng trước mặt, thấy lối nhỏ lính đội nón sắt là chạy về hướng đó, Hai viên phi công kè hai phụ xạ thủ bị thương chân. Tôi kè đại tá Cẩn, ông bị thương ở miệng do ống liên hợp xóc vào, ba bông mai trắng thêu trên cổ áo lúc này thật nổi bật. Trung tá Johnson thì một thân một mình lo liệu. Chạy cách mấy bay khoảng mười thước, thì máy bay phùng lửa, bắt mỗi cho đạn trong máy bay nổ tứ tung. Cũng nhờ cái may mắn này mà địch không bằng ngang đồng trống rượt truy kích, trong lúc hướng trước mặt chúng tôi là đơn vị đang tràn lên bắn cầu vòng, yểm trợ cho chúng tôi chạy về phía trước.

Lúc này trên bầu trời xuất hiện hai trực thăng võ trang, bay theo máy bay của Đại tá Lãm (Trung đoàn trưởng trung đoàn 14) đang hành quân ở Kiến Hòa, được Bộ tư lệnh sư đoàn điều sang, đang bắn rốc két yểm trợ. Bất thành linh, máy bay Đại tá Lãm đáp khẩn cấp chặn đầu, bốc cả đoàn chúng tôi lên. Máy bay chỉ huy đưa anh em không quân về phi trường Cần Thơ, cố vấn Mỹ xuống luôn. Chúng tôi về bệnh viện 3 dã chiến ở Mỹ Tho. Thú thật lúc chết sống, mình còn sức để chạy. Bây giờ về nơi an toàn, mới nghe toàn thân ê ẩm, đi đứng khó khăn, trước ngực, sau lưng cơn đau không chịu nổi. Lúc chờ kết quả chụp quang tuyến. Tôi nghe có điện thoại của thiếu tướng Di, tư lệnh sư đoàn 9 gọi tới thăm hỏi tình hình. Đại tá Cẩn nói. Nếu thiếu tướng cho tôi nghỉ tại chỗ đơn vị hành quân, không bay hai tuần thì tôi vẫn ở mặt trận coi trung đoàn được. Trả lời về phần tôi ông nói tình hình tôi có vẻ nặng hơn. Sau nửa giờ đồng hồ khám bệnh, Đại tá Cẩn nói với tôi. Vậy là mình không chết, rớt máy bay mà không chết là số

mình khó chết. Máy bay chúng tôi bị bắn rớt, lúc ở giai đoạn này là chiếc thứ 19 của quân đoàn 4, và là lần đầu tiên tất cả đều sống sót.

Đại tá Cẩn rủ tôi ra trước cổng bệnh viện. Ông hỏi. Mấy có tiền mang theo không. Tôi mở bóp coi, đáp có bốn ngàn. Ông nói đủ rồi. Đứng trước cổng, một chiếc xe Jeep của viên đại úy tiểu khu vừa chạy tới. Ông đưa tay chặn xe nhờ quá giang ra khách sạn Minh Cảnh, có bar rượu trên lầu. Lúc này quần áo hai thầy trò còn dính bùn đất. Ngồi trên quán, ông kêu chai Henessy, một đĩa đậu phộng, chúng tôi nói chuyện vừa qua. Một lát, rượu thấm, vết thương chịu đựng cũng thấm. Ông mệt, tôi cũng mệt. Vừa lúc ba xe Jeep của trung đoàn, tìm được địa điểm của hai thầy trò ngồi nhậu để rước về. Ông hỏi tôi. Mấy về hay ở lại?. Không chờ tôi trả lời, ông nói luôn. Thôi về bệnh xá trung đoàn nằm đi. Số mình lớn mà, không chết đâu. Không biết trong bọn mình mạng ai cứu ai.

Chúng tôi trở về căn cứ hành quân. Vừa xuống xe, sĩ quan trung đoàn xum xoe chạy đến bên Đại tá. Phần tôi lúc còn đang trong cảm giác lạc lõng, bất chợt một dáng người nhỏ bé nắm tay tôi. Ông thầy có sao không? Tôi nhận ra Sâm. Sao mấy không theo vô tiểu đoàn. Nghe tin máy bay rớt, em trốn lại coi ông có sao không, rồi mai theo chuyến supply đạn vào. Tôi nhìn lấy nó. Người thân của tôi lúc này là đây, là người lính nhỏ ở đơn vị theo tôi mấy năm rồi. Tôi bỏ tiểu đoàn về đây, cùng lúc với ba sĩ quan khác, những người bị thương nhiều lần, gọi là cho nghỉ tạm một thời gian, nhằm thay thế một lúc các sĩ quan khác thuyền chuyển, dịp đổi trung đoàn trưởng.

Sâm là người lính ở gần bên tôi. Hồi đó Huỳnh văn Sâm khi được bổ sung về đơn vị, máy bay thả xuống

trong hành quân. Tôi nhớ cận ngày Giáng sinh. Nghe nó hỏi mấy người lính đứng gần. Ở đây không có làm Noel hả. ? Mấy thằng ôm bụng cười. Đúng là thằng em ở Sài Gòn, lo cái mạng mầy chưa xong, ở đó mà lo. Thật vậy, ở chiến trường không có mùa Giáng sinh. Có chăng là có tấm lòng, có kỷ niệm ở bài hát qua radio mang theo. Có không tình yêu bỏ nơi chốn cũ. Vui bên tiếng nói cười, rộn ràng đèn đuốc, có tiếng chuông nhà thờ ở thành phố, nơi chốn bình yên. Có sách vở thơ văn ca tụng mang theo ở túi ba lô. Tất cả là nỗi nhớ.

Còn ở đây, chỉ có chết chóc máu xương, có nỗi chết cận kề. Một tình yêu đơn độc, người đi đâu chắc buổi nào về. Sâu lúc đó, còn quá trẻ với vóc dáng, khuôn mặt bung ra sữa. Thương tình, tôi giữ nó lại chung với mấy người lính quanh mình. Sâu gần bên tôi ở chiến trường mười sáu tỉnh đồng bằng, ở mặt trận Kam puchia, ở An Lộc. Tình cảm thấy trò như một tình thân trong nhà. Ở lâu đã quen, rồi đi về đây tôi thấy cũng buồn, cũng nao lòng xao xuyến khi nhìn thấy đơn vị mình. Thật ra có gì ở ngày cũ ? Có gì ở khung cảnh đó ? Hay chỉ có chết chóc, trận đánh, mìn nổ, thương tích. Không có tương lai, không có gì hết. Vậy mà sao, vẫn nhớ vẫn buồn. Phải chăng cái tình thân gần gũi bên sống chết không rời, sống là không chấp nhận, nhưng khi xa lại thấy ngậm ngùi nuối tiếc. Tất cả là sự mệt mỏi ở tuổi trẻ, hư hao với năm tháng, không biết bao giờ tới phiên mình nằm xuống.

Lần bị thương, lần thứ tư đó, tôi không về phép. Tình hình chiến sự căng thẳng, trung đoàn phải tăng phái giải tỏa nhiều nơi, nhiều chỗ. Sĩ quan đại diện trung đoàn phải ra ngoài nhiều hơn. Không đủ người, tôi ở lại trung đoàn trên hành quân, có bác sĩ điều trị. Vết thương bên ngoài không có gì trầm trọng. Nhưng nội

thương từ huyết ứ bên trong, đau lói sau lưng, mỗi không cách nào chịu nổi khi ngồi lâu. Chụp quang tuyến cũng không thấy gì. Uống, chích thuốc bớt cầm hơi vậy thôi. Ba tôi viết thư khuyên. Tôi làm theo. Nằm con cua đồng, rửa sạch, đập vỏ đập một chút. Một tách rượu trắng chưng cách thủy. Uống lấy rượu, ăn cả xác cua. Làm khoảng hai lần, cơ thể hồi phục hơn, ở thời trẻ tuổi.

Bây giờ đây hơn ba mươi năm qua. Vết lói phía lưng thỉnh thoảng khi trở trời, thân thể yếu, làm mỗi, khó chịu khi nằm, ngược lại với hồi trước. Hơn ba mươi năm cuộc chiến lụn tàn, nhưng ký ức mang theo không đánh mất. Tôi có thể nhớ rõ từng chi tiết một khi thời gian ở tuổi già, ở quá khứ qua đi. Điều tôi muốn nói ở đây, không phải là chiến công, trận đánh. Không có hào quang xúng tưng. Bởi ở chỗ đã kết thúc. Chúng tôi nhìn, dưới cái nhìn của người trong cuộc. Dù quan hay quân, ở đâu cũng có tấm lòng chân thật trong đối xử. Kỷ niệm sống chết ở tôi, ở anh em như một nặng nợ suốt đời mang theo.

Ngày Sâm tử trận. Tôi nghe tin muộn một tuần sau đó. Thương nó, thương cảm cho cái tính trung hậu thật thà. Lo phần an nguy, tôi đã đưa Sâm về ban 2 trung đoàn. Gọi về trình diện. Sâm thưa. Em không có chữ nghĩa làm sao làm được. Tôi nói không cần, chỉ đứng gác, bảo vệ thôi. Nhưng Sâm quyết liệt không chịu. Sâm nói. Ông cho tôi về đây là tôi đào ngũ, tôi muốn sống ở đơn vị mình. Tôi biết bản tính Sâm chân thật, không biết khôn ngoan nắm lấy cơ hội an thân, chỉ biết sống trong cái nhận chịu quen thuộc. Lúc Sâm chết, bấy giờ là hạ sĩ nhất. Tôi buồn, thật buồn.

Về phần Đại tá Cẩn, có thể từ lần rút máy bay sống chết đó, và tháng ngày làm việc gần gũi (tôi chỉ thuần túy theo ông ở mặt trận). Ông có vẻ ưu ái nhiều

mặt với tôi hơn. Có thể ông thích tôi vì bản tính ít nói. Có thể vì ông thích làm việc với người trẻ(lúc ông mang Đại tá là 33 tuổi). Qua đối xử, tôi cảm nhận một điều, cái tình anh em ông đối với tôi, hơn là cung cách của một người chỉ huy. Thật vậy, cho đến sau này, khi ông rời trung đoàn về làm tỉnh trưởng Chương Thiện. Tôi nhớ mấy tháng sau, dịp về Bộ tư lệnh sư đoàn 21, tôi ghé qua thăm ông. Nghe sĩ quan chánh văn phòng báo tên . Ông rời văn phòng , cặp cổ rử tôi về nhà chơi (dinh tỉnh trưởng). Lúc này trông ông thoải mái. Bàn ăn chỉ có hai người. Cũng thứ rượu quen thuộc. Buồn vui chuyện cũ, ngày nào ở trung đoàn, chuyện mới ở địa vị bây giờ, khó khăn đơn vị địa phương quân giữ đồn bót, khó khăn ở khuôn thước một vị tỉnh trưởng hành chánh. Vợ Đại tá Cần, tôi gọi danh xưng bằng cô như lúc ở trung đoàn. Cô dẫn tôi ra phía sau trong dinh, khoe công trình của cô, trên là chuồng nuôi mấy con heo, dưới là ao thả cá. Tôi thấy hơi ngỡ ngàng ở địa vị mới của cô. Cô vẫn vậy, vẫn mộc mạc đời sống thực tế của một người đàn bà vợ lính.

Bây giờ đây, chiến tranh Việt nam đã là quá khứ. Máu xương của người Việt, cái giá phải trả của người hai miền Nam Bắc. Trong những người chết trận, những người thành danh quan chức, những chiến sĩ vô danh, những người cầm bút viết cho chúng tôi đọc. Anh không là người cầm bút, mà là người cầm quân tôi cảm phục. Có biết bao đồng đội hy sinh ở chiến trường. Nhưng cái chết của Đại tá Hồ ngọc Cần lại khác. Một cái chết đi vào lịch sử , biểu tượng bất khuất cô độc.

Nhắc lại anh, là nhắc lại một tình thân, khơi lại vết thương lòng, nỗi đau tủ nhục của người mất nước sống lưu vong. Có điều an ủi, dù bề bàng cho một phận người. Năm mỗ chôn dập vùi hoang lạnh thân xác anh ngày nào, đã được đào lên, tro cốt mang ra đất nước tự

do, yên nghỉ ở chùa nghe câu kinh tiếng kệ siêu thoát.

Tôi sống ở đất nước này. Mỗi ngày y như giờ thường lệ. Lúc chiếc xe sắp đến sở làm cận phi trường, là lúc nhìn thấy những chuyến bay xuống thấp, xuống thấp nữa trước tầm mắt. Những chuyến bay an bình, thanh thản ở xứ người.

Năm tháng qua đi, một thời chiến tranh chỉ còn lại trong sách vở. Đọc rồi bất chợt nhớ ngày nào. Đôi khi tôi muốn quên, không nhắc, không nhớ. Không nghĩ gì hết. Tôi sợ sống lại với nỗi đau không gì bù đắp nổi. Thà với hư không. Quá khứ là nỗi lặng. Mây vẫn bay trên đầu. Tôi sống lấy cùng tôi.

HOÀI ZIANG DUY

(1) là tác giả của Trăm Việt trên Dòng Định Mệnh, tác phẩm biên khảo ký dưới bút hiệu Phạm Việt Châu.



Rong bút Trần Hoài Thư

Nai vàng thổi ngơ ngác

Lại lên đường. Mùa thu đã ở vào những ngày cuối. Cây cối đã trơ cành, lá đã rụng lớp lớp nằm bên đường. Trời u u, mây u u, giòng thượng nguồn Hudson vẫn còn chìm trong sương và khói. Mỗi lần qua cầu, mỗi lần nhìn sông, lại tự nhiên nhớ lại những vần thơ Huy Cận Sông gợn trường giang buồn điệp điệp/ Con thuyền xuôi mái nước song song... hay Mênh mông không một chuyến đò ngang. Và càng tuyệt vời: Không khói hoàng hôn cũng

nhớ nhà... Dù là cánh Mỹ, sông Mỹ, nhưng cứ mỗi lần nhìn giòng trường giang ngủ thiếp, thấy bên bờ, lau lách hắt hiu thì lại nhớ đến trường giang của Huy Cận. Dù biết rằng ông là một kẻ trong guồng máy của chế độ mới, đã một thời nhào nặn những bài thơ hùng hực kích động thanh niên miền Bắc vào Nam để giết thanh niên miền Nam càng nhiều càng tốt.

Rõ ràng miền Nam đã mở lòng như một thư viện lớn. Văn học sử miền Nam không cần biết gốc gác lý lịch, không dị ứng, không bế quan tỏa cảng. Những nhà thơ văn tiền chiến có tên trong chương trình học hành của học sinh trung học, phần lớn là ở miền Bắc. Không phải như miền Bắc bế quan tỏa cảng, nhìn đâu đâu cũng thấy "ngụy thù", "biệt kích văn nghệ", đâu đâu cũng là "nọc độc văn hóa thực dân kiểu mới" ?

Sau ba giờ, đại học Yale hiện ra, qua những tòa nhà kiến trúc Cổ La Hy với tường vách được xây bằng đá hoa cương. Mùa học đang tiếp diễn. Sinh viên tập nập trên vỉa hè. Ta cũng thấy lòng hăm hở. Mang cái laptop, cái máy scanner, chân bước vui. Niềm vui khiến đôi chân bước không mệt, niềm vui hòa trộn trong một niềm vui chung, toát ra từ một cõi sách vở, học hỏi và trí thức. Niềm vui được ngồi trong một tòa lầu cao đến 14 tầng, mà tầng cao nhất, có những kệ ngăn xếp giữ đa số những tạp chí miền Nam và miền Bắc.

Khi qua cánh cửa bằng gỗ dày cộm, láng bóng, mà những miếng bản lề đã rỉ sét, như một di sản tự hào của một ngôi trường danh tiếng nhất nhì nước Mỹ, căn phòng khách rộng mênh mông của trường, bỗng nhiên lạnh mát vì nóc nhà quá cao, và vì có lẽ, ở đây người ta muốn giữ gìn những dáng dấp, hơi hướm của một thời xa xưa. Giữa phòng là những tủ kính trưng bày những di vật, giấy tờ thời bắt đầu của trường. Hai bên phòng khách là giàn máy computer. Khách có thể xữ dụng, gửi email hay tìm truy tài liệu mà không cần ai dòm ngó, hỏi han. Phía trong sâu là căn phòng dành cho sinh viên research. Và ở

giữa là chỗ mượn sách hay trả sách. Sau khi trình thẻ thư viện cho nhân viên, tôi bấm nút thang máy lên lầu 7. Thật ra lầu 7, nhưng là tầng thứ 14. Mỗi lầu có hai tầng. Ví dụ lầu 1, thì có hai tầng, 1 và 1M. Rồi thang máy đưa người lên cao, hàng chữ đồ tiếp tục hiện ra, và cuối cùng 7M. Tôi biết hôm nay, chỗ này, chỉ có mỗi một mình tôi cùng với kệ ngăn và sách vở. Cảm ơn xứ sở này, thư viện này, và biết bao thư viện khắp nước, đã giữ gìn văn chương VN, giữa lúc nó bị những bộ óc chân trâu, cuồng tín, ra công truy diệt.

Vâng, chỉ có mỗi một mình tôi. Hôm nay tôi sẽ dành tất cả ngày cho văn học miền Bắc. Tôi sẽ mở lòng không phân hận, không dị ứng. Tôi sẽ mở ra những trang tạp chí Văn Học - cơ quan lý luận phê bình văn học của Hội Nhà Văn và tạp chí Văn Nghệ, tạp chí văn học nghệ thuật cũng của Hội Nhà Văn. Tôi sẽ là người lật lại những trang từ những tạp chí từ lâu hăm hiu trên kệ ngăn im lặng, đầy bóng tối vì chắc ít có ai bận tâm để mà bật ngọn đèn neong kế cận.

Thử chọn một số báo Văn Nghệ trong thời chiến.. Xem mục lục. Có thơ Tế Hanh, Huy Cận.. Có cả bài tùy bút của Nguyễn Tuân. Xin trích ra bài thơ của Huy Cận để bạn đọc thẩm định về giá trị văn chương của một nhà thơ nổi tiếng thời tiền chiến, được xã hội chủ nghĩa mở lối soi đường là như thế nào:

sớm mai gà gáy

Tiếng gà gáy ơi ! gà gáy ơi !
Nghe sao ồm ập tựa nghe đời.
Tuổi thơ gà gáy ran đầu bếp
Trầu dậy trong rân (1), em cựa nôi.

Chà dậy đi cày trâu (2) kịp vụ,
Hút vang điều thuốc khói mù bay.
Nhút cà, cơm ủ trong bồ trấu,
Chút cà kho tương mẹ vội bày...

Gà gáy nhà ta, gáy láng giềng
Ta nghe thuốc mỗi tiếng gà quen...
— Cha ơi, con chưa nghe gà chủ !
— Nó cũng như mày hay ngủ quên...

Hàng cây mở ngọn đón ngày vào
Xóm nhỏ nép bên triền núi cao.
Gà lại gáy dồn thêm đợt nữa
Nặng lên xoe quạt đỏ như mào.

Gà gáy ơi ! tiếng gà gáy ơi !
Nghe sao rạo rực buổi mai đời
Thương cha lủi thủi không còn nữa
Chẳng sống bây giờ thôn xóm vui...

1962
HUY CẬN

Và những ý nghĩ của Lưu Trọng Lư về nỗi buồn chinh phụ "thời nay" ở miền Bắc. Theo ông, họ nhớ mong, chờ đợi thật. Nhưng là nỗi nhớ mong chờ đợi không phải mòn mỏi, vô vàng, không phải cầu khẩn Phật Trời cho người chồng được bình an trong cơn binh lửa. Không phải mong cho hết chiến tranh để người chồng trở về đoàn tụ, mà:

Sáng đường cày mới là nhớ là mong
Sáng đường đạn mới là chờ là đợi
(trích "thân phận người phụ nữ", tạp chí Văn học số 1 năm 1973)

Có người bảo vì chính sách, vì nồi cơm, vì cái bóng đèn

ngheť thở, nhà thơ phải viết như vậy. Không phải vậy đâu. Đây là bài tham luận, và ông rất hãnh diện trích những văn thơ mà ông xem là tâm đắc nhất.

*Giống như trường hợp Nguyễn Tuân. Những năm cuối đời của ông, năm 1986, ông vẫn hãnh diện chọn những bài ký đầy cảm thù,, lão khóet, hần học, máu me nhất để xuất bản thành sách. (Ký, Văn Học xb, 1986) Điều này chứng tỏ là ông đồng ý với những điều ông viết trước đây, khác với nhạc sĩ Tô Hải, ít ra vẫn còn thú nhận tôi là thằng hèn. Đáng lẽ chúng tôi trích đăng lại toàn bài bút ký của Nguyễn Tuân để làm bằng chứng, nhưng nghĩ phí giấy, phí sức vô ích. Chỉ trích một đoạn đối thoại giữa lính Bắc và lính Nam trên cầu Bến Hải trong bút ký " **Chỗ đầu cầu đó, chỗ bờ sông đó, chỗ biển cát đó ...** " để quý bạn thấy ngòi bút của NT trước 1975 như thế nào. Ông có quyền nghĩ để viết những điều ông cho là đúng. Nhưng sự thật là sự thật. Có thật máy cày từ miền Bắc vượt qua cầu Hiền Lương để vào miền Nam ?.*

— Bờ Nam các anh, đừng về thiên nhiên mà nói, thì có những điểm thuận lợi nhất định hơn bờ Bắc này. Ví dụ, nhiều ruộng tốt hơn. Ví dụ về cá biển, biển bên Nam cũng nhiều luồng cá hơn, thuyền cá bên Cát Sơn chiều nào về cũng chở nặng.

— Eng lại định kết luận rằng bờ Nam của ngài Tổng thống chúng tôi là hòa bình cho nên làm ăn trù mật sao !

— Tôi không nói thế ! Mà tôi nói là vì bên đó cứ thích chiến tranh nên, mặc dù có thiên nhiên thuận lợi, mà đồng bào vẫn khổ, vẫn không hòa bình, hạnh phúc...

— Thôi, xúp mấy thứ chuyện đó. Nay tôi hỏi eng, chứ nay mai thời cuộc chuyển biến, thì mấy eng chạy bỏ đồn Hiền Lương, và chạy vô hay là chạy ra ?

— Không, tôi chả chạy đi đâu cả. Đây là trận địa xung yếu của hòa bình. Có khi nào mà người chiến sĩ hòa bình lại bỏ cái tiền đồn hòa bình của mình. Các anh vừa nói đến sự chuyển biến tình hình nay mai. Chúng tôi cũng tin rằng trong một tương lai gần đây, sẽ có những chuyển biến. Những chuyển biến theo hướng hòa bình. Và cái cầu Hiền Lương đây, sẽ mở ra.

— Mở ra cho chiến xa của các anh qua ?

— Không, mở ra cho máy kéo máy cày của bờ Bắc qua bờ Nam cày giúp ruộng bỏ hoang của đồng bào bên đó. Các anh muốn lắm nó là chiến xa thì cũng tùy các anh thôi. Đài phát thanh của các anh ở bờ Nam có lần thấy chúng tôi cày máy ở ngay sát bờ Bắc, chả dă la lối lên rằng miền Bắc đưa chiến xa vào tập trận trong khu phi quân sự đó là gì ! Đúng như vậy đó, hệ quan hệ bình thường, những xe hòa bình máy kéo chúng tôi sẽ qua cây giúp bờ Nam ngay. Tất cả nông dân bờ Nam và cả mấy huyện Nam tỉnh Quảng Trị sẽ vui mừng đón những cái xe hữu nghị đó. Và những cái thuyền lắp máy

Tôi nhớ lại tâm sự của một nhà văn miền Bắc. Anh nói, sau 1975, vào Saigon, anh chỉ đi tìm sách. May mắn cho anh chỉ có một tập "Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta" do Sóng xuất bản vào năm 1973. Chỉ một tập duy nhất, Tại sao vậy ? Anh hỏi.

Vì sao?

Có lẽ những vị hàn lâm thời ấy chỉ biết tác phẩm Phê Bình Văn Học của Vũ Ngọc Phan để mà soạn sách giáo khoa. Hay có lẽ các ngài có thẩm quyền văn hóa tốt nghiệp bên Tây bên Mỹ, nhà trường đâu có bao giờ bắt đọc Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ 20 ?

Tôi xếp sách lại, không còn thiếu mất, tò mò nữa. Tôi biết tôi không thể tìm một nỗi may mắn giữa kệ ngăn đầy sách báo miền Bắc trong thư viện này.

Nếu có chăng là tìm trên xác người lính Bắc vô danh nào đó của sư đoàn Sao Vàng ở Bình Định để mà tưởng niệm sau khi hết hành quân:

Cô hàng ơi cho một ly không
Tôi rót mời một người lính Bắc
Hắn nằm banh thây dưới hầm bí mật
Trên người vẫn còn sót lại bài thơ

Trên đồi cao, mây vẫn xanh lơ
Có con bướm vàng dịu dàng dưới nắng
Tôi với hắn, đâu có gì thống hận
Bài thơ nào cũng viết để yêu em
(THT)

●

Ngày chưa có computer, người viết gửi bản thảo đến tòa soạn. Chủ bút chọn bài, đưa qua nhà in. Thợ in xếp chữ rồi thầy cò có nhiệm vụ sửa lỗi... Chủ bút khỏe ru. Bây

giờ thì khác. Chúng tôi chọn bài, sửa lỗi chính tả, layout, in thử, trình bày bìa, in bìa, in ruột, canh chừng máy gấp trục trục, rồi đóng, rồi cắt, rồi ghi địa chỉ, rồi bỏ vào phong bì, rồi đóng thùng, mang ra bưu điện... Đó là chưa kể cảnh bài vỡ làm mất lòng bạn bè... Trước kia thì thân thiết, nhưng sau này, thì ngoảnh mặt nhau.

Với chúng tôi, người đọc là đối tượng chính yếu. Khi có bài hay, thì vui lắm. Vui để những ngón tay gõ vào bàn phím không còn thấy tê buốt, mà trái lại như gõ lên phím dương cầm rộn ràng âm thanh ca hát...

•

KTN

Tiếng nói 1

(Cho anh tôi đã mất)

Tôi đã chạy ra khỏi thế giới đầy thù hận. Tường thế! Vượt nửa vòng trái đất. Sao nó vẫn cứ bám riết tôi. Cái nhóm người này cứ đòi giết tôi. Mà tôi đã làm gì kia chứ! Tôi chỉ làm theo trái tim tuổi trẻ mách bảo tôi thôi mà. Tôi chỉ làm theo mệnh lệnh thôi mà!

Hôm nay tôi đang ngồi một mình giữa bốn bức tường. Thuốc lá trên tay, hết điều này đến điều khác. Hít thật sâu để nghe cái vị đắng nồng của chất độc Nicotin nó đang làm tôi làm tình những nhịp đập của trái tim tôi. Kéo rít từng cơn, rồi nhả những vòng khói trắng mờ đục. Những vòng khói đang nhốt đời tôi trong ấy. Những vòng khói đang bủa vây tôi rồi ném tôi xuống vực sâu, rần rít đang chờ đợi tôi.

Hôm nay tôi đang ngồi một mình trong căn phòng trống. Chỉ có một chiếc ghế tôi đang ngồi. Người ta đang tra vấn tôi đấy. Họ đang lục tìm trong đầu tôi có gì chống đối họ không. Họ đang moi móc trong trí nhớ tôi những điều tôi nghĩ. Họ muốn đập phá thành trì mà tôi dựng ra. Họ đâm đập lên cái triết lý sống mà tôi đã góp nhặt được cả một thời tuổi trẻ của tôi. Họ muốn tẩy

rửa cái đầu tôi trắng tinh như tờ giấy trắng chưa có một vết mực nào. Tiếng nói của họ cứ vo ve trong cái đầu tôi như những tiếng ong vò vẽ. “Mày hãy tự giết mày đi! Mày hãy tự giết mày đi!” Tiếng ong vò vẽ càng lúc càng lớn dần. Lỗ tai tôi bắt đầu muốn phá sản. Nhưng làm sao mà họ bắt tôi làm như thế được! Không đâu. Tôi ôm chặt. Tôi giữ chặt. Tôi sống chết với thành trì của tôi. Đừng đụng đến tôi. Hình như họ nghe tôi nói. Họ đã đi rồi. Họ đã đi rồi. Họ hết muốn tra tấn tôi. Họ hết muốn bỏ những con bò cạp nhiều chân trong cái đầu bé xiu của tôi. Họ đã đi rồi.

Tôi nhìn tôi giữa bốn bức tường. Lặng câm. Đêm đậm đặc.

KTN ngày 30 tháng 9 năm 2008

Tiếng nói 2

(Cho chị tôi đã mất)

Hôm nay họ lại đặt máy ghi âm trong đầu tôi đấy. Họ muốn xem tôi có suy nghĩ gì mới nữa không? Rồi họ cũng muốn xem tôi có cất giữ những gì họ đã nhồi nhét vào đầu tôi không? Họ nghi ngờ tôi giả vờ nghe họ thôi. Họ sợ tôi vớt những học thuyết ưu việt của họ xuống cống rãnh. Họ cũng biết sợ đấy chứ! Sao không? Chính vì sợ mà họ tìm đủ mọi cách để biết tôi nghĩ gì. Ôi! chiếc máy ghi âm đang nằm trong đầu tôi đấy. Nó cựa quậy. Nó nhúc nhích. Nó phát ra những tín hiệu quái đản, những âm thanh rè rè khó chịu lắm. Nó ngoáy sâu vào trong tai tôi những luồng điện lằng tằng chạy ngược lên màng tang làm những sợi thần kinh sợ hãi của tôi căng ra. Buồng phổi tôi cương phồng. Buồng tim tôi sưng cứng. Nó đang gầm gừ như thằn lằn bảo tôi, đừng ngoan cố nữa! Hãy nghe lời họ đi! Đừng ngoan cố nữa ! Rồi bỗng nhiên nó im lặng. Một sự yên lặng đến dễ sợ. Cũng có thể nó tội nghiệp tôi? Dạo này nó hay thăm viếng tôi. Ở với tôi riết rồi nó thương tôi chẳng? Chắc nó biết tôi đuối sức rồi. Hay nó cũng mệt mỏi như tôi? Thế là tôi với nó cùng ngủ. Nó bắt tôi ngủ li

bì. Nó muốn tôi lấy lại sức đẩy thôi!

Nhưng thật ra nó không làm chủ nó được. Họ là những ông chủ của nó đó. Họ đánh thức nó dậy. Và nó liền đánh thức tôi dậy cho có bạn, có lẽ vậy. Nó lại tiếp tục ghi âm. Ôi chao! Nó lại lái nhãi cùng một điệp khúc. Tôi quen rồi nên giả vờ ngủ. Thế là nó tấn công tôi từ phía, bắt tôi phải thức dậy. Lần này nó lên giọng với tôi. Nó đang bị chủ nó rầy rà. Nó bảo tôi” hãy khai ra mau. Khai ra mau”. Mà khai gì chứ? Nó bắt tôi phải khai ra. Tôi đã giết bao nhiêu người trong tổ chức của nó. Bàn tay tôi đã từng vấy máu, máu của những người có cùng tiếng nói, cùng màu da của tôi không? Tôi đã có bao nhiêu năm phục vụ cho phe chống đối chủ nó. Tôi đã xài bao nhiêu viên đạn. Tôi đã làm cùn bao nhiêu lưỡi lê. Ôi quá nhiều câu hỏi để tôi trả lời. Tôi tối tăm mặt mũi. Tôi u mê ám chướng. Tôi..Tôi...Mà làm sao tôi trả lời hết chừng ấy câu hỏi. Tôi đành nằm im cho nó hành hạ. Tôi biết chắc là cái máy ghi âm cũng vì sợ mà hăm dọa tôi đủ điều. Nó chơi trò hú tùm. Nó đánh hỏa mù. Nó chơi trò khủng bố. Nó bảo với tôi rằng nó biết mọi chuyện tôi đã làm. Chẳng qua vì nó muốn thử lòng tôi thôi. Nó muốn xem tôi có thành khẩn với nó mà thôi.Tôi đâu có ngu! Nó càng chơi trò tâm lý, tôi càng co lại. Nó càng chơi trò xấu xa, tôi càng thun lại. Tôi cuộn tròn như con cuốn chiếu. Tới lúc này, nó cũng bắt đầu mệt mỏi. Nó để tôi nằm im. Cứ thế hết ngày này đến ngày kia, nó cùng thức ngủ với tôi. Riết rồi nó quen hơi tôi. Trước kia, có lúc nó đi đâu đó rồi về thăm tôi. Bây giờ nó quen mùi, nó không thèm đi đâu nữa. Họ bắt nó đi nó cũng không đi. Nó cứ ù lì nằm miết trong đầu của tôi. Càng lúc nó càng làm tôi khó chịu. Nó rên rĩ suốt ngày. Tôi biết nó đang dùng cái chiêu khác để nó khai thác tôi đây. Tôi hết chịu nổi rồi. Tôi hết chịu nổi rồi. Tôi biết mà! Nhưng tôi chưa chịu đầu hàng vô điều kiện như thế này đâu. Tôi bèn thương lượng với nó. Tôi sẽ sống hòa bình với nó. Nó xiu lòng. Không biết được đến bao giờ. Nhưng ít ra là bây giờ tôi đang được yên. Tôi đang được yên.

Tôi lại ngủ li bì mà tai vẫn nghe mãi bản hòa tấu bi ai!

KTN ngày 7 tháng 10 năm 2008

Chiến tranh

Chiến tranh vùng Vịnh ở đâu. Tôi nhìn trên bản đồ. Thật xa nơi tôi đang ở. Tôi chưa bao giờ đặt chân đến đó cả. Một miền đất có nhiều điều bí mật. Một miền đất mà niềm tin vào Đấng tối cao thật tuyệt đối. Một miền đất mà mạng sống con người nhẹ tựa như những mảnh bông gòn bay bay trong gió. Họ có thừa can đảm để kết liễu cuộc đời của họ, không những chỉ một mình mạng sống của họ, mà họ còn đủ lòng tin để kết liễu ngay cả những con người đang muốn sống. Tôi thật sự không hiểu nổi điều gì đã làm cho lòng họ trở thành như thế. Tôi thật sự không hiểu nổi!

“Đàn ông đứng ra một bên. Đàn bà đứng qua một bên”, tên lính Iraqui ra lệnh, với một giọng nói sắc bén và lạnh lùng, tay cầm khẩu súng quơ qua quơ lại. Đường như âm thanh sắc bén này cho chúng tôi biết rằng, không nghe sẽ chết.

Ồ! Mà chiến tranh trên quê hương tôi đã chấm dứt hơn 30 năm rồi mà. Lạ nhỉ! Sao tôi lại đang ở đây. Tôi có liên quan gì đến cái xứ sở này ! Hay là chiến tranh vẫn còn theo tôi đến cùng trời chiều đất.

Tôi nhìn tên lính Iraq, nỗi sợ hãi trong tôi đang làm trái tim tôi đập thình thịch, mỗi lúc mỗi mạnh thêm làm lòng ngực tôi muốn nổ tung. Mồ hôi tôi bắt đầu vã ra, tay chân tôi bủn rủn, mềm nhũn như tàu lá chuối non. Hình như tôi thấy tôi đang bay, đang bay giữa miền đất với ngàn một lẽ một đêm mà lúc nhỏ tôi mê say đọc. Một miền đất thật kỳ bí dưới cặp mắt tuổi nhỏ của tôi. Nhưng sao bây giờ,

trong tôi là niềm hoảng sợ. Tôi đang lợm giọng và muốn ói mửa. Tên lính Iraq đến gần tôi và hỏi tôi với giọng trịch thượng” Cô từ đâu tới, cô không có mũi lỗ mắt xanh, sao cô lại dự phần vào cuộc chiến này. Cô là tay sai . Cô có biết là cô sẽ xuống địa ngục và tôi sẽ lên thiên đàng gặp thánh Alah của tôi không? Cô sợ chết. Tôi không sợ chết. Tôi có gì mất mà phải sợ. Sống không có gì bận bịu. Chết cũng thế thôi. Cô ngu lắm. Cô biết không?” Hình như tên lính này đang thuyết trình cho tôi nghe đấy. Hình như nó đang lập lại những điều mà người khác đã nhét trong đầu nó. Tự nhiên tôi nhớ đến cái ngày xưa của tôi. Tôi cũng đã chứng kiến cảnh tượng này đây của hơn 30 năm trước. “ Gia đình cô có nợ máu. Gia đình cô đã hút máu nhân dân. Gia đình cô phải đền tội. Tòa án nhân dân sẽ kết tội cô.” Giống lắm chỉ khác cách dùng chữ thôi!

Bất ngờ một tiếng nổ vang trời xé màn đêm dày đặc. Đầu đạn ghim vào chỗ trái tim đang đập. Tôi cố gắng rút đầu đạn ra, máu chảy thành vòi, miệng ú ớ. Chiến tranh vẫn còn bám chặt lấy tôi trong cả những giấc mơ.

KTN tháng 9 năm 2005

SÁNG TÁC THƠ VĂN

Chủ đề

**Những mùa Giáng sinh
khó quên**



DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Bông Hồng Đêm Giáng Sinh

(trích Văn số Giáng Sinh 1972)



Anh Nguyễn bỏ chúng tôi lại, anh không nói gì, anh đi xa mãi phía bên kia gốc thông lớn, cho tới khi đứng giáp khoảng đất trống với sườn đồi phía sau, anh ngừng lại. Anh dang rộng chân vừa bước vừa đếm cho tới gốc thông thì anh dừng lại, ngừng lên nhìn chúng tôi và nói :

-Khoảng mười tám thước, rộng quá.

Anh Nguyễn có vẻ hài lòng khi trở lại, anh chỉ sang nền nhà, công việc còn dở dang :

-Chịu không, nhà tôi đó, nhà vợ chồng cậu thế này, tôi dự định cho tới giáng sinh sang năm thì tôi dọn sang nhà mới.

Tôi nhìn sang Lam :

-Chịu không ?

Lam mỉm cười sung sướng. :

-Chịu.

Nói hết câu Lam cười thành tiếng. Anh Nguyễn giọng đùa rỡn :

-Chịu từ lâu rồi phải không ?

Anh Nguyễn chưa ngừng lại với câu chuyện làm nhà mà anh dự tính, anh kéo chúng tôi vào trong, nơi tận cùng của vạt đất, phía dưới là sườn đồi dốc, thung lũng đã được khai hoang từ lâu, nơi đó những ruộng rau vuông vức, có những vạt vườn xanh, có những khoảng như mới

bắt đầu một vụ mới với màu đất nâu tươi. Dựa lưng vào sườn đồi bên kia, không xa bao nhiêu, mấy ngôi nhà ngói nhỏ xinh xắn, màu ngói còn tươi và những hàng cây trồng còn thấp.

Giọng anh Nguyễn vẫn ở bên, niềm vui như reo mừng trong tiếng nói :

-Tôi quyết định lên đây, chấm dứt tình trạng không nhà cửa, phải có một cái gì của mình chứ, đây, cậu thấy không, ngôi nhà đến đây, khoảng này mình trồng đào, mận, vạt đất bên trồng rau, có sân chơi cho trẻ con, tôi thấy đây là đất lành mình có thể định cư được.

Tôi như lấy niềm vui với người bạn lớn tuổi. Vừa đặt chân lên Đà Lạt, tới thăm anh Nguyễn, anh đã giữ chúng tôi lại, lấy xe chở chúng tôi lên khoảng đất anh mới xin được để cất nhà, không những thế, anh còn muốn chúng tôi cũng lập nghiệp và làm nhà ngay bên nhà anh, trong vạt đất anh có, anh Nguyễn nói : rộng quá, muốn có cậu ở cho vui. Trên xe tới khoảng đất đã được rào lại, một nền nhà đã thành hình, anh nói cho tôi và Lam thấy những dự tính của anh, nào kiểu nhà, làm nhà gỗ hay nhà gạch, phải làm thế nào. Anh làm cho tôi có cảm tưởng rằng tôi đã quyết định lên thành phố trên cao này lập nghiệp. Anh nói : Thấy cậu lấy vợ ta mừng quá. Bây giờ phải lo nhà cửa đi. Câu chuyện cứ như thế miên man không ngừng lại được. Một ngôi nhà trên đồi, đó cũng từng là giấc mơ của tôi, phải, đó là một giấc mơ mỗi khi tôi lên đây nghỉ thường niên. Nghĩ đến một ngôi nhà cho riêng mình, tôi thấy quá xa vời. Cuộc sống bấp bênh, đời quân ngũ khiến cho tôi có lúc thấy như không có một thời cho mình xây dựng và thụ hưởng. Tôi nhìn Lam và thương nàng vô hạn. Lam biết rõ đời sống của tôi nhưng tình yêu đã giúp chúng tôi thoát vượt những khó khăn để sống bên nhau. Một ngôi nhà nơi đây, dưới những ngọn thông cao, bên những hàng rào đầy hoa, cùng với người bạn mình, hẳn đó cũng là mơ ước của Lam. Giọng anh Nguyễn lớn tiếng :

-Mấy cây đào mình trồng mới hơn ba tháng mà hy vọng lắm, không chết một gốc nào.

-Nhưng bao giờ thì có trái ?

Anh Nguyễn nghiêm mặt lại :

-Thì cũng phải có thời gian chứ, cậu làm như trồng hôm nay mai đã có trái, bởi vậy mình phải xúc tiến sớm, bao giờ cậu bắt đầu ?

Tôi nhìn Lam, Lam nhìn tôi :

-Ít ra thì cũng phải mùa hè.

-Lâu thế ?

-Anh làm như chúng tôi muốn thì được.

-Trời ơi, tận mùa hè lận.

-Thì Lam còn phải dạy hết niên học này, rồi tôi còn ở trong quân đội...Mà Lam xin đổi cũng khó lắm chứ đâu dễ.

-Ừ nhỉ, kẹt...

Anh Nguyễn nhìn bọn tôi và cười :

-Nhưng chắc chắn chứ ?

Tôi gật đầu như quả quyết :

-Chắc chắn, bọn tôi sẽ dựng một cái lều tranh...

-Một cái lều tranh hai trái tim vàng, nghe mùi ghê.

Anh Nguyễn cười lớn, chúng tôi trở về thị trấn lúc bảy giờ chiều đã xuống, sương lam dày đặc dưới những thung lũng. Tới chợ chúng tôi chia tay nhau. Anh Nguyễn dặn :

-Tôi để cho hai vợ chồng tự do, nhưng tối mai phải lại, nhớ nghe.

Lam nói dạ, anh Nguyễn vẫy tay trước khi cho xe chạy xuống con dốc lớn. Lam nói :

-Bạn của anh vui thật, làm như mai bọn mình đã ở trên này. Anh ấy tốt quá nhỉ...

Tôi cầm lấy tay Lam và qua đường. Nền trời sẫm, dãy phố cũ bên kia lặn vào trong bóng tối của hàng cây. Trời lạnh khô, những cơn gió lạnh thổi từ giấy trắng là là trên mặt đường dốc. Tôi nắm chặt tay Lam :

-Mình đi ăn chưa ?

-Em thấy đói rồi.

Chúng tôi bước vào nhà ăn quen thuộc. Bữa ăn đơn giản với những món ăn thích hợp cho miền lạnh : canh cải nóng, thịt đông dưa chua, và một vài món rau xào. Tôi nhìn Lam nói :

-Lên trên này làm anh nhớ tới quê ngoài Bắc, mùa đông rét buốt, mùa xuân rét ngọt... Bao giờ hòa bình thống nhất bọn mình sẽ về ngoài đó...

Lam mỉm cười, nụ cười quen thuộc, chừng như mỗi lần tôi nhắc tới quê hương, nhắc tới Hà Nội là tôi lại thấy nụ cười đó trên môi Lam, và thường bao giờ Lam cũng nói:

Anh chỉ nghĩ đến quê anh, còn quê em, anh không yêu quê em phải không ? Em về chơi thôi, không về ở ngoài đâu, em ở trong này một mình cũng được. Quê hương, mẹ hiền, tôi không lúc nào không tưởng nhớ đến. Một giây phút khi hậu giao động đổi thay, một đợt nắng trên ngọn cây, một món ăn, một con đường thường nhắc nhở tôi tới một thời đã xa, quê nhà, mái ngói nâu yêu dấu, mẹ hiền và một thửa thanh bình hiền dịu trong đời sống ấu thơ rục rờ ngọt ngào. Đôi mắt Lam mở lớn nhìn tôi

-Hôm nào mình khởi công làm nhà anh ?

Tôi cười :

-Để còn phải coi ngày nữa chứ, và nhất là phải vẽ kiểu nhà, thôi anh giao cho em đó.

-Thế mình làm mấy tầng ?

Tôi gật đầu như suy nghĩ :

-Thôi mình cất một tầng cho thân mật, nhà rộng quá ở sợ ma chết.

-Thôi mình cất nhà tranh đi.

-Cũng được.

-Nhưng bây giờ mua tranh khó và đắt tiền lắm...

-Thôi, vậy để tính sau vội gì.

Tôi nói hết câu, hai đứa cười ồ, chúng tôi thú vị với trò chơi.

Khi ra khỏi quán ăn, đèn đường đã bật sáng, những ngọn đèn quanh hồ tạo thành một vùng ánh sáng xanh biếc. Khu phố chợ vắng người. Trên đường chỉ còn lại những người đi dạo, chừng như đó là những người khách từ nhiều nơi xa tới trong dịp lễ Giáng Sinh, còn lại, những người của thị trấn đều đã rút vào trong những cánh cửa đóng kín. Chúng tôi đi xuống phía hồ. Giọng Lam êm nhẹ :

-Sau mình sẽ lên này lập nghiệp nghe anh, khi hậu ở trên này làm cho má con nít lúc nào cũng đỏ hồng.

Tôi giữ chặt tay Lam :

-Em sẽ đi dạy, anh làm vườn trồng con, được không ? nhưng bao giờ...

-Vậy mà xưa kia anh nói, năm nay...

Không còn bộ quân phục trên người, nhưng để có những ngày nghỉ cuối năm, tôi phải có tờ giấy phép. Tờ giấy nhắc nhở những ràng buộc khe khắt. Ra đi đúng ngày, trở về đúng ngày, chúng tôi phải thu xếp lấy cuộc sống trong những giới hạn. Giải ngũ, mấy năm trước tôi như mơ hồ nhìn thấy, giải ngũ, hòa bình đến, nhưng điều ấy vẫn chưa là sự thực. Câu chuyện về một dự định tương lai bỗng làm xuất hiện một mơ ước chưa thành. Tôi an ủi Lam :

-Chẳng lẽ đánh nhau mãi, rồi phải có hòa bình chứ, khi chúng ta có con thì chắc có hòa bình rồi.

Lam đi sát vào tôi. Ánh đèn làm sáng lên những khoảng nhỏ thiên nhiên, cảnh vật như trong một giấc mơ êm dịu. Tôi muốn nói lời chịu ơn Lam. Trở lại thị trấn trên cao, hạnh phúc ngọt ngào nhắc tôi những kỷ niệm cũ, những kỷ niệm cô quạnh trong ngày nghỉ cuối năm ở đây, nơi tôi thường tới mỗi năm. Nơi nào tôi cũng lang thang với Dũng trên chiếc xe gắn máy cũ, hai đứa đưa nhau lên Suối Vàng, đường dốc xe chết máy, ngồi nghỉ trên nghĩa trang chúng tôi đi lần theo hàng mộ bia đọc tên người đã chết. Nơi đây Dũng đã bật khóc khi đứng trước mộ Dung, người tình cũ của Dũng, tôi nhớ tấm ảnh tươi cười của người đã khuất. Dũng nói : tôi đâu biết nàng đã chết. Dũng khóc nhắc lại những trắc trở trong cuộc tình duyên và sự mất tích của Dung trong thành phố. Dũng ngồi lặng yên cho đến khi chiều xuống mới trở về và chúng tôi say trong quán rượu. Năm nào tôi ngồi với Tâm trong phòng vẽ. Ngày nào tôi với Niệm lang thang trên những đồi cỏ may hồng. Năm nào, những cơn mưa tầm tã giữ tôi lại suốt trong tuần lễ, khi lên xe trở về thì trời hừng nắng. Khi hậu lạnh, thiên nhiên tươi mát là nơi tôi chọn cho tôi những giây phút nghỉ ngơi. Nhưng năm nay, một đôi thay

chờ đợi đã đến. Lam đưa đến cho tôi những ngày mới. Nhưng mơ ước hòa bình từ bao giờ vẫn chưa đến...

Chúng tôi ghé vào nhà Thủy tạ, nhạc êm dịu ẩm cúng, những cửa kính mờ hơi nước. Lam muốn ngồi ngoài trời, nhưng gió lạnh và sương ẩm khiến chúng tôi phải bỏ ý định. Một ly cà phê nóng, một ly trà nóng. Vắt chanh vào trong ly, mùi chanh thơm nồng, Lam nói :

-Anh định làm nhà trên này thật sao ?

Tôi cười :

-Làm, nhưng chưa.

-Vậy anh phải nói với anh Nguyễn chứ, hình như anh ấy yên chí là bọn mình sẽ làm nhà, sẽ lên đây ở.

-Anh Nguyễn muốn mình ở chung với gia đình anh cho vui, anh ấy cũng biết, anh mong có một ngôi nhà.

Ngậm cà phê thứ nhất, điều thuốc mới. Anh Nguyễn, một trong vài người bạn vong niên của tôi, những người đã giúp tôi sống trong nhiều năm nay, tình bằng hữu đùm bọc cứu mang đã giúp tôi giữ được đời sống mình. Trước khi chúng tôi làm lễ cưới, anh Nguyễn về thăm tôi. Anh xin lỗi không thể về dự đám cưới, nhưng anh trông chúng tôi sẽ lên chơi ít ngày. Anh Nguyễn cười cười bảo : bọn nó nói cậu giàu lắm. Tôi cười : Anh tin? Anh Nguyễn giọng nghiêm : bọn nó nghĩ cậu đi ăn cướp đó. Trước khi về anh cho tôi tiền, anh nói : cho bọn cậu một ít làm vốn bán bánh mì xe. Nhưng anh cũng không quên : lên đi, có việc hay lắm, lên mới tính được. Tôi không nghĩ khi lên anh nói chuyện làm nhà. Một mái nhà, chắc không phải là ước mơ của riêng tôi. Sau bao năm bỏ quê hương, tôi thấy mình thiếu hẳn nơi để trở về, tôi mơ ước một lúc nào đó lên cao nguyên khẩn hoang, làm cho mình một mái nhà vì tôi hiểu rằng : giấc mơ trở về quê hương có lẽ đời tôi không thực hiện được. Mà đến đời con tôi, khi trở về nó còn nhận được ra đâu là lối đi tôi đã bước qua, ngôi nhà nào tôi đã được sinh ra và lớn lên, cho tới khi ấy, còn không dấu vết của một thời đã xa lắc, biệt tăm trong trí nhớ những người sống sót. Khi trở về, con đường hoàn toàn vắng vẻ, ngang qua một hàng rào, tôi ngừng lại với tay bẻ cho Lam một cụm hoa tầm xuân, mùi thơm hoang

dã nòng nàn. Tôi nói :

Biết đâu mùa hè này mình lại không thể lên đây làm ngôi nhà bên cạnh nhà anh Nguyễn, sớm mai thức dậy, hòa bình đã đến...

Lam giữ chặt tay tôi, nàng nhìn tôi, trong bóng đêm tôi thấy đôi mắt Lam long lanh sáng như một ngôi sao lạc trong nền trời tối.

Vợ chồng tôi là những người khách thứ nhất, anh chị Nguyễn chạy lên chạy xuống lo bữa ăn tối cho chúng tôi. Anh Nguyễn nói :

-Có mấy người bạn thân thôi, lâu lâu có dịp gặp nhau chứ mình đâu có theo đạo.

Anh Nguyễn rót cho tôi một ly rượu. Lam xuống bếp giúp chị Nguyễn, mấy người bạn của gia đình anh Nguyễn dần dần đến đông đủ. Chúng tôi không phải là người Thiên Chúa Giáo, bữa ăn đêm Giáng Sinh mang một ý nghĩa khác, nhưng có lẽ cũng giống với những gia đình Thiên Chúa Giáo phần nào, bữa ăn của sum họp. Bữa ăn vui và ngon miệng. Chúng tôi nhận được những lời chúc mừng thân thiết. Lam có lúc ngượng ngùng, mặt đỏ, đôi mắt cuống quýt khi chị Nguyễn mong cho tới Giáng Sinh sang năm chúng tôi có cháu bé. Chúng tôi ra về sớm nhất, tôi nói :

-Bọn tôi muốn đi chơi đêm.

Anh Nguyễn cười :

-Phải rồi, bây giờ còn đi chơi được chứ ít năm nữa thì hết, như bọn tôi.

Anh Nguyễn ngừng lại, chợt anh nói :

-Quyết định về cái nhà chưa ?

-Rồi, quyết định rồi.

Anh Nguyễn im lặng, vẻ mặt như chờ đợi, tôi nói :

-Anh chờ cho đến mùa hè được không ? bây giờ thì chịu, hay là...

Tôi ngừng lại giây lát :

-Nhưng thôi anh ạ, để sang năm lên ở với anh chị, nhà cũng rộng mà...

Anh Nguyễn cười :

Ừ cũng được, Giáng Sinh sang năm thì mình có nhà mới rồi, lên nghe...

Chúng tôi rời nhà anh chị Nguyễn niềm vui tràn ngập. Trên những con đường dẫn tới giáo đường chính dòng người đổ như thác, tất cả mọi người như đã mở rộng một tấm lòng chào đón, chúng tôi ở trong dòng người tới giáo đường. Bông hồng đỏ chị Nguyễn tặng Lam có lúc phải đưa lên cao. Lam sợ bị đập vì người chen chúc. Đèn sáng cả một vùng giáo đường, khoảng sân nhỏ như nêm, khi lễ giữa đêm bắt đầu, tiếng hát từ trong giáo đường như làm cho mọi tiếng động lẫn trốn. Cả thiên nhiên cũng như chan hòa một niềm hy vọng.

Giọng Lam ở bên :

-Em cầu nguyện, anh biết em cầu nguyện gì không ?

Tôi nhìn Lam, khuôn mặt rực rỡ :

-Anh nghe thấy, anh nghe thấy :

Đôi mắt Lam ngược nhìn lên cao, tháp chuông với ngôi sao kết đèn sáng rỡ, trên cao đó, chỉ có ánh sáng.

Khi trở về, dừng nơi dốc vắng, nhìn lại giáo đường, chúng tôi vẫn thấy ánh sáng rực rỡ ở đó. Tôi mua cho Lam một quả bóng đỏ. Lam cột bông hồng của chị Nguyễn vào sợi dây, nâng giơ cao lên nói :

-Em muốn tặng bông hồng cho những người ở xa, những người ít may mắn...

Tôi mỉm cười, Lam thả tay ra, trái bóng lên cao rồi từ từ bay theo chiều gió mang bông hồng đỏ. Chúng tôi nhìn theo cho tới khi trái bóng và bông hồng lẫn vào trong bóng tối ở xa...

TÀ TỶ Vướng mắc

Căn cứ A1 được quay chặt bởi những vòng thép gai từng từng, lớp lớp. Một vùng rộng lớn nằm im lìm dưới vòm mây đặc sệt đến tận cuối trời. Từng cụm cây đại mộc thấp lờm chờm xen lẫn vào màu cỏ già nhấp nhô theo màn lưới nguy trang của những ổ đại pháo luôn luôn hướng nòng về bên kia giới tuyến. Con đường đất đỏ dẫn vào căn cứ bụi mù bởi đoàn xe tiếp tế thực phẩm, nhiên liệu và đạn dược. Đó, hình ảnh tiếp diễn mỗi ngày tôi phải chứng kiến đến trở thành nhàm chán.

Ở địa đầu máu lửa. Chiếc áo giáp nặng nề bó chặt lấy ngang thân, mới được cấp phát mấy tháng, từ màu xanh đã thành vàng úa, nhem nhuốc đầy dầu, đất. Mấy trái lựu đạn M.26 đeo lưng lẳng ở ngực áo làm bức rức. Tôi đưa tay nắm vào một trái. Vỏ trái lựu nhẵn thui lạnh lạnh gây cảm giác tê ớn. Tôi xốc lại khẩu súng Colt cho ăn khít với bấp đùi rồi đi về phía ổ tác chiến số 3.

Thời tiết mấy bữa nay rét ngọt. Mặt trời chỉ ló dạng vào buổi trưa xong khuất chìm vào nơi mờ chẳng biết. Phong cảnh Gio-linh xám ngoét. Dù đang ở góc độ nào, tầm mắt cũng chỉ thấy từng ấy sự vật, ngần ấy hình ảnh. Tôi cố thử nhìn qua lùm cây đằng xa kia, thị trấn Đông-hà, một thị trấn nhỏ bé, rất nhỏ, với vài con phố buồn hiu với những mái nhà thấp nép mình vào nhau e ngại. Cái thị trấn đó, lần thứ nhất tôi đặt chân đến sau một giờ bay trong mưa gió và viên phi công phải lượn rất lâu sát mặt biển để tìm cách hạ cánh an toàn. Khi mọi người có mặt cảm thấy bánh tàu đã chạm vào phi đạo, đều trút tiếng thở dài nhẹ nhõm. Riêng tôi, không. Tôi thần nhiên như khi nhận lệnh khẩn đi Quân-đoàn 1 tới sư-đoàn 1 và sau cùng trình diện tại Trung - đoàn 2 để từ đây đi Căn-cứ A1. Chẳng phải tôi can đảm gì hơn ai, nhưng tôi đã tự nhủ, từ khi mới bước

vào quân trường rằng, chẳng nào cũng một lần, dù ở nơi này hay nơi khác. Niềm kiêu hãnh của tuổi trẻ, ôi ! tuổi trẻ nhuộm độc bởi thành phố làm thui chột hoài vọng, tê bại sức sống. Tôi dờn bỏ đam mê thành phố với niềm đau xót khôn nguôi, với chia lìa đứt ruột. Tôi ôm chặt Yên vào lòng trong đêm giữa từ thành phố. Yên đã cho tôi hết những gì tôi ước muốn. Dưới đốm lửa đục mờ của ngọn đèn đêm, tôi nhìn Yên, nhìn rất lâu để ghi lại từng đường cong mềm mại, từng hình thể chắc nịch nổi cao hay lõm xuống do ánh sáng tạo nên. Tôi không thể nhớ hết chúng tôi đã nói gì với nhau đêm ấy. Tôi như người mê muối. Tôi mê muối thật vì đáng lẽ, không nên hành động với Yên như vậy bởi biết chắc tự thâm tâm, chẳng bao giờ Yên sẽ là vợ tôi. Lý do rất đơn giản rồi đây tương lai không còn thuộc về tôi nữa, mà đích thực, do kẻ khác sử dụng và quyết định. Tất cả những hành động nào tôi có, đều ở ngoài tôi. Do đó, tôi không muốn và không thể để một ai liên hệ, dù cho kẻ đó là những người thương mến nhất.

Đã biết hao lần tôi gục mặt trên tấm bản đồ hành quân để tưởng nhớ vẫn vợ, để suy nghĩ về những địa danh chưa hề được biết. Những khu đồ nằm chằng chịt dưới lần bút chì xanh đỏ, mà tôi biết đó là những mục tiêu mà Vũ, người bạn pháo binh có nhiệm vụ phải gửi đến trăm ngàn viên trái phá mỗi đêm ngày. Tôi không bị quan hóa cuộc đời trong hoàn cảnh chẳng phải của riêng tôi. Nhưng đó chính là sự dần thân của cá nhân vào tập thể. Tôi thường nói với Vũ như vậy. Hắn cười khề khề. - Mẹ kiếp tao đếch cần nghĩ ngợi gì hết, nó bắn qua, mình bắn lại, đưa nào bắn đỡ đưa ấy chết, thế thôi ! Tôi giận dữ. - Nói như mi, chẳng có suy luận mẹ gì cả ! Tụi pháo binh sướng bỏ cha, ngồi một nơi an toàn nã đạn cho sướng, tụi tao đi gần chết mà thấy không ? - Ủa, sao mà không học pháo binh, bộ mà đốt toán hả ? Nói xong, Vũ lấy mũi giày hất vào đồng hồ đạn đồng, mỗi cái to bằng bắp chân kều lớn rỗng.

Chúng tôi sống ở đây kẻ trước người sau đều mang tâm

trạng của những tên linh thú ngoài biên ải. Đêm đêm nằm trong hầm đất mơ chuyện viễn vông. Có ngày địch pháo kích rộn rã, cả doanh trại vắng hoe, tôi ngồi trong hầm canh nhìn khói lửa tung mù khắp phía. Tiếng đạn gửi đến, gửi đi làm choáng váng mặt mày. Tôi hét to trong máy truyền tin để ra lệnh cho toán quân phòng thủ. Tiếng nói của tôi bị tiếng dội của đại bác làm lạc mất âm thanh. Một vài ỏ tác chiến trúng đạn. Những mảnh ván bay tan tác giữa đám bụi vàng ệch. Tôi vòng tay ôm lấy ngực. Một hướng về phía đó, tôi đọc thầm tên từng người, từng người. Viên y tá với túi cứu thương khom người chạy dưới mưa lửa, khẩu súng các-bin choàng qua cổ đeo tròn teng, lúc lắc, chiếc áo giáp không gài khóa xoắn xuống như hai chiếc cánh gà. Cứ như thế đó, những con người trần giữ địa đầu phải chấp nhận mọi sự rủi may, phải cắn chặt vào mặt đất để tìm thấy nghĩa sống. Một hiện tượng, tôi ghi nhận ở căn cứ A1 này từ phút giây thứ nhất là nét mặt khắc khổ đến giá băng ở mỗi con người có đây. Không khí chiến tranh khóa lấp từng giờ phút, dính chặt vào mỗi thân phận cơ hồ không cách nào gỡ bỏ - Khuôn mặt tôi cũng biến đổi dần theo mỗi buổi soi gương.

Tiếng máy xe rô gầm gừ, ằng ặc phá tan sự im vắng của buổi sáng của mùa đông giới tuyến. Từng đoàn người chạy lảng xảng tấp nập. Đoàn xe GMC đầy cát đậu dài theo con lộ duy nhất băng từ phía đông qua phía tây. Dọc theo những ụ đất dùng làm điểm tựa tác chiến, một toán lính hì hục khênh từng hòm đạn về phía giàn đại bác 105 ly. Những nòng súng hạ thấp xuống. Vũ đang chân chỉ trỏ đó đây rồi ghé mắt nhìn vào mỗi hòng súng. Tôi nghe tiếng chửi thề vang vọng lại. Bốn, năm chiếc áo giáp quay lưng về hướng mặt trời đứng im như khúc gỗ. Vũ giơ cao chiếc gậy nhỏ đập vào khối thép rồi lầm lũi đi lại phía tôi. Trong khi đó những bóng người chao động. Chiếc que sắt dài thông với nui giẻ ở nơi đầu, thụt ra thụt vô tới tấp ở mỗi khẩu đại pháo.

- Cái chi rứa, mi nổi sùng dữ vậy ? - Tụi nó làm biếng tổ cha. Nòng súng dơ như chó, không chịu thông. Bị khám bắt từ ăn củ lại kêu oan ! Mẹ kiếp ! - Thôi mà cha,

bắn suốt đêm lau nổi gì ? Vũ cau mặt - Mày không thấy sao, bữa nọ một trái nỏ ngay trước mặt đó, không mắt con nào là phúc tổ rồi ! Tao muốn bắn cho ngon, trái nào gửi đi, địch nhận đúng trái đó tao mới vừa bụng, chứ đâu như tụi bây bắn ào, bắn tưới cho uống đạn ! Tôi hơi nóng mặt - Nè, đừng có quá đà nghe ? Thấy tôi giận, Vũ cười khăng khặc - Giỡn chơi mà bỏ ! Thôi, chiều nay nếu êm, tao với mày “dù ” về Đông-Hà làm bận một cái. Thèm quá trời rồi, chịu hết nổi !

Nếp sinh hoạt của Căn-cứ A1 cứ tiếp diễn theo cường độ của đại bác với những cuộc đột kích, truy kích. Chỉ huy trưởng căn cứ là vị trung tá có trên hai mươi tuổi lính, 45 tuổi đời. Da mặt ông sạm đen cương nghị. Thoạt trông, ông giống như bức tượng đồng đúc vụng. Buổi trình diện, ông ngắm tôi rất kỹ rồi lạnh nhạt – Chuẩn úy tới đây, tốt lắm ! công tác đầu tiên, đi thử lửa. Ông ta hất đầu nói với đại úy đang ôm tập hồ sơ dày cộm đứng gần đó - Cho anh đó, đưa về C.4. ông đại úy dạ rồi quay sang tôi - Chuẩn úy đứng ngoài chờ chút ! Tôi chào, quay người ra khỏi lều theo đúng động tác quân trường. Ánh nắng cuối thu nhân nhật trải rộng trước mắt làm nổi bật từng hình thể mà chưa lần nào tôi được thấy ngay cả trong sách vở quân sự. Từng ụ cát nối tiếp nhau vượt khỏi mặt đất độ sáu tấc. Có nhiều ô cửa nhỏ thấp thoáng bóng người. Sân trại vắng tanh. Điểm nhô cao độc nhất của căn cứ là chiếc cọc ăng-ten đang rung rung ngắt ngưỡng ngay sát căn lều bộ chỉ huy. Người lính gác trang bị áo giáp móc đầy lựu đạn ở hai bên ngực với những sọc-dờ AR.15 giắt kín ngang bụng trông nặng nề nhưng thực oai dũng. Màn lưới nguy trang đại pháo màu sắc loang lổ lẫn vào cỏ, đất đắp cao ba mặt. Tôi cảm thấy tro vơ lạ lùng, tự nhiên run sợ. Tôi thực không ngờ phải đối diện với thực tại quá tàn nhẫn như vậy. Câu nói, tôi vẫn nhủ thầm “đàng nào cũng một lần” giờ phút này không còn hiệu nghiệm. Tôi móc túi lấy thuốc ra hút để trấn an. Hơi thuốc cay xè đầu lưỡi.

- Chuẩn úy theo tôi !

Cúi xuống cho tay cầm túi hành trang, tôi hồi hả theo vị đại úy băng nhanh qua mấy chiếc giao thông hào. Tôi

liếc nhìn xuống thấy những mảnh *ponchos* trải rải rác cùng nhiều hòm đạn đã mở sẵn. Vị đại úy đưa tôi xuống căn lều khá rộng, xung quanh ghép bằng những phiến gỗ thông cỡ lớn. Chiếc túi điện thoại treo lủng lẳng trên chiếc xà ngang vì không để ý nên suýt tôi va mặt phải. Trong hầm ngoài chiếc bàn làm việc, mấy chiếc ghế gỗ, phần còn lại chỉ toàn ghế bố.

Sau 15 phút, tôi bước ra khỏi căn hầm với nhiệm vụ rõ rệt và được biết chính ông đại úy đó là vị chỉ huy trực tiếp của tôi. Tên ông là Sâm. Trông ông phúc hậu, có vẻ dễ dãi. Tôi hơi yên bụng. Ngay buổi chiều tôi dẫn trung đội C.4 đi phục kích. Đại úy Sâm chỉ cho tôi thấy địa điểm trên bản đồ cách căn cứ khoảng 5 cây số và những yếu tố cần thiết. Đây là cánh rừng thưa với địa hình thiên nhiên thuận lợi cho các cuộc xuất phát đột kích hay pháo kích. Tôi thầm nghĩ, tại sao không dùng phi cơ hay đại pháo cày nát nó lên có phải đỡ vất vả lính không ? Sự suy luận giản dị của tôi về quân sự quả thật thơ ngây. Càng sống lâu ở căn cứ A1 tôi càng thấy sách vở quân trường nó chẳng giúp cho tôi mấy tí.

Đêm xuất quân đầu tiên trong đời một chiến sĩ, nhất là vận mạng ba chục con người tùy thuộc vào lòng dũng cảm và sự khôn ngoan của mình, thật quả đối với tôi nó vô cùng nặng nhọc. Tôi nắm chặt khẩu súng trong tay mắt đảo nhìn bóng tối chập chùng vây lút bốn phía. Hình thể nào đối với tôi lúc này cũng là đe dọa, bắt trắc. Vì chưa quen đường nên tôi phải bước theo chân trung sĩ Kha tiểu đội trưởng, tiểu đội 2. Tôi toan cho lệnh dừng quân để bấm đèn xem bản đồ thì trung sĩ Kha quay lại nói khề - Chuẩn úy có nhìn thấy cái cây khô phía mé trái đó không ? Tôi nhìn theo ngón tay của Kha - Ồ, ờ có thấy, chỗ ấy là địa điểm mình tới đó sao ? - Dạ chưa. Chỗ ấy cách nay hơn tuần tụi tôi bị nó kích đó, mình bỏ mất 3 “con” và thiếu úy Sơn, tội nghiệp thiếu úy Sơn tốt lắm. Ông ta mới ở sư đoàn ra được mấy tháng. Thế chuẩn úy ở đâu ra ? - Thủ-đức - Chắc chuẩn úy chưa đánh trận nào ? - Trận giả thì có, thật chưa. Nè tinh thần anh em ở đây ra sao ? - Vậy vậy, có giặc là đánh, thân lính chiến mà chuẩn úy !

Có tiếng đạn rít ngang trời. Chúng tôi nằm sát xuống đất hờm súng sang hai bên. Kha lăm bầm - Đù cha nó lại pháo kích. Những tiếng nổ lớn vang dội, vang dội. Tôi quay đầu nhìn về căn cứ A1. Từng đám lửa lóe lên liên tiếp. Tôi biết các nòng đại bác của căn cứ đang phản pháo. Kha hỏi tôi - Mình nằm đây hay đi nữa, chuẩn úy ? Còn bao xa ? - Độ non cây nữa ! Không hiểu sao tôi hùng dũng ra lệnh tiến. Trung đội lại lặng lẽ lần bước dưới tiếng xé không khí của đạn đại bác như đoàn quân ma.

Cả đêm hôm đó không tên địch nào đến với chúng tôi. Nằm nép mình vào gò đất tôi ngửa mặt nhìn trời. Vùng trời đen thui nặng trĩu. Gió đêm giới tuyến như cắt từng mảnh thịt. Chiếc áo giáp chỉ có công dụng chống mảnh đạn hoặc đạn thường, chứ nó đâu có làm cho lòng ấm được ? Bàn tay tôi buốt giá, nhưng thép súng còn lạnh hơn. Tôi gối đầu lên chiếc mũ sắt mắt nhắm lại. Tôi móc túi lấy chiếc khăn tay ủ vào mặt cho đỡ rét. Mùi dầu thơm phảng phất làm nhớ Yến vô cùng. Tôi nhớ đã dùng chiếc khăn này để lau nhưng giọt lệ cho Yến đêm nào. Yến đã cắn nát một góc khăn để ngăn túi hờn. Nước bọt và nước mắt của người yêu thấm đọng lại ở đây đang phủ lên da thịt tôi nỗi buồn cách trở. Chắc Yến không thể nào đoán được giờ này tôi đang ở đâu, làm gì ? Tội nghiệp ! Thật tội nghiệp cho những sự thực khốn nạn chẳng ai đoán biết.

Tiếng đại pháo nổ từng chập, từng chập. Tôi để tai vào máy truyền tin, bấm nút gọi về căn cứ xin lệnh. Giọng nói của đại úy Sâm khô cứng. Nằm nguyên đấy, hết ! Tôi bỏ máy xuống bên cạnh rồi nghĩ vẩn vơ, nếu mỗi đêm đi kích thế này, chẳng chết vì “đụng” cũng chết vì mệt và hồi hộp.

Nếp sống của căn cứ mấy bữa nay sôi động hẳn lên. Từng súc gỗ thông lớn được trục thẳng vận đến giữa lòng căn cứ cùng với toán công binh Mỹ. Những chiếc GMC đầy cát tới tấp đổ xuống. Ông trung tá tay cầm chiếc gậy chỉ huy quát tháo om sòm. Chiếc xe ủi đất màu vàng chói do anh lính Mỹ cỡi trần hùng hục lái gầm gừ từ sáng sớm

tối chiều tối. Sinh hoạt chỉ tạm ngưng khi có pháo kích. Chúng tôi đều bận tối mắt tối mũi không còn thì giờ đâu nhằm về chuyện đàn bà. Từng đồng vỏ đạn đại bác chất cao như núi được các chiến sĩ di chuyển tới những miệng hầm đã thiết trí xong. Nhiều chiếc áo giáp máng vào mũi súng hoặc để trên “ca-pô” xe. Bãi cỏ đại trước căn lều bộ chỉ huy được lót bằng những tấm vải sắt thường dùng cho sân bay tạm thời. Ở một góc sân, các anh lính khéo tay, súng dao đang ra công làm chiếc hang đá nhân tạo. Một toán khác cố ghép những tấm vải sắt làm thành chiếc cổng cao ngất ngêu. Tấm bảng vải trắng tinh có hàng chữ *Mừng Chúa Ra Đời* giăng ngang hai đầu trụ. Ở phía dưới treo cái đèn ngôi sao xanh biếc viền kim tuyến đỏ. Vị sĩ quan ban 5 chạy lằng lằng, tíu tít đề đơn độc và giải quyết yêu cầu. Đây là nhiệm vụ của anh ta. Nhiều lúc nhìn anh tôi thấy thương hại. Mới có mấy bữa mà da mặt đã xanh teo chẳng còn bụ bẫm như bữa trước. Hai túi áo giáp căng phồng không phải chứa lựu đạn như thường ngày mà đựng toàn các vị Thánh bằng bột với dây ngân nhũ. Mỗi lần gặp tôi, anh lắc đầu - Một bỏ cha, mỗi năm tổ chức độ vài lần chắc tịch quá cậu ơi ! Tiền ít thật muốn nhiều, cái gì cũng cần, cái gì cũng khẩn, giết ai ra ! Tôi cười sẽ sẽ - Ông ơi ! có văn nghệ ướm át không đó ? Nét mặt anh tươi tắn - Hy vọng, hy vọng. Đánh công điện xin rồi - Mấy thuở xin được, mình ở xa quá mà, đường đi cách núi ngàn sông đó, biết không ? Chưa kịp nghe hết câu anh đã chạy đến phía có tiếng gọi đằng xa.

Vùng trời hỏa tuyến không một giọt nắng. Sắc mây màu ngã nước chạy dài theo lùm cây phía xa hiu quạnh. Gió thổi căm căm. Tôi khoanh tay trước ngực đứng trên lũy cát nhìn về phương Bắc. Cả một vùng đất sệt im vắng bao trùm cảnh vật. Tiếng đại liên ùng ục vang vọng như tiếng kêu tức tối. Toán lính công binh Mỹ, quần áo dính đầy đất đỏ, đứng dang chân phanh ngực đầy lông hoe vàng nóc bia hộp. Da họ đỏ tía như da gà chọi. Họ sống riêng một khu nhỏ, ngăn cách với chúng tôi bằng vòng kẽm gai. Nhiệm vụ của họ là giúp cản cứ trong công tác

kiến tạo loạt “băng-ke “ mới với vật liệu gửi từ Mỹ qua để đủ sức chịu đựng những cuộc pháo kích hạng nặng. Căn cứ đã đổi thay bộ mặt. Những chiếc “ băng-ke “ thật rộng, thật an toàn thay thế cho những chiếc hầm đất được sử dụng có tính cách nhất thời. Biêng tôi vẫn tiếc chiếc hầm nhỏ mà tôi cùng Vũ đã ở chung mấy tháng nay. Qua “ băng-ke” mới chắc chắn sẽ nằm với nhiều người khác, câu chuyện tâm sự tay đôi khó mà nói lớn.

Lá quốc kỳ bay phấp phới ở bên trên trụ công. Tiếng máy điện chạy rè rè từ căn hầm vọng ra buồn nản. Công cuộc chuẩn bị cho đêm Giáng sinh đã gần xong. Vị chỉ huy trưởng sắc mặt rắn đanh đứng trước cái bàn thờ tam cấp làm bằng vĩ sắt phủ vải trắng tinh. Đèn nến và ảnh Chúa được trưng bày tươm tất. Tôi nhìn đồng hồ mười lăm giờ đúng, ngày hai mươi bốn. Chỉ còn ba tiếng nữa đến giờ hưu chiến, theo sự thỏa hiệp giữa ta và địch trên toàn quốc. Trên nguyên tắc như vậy nhưng thực tế, sự phòng thủ căn cứ A1 vẫn duy trì tới mức tối đa. Các giàn đại pháo do Vũ chỉ huy vẫn ở vị trí sẵn sàng nhả đạn bất cứ lúc nào vào các tọa độ định sẵn. Các vòng kẽm gai thả dày hơn trước. Bãi mìn được nói rộng thêm. Sự chuẩn bị hai mươi bốn giờ hòa bình còn vất vả hơn khi cuộc chiến đang tiếp diễn.

Khi phát đại bác sau cùng Vũ gửi sang đất địch trước giờ hưu chiến, cũng vừa lúc ấy tiếng điện thoại reo lên cạnh tôi. - A-lô, thưa chuẩn úy có xe đoàn Văn-ngệ đến, cho vô không, hay chờ lệnh ? - Cho vô ? Đút ống nghe vào túi vải tôi chạy lên nóc “băng-ke” nhìn ra phía ngoài. Những vỏ đạn đại pháo xếp trên nóc “ băng-ke “ có tác dụng cản trở sự đào sâu của đạn địch khua rộn rã dưới gót giày trận. Bữa nay, tôi có nhiệm vụ giữ an ninh cho buổi lễ. Trung đội của tôi sẵn sàng tác chiến nếu bất trắc xảy ra. Tôi cho tay kéo khóa áo giáp để tránh lạnh. Càng về chiều gió thổi càng buốt. Đường chân trời chỉ còn ửng lên chút ánh vàng mong manh đứt nối. Đã nhiều lần tôi đứng cô đơn nhìn hoàng hôn chết dần giữa vùng hỏa tuyến mà chưa một lần buồn hơn. Con đường mòn dẫn ra quốc

lộ 1 với vài nếp tranh nhỏ thấp tựa vào nhau như trốn tránh bờ vờ. Bóng người chiến binh có phần sự canh phòng đứng im sừng. Bên bãi cỏ gần đó mấy đứa trẻ chơi trò cút bắt. Tiếng cười đùa vang lên ngẩn ngui. Hình ảnh ấy cắm sâu vào trí não tôi với từng mũi nhọn.

Chiếc GMC nặng nề lăn chậm chậm vào căn cứ. Màu sắc xanh đỏ với từng cụm tóc đen lánh bay dạt dào theo gió làm ấm lòng chút ít. Vị sĩ quan ban 5 đang đứng dưới cột cờ kiểm điểm cổ găng của mình sau mấy ngày vất vả. Tiếng còi xe làm anh quay ra. Nụ cười sáng ngời nở trên khuôn mặt. Chiếc xe ngừng lại ở vọng canh theo lệnh người lính gác. Anh ta đi vòng quanh rồi ngửa mặt lên cười toe toét xong mới cho lệnh xe quẹo về mé trái.

Từng người, từng người lần lượt nháy xuống với đồ nghề linh kinh. Một cô ý chừng nhất không dám nhảy, được anh bạn đồng hành đón bằng hai tay ôm ngang thân. Tôi trách thầm, tại sao mình không học làm văn nghệ? Vị sĩ quan ban 5 hướng dẫn đoàn người đi về chiếc “băng-ke” mới tinh chưa xử dụng, trong đó, có đầy đủ ghế bố mềm, mền. Toán lính Mỹ đang sửa soạn cho bữa ăn chiều ở gần đó thấy bóng con gái gọi nhau ới ới. Những đốm mắt xanh lơ ử dột vì chiều Giáng-sinh tha hương, bỗng vụt sáng. Mọi hoạt động của họ đều ngưng đọng, có chú đưa tay về đoàn người chào kiểu thân thuộc, có chú lú lú ríu ríu chúc tụng nồng nhiệt. Mấy cô trông dễ thương nhưng dạn dĩ cũng giơ tay lên cao “He-lô” ầm ĩ. Tôi cúi đầu suy gẫm lấy làm cảm phục các bà mẹ Việt-nam!

Bữa cơm đoàn kết chiều Giáng-sinh có ngon hơn ngày thường. Nhưng trong thâm tâm mọi người đều chờ đợi món ăn hiếm có ở giữa trời máu lửa. Vũ vừa nhai vừa nhìn sang bàn có mấy cô ca sĩ để phê bình nhảm. Các sĩ quan có tiếng đạo đức vì ít khi vắng tục lúc này cũng cười xòa góp chuyện thích thú. Trải với lệ thường, tôi nay ánh sáng có những ngọn néon tỏa màu êm dịu làm tươi mát một khoảng căn cứ. Từ đó nhìn ra, tôi chẳng thấy gì ngoài ngọn đèn ngôi sao le lói và chiếc hang đá có nhiều đốm

lửa vàng, khẽ nhấp nháy liên hồi làm lóng lánh hàng dãy ngân tuyến tượng trưng mùa tuyết giá.

Tiếng ca vút lên cao chơi voi theo cung bậc bập bùng giữ nhịp. Mảnh áo dài mang tâm sự của thành phố làm vui mắt người lính chiến địa đầu. Không gian bát ngát nổi trôi. Tôi đứng nép mình vào khoảng tối nhìn vào. Ôi ! Tiếng hát, tiếng hát của người con gái hậu phương sao thê thiết lắm vậy ? Tôi ngước lên cao. Vòm trời mệt mỏi. Tiếng hát lẳng đặng trôi vào không gian. Những chiếc mù sắt, những khẩu súng, những băng đạn như muốn thờ dài. Mấy chú lính Mỹ sặc sụa hơi rượu đi lang thang ngất nghe. Một chủ rẻ về phía tôi đon đả với lời chúc Giáng sinh, xong ngậy người nhìn về phía bức trình diễn thì thào - Con gái Việt-nam đẹp quá ! Tôi mỉm cười trong tối - Sang Việt-nam lâu chưa ? - Ba tháng - Biết Sài-gòn chưa ? - Chưa, đổ bộ Cam-ranh rồi tới đây ngay. Mặt chú lính Mỹ trẻ măng ngậy ngô nhìn chăm chặp vào cô ca sĩ vừa rời micro đi ra phía sân. Chú lính Mỹ bỏ tôi đi đến chỗ cô gái rồi móc túi quần lấy lon nước màu vàng ủng đưa tặng. Cô mỉm cười cúi đầu tỏ dấu cảm ơn. Chú lính Mỹ hồn nhiên ghé sát mặt vào mái tóc lú lo. Dưới ánh đèn mờ ảo trông cô xinh tẹt. Chẳng biết cô ta có hiểu tiếng Mỹ không, tôi chỉ thấy cô né tránh rồi chạy ù lại chỗ tôi cầu cứu - Ông ơi ! Thăng cha này kỳ quá à ? - Sao ? - Nó nói gì đầu lằng xẹt, hơi rượu làm buồn nôn thấy mờ ! Chú lính Mỹ không chịu buông tha cũng sấn đến cuống quýt hỏi tôi xem có gì khác biệt giữa người Mỹ và người Việt ? Tại sao cô gái lại chạy trốn ? Tôi giải thích sự khác biệt và khuyên chú ta nên lịch sự đối với con gái nhưng hấn làm bộ ngơ ngơ không hiểu. Tôi đành phải dắt cô ca sĩ vào gần chỗ trình diễn, nơi tập trung nhiều ánh sáng nhất.

Khi hai bàn tay buông nhau, chính tôi cũng cảm thấy như vừa đánh mất chút gì. Ôi bàn tay tròn trịa với những móng nhọn như có sức nóng ghê gớm làm toàn thân tôi bừng bừng nhóm lửa. - Sao cậu hay quá vậy ? Vũ đập mạnh vào vai tôi cười nhón nhón - Ô, bắt buộc ! Nói xong, tôi lẩn nhanh vào đám đông rồi lững thững men

theo lối mòn đi về hầm ngủ.

Tất cả sinh động của căn cứ giờ này được thu hẹp vào một góc. Tôi ngồi ngay cửa hầm nhìn về góc đó. Tiếng nhạc khi trầm trầm khi rộn rã thoát vào rộng lớn. Tôi biết, nếu đứng lại, tôi sẽ được thưởng ngoạn đôi trò hấp dẫn với các nường con gái ngồn ngộn mà tôi đã thấy qua bộ đồ may quá chật hồi chiều - Tôi biết, sẽ phát điên lên khi ngó thay thịt da đàn bà uốn lượn nhịp nhàng được che đầy sơ sài bằng mấy mảnh vải nhỏ. Điều ấy, ít ra cũng làm người ngoại phần nào nổi khát khao của những lính chiến nơi ải đầu trường kỳ gian khổ. Tôi cũng biết chính tôi cùng sự yếu đuối của bản ngã có thể hành hạ và dẫn dắt tôi vào đau đớn bất ngờ. Tôi nhớ Yến qua năm ngón tay của cô ca sĩ. Không một chữ viết cho nhau từ đêm già biệt.

Tôi búi cái gì có trước mặt, cái đó là trách nhiệm, súng đạn và tình đồng đội. Một vài thể xác đàn bà lạ mặt đã đi qua tôi từ khi xa Yến cũng chẳng đem lại nguồn vui thú trước. Chiếc khăn tay thêm nước mát và nước bọt của Yến đã phai hương mùa cũ. Tôi ngồi đây nhìn lên vòm cao, nhìn xuống mặt cỏ. Trời đêm bao la ghê sợ quá. Mặt cỏ khô cằn gai nhọn. Tôi chẳng biết cách đây gần hai ngàn năm Chúa ra đời ở dưới vòm trời nào có mang nhiều chứng tích bi thương như không gian có mặt ? Tôi vẫn tin có một cái gì thiêng liêng lắm, cao xa lắm mà đôi tay ngắn ngủi của con người không sao vươn tới ! Tôi cũng tin vào từng thân phận đã an bài với lời phán xét cuối cùng.

Trời vào khuya sương muối xuống dày đặc. Ánh đèn chớp chờn mờ lung mờ mỗi lúc như khuất chìm vào hư ảnh. Hơi đàn kéo lê qua lớp phấn sương dày mỏng ứ nghẹn. Tôi ngả người vào bao cát xếp thành hàng ngay cửa hầm. Bên trong tối thẫm. Những con chuột đói đang cạy chiếc gà-mên trống rỗng. Tôi bấm đèn soi vào. Tiếng động im bật.

(Văn 100&101 ngày 1-3-1968)

Sơ lược tiểu sử:

Họa sĩ, nhà văn. Sinh ngày 24.9.1922 tại Hà Nội. Di cư vào Nam năm 1954. Cựu Sĩ Quan QLVNCH. Vượt biển. Định cư tại San Diego từ năm 1983. Mất năm 2004.

**HUY TƯỜNG
LỤC BÁT VÀ GIÁNG SINH MỚI**

nhất-nguyên

Khi nằm đề ở bên trăng
Cây là cỏ của nghìn năm trước rồi
Từ thiên thu hạt máu tươi
Chọn kỳ kinh nguyệt cho rơi trứng mùa
Nắng bay lên biển thành mưa
Trăng khuy nh đảo mãi cũng chưa hồng quần
Em nằm đề lại thanh xuân
Giọt cường toan động cảm mừng lưu sinh.

kể từ vạn đại

Sương là nước ở chân như
động cảnh thủy lục nên thu thân ngồi
đêm là máu của mặt trời
theo huyền lâm dẫn xuống đôi thiên môn
rằng trong tốt đỉnh càn khôn
tôi nguyên hình chúa của hôn phối trùng
tạc hình mây dựng trung dung
ca từ cựu ước đến vùng kim cang.

(trích tạp chí Văn, trước 1975)

Truyện hay Giáng Sinh

A Christmas Memory

Tác giả: **Truman Capote**

Nguyễn thị Hải Hà chuyển ngữ

Sơ lược về tác giả:

*Truman Capote được sinh ra ở New Orleans, Louisiana ngày 30 tháng Chín năm 1924 và mất ngày 25 tháng Tám năm 1984. Có khoảng 20 tác phẩm của Truman Capote đã được chuyển thành phim và kịch bản. Tác phẩm được biết đến nhiều nhất là *Breakfast at Tiffany's*, và *Cold Blood*. Ông là bạn thân của Harper Lee, tác giả quyển *How to Kill a Mockingbird* và bà đã dùng ông làm người mẫu cho nhân vật Dill trong tác phẩm của bà. Ông bắt đầu viết rất sớm. Vào năm mười một tuổi ông đã chuyên chú viết ba giờ đồng hồ một ngày. Khi ông được bốn tuổi, bố mẹ ông ly dị và mẹ ông gửi ông về Monroeville, Alabama ở với một người trong họ. Đó là bà u già Rumbley Faulk. Truman thường gọi bà là Sook. Ngày 25 tháng Tám, trước khi chết, những lời cuối cùng của ông là “Em là Buddy đây mà,” và “Em lạnh quá.” Buddy là tên bà u già dùng để gọi Truman.*

Mùa Giáng Sinh trong ký ức



Hãy tưởng tượng một buổi sáng vào cuối tháng Mười Một. Một buổi sáng mùa đông của hơn hai mươi năm trước. Hãy tưởng tượng căn bếp của một gian nhà cũ khá rộng ở miền quê. Điểm chính của căn bếp là cái bếp lò màu đen rất to; và thêm vào đó là một cái bàn tròn, lò sưởi với hai cái ghế xích đặt trước mặt lò sưởi. Và ngày hôm nay là ngày đầu tiên cái lò sưởi bắt đầu lên tiếng gầm gừ

chào mùa đông.

Một người phụ nữ tóc trắng bóng đang đứng cạnh cửa sổ nhà bếp. Bà mang giày đánh quân vợt, và một cái áo len màu xám đã nhão xệ đến mắt cá hình dáng bên trên một cái áo Calico, có váy rộng loại mùa hè có hoa. Bà nhỏ người và nhanh nhẹn như một con gà mái bantam, nhưng vì khi còn bé bà bị bệnh một thời gian rất lâu nên lưng bà bị còng trông rất tội nghiệp. Gương mặt bà rất đặc biệt – có nét giống khuôn mặt của Lincoln, răn reo, khắc khổ, nhuộm nắng và gió, mỏng manh gầy, đôi mắt của bà có màu sherry và đầy vẻ nhút nhát. “Xem kia,” bà kêu lên, hơi thở của bà như khói phả trên khung kính của cửa sổ, “Đã đến lúc làm bánh trái cây!”

Bà đang nói chuyện với tôi. Tôi mới bảy tuổi còn bà chừng hơn sáu mươi. Bà là chị họ xa của mẹ tôi, và chúng tôi sống chung với nhau – đã từ lâu trước khi tôi bắt đầu có trí nhớ. Có nhiều người khác cũng ở chung nhà, cũng là họ hàng; và mặc dù họ rất có quyền hành đối với chúng tôi và hay bắt nạt làm chúng tôi khóc, chúng tôi không mấy để tâm chú ý đến họ. Chúng tôi là bạn thân với nhau. Bà gọi tôi là Buddy (Buddy cũng có nghĩa là bạn thân) để tưởng nhớ đến một chú bé trước đây đã là bạn thân của bà. Cái người tên Buddy này đã chết lâu lắm rồi từ một năm nào đó trong những năm 1880, khi bà hãy còn là một cô bé. Đến bây giờ bà vẫn là một cô bé.

“U đã biết từ lúc trước khi u thức giấc,” bà nói, quay lưng rời cửa sổ với một vẻ thích thú đọng đầy trong mắt. “Tiếng chuông ở tòa án nghe rất lạnh và rất rõ. Và không nghe tiếng hót của chim bởi vì chúng đã bay cả về miền đất ấm.Ồ, Buddy, đừng có ngón bánh bích quy nữa đi lấy cái xe con bộ. Và tìm hộ cho u cái mũ. Chúng ta phải nướng ba mươi tám bánh.”

Năm nào cũng thế: khi một buổi sáng tháng Mười Một đến, bà bạn tôi, như thể việc tưởng tượng đến lễ mừng Giáng Sinh đã làm bà nổi hứng và châm dầu vào trái tim

đang cháy bỏng của bà, tuyên bố: “Đã đến lúc làm bánh trái cây rồi, đi lấy cái xe con bộ, và tìm hộ u cái mũ.”

Cái mũ đã được tìm thấy, đó là một cái nón rom có vành có kết hoa hồng bằng nhung đã phai màu: cái mũ này trước kia thuộc về một người trong họ rất yêu thích thời trang. Hai chúng tôi, cùng đẩy con bộ (chiếc xe dùng để đẩy em bé) đã cũ kỹ ọp ẹp, ra khỏi vườn và vào rừng pecan. Cái con bộ này là của tôi, được dùng để đẩy tôi khi tôi mới sinh ra. Nó làm bằng nan tre, đã bắt đầu bung mối, và các bánh xe đã ọp ẹp liêu xiêu như chân người say rượu. Nhưng đây là một vật dụng rất trung thành; mùa xuân, chúng tôi đẩy nó vào trong rừng và chất đầy hoa, rau thơm, gia vị, và những cành dương xỉ dại để cắm vào bình hoa ngoài hàng hiên; mùa hè, chúng tôi chất đầy những đồ để đi picnic và những chiếc cần câu làm bằng cây mía tranh rồi đẩy nó đến tận bờ suối; mùa đông nó cũng được dùng: làm một chiếc xe tải chở củi đốt lò sưởi từ ngoài sân vào trong bếp, làm cái giường ấm áp cho Queenie, con chó đốm hai màu cam và trắng đã chịu đựng rất nhiều cơn nóng giận của người trong nhà và hai lần bị rấn rung chuông cửa. Queenie đang chạy lon ton bên cạnh xe.

Ba giờ đồng hồ sau chúng tôi trở lại bếp, kéo theo xe đầy những hạt pecan rụng vì gió. Lung chúng tôi mỗi nườm nượm vì lom khom nhặt chúng: rất khó tìm (bởi vì khi đến mùa chủ nhân đã cho rụng cây và bán hạt, và chúng tôi không phải là chủ nhân) bởi vì chúng trốn dưới đám lá, bị đóng giá, và che lấp dưới cỏ đầy gian dối. Rắc rắc, tiếng vỏ bị bóc nghe vui tai, những tiếng sầm nho nhỏ khi vỏ pecan bị vỡ và một đồng hạt nhân màu ngà, có vị ngọt và béo chất đầy trong một cái tô bằng thủy tinh trắng đục như màu sữa. Queenie cứ ừng ực đòi ăn và bạn tôi thỉnh thoảng nhón cho nó một miếng, mặc dù cứ nhất định bắt tôi và bà phải nhịn. “Minh phải nhịn, Buddy. Nếu chúng ta bắt đầu ăn chúng ta sẽ không thể nào ngừng lại. Và từng chỗ này không đủ cho ba mươi cái bánh.” Bóng tối dần dần tràn

ngập căn bếp. Hoàng hôn biến cửa sổ thành tấm gương: bóng chúng tôi phản chiếu kết hợp với vầng trăng đang lên khi chúng tôi làm việc bên cạnh lò sưởi nhờ vào ánh sáng của lò sưởi. Cuối cùng, khi vầng trăng lên cao, chúng tôi ném cái vỏ cuối cùng vào trong lửa và, cùng với tiếng thờ phào của chúng tôi, cái vỏ này bén lửa rồi cháy bùng lên. Trong xe không còn hạt pecan nào, cái tô chứa ruột pecan đã đầy đến mép.

Chúng tôi ăn tối bằng bánh bích quy nguội, thịt ba rọi muối lát mỏng chiên, và mực dâu đen và bàn chuyện ngày mai. Ngày mai chúng tôi sẽ làm công việc mà tôi thích nhất: mua nguyên liệu. Trái anh đào và chanh rừng, gừng, vanilla, thơm đóng hộp, da heo khô, nho khô, walnut, và rượu whiskey, và ô, rất nhiều bột, bơ, rất nhiều trứng, gia vị, bột mùi: tại sao, chúng tôi sẽ cần một con ngựa nhỏ để kéo con bọ về.

Trước khi mua những thứ này chúng tôi cần phải toan tính lấy đâu ra tiền. Cả hai chúng tôi đều không có tiền. Thịnh thoảng chúng tôi có một ít tiền do những người trong nhà thỉnh thoảng cho (mười xu đã là một món tiền lớn); hoặc là chúng tôi làm những việc vặt để kiếm tiền: như bán đồ ve chai vặt, bán những hộp dâu đen chúng tôi tự hái, vài lọ mứt trái cây làm bằng táo hay đào, hái hoa cho các nhà làm đám táng hay đám cưới. Có một lần chúng tôi thắng giải 70 – 9, được năm đô la, trong một cuộc thi đá bóng toàn quốc. Không phải là chúng tôi hiểu biết rất nhiều về bóng đá mà bởi vì chúng tôi hy vọng thu được tiền thắng giải vì thế chúng tôi tham dự bất cứ cuộc tranh tài nào mà chúng tôi nghe đến: bây giờ chúng tôi đang nhắm vào giải thưởng độc đắc năm chục ngàn đô la dành cho những ai có thể tìm ra một cái tên hay nhất cho một loại cà phê mới (chúng tôi đề nghị đặt tên là “A.M.”; và sau khi suy nghĩ, bạn tôi muốn tránh xúc phạm đến Chúa, nên khẩu hiệu dự giải được đổi thành “A. M.! Amen!”).

Nói thật, chỉ có một việc làm mà chúng tôi đã thu được

tiền, đó là thành lập một viện bảo tàng bỏ túi trưng bày điều Vui và chuyện Sợ ở sân sau nhà trong căn lều nhỏ bằng gỗ hai mùa hè trước đây. Điều Vui là tập hợp những tấm ảnh của Washington và New York chúng tôi mượn của một người trong họ (và bà ấy đã rất giận khi biết chúng tôi dùng bộ ảnh này để làm gì), còn chuyện Sợ là chúng tôi có một con gà con có ba chân mới nở. Mọi người nghe tiếng con gà con ba chân này và đòi xem. Chúng tôi bắt người lớn phải trả năm xu, trẻ con phải trả hai xu. Chúng tôi thu được hai chục đô la trước khi viện bảo tàng phải đóng cửa vì cái chết của nhân vật chính.

Bằng cách này hay cách khác chúng tôi dành dụm tiền để dành cho quỹ Giáng sinh, quỹ Bánh trái cây. Chúng tôi giấu tiền này trong một cái ví nhỏ có đính cườm dấu bên dưới một miếng gỗ có thể lắp vào hay tháo ra được dưới sàn gỗ, trong một cái lọ được dùng trong phòng, bên dưới giường của bà bạn tôi. Cái ví cườm này rất ít khi nào được lấy ra khỏi vị trí an toàn ngoại trừ để cất tiền vào, hoặc là lấy tiền ra mỗi Thứ Bảy; bởi vì mỗi thứ Bảy tôi được cho mười xu để đi xem phim. Bà bạn của tôi chưa bao giờ được đi xem phim, mà bà cũng chẳng muốn xem. “U thích nghe em kể chuyện hơn, Buddy ạ. Như thế u có thể tưởng tượng nhiều hơn. Thêm vào đó, một người ở tuổi như u không nên hoang phí cái nhìn của mình. Khi Chúa đến, u muốn được nhìn Ngài cho rõ.” Ngoài việc chẳng bao giờ được xem phim, bà cũng chẳng bao giờ: ăn ở nhà hàng, đi đâu xa nhà hơn năm dặm, nhận hay gởi điện tín, đọc cái gì khác hơn chuyện vui cười và Kinh Thánh, dùng mỹ phẩm, chửi thề, rửa người ta, nói láo và để cho một con chó dúi bị dúi. Còn đây là một số việc mà bà đã làm, bây giờ vẫn làm, dùng một cái xuống đập chết một con rắn rung chuông lớn nhất ở tỉnh này (mười sáu khúc đuôi chuông), hút thuốc (lén), dạy chim hummingbird (thử thôi) cho đến khi nó đậu trên ngón tay của bà, kể chuyện ma (cả hai chúng tôi đều tin có ma) đáng sợ đến độ chúng tôi phát run trong trời tháng Bảy, nói chuyện một mình, đi bộ trong mưa, trồng hoa japonicas đẹp nhất vùng, biết tất cả những bài thuốc trị

bệnh linh nghiệm của người da đỏ, kể cả cái thuốc làm tiêu mụn cóc rất linh nghiệm.

Bây giờ ăn tối đã xong, chúng tôi đi ngủ trong một góc rất hẻo lánh trong nhà, nơi bạn tôi ngủ dưới một tấm mền nổi bằng những mẫu vải khác nhau trên một cái giường sắt sơn màu hồng của hoa hồng, màu bà thích nhất. Lặng lẽ chìm đắm một cách thích thú của hai tên đồng lõa, chúng tôi lấy cái ví cườm từ chỗ giấu bí mật và trút tiền ra lên trên cái mền. Những tờ đô la giấy được cuộn tròn có màu xanh như những đợt cây non tháng Năm. Những đồng tiền năm mươi xu dịu dàng chất đủ nặng để neo câu. Những đồng mười xu đáng yêu, là những đồng tiền sinh động nhất, những đồng xu thật sự phát ra tiếng rùng rình. Đồng năm xu, đồng hai mươi lăm xu, mòn nhẵn như đá cuội trong suối. Nhưng phần lớn, là một đồng tiền một xu đáng ghét có mùi khó ngửi. Mùa hè vừa qua, những người trong nhà đã thuê chúng tôi một xu nếu chúng tôi đập chết hai mươi lăm con ruồi. Trời ạ, cái khốn khổ của tháng Tám: bầy ruồi bay lên thiên đàng! Tuy thế đó không phải là công việc mà chúng tôi hãnh diện. Và khi chúng tôi ngồi đếm tiền xu, chúng tôi có cảm tưởng chúng tôi đang đếm xác ruồi chết. Không người nào trong chúng tôi giỏi về con số; chúng tôi đếm chậm chậm, quên mất con số, đếm lại. Theo con số của bà chúng tôi có \$12.73. Theo con số của tôi, chúng tôi có 13 đồng. “Tôi hy vọng là em đếm sai, Buddy. Chúng ta không nên đùa với con số mười ba. Mấy tấm bánh sẽ bị xẹp. Hay phải chôn một người nào đó vào nghĩa địa. Tại sao, tôi không có ý định rời khỏi giường trong ngày mười ba.” Điều này đúng sự thật: bà luôn luôn ở trên giường không đi đâu trong ngày mười ba. Vì thế để cho an toàn, chúng tôi lấy ra một xu và ném ra ngoài cửa sổ.

Trong tất cả nguyên liệu để làm bánh trái cây, rượu whiskey mắc tiền nhất, và cũng khó tìm nhất: luật của tiểu bang cấm bán rượu whiskey. Nhưng tất cả mọi người đều biết là bạn có thể mua một chai từ tiệm của ông Haha Jones. Và ngày hôm sau, sau khi mua xong các thứ cần dùng, chúng tôi đi đến tiệm của ông Haha, một quán cà

phê “đầy tội lỗi” (theo ý kiến công cộng) có bán cá chiên và có khiêu vũ, ở gần bờ sông. Chúng tôi đã có lần đến chỗ ấy, và cũng cùng một lý do; nhưng những năm trước chúng tôi chỉ mua bán với vợ của ông Haha, một người đàn bà thổ dân da màu sậm tóc tây trắng với dáng ngồi của một người kiệt sức. Thật tình, chúng tôi chẳng bao giờ để mắt đến chồng của bà, mặc dù chúng tôi nghe nói là ông ta cũng là thổ dân Mỹ. Một người không lồ có vết sẹo mỏng cắt ngang mặt. Người ta gọi ông là Haha bởi vì ông luôn có vẻ buồn bã, một người không bao giờ cười. Lúc chúng tôi đến gần tiệm cà phê (một ca bin bằng gỗ khá lớn được trang trí từ bên trong lẫn bên ngoài bằng những sợi dây xích có gắn những bóng đèn màu sắc rực rỡ và đứng bên cạnh bờ sông bùn lầy dưới bóng của những tàn cây dọc theo bờ sông rong rêu mọc trên những cành cây trông giống như sương mù màu xám. Kể cả Queenie cũng thôi nhảy tung tăng và đi sát vào chúng tôi. Có người đã bị giết ở quán cà phê của Haha. Cắt ra thành từng mảnh nhỏ. Bị đập đầu. Có một vụ án sẽ được xử vào tháng sau. Thông thường những chuyện này chỉ xảy ra vào ban đêm khi những bóng đèn màu tạo ra những hình dáng dị dạng và cái máy hát phát ra những lời than thở. Ban ngày, quán của Haha có vẻ tồi tàn và vắng vẻ. Tôi gõ cửa, Queenie sủa, bạn tôi gọi: “Bà Haha ơi? Có người nào trong nhà không?”

Tiếng chân. Cửa mở. Trái tim chúng tôi lộn nhào. Đó là ông Haha Jones! Ông ta đích thị là một người khổng lồ; đúng là ông ấy có vết sẹo; ông không cười. Không, ông ta nhìn chúng tôi lom lom bằng cặp mắt xéch của quỷ Satan và muốn biết: “Các người muốn gặp Haha để làm gì?”

Trong một thoáng chúng tôi gần như tê liệt không thể mở mồm. Ngay lúc này, bạn tôi có phần nào tìm thấy giọng của bà, nói cho đúng, bà thều thào: “Xin ông Haha làm ơn, bán cho chúng tôi một lít rượu whiskey loại tốt nhất.”

Cặp mắt của ông ta càng có vẻ xéch hơn. Bạn có thể ngờ không? Haha mỉm cười! Còn cười to nữa chứ.

“Trong hai người ai là người uống rượu?”

“Chúng tôi mua rượu để làm bánh trái cây, ông Haha. Để nấu ăn.”

Điều này làm nét mặt ông dịu lại. Ông ta cau mặt. “Không nên phí rượu whiskey hảo hạng bằng cách này.” Tuy thế ông vẫn đi vào bóng tối bên trong quán cà phê và vài giây sau ông mang ra một chai rượu, không dán nhãn hiệu, có màu vàng của hoa cúc. Ông giơ lên cho chúng tôi xem nó sủi bọt lấp lánh trong ánh nắng và nói: “Hai đô la.”

Chúng tôi gom tất cả tiền xu tiền các để trả tiền cho ông. Bỗng nhiên, khi ông ta lắc những đồng xu loảng xoảng trong tay như lắc mấy hột xí ngầu, nét mặt ông bỗng trở nên dịu dàng. “Thế này nhé,” ông đề nghị, bỏ tiền trở lại vào ví cườm của chúng tôi, “hai bà cháu chỉ cần mang đến cho tôi một tấm bánh thay vì trả tiền.”

Bạn tôi nói lúc trên đường về nhà, “ông ta tốt bụng quá. Chúng ta sẽ cho nhiều nho khô vào cái bánh của ông.”

Cái lò màu đen, chất đầy than và củi cháy sáng rực như một quả bí rợ có đèn thấp bên trong. Khuấy trứng, dùng thìa cạo vét chung quanh vành tô chứa đường và bơ, mùi vanilla bay ngọt trong không khí, mùi gừng tăng thêm hương vị; mùi bơ tan, mùi gia vị thơm ngát mũi tràn ngập căn bếp, lan tỏa khắp nhà, bay tràn ra thế giới bên ngoài theo ống khói. Trong bốn ngày, chúng tôi sẽ làm xong. Ba mươi một cái bánh, tấm rượu whiskey, phơi bày ở vành cửa sổ và trên ngăn kệ.

Những tấm bánh này cho ai?

Cho bạn bè. Không nhất thiết là bạn bè láng giềng chung quanh: thật ra, phần lớn chúng được dành cho những người chúng tôi chỉ gặp may ra một lần, có khi chưa từng được gặp. Những người chúng tôi tưởng tượng. Thí dụ như Tổng thống Roosevelt. Thí dụ như Mục sư và bà vợ J. C. Lucey, những nhà truyền giáo đạo Baptist đi đến Borneo đã giảng đạo ở vùng chúng tôi ở hồi mùa đông

năm ngoái. Hay người mài dao nhỏ nhẩn đến làng chúng tôi một năm hai lần. Hay là Abner Packer, người tài xế của chuyến xe buýt sáu giờ sáng từ Mobile, đã vẩy tay chào chúng tôi khi ông chạy vèo ngang qua thả sau lưng đám bụi mù trời. hay là cặp vợ chồng trẻ Wistons, người ở California có một buổi chiều xe của họ bị hỏng ngay trước nhà chúng tôi và họ đã nói chuyện vui vẻ với chúng tôi một giờ đồng hồ trước hiên nhà (anh Wiston chụp ảnh chúng tôi, tấm ảnh vốn vẹn mà chúng tôi được chụp). Bởi vì bạn của tôi then thừa và nhút nhát với tất cả mọi người chỉ trừ người lạ và những người lạ này, có vẻ thật sự là bạn của chúng tôi? Tôi nghĩ là đúng như thế. Thêm vào đó, quyển kỷ niệm chúng tôi vẫn còn giữ những thiệp cảm ơn bằng giấy đặc biệt của tòa Bạch cung, những lần thỉnh thoảng trò chuyện từ California đến Borneo, những tấm bưu thiếp rẻ tiền của ông mài dao, làm chúng tôi thấy gần gũi với diễn biến của thế giới bên ngoài căn bếp của chúng tôi giới hạn bởi bầu trời.

Bây giờ một cành cây cây vả trụi của tháng mười hai đang cọ vào cửa sổ. Căn bếp trống rỗng, tất cả những cái bánh đã được gửi đi; ngày hôm qua chúng tôi chờ những cái cuối cùng đến bưu điện, nơi mà giá tiền tem đã làm sạch bách túi tiền của chúng tôi. Chúng tôi cháy túi. Điều này làm tôi buồn bã vô cùng, nhưng bạn tôi cứ nhất định phải ăn mừng – bằng khoảng 5 phần rượu whiskey còn lại trong chai của Haha. Queenie được một muổng đầy rượu trong cái tô cà phê (nó thích uống cà phê có mùi chicory và pha rất đậm). Phần còn lại chúng tôi chia ra làm hai vào trong hai cái ly dùng để chứa jelly. Cả hai chúng tôi đều rất gườm chuyện uống rượu whiskey nguyên chất; chỉ cần nếm nó cũng đủ mang lại vẻ mặt đầy hư hỏng và những cái rùn vai chua chát. Nhưng từng chút từng chút một chúng tôi uống rồi chúng tôi cất tiếng hát, hai chúng tôi hát cùng một lúc nhưng hai bài khác nhau. Tôi không thuộc lời bài hát mà tôi đang hát, chỉ có: *Đến đây đi, đến buổi khiêu vũ của những người giỏi nhất của thành phố tám tôi*. Nhưng tôi có thể nhảy múa: và đó là

cái nghề mà tôi muốn làm sau này khi tôi lớn lên, một người khiêu vũ biểu diễn bộ môn “táp” như trong phim ảnh. Bóng tôi vui vẻ nhảy múa trên tường; giọng chúng tôi làm rung động cả chén đĩa; chúng tôi cười khúc khích: như thể có bàn tay vô hình nào cù cho chúng tôi bị nhột. Queenie lăn ngửa người, bốn chân quều quào trong không khí, có cái gì giống như nụ cười trên cái mồm đen của nó. Trong lòng, tôi thấy ấm áp và sáng lóe như những thanh củi đang cháy, tự do như gió thổi qua ống khói. Bạn tôi xoay vòng theo điệu luân vũ waltz chung quanh bếp lò, bà nhón cái chèo vấy như thể đó là một cái áo dạ hội: *Hãy chỉ cho tôi đường về nhà*, bà hát, đôi giày tennis của bà kêu rín rít trên nền nhà. *Hãy chỉ cho tôi đường về nhà*.

Hai người trong họ bước vào nhà bếp. Giận dữ. Càng quyền hành hơn với ánh mắt đầy vẻ khiển trách và lời nói có thể làm bong tuột da. Lắng tai nghe những lời họ nói, những chữ xô vào nhau bằng một giọng phẫn nộ: “ Một đứa trẻ bảy tuổi! Sặc sụa mùi whiskey! Bà có điên không? Cho thằng bé bảy tuổi uống rượu! chắc chắn là phải khủng điên! Trên đường đi đến chỗ diệt vong! Có nhớ người chị họ tên Kate không? Chú Charlie? Em rể của chú Charlie? Nhục nhã! Tai tiếng! Mất mặt! Quỳ xuống, cầu nguyện xin Chúa tha cho!”

Queenie rón rén chuồn phía dưới cái bếp lò. Bạn tôi cúi gằm đầu nhìn đôi giày của bà, cầm bà run rẩy, bà kéo váy hi mũi và chạy vào phòng. Rất lâu sau khi cả làng đã đi ngủ và căn nhà trở nên im lặng ngoại trừ tiếng chuông đồng hồ và tiếng thì thảo của ngọn lửa đang tàn, bà úp mặt khóc vào cái gối và nó đã ướt đầm đìa như một cái khăn tay của bà góa phụ.

“Đừng khóc,” tôi nói, ngồi ở cuối giường của bà và run rẩy mặc dù tôi mặc bộ đồ ngủ bằng vải rất dày có mùi của thuốc xi rô ho từ hồi mùa đông năm trước, “đừng khóc nữa,” Tôi van nài, chọc phá mấy ngón chân của bà, cù bàn chân của bà, “u đã quá tuổi khóc nhè rồi.”

“Đó là tại vì,” bà nắc, “ U đã quá già. Vừa già vừa đáng bị chê cười.”

“Không có chê, chỉ có cười thôi. U vui cười nhiều hơn bất cứ người nào. Nghe em nói này. Nếu u không nín khóc, ngày mai u sẽ mệt và không thể đi đón cây Giáng sinh.”

Bà ngồi thẳng lên. Queenie nhảy lên giường (nó không được phép nên chỗ này) và liếm má của bà. “U có biết một chỗ chúng ta có thể tìm thấy một cái cây thông Giáng sinh rất đẹp, Buddy. Và cả loại cây holy nữa. Trái của nó to bằng con mắt của em. Chỗ ấy ở mãi trong rừng. Xa hơn những chỗ mình đã đi. Bố của u thường hay mang về những cây Giáng sinh ở chỗ ấy: ông khiêng trên vai của ông. Đã năm mươi năm về trước. Còn bây giờ: U không thể chờ đến sáng mai.”

Buổi sáng. Sương đóng thành băng lỏng lánh trên cỏ; mặt trời, tròn như quả cam và có màu cam như mặt trăng lúc trời mùa hè, treo lơ lửng phía chân trời đánh bóng rừng cây màu bạc của mùa đông. Có tiếng gà rừng gáy. Có tiếng của một con heo rừng lạc bầy kêu trong bụi rậm. Không mấy lâu, chúng tôi phải bỏ con bọ ở bên bờ một con suối cạn, nước chỉ lấp xấp đầu gối nhưng chảy xiết. Queenie lội xuống suối trước, lồm bồm băng ngang suối sủa gâu gâu như than phiền trách móc dòng nước chảy quá mạnh và nước lạnh đủ để làm người ta sưng cả phổi. Chúng tôi theo sau, giày và dụng cụ (một cái rìu, và một cái túi đeo lưng) được nâng lên khỏi đầu. Đi thêm chừng một dặm nữa, gai nhọn trái cây hay cành hoa vướng mắc vào quần áo của chúng tôi; những gai màu nâu sạm của cành thông chiếu sáng vì những loại nấm màu và những cộng lông chim rụng. Ở chỗ này hay đằng kia, có tiếng sột sọat, cái tiếng vỗ cánh, và tiếng kêu lãnh lút đầy mê đắm của chúng làm cho chúng tôi nhớ rằng không phải tất cả các loài chim đều bay về phương Nam để trú lạnh. Luôn luôn có con đường ngoằn ngoèo xuyên qua những vũng nắng màu vàng chanh và những đường hầm tối tăm

dưới những cành cây đan ngón vào nhau. Chúng tôi phải băng qua thêm một con suối: làm khuấy động một đàn cá trau (trout) đang sủi bọt thở chung quanh chúng tôi, và những con ếch to bằng cái đĩa nhảy bì bõm, đàn rái cá đang xây tổ. Đứng bên kia bờ suối, Queenie quấy người cho bắn sạch nước và run rẩy. Bạn tôi cũng run rẩy: không phải vì lạnh mà vì quá phấn khởi. Một đóa hoa của chùm hoa cũ kỹ tàn tạ trên nón của bà bị rụng một cánh lúc bà ngẩng đầu hít thở không khí đậm mùi thông tươi. “Chúng ta sắp đến rồi; em có ngửi thấy mùi không, Buddy?” bà nói, làm như chúng tôi đang đến gần biển vậy.

Và, thật vậy, đó cũng là một loại biển. Những mẫu đất rộng bạt ngàn đầy mùi thơm của loại cây đặc biệt được dùng trong mùa thánh, và những bụi holly có lá đầy gai. Những trái dâu đại màu đỏ và sáng bóng như những cái chuông của người Trung hoa: đàn quạ đen bay vụt phía trên kêu la ríu rít. Sau khi nhét vào túi vải đeo lưng bao nhiêu là cây lá xanh và hoa trái đỏ đủ để trang điểm cả chục cái cửa sổ, chúng tôi tìm chọn một cái cây. “Cây này tốt đấy,” bạn tôi nói thú vị, “cao gấp hai lần một thằng bé. Vì thế thằng bé không thể trộm cái ngôi sao.” Cây chúng tôi chọn có chiều cao gấp hai lần chiều cao của tôi. Cái cây to và khỏe đã chịu nổi ba mươi nhát chém của cái rìu trước khi nó ngã với một tiếng kêu thảm thiết. Kéo nó đi sền sệt như một con mồi chúng tôi săn được, chúng tôi bắt đầu chuyển trở về mà đường còn rất xa. Cứ vài mét, chúng tôi phải bỏ nó xuống và ngồi thở. Nhưng chúng tôi có sức khỏe của những người thợ săn chiến thắng: đó và cái sinh lực của cái cây, mùi thơm băng giá làm chúng tôi hồi sinh, và thúc giục chúng tôi tiếp tục. Rất nhiều người ngợi khen chúng tôi khi chúng tôi về làng buổi chiều hôm ấy trên con đường đất đỏ; nhưng bạn tôi rất láu lĩnh và không hứa hẹn gì cả. Khi những người qua đường khen ngợi kho tàng của chúng tôi đang ngồi xõm trên con bọ: Cây thông đẹp quá và tìm thấy nó ở đâu thế? “Chỗ rất xa,” bà nói nhỏ, không rõ ràng. Một lần có một chiếc xe

ngừng lại và bà vợ lười biếng của ông chủ nhà máy xay giàu có nghiêng người ra nhõng nhẽo: “Cho hai người một số tiền cho cái cây già đó.” Thông thường bạn tôi rất sợ phải từ chối bất cứ lời yêu cầu nào và bất cứ ai; nhưng lần này bà lắc đầu ngay tức thì: “Chúng tôi chẳng lấy đồng nào cả.” Bà vợ ông chủ nhà máy xay cứ kiên quyết. “Một đồng, không chịu thì tôi đi đấy nhé! Thêm năm mươi xu. Đây là lần cuối. Chúa ơi, bà kia, bà có thể tìm một cái cây khác.” Bạn tôi trả lời nhẹ nhàng: “Không phải cái gì cũng có cái thứ hai.”

Về đến nhà: Queenie nằm ẹp xuống cạnh bếp lửa và ngủ cho đến ngày mai, ngáy to như người ta.

Trong một cái rương cũ cất trên gác xép có chứa: một cái hộp trước đây dùng để chứa giày trong ấy bây giờ đựng đầy lông đuôi chồn ermine (đã được gỡ ra từ cái áo khoác của một bà khách có vẻ rất khác thường đã có lần thuê một phòng trong nhà), những chuỗi kim tuyến mỏng manh biến thành màu hoàng kim vì cũ kỹ, một ngôi sao bằng bạc, một cuộn dây ngắn đã sờn, và những bóng đèn như những viên kẹo trông đầy vẻ nguy hiểm. Những món đồ dùng để trang trí trông sẽ rất tuyệt, có thể được dùng với tất cả tiềm năng của chúng, chỉ tiếc là tiềm năng này cũng chẳng có mấy hơi, bạn tôi muốn cây giáng sinh của chúng tôi sẽ sáng rực “như là cửa sổ của một nhà theo đạo Baptist,” trĩu nặng với những mảnh tuyết đồ dùng để trang trí. Nhưng chúng tôi cũng chẳng có tiền để mua những đồ trang trí rực rỡ của Nhật bán ở những tiệm bán đồ lật vật giá từ năm xu đến mười xu, vì thế chúng tôi làm những điều mà chúng tôi đã từng làm là ngồi ở bàn ăn, hết ngày này qua ngày khác, với kéo, bút màu và một chồng giấy thủ công nhiều màu. Chúng tôi vẽ hình mẫu và bạn tôi cắt những hình mẫu này ra. Có rất nhiều hình mèo, và cá nữa (bởi vì chúng dễ vẽ), vài quả táo, vài quả dưa hấu, vài thiên thần có cánh được cắt từ giấy bạc gói kẹo sô cô la Hershey chúng tôi đã để dành. Chúng tôi dùng kim băng để cài những hình chúng tôi đã sáng tạo lên cây; và cuối

cùng, chúng tôi trang điểm cây giáng sinh bằng cách rải lên cành những mảnh bông gòn cho giống như tuyết (chúng tôi hái bông gòn ngoài đồng từ tháng Tám để dành cho việc này). Bạn tôi, ngắm nghía kết quả, chấp hai tay lại với nhau. “Nói thật nhé, Buddy. Có phải là chúng ngon mắt đến độ làm cho mình thèm ăn tươi nuốt sống chúng không chứ?” Queenie tìm cách ngón ngấu một thiên thần làm bằng giấy bạc gói kẹo.

Sau khi bện thành vòng và kết nơ lên những vòng lá Giáng sinh treo trên tất cả các cửa sổ phía trước nhà, công việc tiếp theo của chúng tôi là làm quà cho thân nhân. Những cái khăn quàng nhuộm màu bằng phương pháp thủ công cho quý vị phụ nữ, và cho phái nam chúng tôi pha chế một hỗn hợp nước chanh nấu với licorice và hào vào thuốc aspirin dạng lỏng pha đường để dùng cho mỗi khi có “triệu chứng bị cảm đầu tiên sau khi đi săn.” Nhưng khi đến lúc chúng tôi cần làm quà cho nhau thì chúng tôi tách riêng ra để giữ bí mật. Tôi muốn mua cho bà một con dao có cán màu ngọc trai, một cái radio, và một cân trái anh đào có bọc chocolate (chúng tôi có lần được nếm thử và bà thề: “U có thể ăn món đó suốt đời, Buddy, Chúa ạ, đúng vậy, chắc chắn như thế, u không có nhắc đến tên Chúa khơi khơi đâu”). Nhưng thay vì cho bà những thứ mà bà ao ước, tôi chỉ có đủ khả năng làm một con điều. Bà muốn cho tôi một chiếc xe đạp (bà nói một vài lần: “Ước gì u có khả năng, Buddy. Không thể có được điều mình mơ ước trong đời đã là chuyện bất hạnh, nhưng càng đáng buồn hơn khi mình không thể tặng cho người thân món quà mình muốn tặng. Một ngày nào đó, u hy vọng là u có thể làm được chuyện ấy, Buddy. Em hãy để ý tìm chiếc xe nào em thích. Đừng hỏi u sẽ làm gì hay làm cách nào. Có lẽ u sẽ ăn trộm nó”). Tuy thế, tôi khá chắc chắn là bà cũng sẽ làm cho tôi một con điều – cũng như hồi năm ngoái, còn năm kia: chúng tôi tặng nhau cái giàn ná. Tất cả những thứ này tôi đều hoan nghênh. Bởi vì hai chúng tôi là những người thả điều hạng nhất. Chúng tôi nghiên cứu hướng gió thiện nghệ như là các anh thủy thủ;

bạn tôi, tài giỏi hơn tôi, bà có thể làm cho con điều bay lên khi không có đủ gió để chở chút mây nào cả.

Buổi chiều của ngày trước ngày lễ Giáng sinh, chúng tôi vợ vét mấy đồng tiền năm xu hùn với nhau và đi đến tiệm bán thịt để mua món quà cho Queenie theo thông lệ, một cái xương bò thật xịn. Cái xương, được gói bằng giấy có nhiều hình khối hài được đặt rất cao gần ngói sao bằng bạc. Queenie biết là khúc xương ở đây. Nó ngồi ở góc cây, nhìn lên với một vẻ tham lam mê đắm: khi đến giờ đi ngủ nó cũng không chịu nhúc nhích. Cái chộn rộn của nó cũng tương đương với sự phấn khích của tôi. Tôi đá tung mền và đổi mặt gối làm như thể đó là một đêm mùa hè nóng bức như thiêu đốt. Đâu đó có tiếng gà gáy sáng, nhảm lẫn, vì mặt trời vẫn còn ở phía bên kia của quả địa cầu.

“Buddy, em có còn thức không?” Đó là bạn tôi nói vọng qua từ bên kia phòng của bà sát bên cạnh phòng tôi; và một chỉ một thoáng sau bà đã ngồi trên giường tôi tay cầm ngọn nến. “Giờ ạ, u chẳng ngủ được tí nào cả,” bà tuyên bố. “Trí óc u cứ như mấy con thỏ nhảy lảng quăng loạn xạ. Buddy, em nghĩ là bà Roosevelt sẽ đem bánh trái cây của chúng ta ra dùng trong bữa ăn tối?” Chúng tôi co ro trên giường và bà nắm tay tôi như thể muốn nói u yêu em lắm. “Có vẻ như bàn tay của em lúc trước nhỏ hơn nhiều. U đoán là u không thích nhìn thấy em lớn lên. Nhưng mà khi em lớn lên chúng ta vẫn là bạn với nhau chứ?” Tôi nói chúng ta sẽ luôn luôn là bạn của nhau. “Nhưng mà u cảm thấy không thoải mái chút nào cả, Buddy. U thèm cho em một chiếc xe đạp vô cùng. U cố tìm cách bán cái cameo, đồ nữ trang cài áo, mà bố của u đã cho. Buddy” – bà ngập ngừng, như thể xấu hổ - “U làm cho em một con điều.” Rồi tôi thú nhận tôi cũng làm một con điều cho bà; và chúng tôi cười ồa. Cây nến đã cháy quá ngắn nên không còn cầm được nữa. Rồi nó tắt, để lộ ánh sao trên trời, những vì sao gần trên cửa sổ như một bài hát giáng sinh, và dần dần ánh sáng ban ngày cất

đứt sự im lặng. Rất có thể chúng tôi đã ngủ quên; nhưng ánh sáng hừng đông như nước lạnh dội vào mặt chúng tôi: chúng tôi thức giấc, mắt mở to, và đi lang thang trong khi chờ những người trong nhà thức giấc. Đây cố ý, bạn tôi đánh rơi cái ấm nước lên nền nhà. Lần lượt mọi người trong nhà thức giấc, nhìn chúng tôi với vẻ gườm gườm như muốn giết cả hai, nhưng vì hôm nay là ngày Giáng sinh họ không thể làm chuyện ấy. Trước nhất là một bữa ăn sáng thật thịnh soạn có tất cả những món bạn có thể tưởng tượng – từ flapjacks (bánh bột chiên) và socola chiên cho đến cháo bột bắp và súp non của mật ong. Các món này làm cho tất cả mọi người thích thú ngoại trừ bạn tôi và tôi. Thành thật mà nói, chúng tôi mất kiên nhẫn phải chờ đợi được cho phép mở quà đến độ chúng tôi không thể ăn.

Ha, tôi khá thất vọng. Ai mà không thất vọng chứ? Mấy đôi vớ, áo mặc đi học thánh kinh ngày Chủ nhật, vài cái khăn tay, cái áo len cũ, và một năm báo tôn giáo cho trẻ con được trả tiền trước, từ *The Little Shepherd*. Nó làm tôi sôi máu. Thật như vậy.

Bạn tôi được quà khá hơn. Món quà tốt nhất của bà là một túi quýt. Tuy thế, món quà là bà có vẻ hãnh diện nhất là cái khăn quàng bằng len trắng do người chị đã lập gia đình của bà đan cho. Nhưng bà nói món quà bà yêu nhất là con điều tôi đã làm cho bà. Và con điều này rất đẹp; mặc dù nó không đẹp bằng con điều bà làm cho tôi, nó màu xanh và có lấm tẩm điểm vàng và những ngôi sao màu xanh lá cây dành cho đứa trẻ ngoan có hạnh kiểm tốt; còn hay hơn nữa là, tên của tôi được vẽ lên ấy, “Buddy.”

“Buddy, có gió lên rồi.”

Gió lên, và sẽ không có gì xảy ra cho đến khi chúng tôi chạy ra đồng cỏ tít phía dưới đồi. Đó là nơi Queenie đã chôn những thừa xương để nó gặm (và đây cũng là chỗ, vài mùa đông sau đó, Queenie cũng sẽ được chôn). Ở đây, đứng trong cỏ mọc rất khỏe cao đến thắt lưng, chúng tôi thả dây cột điều, cảm thấy chúng vẫy vẫy ở đầu dây như những con cá bay trên trời khi chúng bơi vào trong gió. Thỏa mãn, ấm người nhờ nắng, chúng tôi nằm dài

trên bãi cỏ, lật quýt ăn và xem những con diều nhào lộn. Không mấy chốc tôi đã quên những món quà tôi không thích là mấy đôi vớ và cái áo len cũ. Tôi sung sướng như thể chúng tôi đã thắng năm chục ngàn giải Độc Đắc của cuộc thi đặt tên cà phê.

“Ồ, sao mà tôi ngu tối thế này!” bạn tôi kêu lên, bắt thành linh tinh lại, như một người đàn bà chợt nhớ là mình bỏ quên bánh bích quy trong lò. “Em có biết u luôn luôn nghĩ đến điều gì không?” bà hỏi bằng một giọng như mới khám phá chuyện gì mới lạ và rất nghiêm trang, nhưng đó không phải là điều tôi muốn nhấn mạnh. “U luôn luôn nghĩ mình phải giữ cho mình một thân thể không bệnh hoạn hoặc đang chết dần mòn trước khi mình được gặp Chúa. Và u tưởng tượng rằng khi Ngài đến, cũng giống như chúng ta nhìn qua cửa sổ của một nhà theo đạo Baptist: xinh đẹp như những mẫu kính màu với mặt trời xuyên qua, chiếu sáng đến độ bạn không biết trời đang tối. Điều này làm u thấy dễ chịu: nghĩ rằng ánh sáng ấy đã mang đi tất cả những điều tăm tối đáng sợ. Nhưng u đánh cuộc là điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. U chắc chắn là vào lúc cuối đời thân thể người ta sẽ nhận ra rằng Chúa đã tự bộc lộ. Bằng cách dàn xếp cho mọi chuyện xảy ra như đã xảy ra.” – tay bà vẽ những vòng tròn như thể gom lại tất cả các đám mây, hai con diều, đồng cỏ và Queenie đang cào đất phía trên mẫu xương của nó – “nhìn thấy tất cả những thứ đã được luôn luôn hiện diện, là đã nhìn thấy Chúa. Và đối với u, u có thể lìa bỏ thế gian này với những điều u nhìn thấy.”

Đó là lần Giáng sinh cuối cùng chúng tôi bên nhau.

Cuộc đời đã chia rẽ chúng tôi. Những người tự phụ là Hiểu Biết Nhất đã quyết định gửi tôi đi học trường Thiếu sinh quân. Và sau đó là những chuỗi ngày khổn khổ nghe tiếng còi toe toe như ở nhà tù, hay những tiếng còi báo thức rất bức mình ở trại hè. Tôi cũng có nhà mới nhưng điều này chẳng đáng kể. Nhà là nơi bạn tôi ở mà tôi không bao giờ về thăm được.

Và bà ở nơi ấy, lạnh quanh trong nhà bếp. Đơn độc với Queenie. Rồi chỉ còn lại một mình. (“Buddy thân mến,” bà viết thư bằng nét chữ thẩu thô rất khó đọc, “hôm qua con ngựa của Jim Macy đã đá Queenie một cái rất nặng. Em nên mừng là nó chẳng đau đớn lâu. U quần nó bằng một tấm khăn vải mịn và lấy con bộ đẩy nó đến đồng cỏ Simpson để cho nó có thể chơi với tất cả những khúc xương của nó . . .”). Chừng vài năm sau cũng vào tháng Mười Một, bà tiếp tục nướng bánh trái cây một mình; không nhiều như trước, nhưng vẫn nướng bánh: và dĩ nhiên, bà luôn luôn gởi cho tôi “cái ngon nhất trong loạt bánh này.” Trong mỗi lá thư bà cũng kèm theo một đồng tiền mười xu quần bằng giấy đi câu: “Em hãy đi xem một cuốn phim rồi viết thư kể lại cho tôi nghe.” Nhưng dần dần, những lá thư sau đó bà nhằm lẫn tôi với người bạn thời xưa, người cũng có tên là Buddy đã chết vào những năm 1880; rồi càng lúc càng nhiều hơn những khi bà nằm mãi trên giường chứ không chỉ có ngày mười ba: rồi có một buổi sáng tháng Mười Một lại đến, một buổi sáng mùa đông không còn lá và cũng không có tiếng chim, bà không còn đủ sức để tự ngồi dậy và kêu lên: “Ồ đã đến lúc làm bánh trái cây rồi!”

Và khi điều này xảy ra, tôi đã biết trước. Mẩu nhắn tin này chỉ xác nhận một mảng tin mà huyết quản của tôi đã bí mật nhận được, tôi có cảm tưởng như một phần thân thể của tôi bị cắt đứt lìa, bỏ rơi tôi như một con điều đứt dây. Đó là lý do, khi tôi băng ngang sân trường một buổi sáng đặc biệt trong tháng Mười Hai, tôi cứ tìm kiếm mãi trên bầu trời. Như thể là tôi biết trước sẽ được nhìn thấy, thay vì đó là hai trái tim, sẽ có một đôi điều bị đứt dây đang hồi hả bay về hướng thiên đàng.

TRỊNH KHẢ NGUYÊN

Bình An Dưới Thế

Đoạn đường càng lúc càng trở nên đông đảo, chộn rộn. Người ta, xe cộ nối đuôi nhau thành một dãy dài. Mặt trời lên cao, nắng đã nóng. Những lá cờ đạo cắm trên trần xe lộng gió bay phất phới.

Thiên hạ đảo đạc nhìn về hai chiếc trực thăng và mấy chiếc máy bay quan sát đang quần thảo. Tiếng súng nổ không ròn rã lắm, nhưng rõ mồn một. Trận đánh từ từ mờ sáng đến giờ vẫn chưa ngưng, phải gọi đến phi cơ và nghe đâu có cả thiết giáp nữa. Con đường đến Trà Kiệu, nơi tổ chức Đại hội Đức Mẹ, bị cắt đứt vì đánh nhau. Thỉnh thoảng một vài người cưỡi xe Honda ngược chiều, từ phía có đánh nhau trở lại, đám người đang đứng chờ nhón nháo muốn biết tình hình đằng ấy ra sao, liệu có đi được không. Và chỉ nhận được những cái lắc đầu.

Trẻ nhỏ thừa dịp nghỉ, chạy nhảy đuổi bắt nhau, thêm vài chiếc Honda nổ máy chạy tới chạy lui làm không khí huyền ảo. Còn người lớn, một số rất ít là bạn hàng xe đồ, hầu hết là tin đồ hành hương mừng đại hội Đức Mẹ. Ai cũng mong ngóng cho được yên ổn để tiếp tục đi. Dù tin ở phép lạ song không ai muốn xông tới với lửa đạn đằng trước, nhưng hy vọng trong chốc lát mọi bất trắc sẽ qua, nên ai cũng chờ, chẳng ai quay về.

Hai chiếc trực thăng vẫn còn quần thảo trên trời, giấp một vòng lại chúi xuống phóng những trái đạn rocket, khói trắng, khói đen cuộn nhau bay lên. Có người tỏ vẻ lo sợ vì cảm thấy chỗ đang đứng không yên ổn gì, từ đây đến nơi súng nổ không xa, nằm trong tầm đạn. Và biết đâu năm mười phút nữa một quả mìn có thể nổ ngay đây, có người ngã ra chết, rồi lại đánh nhau nữa cũng nên. Khi sợ dễ tưởng tượng ra đủ điều, như chừng người ta đã ngủ

thấy mùi thuốc súng phảng phất trong không khí, cảm thấy hơi nóng của lửa cháy nhà.

Những lá cờ đạo vẫn tung gió như những tấm lòng kính Chúa, kính Mẹ được dịp biểu dương. Thật là một ngày đại hội, nếu không làm gì có cảnh tượng như thế này. Không thể nhìn với cái chết đang chờ chờ đâu đó. Xác những chiếc xe đồ, xe nhà binh bị mìn đổ nhào xuống ruộng cháy đen còn phơi những thanh sắt, tấm "tôn" cong queo. Mỗi lần như vậy biết bao nhiêu người đứt đầu, toát bụng, ai mà nhớ cho hết. Cảnh tượng ấy lặp lại đều đều nên ai cũng nơm nớp một ngày nào đó đến phiên mình. Người ta dành lại lòng thương xót đối với kẻ xấu số đi trước để lo sợ cho chính bản thân mình, kẻ đi sau. Thời buổi chiến tranh mạng sống như đèn trước gió. Bây giờ đi đứng, ăn uống, nói cười, tôi lại một quả ca-nông rơi nhằm nhà thì tiêu tan không còn tí thịt. Biết đâu được mà lường chỉ gắng tránh trở được ngày nào hay ngày đó, qua một ngày mừng một ngày, qua một đêm mừng một đêm. Ai cũng ngao ngán, chỉ cần lấy phúc đức để tai qua nạn khỏi. Nhưng rồi tai vạ cũng chụp xuống trên đầu những kẻ suốt đời chỉ biết có cuộc cây, chưa đi đâu ra khỏi ruộng nương. Bom đạn bám mãi trên đất này, trên đầu họ không tha. Cuối cùng chỉ còn biết nhờ vào sự che chở thiêng liêng, nên mỗi lần có một tai nạn lại có một chiếc miếu dựng lên để thờ cúng những vong linh bất đắc kỳ tử phò hộ cho những người còn sống sót. Đọc theo hai bên đường biết bao nhiêu là miếu. Từ những miếu xây bằng xi-măng quét vôi màu với dăm ba chữ nho ghi phía trước đến những miếu tạm bợ bằng thùng gỗ đặt trên chân tre. Vào những ngày rằm, mừng một, miếu nào cũng chuối bánh, đèn nhang, vàng mã rực rỡ. Nhưng với đà chiến tranh này rồi ra cũng hết cả người để thờ cúng. Ai cũng thành ma vất vưởng. Miếu càng ngày càng nhiều trong lúc đồng ruộng hai bên đường đã từ lâu không có lấy một gốc rạ và cũng không có một bụi cỏ xanh. Đôi nơi ruộng biến thành đường xe chạy, vết bánh xe nhà binh, xe tăng bám lở mặt đất còn hằn rõ. Đó là những lần tiến quân, những trận đánh nhau ghi dấu tích. Hai bên cầu cống là đồn lính, đây

kẽm gai bủa ra tứ phía. Mặt ruộng phẳng lì, cháy khô chạy đến tận những chòm cây xanh xanh. Tôi không biết đây là làng xóm nào và Thịnh cũng không rõ. Tôi chỉ về phía ấy bảo :

-Chắc ban đêm trong ấy lắm ma.

Thịnh góp vào :

-Toàn là ma đứt đầu, đứt chân tôi lại hiện về tìm những phần thân thể đã mất..

Dù là lời nói đùa, nhưng tôi mừng tượng những bóng hình tàn tật đang lang thang khổ sở. Chiến tranh biến họ thành những con chồn, con chuột, bỏ hết công ăn việc làm, chui rúc trong hầm, trong hố. Khi chết không được toàn thây. Bên này và cả bên kia cuộc sống người dân ấy là những kẻ khốn cùng.

oOo

Từ đằng trước có hiệu lệnh đi được, xe nổ máy chạy từ từ. Nếu là chuyện kẹt xe thường ngày thì nhiều người tranh nhau tìm lối đi trước. Bây giờ ai cũng muốn nhường. Tôi đi tới và tin ở đám đông : có thiên hạ cùng đi với mình.

Đến Nam Phước đoàn hành hương rẽ theo hướng tây về Trà Kiệu. Xung quanh bên xe dò Nam Phước chợ vẫn họp như thường, dân cư khá đông. Nhưng cách quốc lộ độ một vài cây số quang cảnh lại lạnh lùng. Những cánh đồng bỏ hoang không có lấy một bóng người, Nhà cửa sập đổ, những đồng gạch nằm im dưới dây leo, cỏ dại và tranh mọc cao tới bụng người, lan ra cả ngoài đường. Nơi nơi mấy đồn lính Đại Hàn lù lù trong những hàng tre.

Lính Đại Hàn, lính Việt Nam tăng cường giữ an ninh bố trí dọc theo đường, vác súng đi ngơ ngờ nhìn đây, nhìn đó, nhìn xe cộ người ta. Một người lính Đại Hàn đón tôi lại :

-You get light ?

Tôi bật quẹt lửa, hẩn đốt thuốc, cảm ơn rồi đi. Tôi cũng châm một điếu thuốc và nhớ lại nhiều chuyện về các hành động của các anh chàng này. Chiến tranh mang theo vào xứ sở này những người xa lạ với súng, với đạn để giết, để phá mà thôi. Chuyện họ đang bảo vệ lòng tin giống như

chuyện một con mẹ cho vay bóp chay bóp mặn đến rằm mừng một lên chùa gõ mõ tụng kinh thật nhiều. Tôi hoảng hồn vì hai xác chết để bên đường bị trói hai chân tay xỏ dọc một chiếc đòn như con heo sắp khiêng đi làm thịt. Quanh đấy mấy người lính ngồi ra dáng mệt mỏi, có lẽ họ vừa qua một đêm không ngủ. Từng đồng vỏ đạn trên mặt đường. Cách đường bốn năm mươi mét nhà cháy còn ngùn lửa. Dân chúng tụm lại từng nhóm nhỏ trong mấy chiếc quần rách sát lộ.

Địa điểm hành lễ hiện ra phía trước, trên một ngọn đồi, cò xí rục rờ. Tôi theo giòng người về phía nhà thờ, người ta trằng cả một ngọn đồi. Trên ngọn đồi là một nhà thờ khá xinh. Tôi đứng nhìn mọi người làm lễ. Có người bế cả trẻ nhỏ theo và đặt nằm trên nền giáo đường. Dường như để chúng sớm được phước lành. Cảm thấy một sức nặng trên hai vai, tôi như muốn quỳ xuống cùng mọi người : "Tôi cũng tin có Chúa, xin Chúa nhận lấy tôi". Hình ảnh Chúa xòe hai tay trên đầu đám tín đồ đang ngưỡng mộ Ngài, mặc dù không đạo, tôi tưởng chừng cũng đang được che chở và an ủi. Tôi cũng cần một sự thứ tha và an ủi như mọi người kia chứ. Có lẽ một ngày nào đó tôi cũng nên biết phủ phục dưới chân Ngài để gạt đi những ưu tư không đâu đang cấu xé hằng ngày. Một người quen đến chào tôi và hỏi tôi cũng đi lễ à. Tôi cười đáp lại. Quanh quần một lúc tôi và Thịnh tìm bóng mát ngồi nghỉ. Những bản nhạc Thánh truyền ra từ những loa phóng thanh, giáo hữu có kẻ đang hát theo.

Súng dưới làng cách chân đồi hai cây số lại nổ, nổ ran. Ban nhạc cứ tiếp tục hát, súng cứ tiếp tục nổ. Mọi con mắt lại đổ dồn về phía có tiếng súng. Lính lom khom chạy vô làng đằng sau là xe thiết giáp. Những tiếng nổ phập phình và lửa khói bốc lên cao. Người ta lại chỉ chỗ, bàn tán. Dân khiêng gánh, bồng bế chạy ra ngoài lộ. Họ khóc than : ngôi nhà bị cháy, con bò bị thương trong chuồng, đứa con bị lạc...Có kẻ chạy chỉ còn độc chiếc quần đùi, không nón, không dép. Họ sững sờ nhìn đám khói, đám lửa và nghe những tiếng nổ kinh hồn vừa đuổi họ chạy ra đây. Súng vẫn nổ, ban nhạc vẫn hát. Tôi nói với Thịnh :

-Thiên đàng, địa ngục không xa mấy nhĩ ?
Thịnh lặng lẽ nhìn đám người tội bởi chạy giặc.

oOo

Khi Đức Cha chủ lễ, mọi người đều làm dấu thánh giá và quỳ xuống. Tôi chẳng biết nên làm gì. Những lời thiết tha : "Cầu cho chúng con là kẻ có tội trong lúc này và trước giờ lâm tử". Đức Cha nói :

-Chúa ở cùng anh em :

Hàng vạn lời dâng :

-Chúa ở cùng Cha

Thật là một lời chúc lành đẹp đẽ, an bình cho nhau hơn hẳn những lời hoa mỹ nhưng nhằm tai khác.

Tôi ở đối diện với một nhà thờ và thường được nghe vị linh mục già ban phát của quý duy nhất cho hàng giáo hữu : "Chúa ở cùng anh chị em" trong mỗi sáng Chúa nhật, mỗi lần rước lễ. Tôi đâm ra khâm phục tác giả của câu nói trên để cho ngày nay và mãi mãi trong mọi lần gặp nhau giáo dân còn có một lời chí tình đẹp đẽ để cầu chúc cho nhau. Tôi cũng thuộc được câu ấy. Một niềm tin nào đấy ấp ủ trong câu nguyện ước kia. Cũng như tiếng chuông đổ vào từng chiều, từng sáng gợi lại một niềm tin đang nằm im lìm đâu đấy.



Tôi không hiểu tại sao đến bây giờ tôi chưa nhận đạo, mặc dù lắm khi tôi tưởng chừng có Chúa, tôi đã thấy Ngài hiển hiện trong từng tiếng chuông chiều. Chúa ở cùng anh em, vâng, Chúa cũng ở cùng tôi. Chúa ở cùng mọi người,

nhưng tôi chưa được thỉnh cầu đến Ngài để chúc phúc cho anh em : Chúa ở cùng anh em, Chúa ở cùng Cha.

Súng bên dưới còn nổ đều. Nắng buổi trưa dịu hơn mọi ngày, trời thật im, trời không gió. Tôi hiểu gì về những lời giảng từ trên cao truyền xuống.

oOo

Thiên hạ có kẻ ở lại, có kẻ lục tục ra về. Ngoài đường xe cộ thưa hơn và có thêm người chạy lánh nạn. Nhìn mọi người ai cũng hân hoan, họ vừa được chúc lành hay vừa qua khỏi một trận chiến kinh hoàng.

Sông Thu Bồn vào mùa nước cạn, từng nhóm ghe đậu sát vào nhau. Những sợi khói mỏng vương vất trên không. Những chiếc rở cá căng ngoài sông ngửa mặt lên trời. Một chiếc trục thẳng lướt ngang mặt sông như con bói cá. Một người lính gác cầu Cầu Lâu đi đi lại lại, kê súng vào thành cầu nổ vài phát đạn cầu may vớ vắn xuống mặt nước lờ lờ. Nhìn lên phía tây, những ngọn núi trọc lóc cháy vàng, thấy cả ngọn đồi nơi tổ chức lễ. Tôi phân vân với Thịnh : Mình trở về từ thiên đàng hay địa ngục ?

(Bách Khoa số 356 ngày 1-11-1971)

Sơ lược tiểu sử: Không rõ

TRẦN HOÀI THƯ

Nay Lat

Buổi chiều, đơn vị dừng lại tại một ấp ven chân núi. Những người lính đã đào hầm phòng thủ trước khi sửa soạn bữa cơm chiều. Họ đào gấp rút hồi hã dưới cơn mưa triền miên của một ngày tháng chạp. Họ co ro trong tấm poncho rộng thùng thình, phập phồng trước những cơn gió xoáy. Nước mưa chảy theo từng nhát xẻng: nước mưa theo từng luống đất, tuôn vào hố hầm, và người lính phải lội bì bõm để di chuyển hoặc tìm những mô đất cao hơn. Bầu trời xám và nặng trên các đợt cây khô héo, trên cánh đồng rộng ngập nước mênh mông. Chỉ có mưa, mưa trắng xóa, mưa phủ cả đỉnh núi mờ một màu trắng giải. Sương bắt đầu đùa lên sớm hơn trên chóp núi cao bên kia mặt khu.

Bây giờ toán lính đã xách những lon cơm bằng nhôm trắng, ăn vội vàng dưới cơn mưa đổ. Họ ăn vội vàng, bằng tay hay bằng những que củi nhỏ. Những người lính Thượng tụ tập dưới một tàn cây khô, nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ riêng. Thức ăn của họ là những con chuột, cóc hay nhái được mắmlâu ngày. Toán lính người Kinh đang cười giỡn một cách vô tư lự. Mưa đổ những giọt vào cơm, hòa lộn, nhão nhoẹt trong lon gô. Họ ngồi chồm hồm trên đám cỏ dại, chuyền cho nhau thức ăn bên những chiếc hố vừa đào âm áp nước. Người lính truyền tin đang ngồi dựa vào gốc cây. Tiếng máy sôi, át hẳn trong tiếng mưa. Hình như hắn đang ngủ gục. Thỉnh thoảng hắn lại chòang dậy nhưng mắt vẫn còn nhắm, để chụp ống liên hợp lên nghe ngóng. Một tiếng chửi thề tục tằn vang lên rồi chìm đi trong bể âm thanh cuồng nộ. Không ai muốn đứng dậy. Ngay cả người lính gác cũng ngồi bất động trong chiếc áo mưa, bên khẩu súng lạnh lẽo. Đôi mắt hắn, dõi về phía núi xa, bây giờ chỉ là một con quái vật, đang yên giấc trong một buổi chiều sắp chết.

Trung đội hai. Trung đội chịu chơi. Trung đội đánh giặc chi. Trung đội cận thị. Từ trung đội trưởng, thiếu úy luôn luôn mang kính suốt ngày, đến trung sĩ Vọng, trẻ tuổi đẹp trai, hai mắt lồi như hai ốc bươu, chỉ mang kính khi đi hành quân. Rồi khinh binh Võ hồng Nga, to cao như Mỹ đen, biệt danh là trâu điên, nhưng hiền khô nhất. Hắn không bao giờ mang kính dù độ mắt nặng nhất. Hắn xấu hổ khi nghĩ rằng, cặp kính bắt hắn trở nên đạo mạo, có học. Rồi binh nhất Ứng Luông nhỏ con nhất trung đội. Hắn cũng giống như Trung sĩ Vọng, chỉ mang kính khi đi hành quân. Tất cả tụ tập vào trung đội hai. Trung đội bốn mắt. Trung đội đui mù một nửa khi mưa ngàn đổ xuống, khi sương núi buổi sáng bốc lên. Trung đội trưởng cột kính bằng sợi dây thun quần đàn bà lò mò dẫn đám lính, mũ vải rừng chụp xuống trán, không cần nón sắt, áo giáp chờ che. Trung đội phó, chiếc kính vành đen, rộng, quay lại giục lính bước mau hơn. Khinh binh Nga, trâu điên hiền khô, vác M60 bước đi quờ quạng. Đôi mắt mở trừng khốn khổ. Hai con người lồi ra như hai hòn bi lạc loài. Bước chân voi của hắn vấp phải bước chân của người đi trước. Binh nhất Ứng Luông, đạo mạo trong đôi kính phát bởi quân y, súng chĩa ra bìa làng, như một nhà triết gia cô độc giữa trần gian. Họ đến áp vào buổi chiều khi mưa đuổi theo, sau lưng và gào thét trước mặt. Mưa bít bùng vào những ngày cuối tháng như thể tiếp tục kéo dài bất tận. Chỉ có những ngày như thế này, họ mới lên đường. Có lẽ đời họ bây giờ chỉ có màn đêm và mưa gió làm nhân tình. Mưa làm sự quan sát của địch trở nên thâu hẹp lại. Mưa làm sự canh phòng của toán canh giới trở nên lỏng lẻo. Địch làm sao ngờ được giữa đêm thiên la địa võng này, mà mưa gió cuồng loạn như xé cay tròng mắt, lại có những kẻ lên đường. Địch làm sao biết được giữa cõi đêm dày, trên một đồng ruộng ngập lụt mệnh mông, lại có lũ âm binh đi săn mồi. Những dấu hiệu lân tinh trên vai áo, trên ba lô. Những nòng súng chúm mũi, sợi dây thừng nối nhau từ người này đến người khác, những bàn tay bầu chặt, những đóm lửa thềm khát được tắt đi... Vì sao không còn hiện trên bầu trời để làm chuẩn điểm cho hướng đi. Bản đồ

chẳng còn được dùng để tìm ra số nhà đột kích. Chỉ còn chiếc địa bàn trên tay người trung đội trưởng cận thị. Chỉ có chiếc kim nam châm chênh lệch cho một phương giác. Không cần biết đâu là hồ, ao, kênh rạch. Đám lính dường như không biết được những gì sắp xảy ra trong đêm nay. Với họ, không có gì lạ lùng dưới màn đêm, cũng như ánh nắng mặt trời. Hành quân. Hết hành quân là trở về hậu cứ. Mỗi năm một lần phép. Ngày lau chùi súng đạn, làm tạp dịch, tu bổ hồ hầm phòng thủ. Cuối tháng lãnh lương thêm mấy trăm đồng tiền thám kích, để trả nợ, đánh bạc, hay chơi bời...Những gì sắp xảy ra, vẫn quá chừng quen thuộc.

Mưa vẫn triển miên không dứt hạt. Người lính già nói bằng quơ:

- Minh về kỳ này, chắc có lương.

Một người lính khác thêm vào:

- Lãnh sớm chừng nào mau hết chừng này, bố.

- Tội con vợ của tao. Nó khóc bù lu bù loa. Nó đòi trả con cho tao nuôi, về ở với má nó.

- Cho bà về đi. Đỡ tốn công nuôi, bố.

- Nghĩ cũng tội cho nó. Thằng hạ sĩ quan hậu cứ thằng tay trờ lương, làm sao tao có đủ mang về nạp nó chứ.

- Nè, bố.

- Gì, mày.

- Bố đi lính mấy năm ?

- Từ thời Tây.

- Bố qua Tây không ?

- Có. Bọn con gái bên đó mê tao ghê gớm.

- Bố xạo. Bố nghèo chứ phải giàu như bọn lính Mỹ bây giờ muốn gì được nấy đâu.

Giờ G. Giờ nào toán quân thức giấc. Đêm trôi bèo bồng trong con nước lớn. Trận bão rút đã thổi về vùng đất chết. Những trái sáng rơi rớt từ bên kia sông, và thẳng thốt, những trái đạn pháo từ hậu cứ rớt vào mặt trận. Rồi những sửa soạn bắt đầu. Dây nịt đạn, ba lô, bi đông nước, cột chặt vào người. Hôm nay là ngày 23 tháng chạp. Hai ngày nữa là lễ giáng sinh. Một ngày nữa là hưu chiến tạm thời.

Đài, tin tức đều nói vậy.

Những cơn gió mạnh thổi từ bên kia sông kêu rít trên những đợt tre. Bây giờ, một bề âm thanh náo nức của ếch ương, ếch nhái kéo theo, lướt trên mặt nước. Đêm như mực xạ. Đơn vị bắt đầu di chuyển. Thiếu úy trung đội trưởng trung đội hai cầm địa bàn, xác định lại phương giác. Chàng quay lại hỏi người lính mang máy:

- Hỏi lại phương giác bao nhiêu, Trị ?

- Dạ.

- Trời lạnh ghê... Năm nay, giáng sinh lạnh hơn mọi năm.

- Dạ. Quê thiếu úy ở đâu?

- Langbiang.

- Tên thật ngộ quá ha !

- Tên Tây mà. Bây giờ là Đà Lạt đó, mày.

- Đà Lạt chắc lạnh lắm.

- Trị chưa lên Đà Lạt ?

- Dạ.

- Mày phải lên Đà Lạt một chuyến. Đời người vắng Đà Lạt là một đời bỏ đi.

- Làm sao mà đi được, hờ ông.

- Thì tìm cách mà về, không trước thì sau. Về để còn hút thuốc, uống cà phê, và đắp mền ngủ với đàn bà.

Một lúc, tiếng giục rè rè trong máy. Trung đội 2, cho các đứa con zulu về vang đi. Về cái cách bắc bình hai lần whisky...

- Bao nhiêu?

- Để em xác định lại. ăm số mà thiếu úy.

- Mau lên. Tao lạnh quá rồi.

Trung sĩ Vọng đã đến bên người trung đội trưởng. Hấn hỏi nhỏ: Thiếu úy đâu? Ông đâu rồi, bọn mày? Người trung đội trưởng lên tiếng:

- Tao đây. Vọng.

- Zulu chưa, ông ?

- Sắp rồi. Nói anh em sửa soạn. Chia tổ đi sau, đi đầu chưa ?

- Rồi, ông.

- Mày cột dây thun vào gương chưa?

- Ông cột, tôi cột làm gì !

Tiếng cười khúc khích nổi lên, bị át trong tiếng mưa.
Người lính truyền tin sửa lại máy sau lưng:

- 3400, thiếu úy.

Mưa vẫn thét gào. Mưa rất cắt da thịt. Mưa nhòa nhạt những gương mặt. Nước ri rỉ trên đầu trên tóc.

- Lạnh quá đi.

- Đi chưa ?

- Đi rồi.

- Trung đội nào đi đầu ?

- Minh, thiếu úy.

- Đ. M, lại đi đầu. Đi đầu, trời sinh ra cứ bắt ta đi đầu.
Mưa gì dữ thế này. Đứa nào có khăn mù xoa khô không?
Cho tao mượn lau mặt kính. Nước nhòe không thấy gì hết ráo.

- Đêm mai Giáng Sinh, có hưu chiến không, ông?

- Mày gọi Chúa về mà hỏi.

- Chắc là mai mình về.

Tiếng nói cất lên rồi đi vào cõi yên lặng. Chỉ còn lại mưa và gió.

Giờ G. Người lính đi đầu, thụt lui và ngừng lại. Toán lính dồn cục đợi chờ. Một đoàn quân dài như con trăn trườn mình trên mặt đất. Người lính đi đầu không can đảm bước tới. Hắn nói với viên thiếu úy: Em chịu. Đường đi khó quá. Nước thì mênh mông. Tìm đâu ra lối đi.

Một trái sáng từ một đồn trên núi, được bắn lên, soi vàng cả một vùng. Cúi đầu xuống. Tiếng ra lệnh của người trung đội trưởng. Nói chuyện với anh em cúi đầu xuống hết đi. ánh hóa châu soi cả gương mặt từng người. Giọng trung sĩ Vọng thăm thì:

- Thăng Nay Lat không chịu đi, ông. Nó khóc.

- Kéo cổ nó đi.

- Nó run như bị sốt rét. Tôi chửi hoài nó vẫn trơ trơ.

- Bắn đi. Chết tao chịu.

Nhưng chàng biết chàng lỡ lời. Tiếng nổ bây giờ sẽ gây một hậu quả tàn khốc cho đám quân ma. Nếu như là ban ngày, chàng sẽ có biện pháp dễ dàng dành cho tên lính Thượng nhất gan này. Chàng đứng lại, chờ đám lính vượt

qua.

- Thăng Nay Lat đâu ?

- Nó đứng đằng sau kia?

Chàng gọi, nhỏ:

- Nay Lat ?

- Tui đây, thiếu úy.

- Sao mày không đi?

- Tôi sợ.

- Ai cũng sợ, chứ có phải một mình mày đâu. Tao cũng sợ.

Anh em cũng sợ.

- Tôi sợ, thiếu úy bắn tôi thì bắn.

- Mày ở lại thì ở. Bọn tao đi.

Chợt Nay Lat òa lên khóc:

- Tự nhiên tui sợ ông à. Tui không dám đi nữa. Đi nữa nguy hiểm lắm. Tui còn cái rừng cái núi, thiếu úy.

- Mày theo tao. Đi sau tao. Có gì đâu mà sợ.

- Tui còn về buôn về làng của tui. Mấy ngày nữa tôi được về rồi.

- Tao biết mày sắp được thuyền chuyển. Mau lên, anh em chờ mày.

- ừ, thiếu úy đi trước, tui đi sau, thiếu úy đừng bỏ tui.

- Làm sao mà bỏ mày được, Nay Lat. Can đảm lên.

Bỗng nhiên những tiếng cười khúc khích nổi lên: Thăng Nga trâu điên té bọn bây. Nó uống nước bọn bây. Người trung đội trưởng quay đầu lại giận dữ: Có im đi không. Một trái sáng từ đồn binh xa lại được bắn lên, cánh dù rơi lơ lửng giữa bầu trời trắng bạc bởi mưa.

Giờ G. Mục tiêu là đây. Con kênh bao bọc quanh làng như một biên địa giữa sự sống và sự chết. Cả bọn ngồi dưới bờ đất. Trời lấp lùng sáng. Nổi im lặng rờn rợn. Chỉ có chẳng là tiếng nước xoáy giận dữ dưới kênh. Chỉ có chẳng là tiếng đánh thành thạch trong lồng ngực bởi một nỗi lo âu vô cớ. Giọng của thăng truyền tin thì thảo bên ống liên hợp. Nó nói như run run với người trung đội trưởng: Đại bàng muốn nói chuyện với thiếu úy. Người trung đội trưởng bắt lấy ống liên hợp. Lệnh chuẩn bị vượt kinh trong vòng 15 phút nữa.

- Con kênh sâu lắm. Đại úy không nghe nước gầm xoáy sao?

- Dĩ nhiên. Nhưng mọi giá các con anh phải nhào vô.

Lệnh của ông dứt khoát, thẳng thừng. Mưa đã dứt, nhưng gió vẫn lồng lộng trên cánh đồng ngập nước. Người trung đội trưởng hỏi người lính mang máy:

- Thằng Nay Lat đâu rồi, Trĩ ?

- Em không biết, thiếu úy.

- Tìm nó thử coi.

- Có lẽ nó còn ở dưới mương.

Người trung đội trưởng bước dọc theo bờ mương, vừa thăm thì cùng những người lính đang ngồi ẩn đằng sau các mô đất. Bình tĩnh bọn mày. Sắp xung phong rồi đấy. Một tiếng nói thốt lên: Thèm thuốc quá đi. Cho em hít một hơi, em dẫu trong áo mưa, thiếu úy. Chàng gằn giọng: Đ. Mày, mày tưởng như ở nhà sao ? Chàng tiến về tổ cuối cùng đang bố trí về mạn Bắc. Chàng thấy mặt mờ đáng tên Nay Lat. Hắn ngồi bất động dưới mương và đang chấp hai tay cầu nguyện: Maria chúng con là kẻ có tội. Lời kinh buồn bã quá chừng tha thiết. Nó vang lên trước giờ toán quân vượt qua vùng đất chết. Nó lẫn quất trong cơn gió buốt giá của mùa đông, như kêu gọi lòng xót thương của đấng Cứu Thế, của Chúa Ba Ngôi trước giờ người lính lâm trận. Một giọng nói phát ra từ một người lính nào đó:

- Lại cái thằng Nay Lat này nữa. Giờ phút này mà đọc kinh, đọc kiết. Lát nữa đây, không biết Chúa có nghe lời cầu của nó hay không?

Chàng nói:

- Hãy để nó cầu nguyện. May ra chúng ta sẽ may mắn.

Và chàng ngồi bên cạnh người lính Thượng. Chàng bỏ chiếc nón rừng xuống, cúi đầu. Khẩu súng đặt trên đùi. Chàng nhắm mắt lại. Lòng chàng nghe lạnh đi. Dù chàng là kẻ vô đạo, nhưng chàng cũng thăm thì: Ngày mai là Giáng Sinh, xin Chúa ban cho tất cả chúng con bình an trong giờ phút sắp sửa. Hình như chàng nghe trong thính không, một khúc nhạc phong hồ cầm vọng về réo rắt.

THƠ LÊ VĂN TRUNG

BI KHÚC

32.

Các em hồi những mùa sao xuyến cũ
những con đường run rẩy bóng thanh niên
những mùi hương trinh khiết rợn môi tình
những đăm đuối tan trong từng sợi máu
đã tận hiến đêm cuồng điên giống bão
của mối tình hùng hực lửa si mê
của nghìn con nghe da thịt gọi về
đã bỏng cháy cả linh hồn thân xác
đã chết đuối trăm bến bờ hoan lạc
các em là thánh nữ của đêm thiêng
các em là khát vọng sáng lung linh
đã cuốn xoáy đã nhấn chìm sâu thẳm
vút lên cao lên muôn trùng vô tận
ôi các em đã từng bận từng cơn
đã từng phen ghi siết mãnh linh hồn
tôi vĩnh cửu giữa trần gian nhỏ bé
tôi cát bụi giữa lòng em bùng nổ
phút mê cuồng tôi lạc giữa rừng hương
phút mê cuồng hồn lạnh buốt trắng sương
các em đã vì nhau về giữa cõi
các em đã vì nhau mà réo gọi
để chiều nay ngồi đợi những mùa xưa
linh hồn tôi tan xuống lũng sương mờ
các em mãi như những chùm mây nổi
tôi rướn dậy hồn tôi không với tới
dưới khe buồn ray rức một dòng đau
áo thanh xuân xanh đỏ những gam màu
sớm phai nhạt giữa nguồn ân ái cũ
các em hơi mất môi tình thiếu nữ
gợi bên trời hun hút mộng chiều xanh
chút hương đời thao thức tuổi thiên thanh
của thân xác muôn ngàn đêm tận hiến
đâu những sóng những thuyền những bờ những bến
các em còn sầu đợi cõi trăm năm
các em còn đôi mộng phía xa xăm
chốn heo hắt vì sao tôi vĩnh cửu.

NGUYỄN THANH TRỊNH

Lễ Giáng sinh ở một thành phố lớn

Như thể chỉ còn hai ngày nữa là Giáng Sinh sẽ đến, chậm rãi nhưng chẳng thể nào say sưa.

Cả lớp đang rộn lên với những lời chúc mừng và mời hẹn. Tôi ngồi ở bàn giáo sư nhìn ngắm những thiệp mừng đầy những hình vẽ Chúa Hài Đồng, máng cỏ, lễ ba vua... do chính tay các em học sinh vẽ bằng màu nước sặc sỡ và ngộ nghĩnh gửi tặng. Một lớp học còn nhiều tình nghĩa, tôi nghĩ vậy và vừa lúc tiếng chuông vang lên. Các em đứng dậy thẳng người và chuẩn bị đọc những lời kính mừng Chúa ra đời mà các em đã học trong giờ giáo lý. Tôi để lại xấp thiệp trên bàn đi xuống đứng dựa lưng vào vách tường cuối lớp. Trước mặt chúng tôi, trên bảng đen, tượng Chúa đóng đinh trên thập giá chìm ngập trong ánh nắng vàng nhạt buổi chiều.

Tôi không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo. Tôi quen một sư huynh làm Giám học trường nữ trung học này mời dạy, anh là một tu sĩ cấp tiến đã học chung với tôi nhiều năm tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Thú thật, tôi đã rất ngỡ ngàng hôm nhận được lời mời. Tôi phân trần với anh trong một ngôi trường giàu đức tin như vậy làm sao có thể dung chứa được tôi. Anh cười nói, thế càng may cho cậu. Sinh hoạt trong một môi trường giàu đức tin, biết đâu nó sẽ giúp cho cậu có được đức tin, bộ cậu không cần đến đức tin sao. Đức tin, điều tôi chẳng bao giờ quan tâm đến. Tôi không biết khi tôi có đức tin tôi có sống khác với đời sống tôi đang sống không, có đức tin tôi sẽ sống dễ dàng hơn hay khó khăn hơn? Dù sao cũng thử xem, nên tôi đã vui vẻ nhận lời phụ trách môn Việt văn cho ngôi trường

thiên về chương trình Pháp của anh.

Vào những phút đọc kinh ở hai buổi sáng, chiều của các em, tôi cũng đứng lẩm bẩm những lời kinh còn nhớ được và khi những cánh tay của các em vừa giơ lên, tôi cũng theo các em làm dấu thánh nhanh và gọn gàng. Một em trong lớp đã buộc tôi phải làm như thế. Ngay trong giờ ra chơi buổi dạy đầu tiên, em đến hỏi tôi:

- Thưa thầy, sao thầy không đọc kinh?

Tôi chẳng biết nhận mình theo tôn giáo nào, còn giải thích sự thiếu đức tin trong tôi cho em hiểu thì thật phiền, vì sợ biết đâu lại chẳng gây ra mối ngờ vực tôn giáo trong em. Tôi đành nói:

- Tôi có thể đọc thăm được chứ.

Cô bé lắc đầu.

- Ai mà tin thầy. Em cũng không thấy thầy làm dấu thánh.

- Tôi cũng làm dấu ngầm trong đầu.

- Cái gì cũng trong đầu như thế thật tiện, lần sau em sẽ bắt chước thầy.

Tôi vội khua tay.

- Không được, các em thì khác.

Cô bé quay mặt đi, làm như không muốn cho tôi nghe, em đọc một câu trong sách kinh nói về sự bình đẳng của mọi người trước Thiên Chúa và tôi đã phải hứa lần sau làm như các em, cô bé mới vừa lòng.

Để giữ lời hứa với cô bé, khi tan học buổi sáng đó, tôi đi tìm thầy giám học nhờ anh chép hộ bài kinh các em

thường đọc (bài kinh ngắn khoảng nửa trang giấy học trò, nhưng đến bây giờ tôi vẫn chưa một lần đọc thuộc trọn vẹn và nhờ anh dạy làm dấu thánh. Anh nghi ngờ hỏi tôi đã bắt đầu có đức tin rồi sao, nhanh vậy? Vì muốn giấu anh chuyện cô bé chật vắn, nên tôi trả lời là tôi muốn bắt đầu hình thức và anh gật gù nói chẳng bao lâu rồi nội dung sẽ đến sau.

Trong giờ học kế tiếp, vào phút đọc kinh, tôi thấy rõ ràng cô bé liếc mắt nhìn tôi kiểm soát. Thật may, tôi còn nhớ những lời kinh đầu nên đọc rất to và sau cùng tôi đã làm dấu thánh rất gọn gàng. Chẳng bao giờ tôi quên được nụ cười “đắc ý” của em.

Cô bé ấy tên Giang. Lúc đầu, tôi cũng bực mình vì tính tò mò bất bẻ của em nhưng sau vài tháng dạy học, tôi nhận ra em rất thông minh.

Những người thông minh (nhất là con gái) gây nên rắc rối là chuyện thường, nên dần dần tôi đã thông cảm và có thiện cảm với em. Thật thích thú được dạy những em hay chật vắn vì nhờ đó lớp học đỡ tẻ nhạt.

Những tiếng A-men vang lên báo hiệu bài kinh dứt. Các em vội vã lấy cặp chào tôi ra về. Đợi các em đã xuống cầu thang, tôi mới chậm rãi rời lớp học.

Ngoài hành lang, tôi thấy bé Giang còn đứng chần chờ đợi ai. Buổi chiều có gió nên một tay cầm cặp, một tay em phải vuốt những sợi tóc bay lòa xoã trước mặt. Khi tôi đến gần, em cúi chào và trao một phong bì nhỏ màu trắng.

- Thừa thầy, ba má em có lời mời thầy đến dự tiệc chung vui với gia đình em đêm Noel.

Tôi đọc qua những lời mời viết trên danh thiếp in tên một thương gia nổi tiếng, rồi nói:

- Cảm ơn gia đình em. Trường nghỉ lễ một tuần, có thể tôi sẽ về thăm nhà ở ngoài Trung nên không chắc đến dự tiệc được.

Cô bé có vẻ hơi buồn, ngập ngừng lúc lâu em mới nói:

- Em kính chúc thầy mùa Giáng Sinh tốt lành.

- Tôi cũng chúc em và gia đình có những ngày lễ thật vui.

Tôi đi xuống cầu thang phía trái, dẫn đến phòng giáo sư. Các giáo sư đa số là sư huynh và di phước, đang chuyện trò vui vẻ quanh chiếc bàn ngồi họp. Tôi gặp thầy giám học khi đến rửa tay ở lavabo. Anh nói với tôi những lời mời như bé Giang và tôi cũng xin lỗi không thể chung vui. Tuy vậy, anh vẫn căn dặn vào đêm Giáng Sinh nếu tôi đột nhiên đổi ý thì đừng ngại gì cả, cứ đến đây chung vui, những chai rượu nho luôn luôn có sẵn để đón tiếp tôi.

Ngoài sân chơi không còn một học sinh nào. Những tàng cây cao và tường quét vôi xám nhạt làm nơi đây trời tối rất nhanh. Vào mùa này nắng quá yếu, buổi trưa gần như biến mất, người ta nhận ra buổi sáng quá dài, buổi chiều chỉ trong vài tiếng đồng hồ rồi buổi tối rất nhanh. Tôi đi bộ trên đường vắng, có hai hàng cây chạy dài che khuất màu trời ở phía xa. Không khí mát lạnh dần, thỉnh thoảng những con én bay lượn giữa hai chòm cây, trông như một đàn dơi đi kiếm ăn.

Gần một ngã tư, những ống đèn màu bên ngoài một siêu thị đã bật sáng. Tôi ghé vào như thường lệ để mua những thực phẩm làm sẵn. Những bữa ăn trưa, tôi đều ăn ở một quán gần nhà, nhưng bữa tối tôi thích tự tay mình làm lấy rồi ngồi ăn một mình thong thả và kiểu cách bên một ngọn nến.

Ở trong siêu thị đã trưng bày gần tuần nay một cây thông tươi lá xanh ngắt, mắc đầy những bóng điện có hình dạng

ông già Noel và những trái cầu. Cô bán hàng quen thuộc mặc áo dài đỏ hồng đến chào hỏi:

- Hôm nay, ông có mua hột hạnh nhân về làm bánh ăn Reveillon không ạ?

- Tiếc quá, tôi phân bua. Tôi không biết làm bánh. Nhưng biết đâu chính vì thế Chúa sẽ thương hại ban ân sủng cho cô nào đó đến giúp tôi.

- Vậy thì tôi thành thật cầu chúc ân sủng sớm đến với ông.

- Cô không cần phải cầu chúc. Cô có thể làm cho ân sủng đó đến ngay bây giờ được mà.

- Đâu được. Như thế “tai họa” sẽ đến với ông ngay.

Nàng nói xong, cả hai chúng tôi đều bật cười. Tôi nhờ nàng lấy cho mấy hộp thịt, đậu, cà chua, những búp rau xà lách tươi và một hộp trái vải. Tất cả được nàng bỏ vào một túi nylon có quai xách trao cho tôi đem đến tính tiền ở quầy hàng. Khi tôi bước đi, nàng nói:

- Ông quên chưa chúc mừng tôi.

Tôi nghĩ, không biết phải chúc gì cho nàng, nhìn thấy trên tường có dòng chữ điện màu đỏ Merry Christmas, tôi chỉ tay.

- Tôi chúc cô như vậy, đủ chưa?

- Ông hà tiện lời chúc quá.

- Tôi sợ lời chúc dài dòng của tôi không “đẹp” bằng dòng chữ ngắn gọn đó, nên sẽ kém linh nghiệm đi.

- Vậy thì xin cảm ơn ông.

Đèn đường đã bật sáng khi tôi ra ngoài siêu thị. Những bóng đèn được thay có màu trắng xanh khác hẳn những bóng đèn tròn ngày xưa tỏa ánh sáng vàng đục. Ở phố chính, đèn xe và đèn các cửa hiệu bật sớm giúp bóng tối xóa nhanh chút ánh sáng vàng đỏ của buổi chạng vạng. Trong một quán kem thừa khách, dán đầy những poster các ca sĩ tóc dài và những dấu hiệu hòa bình. Tiếng nhạc Beatles thoát ra dồn dập. Get back! Get back to where you once belonged. Hãy trở về nơi anh đã một lần tùy thuộc. Tự nhiên tôi nhớ thành phố Đà Nẵng một cách kỳ lạ.

Thành phố ấy đã chất đầy những kỷ niệm trong trí nhớ tôi. Những ngày mưa tháng gió, những người bạn chân tình, những đam mê (như văn chương, tình yêu...) thật nồng nàn, chua xót. Tôi không sinh ra ở nơi ấy. Một thành phố tạm cư, chẳng có gì bắt tôi phải giữ mỗi dây ràng buộc khi đã có dịp rời xa. Nhưng thành phố ấy, hình như còn muốn giấu, muốn nói với tôi một điều gì, nên đã nhiều lần rời xa, tôi vẫn cố gắng tìm cách trở về. Một ảo tưởng về nơi im khuất? Hay cần phải nuôi dưỡng một nơi chôn để trở về cho kẻ xa quê hương? Có thể ta sẽ trở về ngay trong ngày mai. Tôi nhủ thầm như vậy, khi băng qua đường đầy xe cộ dừng lại chờ đèn xanh.

Phải mất một tiếng đồng hồ, tôi mới làm xong bữa ăn gồm: một nồi com, tô soupe, rau sống và thịt kho. Vừa ngồi vào bàn, tôi nghe có tiếng gõ cửa dè dặt, vì lười biếng tôi ngồi yên trên ghế nói mời vào. Lạ lùng chưa Nguyễn hiện ra ở cửa với chiếc va ly lớn. Tôi vội kéo ghế đứng dậy:

- Tôi không mơ đấy chứ!

Nàng cười nói:

- Thì Nguyễn đã viết thư báo cho anh trước rồi còn gì.

Trong một lá thư, tôi còn nhớ đã viết: Nếu Nguyễn có dịp

xuống thăm thành phố ồn ào này hãy ghé thăm tôi. Chúng ta vẫn xem nhau là bạn như những ngày còn đi học và tôi hứa nhất định không “yêu” cô đâu mà sợ. Nguyên trả lời bằng lòng, nhưng không hẹn rõ ràng, nên tôi tưởng nàng sẽ đến vào dịp nghỉ hè không ngờ lại là đêm nay. Tôi chỉ mâm cơm:

- Số bạn thật may, tôi đang đói, nếu đến trễ chừng mười phút chắc bạn chỉ có cơ hội đi rửa chén. Bây giờ hãy đi thay quần áo rồi ngồi ăn với tôi cho vui.

Tôi đến xách va ly và chỉ cho Nguyên biết phòng ngủ và nhà tắm. Một lúc sau, nàng đã thay xong bộ quần áo có hoa lớn và mặc thêm một chiếc áo len trắng mỏng. Nàng hỏi:

- Anh không lạnh sao mà không mặc áo len?

Tôi lắc đầu.

- Tôi vừa mới nấu cơm xong.

Nàng cười lớn.

- Tôi nghiệp chưa. Ai bảo ông giáo cứ khó tánh kén chọn hiền thê mãi.

Trong phòng chỉ có hai chiếc ghế mây, thật vừa đủ. Tôi kéo một chiếc ghế mời Nguyên và tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện với nàng.

- Ăn cho no nghe bạn. Đừng khách sáo rồi tối đến lại bắt tôi phải lặn lội đi mua bánh mì tội nghiệp.

Chúng tôi bắt đầu bữa ăn một cách vui vẻ. Ném qua món soupe, nàng khen tôi nấu ngon không thua gì những nhà hàng lớn. Tôi bật cười nói:

- Nịnh vừa thôi chứ bạn. Định bắt tôi ngày mai phải nấu nướng cho bạn ăn nữa sao?

Chợt nhớ ra câu chuyện với cô bán hàng ở siêu thị lúc chiều, tôi kể lại cho Nguyên nghe. Nàng hỏi:

- Vậy theo anh. Nguyên đem đến cho anh ân sủng hay tai hoạ?

- Đàn bà thường đem đến cả hai điều đó cùng một lúc.

- Nói chi mà dễ sợ.

Ngon nết trên bàn ăn sắp tắt, tôi đứng dậy đi lấy cây nến khác, châm mới và gắn trên thân cần nến tàn.

- Bóng điện ở phòng này bị cháy hả anh?

- Không. Từ bữa ăn tối trở đi, tôi sợ phải nhìn ánh sáng đèn điện, nếu không có việc cần làm tôi thường để nhà tối om. Có chút bóng tối để ẩn mình, tôi thấy sống dễ dàng hơn, không tin Nguyên cứ làm thử xem.

Nàng lắc đầu.

- Nguyên chịu thua. Anh luôn luôn có những tính kỳ quặc. Anh nhớ không, năm cuối ở trung học một lần chúng ta cùng đi dạo chơi trong rừng thông, anh mãi đuổi theo một con sóc rồi bỏ đi luôn. Sợ đêm xuống có thể bị lạc, Nguyên đã tức tưởi khóc lóc lần mò đi về một mình. Vào thành phố gặp lại anh ngồi ngoài hiên một quán cà phê, anh nói tỉnh bơ: Tôi đuổi theo con sóc đến đây bị mất dấu. Nguyên không nhớ anh còn nói gì nữa. Nguyên mới chịu ngồi xuống uống nước với anh, có lẽ ngay từ lần ấy Nguyên đã bị cái tính kỳ quặc của anh mê hoặc.

Tôi khua tay.

- Thôi chứ. Kỷ niệm, bạn nhận ra không, chỉ làm bữa ăn nguội đi.

Nhưng rồi bữa ăn được hâm nóng bằng kỷ niệm của mỗi người. Nguyên kể lại những ngày học nội trú ở Đà Lạt. Nàng nói trên ấy bây giờ lạnh ghê lắm nếu ở trong phòng một mình, nhưng ra ngoài nhìn thấy những cây anh đào nở rộ tự nhiên mình cảm thấy ấm áp hơn. Rồi nàng tiếp tục nói về những người bạn, đặc tính của các giáo sư và các môn học.

- “Luận lý toán học” khô khan quá, nàng nói, đầu óc Nguyên chẳng ghi nhận được gì, đến kỳ thi cuối năm không biết làm sao đây.

Tôi nói:

- Với đàn bà, hai với hai là năm dễ hiểu hơn hai với hai là bốn.

Nàng nhăn mặt.

- Ông khi dễ tôi quá vậy. Nói cho ông biết kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt vừa qua, tôi đã đứng nhất và trong lớp tôi không thiếu những đáng “thông minh nhất nam tử” như ông đâu. Đùa vậy chứ, trường anh hiện dạy có dễ chịu không, tốt nghiệp xong Nguyên nhờ anh xin cho dạy với.

- Nếu bạn dạy ở đây, tôi xin đổi đi nơi khác.

- Bộ giận rồi sao?

- Không phải vậy. Tôi chỉ sợ gặp bạn mãi, tôi chắc sẽ bị bạn mê hoặc mất.

Tôi dùng hai chữ “mê hoặc” của nàng khiến Nguyên cười ngất, đến phải buông đùa xuống.

Bữa cơm không có gì, nhưng chúng tôi cũng kéo dài khá lâu và chấm dứt bằng những trái mận vàng mọng, những trái dâu chín đỏ tươi, Nguyên mang từ Đà Lạt xuống. Nàng nói:

- Ở Đà Lạt, Nguyên biết có một chỗ bán rượu dâu nguyên chất rất ngọt lịm nhưng dễ say ngất. Định mua cho anh mấy chai, nhưng nghĩ đàn ông có rượu dễ sợ lắm nên thôi.

Tôi ngây thơ hỏi:

- Tại sao vậy?

- Nguyên sợ biết đâu vì mấy chai rượu dâu anh sẽ nói “yêu” Nguyên.

- Ô, như thế người sợ rượu phải là tôi mới đúng chứ.

Chúng tôi pha cà phê uống và tiếp tục nói không ngớt những chuyện đầu đầu đến khuya khi những đóa hồng Nguyên mua tặng tôi, cắm vào chiếc ly lớn trên bàn tỏa hương thơm ngào ngạt. Tôi phải mời Nguyên đi nghỉ để còn lấy sức đi dạo chơi ngày mai.

Đêm Giáng Sinh đến với sự chuẩn bị nhộn nhịp của người Công giáo. Trong nhà thờ Đức Bà đông nghẹt những con chiên đứng ở các hành lang, khiến người ta chẳng thể nào nhìn thấy Đức Tổng Giám mục đang làm lễ trên bệ cao. Bên ngoài nhà thờ, đa số là những người tuổi trẻ. Họ chung diện quần áo đủ mốt, đeo mặt nạ, đội mũ giấy và miệng thổi những chiếc ống có vòi thò ra thụt vào như lưỡi rắn. Họ ném hoa giấy một cách xác xược vào mặt những người đi đường và tất cả đều giỡn như đang tham dự lễ mừng Chúa ra đời.

Vì lý do an ninh, lễ nửa đêm được cử hành trước mười hai giờ khuya. Buổi lễ thiếu cái lạnh của đêm khuya và sự yên tĩnh giả tạo làm cho buổi lễ như được mong cho chóng

qua. Tôi còn nhớ lần dự lễ ở một ngôi làng nhỏ sát bãi biển Thanh Bồ, nơi đa số dân chúng là những người di cư còn nghèo khổ và nghề chài lưới chưa đem lại mức sống tạm đủ cho mọi người. Nhà thờ được lợp tôn, gác chuông dựng trên những thân tre cao. Các con chiên đã phải quì gối đọc kinh ngoài sân trên cát ướt. Tiếng kinh cầu lẫn trong tiếng gió, tiếng sóng và sương lạnh đã giúp tôi thấu hiểu tại sao người ta phải tin một đấng thiêng liêng và tại sao đấng thiêng liêng cần phải hiện hữu. Tôi cũng đã tự hỏi, phải chăng tín ngưỡng đích thực chỉ có ở những người nghèo khổ. “Vinh danh Thiên Chúa trên trời. Bình an dưới thế cho người thiện tâm”. Tiếng đồng ca của các em nhỏ rét run trong những chiếc áo rách vải, nhưng vẫn cố gắng đứng thẳng người thành kính ngẩng mặt nhìn trời chờ mong phép lạ, đã làm tôi ứa nước mắt. Còn lúc này, ở đây, buổi lễ vừa chấm dứt bằng một hồi chuông uể oải, tiếng ồn ào đã đẩy lên điệp tai bởi những người nôn nóng di chuyển sớm.

Tôi và Nguyên phải đi vào chỗ đậu xe hơi để đỡ chen lấn. Có tiếng thưa thầy khi chúng tôi đi ngang qua một chiếc xe sơn màu xanh thẫm. Bé Giang mở cửa xe bước xuống. Trong chiếc áo dài ngắn vạt màu cá vàng rực rỡ nổi bật trong đêm, trông em lạ và cao hơn ngày thường mặc đồ đầm đến trường. Em có vẻ mừng rỡ gặp tôi ở đây, em hỏi:

- Thưa thầy, thầy không về ngoài Trung?

- Không. Tôi ở lại đây.

- A! Như vậy, thầy có thể đến dự tiệc chung vui với gia đình em rồi. Ba má em ở nhà thờ sắp ra, xin thầy đợi ít phút để em được giới thiệu.

- Cảm ơn em. Rất tiếc, tôi phải chung vui với người bạn đây.

Tôi chỉ Nguyên. Em ngạc nhiên nhìn nàng rồi quay lại hỏi

tôi:

- Một người bạn của thầy?

- Phải.

Em cúi đầu chào Nguyên xong nhanh nhẹn mở cửa xe vào ngồi khuất trong bóng tối ở ghế sau.

Tôi nắm tay Nguyên đi lên lối giữa những chiếc xe đang rồ máy, thoát ra khỏi đám đông chen lấn, bằng một con đường nhỏ dẫn ra khỏi trung tâm thành phố.

(Giai phẩm Văn tháng 12-1973)

Đặng kim Côn

CHIẾC BÁNH GIÁNG SINH

Chàng đã có một cái bánh, cái bánh Nô-en đầu tiên trong cuộc đời một gã không đạo, sao mà nó thiêng liêng, nó quý giá, nó thánh khiết, nó sáng lóa một tin mừng.

Họ bước ra khỏi quán nước, nơi họ đã ngồi suốt mấy tiếng đồng hồ, nghe nhạc và nói bao nhiêu là chuyện. Cả hai khoảng chừng hơn hai mươi. Người con gái không đẹp lắm, nhưng rất có duyên, nàng nói nàng đi buôn bán, cũng thường đi lại thị trấn này nhưng không phải là ở hẳn đây. Chàng nói với nàng chàng là lính, nhưng thấy cách nói chuyện cũng như cái dáng vẻ của chàng, nàng đoán chàng là sĩ quan. "Chỉ có sĩ quan mới ở ngoài phố giờ này mà chẳng lo lắng gì, với lại mặc đồ dân sự mà lái xe Jeep thì lính sức mấy mà dám ", nàng nghĩ.

Đó là lần đầu họ quen nhau, một vài ngày sau khi chàng đáo nhiệm đơn vị mới.

[]

Gọi là quận lỵ, nhưng nhỏ xíu như một cái làng rộng, dân cư tập trung nhộn nhịp, đông đảo trong bán kính hơn một cây số. Họ sống bình thản, nhẹ nhàng quanh một cái chợ với mấy bàn bi da lúc nào cũng đông khách và mấy quán café nhỏ nhạc âm ỉ cả ngày, không nhớ gì tới chiến tranh, mặc dù chung quanh đó cũng có lúc xảy ra những trận đánh lớn. Có thể nói chàng chưa thấy ở đâu yên bình hơn nơi này, ban ngày chàng có thể lái xe jeep chờ nàng ra suối, thả bộ dưới những hàng cây xanh mát, nghe tiếng chim rù rù trên cành,

-Đó em chim có yêu nhau không ?

-Chim mái thì có. Nó biết yêu và biết đau khổ, biết hy

sinh và chịu đựng.

-Không hiểu, nói toàn chuyện tốt, sao không nói nó cũng biết phản bội và ác độc ?

-Thì đó không phải là con chim mái của anh.

Chàng ôm siết nàng :

-Thuong em quá.

-Hình như anh muốn nói về ai đó phải không? em sợ phải nghĩ là anh có nhiều kinh nghiệm chiến trường quá. Chim khác thì em không biết.

-Em biết gì?

-Biết yêu anh đó.

-Sao giống xạo quá vậy ?

-Xạo thôi, không thèm nói nữa.

-Ai cho em nói.

Và môi chàng đã khóa cứng môi nàng giữa những vạt nắng lắt lư như muốn rung cả khu rừng.

Rừng, suối, quán café, những con đường đã quá thân thuộc với họ suốt cả những ngày tháng họ quen nhau, cứ rảnh việc đơn vị, thường là xế chiều, chàng chạy xuống quán café, nếu không có nàng ngồi đợi sẵn thì cũng không lâu sau nàng sẽ đến. Và họ lại bẽn lẽn trong những đám mây hồng, chờ họ bay bổng tới thiên đường yêu đương đầy hoa cỏ mà sắc màu mỗi ngày mỗi mới.

Trời đã chạng vạng tối, mấy quán café và mấy bàn bida vẫn đông đảo. Chàng lái xe chạy vào vườn cây, phía sau một ngôi trường trung học đệ I cấp. Họ ngồi trên một tảng đá lớn, bên những gốc cây cổ thụ. Đêm tối, xa xa giòng sông lấp lánh, xa hơn nữa mấy dãy núi nhấp nhô, ranh giới của chiến tranh và hòa bình, của tỉnh duyên hải và tỉnh Tây nguyên. Gió đêm từ sông thổi vào nhẹ nhẹ.

- Em lạnh không ?

- Dạ, hơi hơi.

Chàng vòng tay qua lưng nàng, siết nhẹ :

- Em có muốn về quê anh không ?

- Ở đâu ?

Chàng chỉ qua bên kia núi.

- Làm gì ?

- Làm vợ anh.

-Sao quyết định vội thế ?

-Rồi nàng nghiêng đầu tựa lên vai chàng mơ màng.

- Phải chi anh đừng là lính

Chàng hôn nhẹ lên má nàng :

- Lính thì không làm chồng được ?

- Ô, em xin lỗi, em thấy anh gian khổ quá.

- Thôi đừng cãi lương nữa cô. Chỉ có một câu trả lời, có muốn làm vợ tôi không ?

- Thừa ông, muốn.

Chàng kéo mặt nàng lại gần, hôn thật mạnh, thật dài lên đôi môi chờ đợi của nàng. Nàng đáp ứng, đắm say nhiệt thành. Có lẽ cũng không phải vì hai tay nàng bận ôm ghì lấy đầu chàng, mà nàng đã không ngăn bàn tay chàng mỗi lúc một tham lam. Chàng ôm nàng chặt hơn, chiếc áo bà ba đen chật cứng không chịu đựng nổi, bung hết hàng nút bấm, cũng tự nhiên như sự khao khát mà họ không muốn chịu đựng thêm. Sau đó, là những tiếng ư ử nũng nịu, những tiếng thở gấp, buồn buồn bên tai nhau:

- Em đã là vợ anh rồi đấy nhé.

- Cho anh đứa con. Em mà không chịu có bầu, cục đá này có bầu đấy. Em có muốn lên đời với anh không ?

- Em muốn chết ở đây.

- Quê em ở đâu ?

- Bắc kỳ.

- Biết rồi, khổ lắm. Không lẽ nói giọng bắc quê lại ở miền nam? Hiện nay cơ ?

Nàng xa vắng:

- Em cũng không biết ở đâu nữa.

- Em có yêu anh không ?

- Không mà thế này sao? Đừng hỏi nữa, được không ?

- Tại sao ?

- Em đang buồn.

- Anh làm em buồn ?

- Đừng hỏi nữa. Anh cho em về.

- Về đâu ?

- Trả em lại quán café.

Chàng dìu nàng lại xe :

- Quán café ? Anh còn phải về đời.

- Em biết. Em chỉ muốn ngồi một mình. Hôn em đi.

Chàng hôn, cái buồn ở đâu đó lan qua người chàng. Họ ôm nhau như muốn chết đứng.

- Anh yêu em.

[]

Bắt đầu là những quả pháo kích rời rạc ngoài căn cứ. 3 giờ rưỡi sáng. Có mấy quả xé không khí rít qua đầu đơn vị chàng, hình như nổ đầu đó bên chi khu. Mấy khẩu đại bác của chàng đã phản pháo kịp thời, các pháo thủ đã phản ứng thần tốc, khéo léo, dường như lâu ngày không đánh nhau, các lính trẻ ai cũng hăm hở, xông xáo. Phần lớn đơn vị toàn là dân tứ chiếng, chịu chơi quá nên bị đi tới chỗ này, nhờ vậy nên những đợt tấn công bộ binh kế tiếp địch đã không chịu nổi vừa đạn pháo trực xạ, vừa đại liên, trung liên, M16 thi nhau nã đạn, át cả tiếng la hét từ những đợt xung phong của địch. Có một số địch quân đã lọt được vào bên trong, ngoài mấy mạng bị anh em xơi tái bên bờ rào, cũng có một vài cuộc đụng độ cận chiến ngắn bên trong công sự. Rồi cũng xong. Tiếng súng từ bên ngoài hàng rào đã im bật, 4 giờ 30 sáng, trận chiến đã kết thúc, mấy anh em bị thương nhẹ cũng đã được băng bó tại chỗ và vẫn đang lăm lăm tay súng lắng nghe từng tiếng động và thỉnh thoảng chơi một vài phát hú họa ra ngoài, nếu có mạng nào hưởng thêm mấy phát ân huệ thì chắc là ý trời không nở trách.

Suốt hơn nửa giờ sau, không thấy bên kia còn "lưu luyến" gì nữa, chàng cho lệnh các khẩu lại tác xạ vào các điểm tiền liệu, nhất là những tọa độ mà vừa rồi được ghi nhận là có tiếng đê-pa của đạn pháo kích. Xong, thấm mệt, chàng uể oải trở vào phòng ngủ trong đài tác xạ, định dưỡng thần vài phút, vừa ngồi xuống mé giường cúi xuống cởi đôi giày...

-Nếu em là Việt cộng, thì anh được tổ quốc tri ân rồi.

Giật mình, nhưng chàng cố giữ bình tĩnh :

- Không xuất quỷ nhập thần như vậy chứ ?

Chàng quay lại nhìn người con gái đang quán trong chiếc mền trên giường của chàng. Không để chàng thất mắ, nàng chậm rãi k :
- Nửa giờ sau khi mình chia tay, an ninh chi khu ập vào quán xét giấy tờ, em không mang giấy tờ nên họ bắt em về giam bên đó, eo ơi, tối qua súng đạn dữ quá, gần sáng ai cũng bận rộn, lơ là, nhìn qua bên này thấy chiếc Jeep của anh, em chạy đại qua.

Chàng thọc tay vào mền tìm bàn tay nàng, cúi xuống hôn nàng :
- Sao biết anh ở phòng này ?
- Ắng ten tùm lum, thấy là biết chỗ ở của trung úy rồi.
- Trung úy ?
- Còn gì nữa, hai cái bông mai tổ bố trên cái nón sắt kia.

À, lính trắng có sao không anh ?
- Nhờ trời, sây sát chút đỉnh.
- Việt Cộng ?
- Mới biết có mấy xác bên trong.
- Ghê quá, lúc chạy vào đây, em còn va phải cái xác nào đó nữa.

- Ô, anh em dọn rồi, thuốc nổ tùm lum. Thằng đó chắc làm lớn, có tới hai cây súng, một dài, một ngắn, may quá nó không chết thì xong cái đài tác xạ này rồi.
Nàng kéo chàng nằm xuống bên cạnh, hôn chàng :
- Chúc mừng anh.
Nàng cầm tay chàng đặt lên tim nàng
- Anh có muốn nó nói gì không ? Nó đang nói: Chim mái biết yêu của anh.

Chàng cười, hôn nàng và ngồi dậy :
- Em đừng ra ngoài nhé, đang lộn xộn lắm, để anh làm mì tôm cho em ăn, rồi đưa em ra ngoài, lát nữa quan khách lui tới hỏi han tùm lum phiền phức.
- Anh có trách em không ?
- Trách gì ?
- Làm phiền anh.
- Đừng nói bậy. Mọi việc rồi cũng đâu vào đấy.
Trận đánh bất ngờ đã làm cho các sinh hoạt thường nhật trở nên nặng nề hơn với những truy kích, tảo thanh, điều

tra này nọ, nhưng đó là chuyện của các đơn vị khác, còn chàng thì vẫn là yếm trợ, có điều bận rộn hơn. Mà bận rộn cũng tốt, để chàng không còn thì giờ vừa nhớ thương, vừa chua xót, như một người sau đêm mưa hoan lạc sáng ra thấy nằm trên gò mả, rã rời, ngây ngất đến từng chân tóc, vừa thích thú, vừa sợ, vừa mong, một nàng hồ yêu dấu đã biến biệt nơi nào.

Hôm đó, khi cổng chi khu vừa mở, chàng đã nhờ tài xế đưa nàng xuống phố. Anh em trong đơn vị cứ nhìn chàng tủm tỉm cười, xầm xì, to nhỏ. Chàng hỏi tài xế, mới biết nàng chỉ lạ với chàng, còn anh em ở đây, hầu như ai cũng đã là khách của nàng. Chỗ này, nàng cũng đã từng lăn lộn thâu đêm suốt sáng với cả chục lính trận xa nhà. Chàng nghe lòng buồn rười rượi. Sao lại thế ư ? Nỗi cay đắng dâng nghẹn. Cái sự thật phũ phàng, chỉ một mình chàng mới biết. Làm sao những người lính kia hiểu được. Đối với họ nàng là gái làng chơi, nhưng đối với chàng, nàng là một người tình nhỏ bé. Không phải chàng là một sĩ quan vì chàng có bao giờ mang lon lá. Cũng không phải chàng là kẻ giàu sang để nàng moi túi làm tiền. Trái lại nàng cho không điều kiện. Em biết không ? Mặc thiên hạ nhìn em bằng cái nhìn khinh bỉ, xem em như một kẻ dưới vực đầm sinh, nhưng đối với anh...

Và cũng vì vậy, sau khi đưa nàng ra khỏi phố, chàng quyết định ngày hôm sau phải tìm cho được nàng. Nếu nàng là gái giang hồ, chắc nàng sẽ có mặt ở đâu đó, có thể là những động, những bar, những quán...

Nhưng chàng tìm trong vô vọng.

Có bà chủ tốt bụng bảo chàng: “Nó đã rời khỏi đây”, nhưng không cho biết đi đâu. Em ơi, tại sao em lại trốn đi ? Hay là em sợ anh biết được con người thật của em, sợ anh thất vọng ? Anh thề anh sẽ tìm kiếm em, dù ở tận chân trời góc biển. Để thay vì đặt bàn tay anh lên tim em, anh sẽ áp tai vào bụng và lắng nghe "nó" thở, chân “nó” đạp. Để nhận ra hạnh phúc của một đời người. Anh không sợ dư luận đâu. Anh sẽ bất chấp. Anh chỉ biết em là của anh.

Đối với kẻ khác em là con đĩ. Nhưng đối với anh, em là người yêu, người vợ.
Anh sẽ tìm cho ra em...Nhất định...

[]

Sáng sớm. Trời còn lờ mờ. Mấy chục trại viên đổ xô về nhà bếp trại để lãnh cơm cho đội. Cứ mỗi tổ một người thì mỗi đội có ít nhất là bốn người đang chờ gọi đến phiên. Chàng nhìn chung quanh tìm bóng dáng một nữ tù. Có bốn nữ tù nhân. Cái bánh nướng bằng sợi sắn mì tươi ngào đường đen mà chàng bất ngờ nhận chiều hôm qua, sau buổi lao động về, không chỉ làm chàng ngạc nhiên mà còn làm đêm nô-en trong trại cải tạo trở nên lung linh huyền ảo. Ba năm lầm lũi bước giữa mây mù, chờ đợi một mặt trời không mọc, những thứ ánh sáng ngày mai mù mờ như những lời hứa hẹn sáo rỗng, bỗng dung trong đám mây mù ấy có có một cái bánh Nô-en, mà cho dù nằm mơ cũng không tưởng tượng ra được, một cô bên đội nữ, đã năn nỉ "trực nhà" nhờ chuyển giúp cho chàng.

Đã ba năm, trước khi chuyển về trại này, chàng đã từng sống qua những trại, từ trại nhốt tù binh sâu trong núi, đói khát, bệnh tật đến những trại lao động gần đồng bằng, chấp nhận cam chịu một số phận hẩm hiu, thiếu thốn, thèm khát của một tù nhân thiếu thân nhân thăm nuôi. Nhịn thèm nhịn lạt, có anh em nào được thăm nuôi thấy tội nghiệp cho chàng chút quà, thì cũng rất là áy náy nghĩ tới...rồi mình có gì cho lại họ đây ?

Chàng đã có một cái bánh, cái bánh *Nô-en* đầu tiên trong cuộc đời một gã không đạo, sao mà nó thiêng liêng, nó quý giá, nó thánh khiết, nó sáng lóa một tin mừng. "*cố gắng xin đi nhận cơm, quần xám áo đen có cái ca xanh vẽ chữ bằng sơn vàng*", mảnh giấy thật nhỏ trong bánh đã làm cho cả đêm, đêm đầu tiên của ba năm, dờ dẩn cuồng quay, chợt biết thao thức trông mong một điều gì sẽ thật. Sẽ thật như không thật. Nàng là ai ?

Mọi người chăm chú chờ. Rất trật tự, nhưng những

buổi sáng lãnh com này là những giây phút mọi người dễ thờ nhất. Họ có thể nói chuyện râm ran. Hỏi thăm người này người nọ. Cái điều lệ cấm tiếp xúc giữa đội này và đội nọ, nhất là nam và nữ cũng không cần áp dụng ở đây. Chàng đã nhìn thấy cái ca xanh. Bộ áo quần ngược ngạo, dĩ nhiên là không làm ai chú ý. Nhưng, chàng biết, để chàng nhận ra nàng, nhất là nàng cổ tình đứng gần một ngọn đèn dầu có hơi sáng hơn những chỗ khác. Rất sốt ruột, nhưng chàng vẫn thư thả đứng quan sát nàng, dong dỏng cao, hơi gầy, khuôn mặt dù giữa cái ánh sáng tù mù vẫn không chìm khuất được cái sống mũi cao và đôi mắt to, đang có vẻ cổ to hơn như muốn kiếm tìm, thay vì chờ đợi một kiếm tìm...

Chàng chen lại chỗ nàng đứng, nói nhỏ, giữa những lời rì rào to nhỏ chung quanh, đủ cho nàng nghe :

-Có cái ca xanh xinh quá !

-Lát lãnh com rồi, trên đường về anh cứ đi sau em một chút xíu.

-Còn bây giờ ?

-Tranh thủ nói cũng được. Nhận ra em chưa ?

-Chưa. Nhưng mà biết tên rồi. Viết trên cái ca .

-Giỏi đấy. Nhưng cái tên Thuyền là ai có biết không ?

-Không có nhiều thì giờ mà, nói đi.

-*Chim mái biết yêu của anh.*

Chàng sững người. Cánh chim đó đã bay đi. Những yêu, đau khổ, hy sinh và chịu đựng chỉ là tiếng hót hư ảo của chim trống đặt ra, như những bài ca không lời ru ngủ, mê hoặc những con tim mềm yếu. Biền biệt năm năm trời, chàng đã trở về bên nay núi, như lật ngược tấm gương xưa, mà sao...mà sao không thấy được mình ! Chỉ có một trời đổ nát, ngồn ngang như từng mảnh thủy tinh vỡ, nhìn vào thấy khuôn mặt hôm qua bị đập ra hằng nghìn mảnh vụn, có xếp lại thì cũng là những rạn, những sọc đau đớn lấp lánh trên người.

Bỗng, nàng quay bật lại. Hai người nhìn nhau: chàng tiều tụy, côi còm như túm giẻ rách, và nàng, cũng xanh xao héo hắt. Chỉ cách nhau hơn nửa mét mà tay cũng không thể cầm tay. Cả hai người cùng có cảm giác không

biết là mấy ngọn đèn nhòa hơn, hay trời đất đang lung linh. Chắc tại người này thấy người kia tan loãng theo giòng nước mắt thỉnh thoảng đang tuôn ra trên khóe mắt.

Chừng mười phút sau thì họ cũng lãnh cơm xong. Con đường về mạnh ai nấy đi, trừ chàng và nàng. Họ đi với nhau. Nàng đi trước chàng một chút, chàng xéo xéo phía sau như đường chéo của một hình vuông có cạnh hai mét. Họ muốn quăng hết mọi thứ trên tay, ôm chầm nhau, gục đầu lên vai nhau cho cái quá khứ đông cứng kia chảy ra. Năm năm ấy sẽ là nắng, sáng lóa lên quanh chỗ họ đứng, và lớp sương mù đang bao quanh dày đặc kia phải tan đi. Chàng lâm thâm lên tiếng như gọi chính mình:

-Chim mái !

-Dạ.

-Bay đâu mất tiêu.

-Mất đâu mà mất. Đêm ấy nằm trốn trên chiếc giường của anh, cái ước mơ có anh trong đời đã rạo rực em. Anh chân thành với em quá, anh tin cậy em quá. Em chợt đối diện với mình, em thấy cái mặt trái kia là một con người khác. Một mũi trường đặc công vừa mới mấy tiếng đồng hồ trước đó bắn giết chí chóe, mà mục tiêu lại chính là người yêu của em. Khi biết cuộc tiến công bị thất bại, một đồng chí đã lọt vào bên trong với em, định phá hủy cái đài tác xạ của anh. Anh còn nhớ cái xác mà anh nói là có hai cây súng và thuốc nổ tùm lum đó không ? Buộc lòng em phải giết anh ấy để tự cứu em. Em vắt cây súng ngắn của em lên xác anh ấy rồi chạy vào phòng anh. Và dường như từ phút này, em đã cảm thấy mình không còn thuộc về họ nữa.

Chàng tá hỏa, dờ dẩn. Quá khứ đau đớn chợt xô về nỗi bùng, sáng rực, rồi lại tối om. Lại sáng, lại tối như những trái hỏa châu chao đảo trong đầu. Một vóc dáng thanh mảnh thế kia, một khuôn mặt xinh xắn thế kia, một đầu óc thông minh, dĩ dõm ấy là một đặc công Việt cộng ? Chàng cay cú :

-Việt cộng, thì phải vậy chứ buộc lòng gì.

Nàng kể rất nhanh:

- ...Ngày ấy, em đang học lớp mười một, thì bị bắt lên

núi. Cùng với em có một đám bạn trẻ khác cùng trường. Đám chỉ huy VC hứa hẹn với bọn em sẽ đưa ra Bắc, đưa đi Liên xô học. Họ ca ngợi em có trình độ ăn học - làm như họ đào tạo chữ nghĩa cho em - và gan dạ, thông minh, nên họ giao cho em phụ trách mũi đặc công. Và để lấy tin tức, nắm vững tình hình địch, chuẩn bị kỹ cho những trận đánh, họ đẩy em đi thực tế, lặn lội nơi chị Tư, Má Hai này nọ. Rồi em gặp anh.

Giọng nói nàng nghẹn lại:

... Anh còn nhớ không, buổi sáng hôm ấy khi anh đưa em ra khỏi đơn vị của anh về chỗ chị Tư em bật khóc. Em mới hiểu là em yêu anh, em không thể bỏ anh. Em mới nhận ra về những con người mà họ buộc em phải căm thù, phải giết sạch. Em nằm liệt không thiết tha thu dọn gì cả. Có lệnh khẩn cấp buộc cả tổ chỗ chị Tư rút về mặt khu. Anh biết chị Tư chủ động chứ ? Đang là trưởng phòng thương nghiệp đó. Con Oanh, con Cúc là y sĩ. Ô, mà anh có biết họ không ? Cũng cùng chỗ chị Tư hết đó. Trong khi mọi người nhón nháo, khẩn trương ra đi, em cứ mặc cho ai muốn dọn gì dọn, họ lên đường, em lếch thếch theo. Hình ảnh của anh cứ níu lấy tâm trí em. Mấy người hỏi sao em buồn, sao em khóc, em nói "anh em chết nhiều quá".

Thốt nhiên, một nỗi bất mãn không đâu, làm chàng giận lây nàng và cả chàng. Anh cũng là một thằng khờ khạo ngây thơ, cả tin, đã dễ dàng bị lừa gạt đến nỗi suýt giết chết anh em đồng đội như một gã phản bội vong...

Họ vẫn bước đều đều. Trước và sau họ nhiều nhóm cũng vừa đi vừa nói chuyện. Con đường rưng rưng sáng sao có chút buồn buồn, chắc không phải bởi những đám sương mù từ con sông lớn quanh qua mấy dãy nhà, đã len vào lòng họ một thửa ngậm ngùi, tiếc nhớ. Nàng tiếp :

- Em có trở lại chỗ cũ tìm anh...Nhưng anh đã đổi đi nơi khác. Một vài nơi khác cũng không anh. Rồi giải phóng...là hết. Em cứ ngỡ sẽ không bao giờ còn gặp lại anh nữa.

-Chim mái !

-Dạ, em đây mà.

-Sao em vào đây ?

-Ồ trên núi, mỗi người chỉ có hai bộ quần áo để thay đổi , một cái võng để nằm từ năm này qua năm khác, hạt muối cần đôi...họ chưa có gì để câu xé nhau. Rồi anh sẽ hiểu, nơi này, đàn ông hay đàn bà, người già hay con nít đều là những kẻ bên này núi...Thôi, đến đội rồi...Em vào.

Vẫn không quay lại, nàng nghẹn ngào, nghe như những giọt nước mắt đang chảy mặn xuống lòng chàng:

-Nhớ anh lắm...Cố gắng kiếm cơ hội đi lấy cơm. Em là đội trưởng, ngày nào em cũng có thể đi được, để chờ anh...

Chàng buồn bã nhìn theo dáng nàng chìm trong sân đội nữ. Con đường cũng đã thưa dân, nhưng sương mù thì chừng đã dày hơn, đã xám xịt như cái đầu u uất của chàng. Anh muốn lau nước mắt cho em.

Đặng Kim Côn

SÁNG TÁC MỚI



NHỮNG CON ĐOM ĐÓM **Khuất Đầu**

Nếu tôi nói rằng có một thời tôi cũng là một nữ sinh xinh đẹp, mỗi khi đi học có một cái đuôi dài những chàng trai si tình, rồi ít lâu sau có chồng này nọ các thứ, bạn có tin không? Không tin hả? Vậy thì đừng hỏi tôi những chuyện lời thôi quê quán mẹ cha, đừng hỏi tôi có sao lại trở thành một con đĩ rạc.

Không ai sinh ra để làm đĩ hay giết người.

Tôi không biết được tại sao lại làm cái nghề chết tiệt đó. Nếu hỏi cho ra lẽ thì chết sướng hơn.

Tôi chỉ biết ngày ngủ cho đầy giấc để tối đến đòi trao những thứ tôi có, lấy những thứ tôi không có. Mà thời ấy, những thứ tôi không có nhiều đến nỗi không thể kể hết được. Những đường, những gạo, những mắm, những muối, những áo cho con, những quần cho mẹ.

Vậy đó, mọi sự trên đời đều có thể xảy ra. Nếu bạn không tin, tôi cũng chẳng biết nói gì hơn.

Chỗ tôi hành nghề là một cái ngã ba bậy bạ. Giao lộ của một con đường bắc nam với cao nguyên lúc nhúc

người đi kẻ đến. Những xăng nhớt, cà phê, thuốc lá. Những gỗ lậu và không lậu. Một nơi mà bọn tài xế đường dài lúc đó còn sướng hơn cả vua.

Bọn tôi ba đứa từ Sài Gòn dạt ra, toàn là hàng hết đất. Đứa nào cũng trên dưới ba mươi. Vừa thiếu ngủ, vừa đói khát, vừa làm cái việc chó đẻ đó trên những miếng nilon trải ra trên bờ ruộng hay trong những cái ống bi bỏ rải rác trên đường, nên đứa nào cũng xanh xao, ốm yếu. Đắp lên mặt cả ký phấn son, độn trước độn sau cũng chỉ lập lờ đánh lừa được một vài kẻ tay mơ mà thôi. Cái bọn chết dẫm đó khi nhận ra bị lừa đã mắng chửi bọn tôi không tiếc lời. Có đứa còn đá đập như vừa bắt được tại trận một đứa móc túi.

Mà thôi, một khi đã rơi xuống đáy cuộc đời thì ầm ỉ làm gì. Rồi như con Lan nằm chết trên miếng nilon ướt nhẹp tanh tươi. Như con Huệ sáng nào cũng ho ra máu. Và như con tôi mới chết một tuần.

Con tôi, bạn không tin tôi có con sao? Nó lên ba tuổi và tôi dám cá với bạn là chưa có đứa bé nào đẹp bằng. Tôi chỉ biết nó đẹp tuyệt vời mà không cần biết vì sao nó đẹp. Con tôi có một cái miệng mà khi nó nói dù bạn đang sắp chết cũng cố ngóc đầu lên nghe nó nói rồi mới chết. Tôi dành hết mọi sự tốt đẹp cho nó. Để khỏi phải chung đụng trong cái ổ chuột tọc tịu bừa bãi quần lót rở tiền và nằm ngời hờ hênh buông thả, tôi gửi nó cho một bà lão trong xóm. Đó là một bà cụ tốt nhất mà tôi gặp được trong đời. Mặc dù biết tôi làm cái nghề đáng xấu hổ, bà vẫn coi nó như cháu ngoại của bà. Khi nó chết đi, bà khóc còn nhiều hơn cả tôi. Vì nó, tôi chịu tất cả những thằng đàn ông có tiền. Từ đứa con trai vừa mới bẻ tiếng đến ông già lụm cụp muốn nhìn ngắm sờ mó này nọ một chút trước khi nhắm mắt lìa đời. Từ một thằng bạo dâm như ác quỷ cho đến cả một thằng cùi sụp hết cả mũi.

Tôi là cái hố rác trong cái ngã ba hôi hám ấy. Nhưng đồng tiền tôi kiếm được, tôi tin là đồng tiền sạch. Tôi không cướp bóc của ai. Không tham nhũng, không thụt két. Những đồng tiền dù hôi thối thế nào nhưng rơi vào tay tôi vẫn sáng lấp lánh. Nó cho con tôi có sữa để

uống, có áo mới để mặc, có một đôi giày bé xíu để mang. Khi tôi dẫn nó đi chợ chơi, không ai tin nó là con tôi. Hết người này cho trái cam đến người kia cho cái bánh. Ai cũng muốn ôm nó vào lòng hôn hít chút đỉnh. Vậy mà nó chết đi chỉ sau một cơn sốt chớ đề. Nó ra đi vội vàng, không kịp cho tôi chạy về nhìn mặt nó một lần cuối. Đường như nó xinh đẹp quá, tinh khiết quá nên trời đã đem nó đi.

Ừ, thì đúng là tôi muốn nói đến những con đom đóm. Bạn sẽ hỏi vì sao lại có chuyện những con đom đóm trong câu chuyện chán phèo này? Ấy là có lần tôi đã mang về cho con tôi một con đom đóm. Bạn cũng biết rằng khi làm cái việc đổi trao khôn nặn ấy giữa đêm tối trên cánh đồng là chìm ngập giữa muôn ngàn muỗi mòng éch nhái. Ngoài tấm nilon chết tiệt không thể thiếu còn phải có một chiếc quạt cà lơ để mà phe phẩy. Trong khi cái thằng người chó chết ấy hì hục trên mình như một con lợn đói, thì tôi phải cẩn mẫn hết tay này mõi rụi đến tay kia xuội lơ, để tổng khứ cả tấn ruồi muỗi và cào cào châu chấu. Lại còn có cả rắn nữa. Một lần tôi chết khiếp khi có một con rắn nước lạng lẽ trườn sát cạnh tôi. Hôm đó, tôi đã nhảy dựng lên và thẳng khách điên tiết đập tôi một đập ngã xuống ruộng. Nhưng cũng có một lần, một con đom đóm đẹp và buồn không chịu được cứ nhấp nháy quanh quẩn bên tôi. Xong việc, tôi biến thành một đứa trẻ cố đuổi bắt cho bằng được.

Chưa có món quà nào làm thằng bé thích bằng. Nó nằm dài trên đất mở đôi mắt đẹp nào nùng của nó ra nhìn cái ánh sáng chớp tắt kỳ diệu. Cái miệng xinh xinh của nó hỏi tôi đủ thứ. Nào ban ngày nó ở đâu, sao nó cứ chớp tắt hoài cả đêm vậy, cũng như khi nó hỏi tại sao trên trời lại có nhiều sao và mẹ có đếm được hết không. Không nhớ rõ nó hỏi gì thêm mà tự dưng tôi nói, những cái chớp tắt ấy là linh hồn của những đứa bé trong đêm tối đi tìm mẹ.

Bạn có tin được không, nó liền thả con đom đóm ra khỏi chai. Đi đi, nó nói, đi tìm mẹ của mày. Khi con đom đóm bay ra khỏi nhà, nó nhìn theo rồi nói như một

người lớn đã biết trước cái phút giây cuối cùng của đời mình.

- Khi con trở thành con đom đóm thì mẹ không được đi đâu à ghen. Con rất sợ lạc mẹ.

Tôi đã ôm nó mà khóc nức nở, luôn miệng nói, mẹ sẽ không đi đâu hết, mẹ sẽ mãi mãi ở nhà với con.

Nhưng bạn biết đấy làm sao ở nhà được khi chỉ cần nghỉ một đêm là đã thấy cái đói ầm ầm kéo tới. Tôi không bỏ đêm nào, ngay cả đêm nó lên cơn sốt rồi giận dỗi bỏ tôi mà đi! Và sau khi chôn cất nó xong, tôi vẫn phải chui vào những ống bi hay nằm ngửa giữa đồng không mông quạnh để kiếm tiền trả nợ.

Một tuần qua đầu óc tôi mù mịt. Tôi không nhớ đã kiếm được bao nhiêu tiền, không nhớ đã phải chịu đựng bao nhiêu thăng đàn ông súc vật. Tôi gần như nằm trần truồng trong ống bi tối tăm với rấn rít, muỗi mòng oàng ương và cóc nhái, lâu lâu lại có một thân thể nhóp nhép hôi hám li lợm như những con linh cẩu ở hoang mạc châu Phi mò tới. Đó là lòng tốt đau thắt ruột của bạn bè sẽ chia nhường nhịn. Tiền thì chẳng những họ không có đủ mà nếu có họ cũng chẳng dành lòng nào móc ra khỏi túi. Thà cắt cổ còn hơn. Nhưng bắt được khách là họ mềm môi dẫn tới chỗ tôi. Để cho mày trả bớt nợ, bọn họ nói.

Nhận cái lòng tốt ấy cũng có nghĩa là sớm nhận trước cái chết. Sau một đêm, hai đứa bạn phải khiêng tôi ra ngoài bỏ lên xe bagác chở về nhà. Bọn họ đốt lửa hơ ấm chân tay, đánh dầu cạo gió, bón từng thìa sữa thìa cháo để rồi chiều tối lại tô son vẽ mày xịt nước hoa đủ chỗ, lại cấp theo miếng nilon và chiếc quạt lên đường như một công nhân tình rụi đi làm ca đêm.

Không còn hơi sức đâu mà khóc nhớ con.

Nhưng con mẹ mẹ mất nét không nhớ nổi thì đứa con linh hiển lại nhớ.

Bạn hãy tin tôi đi. Thăng bé nhớ mẹ đã lặn lội trên khắp cánh đồng để tìm mẹ. Nó vĩ đại vô cùng. Vĩ đại hơn cả thằng con trai của một mẹ đi già khi thằng ấy nói: mẹ ơi, mẹ đừng làm nghề này nữa để con nuôi mẹ cho.

Lúc ấy có lẽ đã nửa đêm. Người ngợm đã bớt ồn

áo. Những gã tài xế sau khi đã bán bớt hàng can xăng, hay để cho bọn con buôn chia bớt phân urê, túi đũa nào cũng chặt cứng tiền. Giờ là lúc bọn họ ngồi trước một bàn ăn ê hề rượu thịt. Ăn xong lại nhón nhờ đi tìm gái. Tôi vẫn nằm dài trong lòng ông bi, khi nào có khách thì sẽ dùng áo quần làm gối.

Một bóng đen chui vào. Đóm lửa trên điều thuốc chuyển động. Tôi nói tắt thuốc giùm đi. Hấn nói tôi bỏ mẹ. Tôi nói, nhanh nhanh lên, công an tóm được thì tiêu luôn. Hàng họ ra sao mà đòi nhanh, hấn vừa nói vừa bật hộp quẹt soi vào mặt tôi, rồi bắt đầu sờ nắn. Nhào bẩy ra rồi, hấn nói. Nhưng mà hàng thiệt, tôi nói, chẳng tin lột ra coi. Bao nhiêu? Hấn hỏi. Năm chục, tôi nói. Ôi giỏi oi, đất bỏ mẹ! Hấn kêu lên. Hết một chục cho các xếp, tôi nói, một chục dất mỗi. Muốn rẻ thì ra ngoài bờ ruộng. Bốn chục nghe, hấn nói, trông mặt cũng được đấy. Tôi cũng định ừ thì bất ngờ một con đom đóm nhấp nháy muốn bay vào. Tôi lạnh cứng người, mồm miệng không mở ra được.

Tôi chưa biết mình sẽ làm gì thì hấn nói, thôi cũng được, coi ra. Bạn biết sao không, ngay lập tức tôi vùng dậy chui ra khỏi ông bi. Làm như thể tôi là gái chính chuyên và câu nói đó là cả một sự xúc phạm thô bỉ. Mặc cho hấn léo nhéo trong đó, tôi ngược mắt lên trời tìm con đom đóm. Nó bay lên khá cao rồi tan mất trong trời đêm tím sẫm.

Tôi rất buồn. Một mình lang thang trên những bờ ruộng. Sương đêm bắt đầu xuống làm cho hai ống quần ướt nhẹp. Sau lưng tôi là con đường sáng tối nham nhở bởi những ánh đèn. Trời đầy sao. Đó là những con đom đóm của trời. Nếu mỗi linh hồn người chết là một ngôi sao thì tôi tin con tôi là ngôi sao xinh đẹp nhất.

Bỗng dưng tôi nhớ lại một thời xa xôi lắm. Một thời tôi muốn quên bất ngờ hiện ra mồn một. Tôi đau xót thấy cha mẹ tôi. Tôi cũng thấy chồng tôi với đôi mắt buồn như con trai tôi. Cho dù bạn không tin, nhưng tôi biết, nếu trước mặt là giòng sông thì chắc chắn tôi đã gieo mình xuống.

Đúng lúc ấy con đom đóm trở lại. Không phải một

con mà nhiều con. Rất nhiều. Như cả bao nhiêu sao trên trời cùng rơi xuống. Chúng vây quanh một nữ chúa, một hoàng tử hay một công chúa. Ánh sáng của chúng làm sáng cả một quãng lúa xanh to như một nông tắm.

Bạn cứ cho là tôi lẩn trốn nhưng tôi tin trong số những con đom đóm đó có cả linh hồn của con tôi. Có thể là bọn chúng đang mở hội đón mừng. Bởi có thể con tôi là một hoàng tử đi lạc vừa trở về. Dù gì thì con tôi vẫn quá xinh đẹp, quá tinh khiết. Và một người mẹ có một đứa con như thế thì thà ăn xin, thà chết đói, chứ không thể làm đi!

Bạn hãy tin giùm tôi đi. Tôi xin thề trước linh hồn của con tôi là ngày mai tôi sẽ bước chân ra khỏi vũng bùn. Ngày mai, con ơi, mẹ sẽ phải sống sao cho xứng đáng với con. Xin con hãy cứu giúp mẹ, hãy nâng giùm mẹ lên.

Lũ đom đóm từng cặp, từng cặp tản ra, mất hút. Linh hồn bé bỏng của con tôi cũng đã bay đi. Chắc nó cũng yên lòng khi nghe lời hứa của tôi.

Mạnh mẽ hơn bao giờ hết, tôi cũng hướng tới phía trước mặt, bước đi.

Bỏ lại đằng sau cái ngã ba bảy bảy, bỏ lại những cái ống bi, những bờ ruộng, tôi đi ra biển.

Tôi đi. Đi mãi. Khi ngôi sao mai tươi tắn, xinh đẹp hiện ra thì cũng là lúc hai lá phổi tôi run lên vì mùi vị nồng mặn.

Tôi bước xuống biển.

Như ngày xưa mẹ tôi thường bắt tôi dầm mình trong nước muối để tắm cho sạch ghẻ. Tôi dầm mình trong nước mặn, không phải để chết mà để sống!

Và, sống đến tận hôm nay là nhờ cái hào quang xanh biếc trên lưng những con đom đóm. Như hào quang của Chúa, của Phật. Còn hơn thế nữa, đó là hào quang của con trai tôi.

Trần Bang Thạch

VÀI CHUYỆN NHỎ TRONG MỘT NHÀ DƯỠNG LÃO

Đầu tháng Tư vừa qua tôi lại có dịp trở lại thị trấn Magnolia, chủ yếu là duyệt xét lại các hồ sơ thuế khóa hàng năm cho bà Anita trước khi bà gửi cho sở thuế Liên Bang. Mongolia là một thị trấn nhỏ, có dân số khoảng 2000 người, ở ngoại ô thành phố Houston, cách downtown độ 60 dặm về hướng Tây bắc. Từ hai, ba năm trở lại đây, Mongolia như là một cô bé nhà quê, mặt mũi, áo quần nhếch nhác, bỗng vươn vai trở thành một thiếu nữ đang xuân, quần là áo lượt, phấn son đông đánh. Trong cái thay da đổi thịt của toàn thị trấn thì căn nhà dưỡng lão của bà Anita là một bước thụt lùi thấy rõ. Mỗi ngày thêm già nua, héo úa. Bên trong căn nhà thì những tuổi đời càng ngày càng chồng chất thêm cao là lẽ thường, không ai sửa đổi được. Nhưng bên ngoài căn nhà thì dù người có rời xa nó cả trăm năm thì vẫn nhận ra nó. Tấm bảng gỗ long đinh, nước sơn đã tróc gần hết, người ta phải vừa đọc vừa đoán mới nhận ra hàng chữ The First Family Health Care. Tấm bảng treo giữa một bụi cây rậm ở đầu con đường hẹp trái hắc ín dài chừng 200 thước dẫn vào cửa trước của nhà dưỡng lão. Con đường tróc lở, nhiều ổ gà, rộng vừa đủ cho một chiếc xe hơi. Như tên gọi, đây là nhà dưỡng lão đầu tiên trong vùng, có số tuổi trên năm mươi. Và đây cũng đúng là một gia đình có nhân số chưa quá mười người trong căn nhà trệt hơn 5000 feet vuông, lỗ chỗ những vết nứt trên tường vôi, lằn lằn bị che mất bởi những ngói nhà cao.

Thật sự thì tôi đã từng đến đây trong 9 năm qua, mỗi năm ít nhất là một lần vào đầu tháng Tư. Đến nhà dưỡng

lão lần này tôi thấy có vài chuyện muốn được chia sẻ cùng quý độc giả. Tôi biết chắc chẳng bao lâu cơ sở này sẽ phải đóng cửa vì thua lỗ. Sức người có hạn. Lòng người cũng có hạn. Và những người tôi sắp nhắc đến sẽ không còn.

1.Chuyện Người Giám Đốc Không Giống Ai.

Tôi biết bà Anita Coleman từ hơn 15 năm nay. Lần đầu tôi gặp bà tại một văn phòng khai thuế của công ty H&R Block mà tôi là một nhân viên làm việc bán thời gian. Tôi là người phụ trách hồ sơ của bà hôm ấy. Từ đó mỗi năm cứ vào mùa thuế là tôi lại gặp bà. Sự thân thiện của chúng tôi cũng tăng hàng năm. Lúc ấy bà Anita đang làm y tá trưởng cho một bệnh viện lớn trên đường Fannin, đồng thời bà còn làm thêm tại một vài bệnh viện khác nữa. Lợi tức hàng năm của bà không năm nào là dưới trăm ngàn. Vậy mà một hôm cách đây 9 năm, bà Anita cho tôi hay bà sẽ bỏ hết công việc ở đây để về vùng Magnolia chăm sóc một nhà dưỡng lão do mẹ bà làm chủ từ mấy chục năm nay. Nay bà mẹ già yếu chính bà cũng cần được chăm sóc. Từ đó hồ sơ thuế của bà Anita và cơ sở của bà do một văn phòng dịch vụ tài chánh khác đảm trách. Có lẽ sau nhiều năm quen biết, Bà Anita dành cho tôi một chút tin tưởng nào đó nên bà chỉ yêu cầu tôi mỗi năm ghé lại nhà dưỡng lão của bà vào thượng tuần tháng Tư để lược xét hồ sơ trước khi gọi đi. Dịch vụ này tôi chỉ tính tiền với giá tượng trưng lần đầu, sau đó thì hoàn toàn miễn phí vì cơ sở của bà Anita càng ngày càng lỗ lã. Sự thua lỗ này đã có từ nhiều năm trước do mẹ bà Anita vừa là chủ vừa là quản lý. Không phải là cơ sở vô vụ lợi nên không có một trợ giúp nào về tài chánh từ chánh phủ hay từ tư nhân. Cơ sở được điều hành với tính cách gia đình, tùy tiện, không có những luật lệ về tài chánh bó buộc. Người già cần nơi an dưỡng thì cứ đến, sẽ được ân cần đón tiếp. Những chuyện tiền nong hay chuyện có bảo hiểm sức khỏe hay không là thứ yếu. Người ta không ngạc nhiên khi biết bà Anita đã dành phần lớn lợi tức của bà phụ với mẹ làm cho cơ sở đứng vững. Từ khi bà Anita trực tiếp quản lý cơ sở

thì hàng đêm bà phải dành 4 tiếng đồng hồ làm việc tại 1 bệnh viện trong vùng để góp vào chi phí điều hành. Ban ngày thì bà túc trực đích thân lo cho bệnh nhân cùng với một y sĩ đến khám bệnh khi cần. Cũng có vài người hưu trí thay phiên đến giúp bà từ chuyện văn phòng đến việc nấu nướng và quét dọn vệ sinh. Sở dĩ có tình trạng thua lỗ vì những người đến đây đa số là người vô gia cư hay những di dân bất hợp pháp từ vùng Nam Mỹ. Cũng có người Việt Nam lớn tuổi sang Mỹ theo diện đoàn tụ, không có một chương trình bảo hiểm nào, được con cháu đưa vào đây nhờ giúp đỡ.

Việc làm của gia đình bà Anita quả là điều lạ trong một xã hội yêu chuộng tiền tài vật chất và trong một đất nước có chi phí y tế phi mã.

Người ta thi nhau làm giàu qua dịch vụ y tế, sức khỏe, thì bà Giám Đốc Anita đang tiếp bước mẹ mình lội ngược dòng. Bà Anita mỗi ngày phải tốn nhiều công sức và tiền bạc của chính mình kiếm được qua những đêm mất ngủ để làm tốt dịch vụ này. Đây chẳng phải là điều lạ sao?

2.Chuyện Người Di Tản Buồn

Tôi viết những dòng này vào đầu tháng Năm, vài ngày sau cái mốc Ba Mươi Năm đánh dấu ngày làn sóng trên một trăm năm mươi ngàn người đầu tiên ồ ạt bỏ nước ra đi sau ngày Miền Nam đổi chủ. Dù đã ba mươi năm qua, người di tản buồn thì vẫn buồn. Người di tản khỏi đất nước mình dù có bám trụ bám rễ trên đất người thì vẫn là lưu vong. Người lưu vong thì làm sao mà vui cho được. Từ cái ngày đó, người di tản buồn thì ta có thể gặp bất cứ ở đâu, ở chính mình và ở những đồng hương. Cho nên viết về câu chuyện người đồng hương đang sống những ngày tàn trong một nhà dưỡng lão hẻo lánh cũng là dịp để nhắc nhở mình, rằng có những người đã ra đi, cũng như có những người vẫn đang bám đất ở quê nhà không làm sao tránh được những nỗi buồn. Cô đơn cũng là nỗi buồn. Những nỗi buồn này chỉ có thể đem giấu vào cái chết mà

thôi.

“Đó là bác Trần. Bác vào đây được ba tháng rồi”, bà Anita chỉ người đàn ông đang ngồi trên xe lăn ở cuối hành lang, đầu ngoẹo sang một bên, miệng há hốc. Trên đoạn đường ngắn đi về phía bác Trần tôi đã gặp 3 người khác cũng ngồi xe lăn. Người mà tôi đoán là ít tuổi nhất chắc cũng không dưới bảy mươi. Khi tôi đi ngang qua, họ quờ quạng đưa những cánh tay khẳng khiu tìm tay tôi, mắt thì mở trừng trừng mà như không thấy gì, miệng thì ú ớ những tiếng không ai hiểu được. Có một người một tay cầm đĩa thức ăn gồm có bắp hạt trộn với nuối, một tay cầm cái nĩa kiên nhẫn lùa từng hạt bắp vào miệng. Cả hai tay đều run nên không có một hạt bắp hay một con nuối nào vào miệng được. Đến gần bác Trần tôi mới thấy rõ chất nước vàng vàng chảy thành dòng từ cái miệng há hốc của bác đang say ngủ. Lúc tôi sửa lại thể ngồi cho bác Trần thì bác thức giấc. Bác Trần nhìn tôi với cái nhìn mà đã gần tháng nay tôi không quên được. Cái nhìn vừa thân thiện, vừa sợ hãi, vừa vui mừng, vừa buồn bã. Tôi nhớ hình như mình đã từng gặp nhiều lần, thật nhiều lần, những tia mắt như vậy ở đâu đó quanh tôi. Thân người bác nhỏ thó ngồi thẳng dậy như cổ vươn ra khỏi chiếc ghế quá rộng. Đôi mắt bác mở lớn mà đôi khóe miệng thì căng ra, hơi thở dồn dập, đôi tay nắm chặt thành ghế. Áng chừng mười giây đồng hồ sau khi nghe tôi nói lời chào, bác Trần mới định thần, khẽ gục gặc đầu. Sau đó tôi nói thêm vài câu thăm hỏi rồi giả từ bác ra về. Gặp nhau lần đó bác Trần không muốn nói nhiều. Những lần sau thì khác. Gặp tôi bác vui như gặp người thân. Bà Anita nói sau lần bác gặp tôi lần đầu, bác Trần gần như ngày nào cũng ngồi xe lăn ra cửa chánh, có ý chờ tôi đến. Lúc trước, khi mới được con cháu đưa vào đây, ngày nào bác Trần cũng mong họ đến. Họ đến thêm được một vài lần nữa rồi thôi. Biết như vậy nên bác Trần chỉ muốn ngồi ở cuối hành lang, ngủ gà ngủ gật, hay chơi với con chó Lyly để khỏi phải mong ngóng. Từ ngày gặp tôi, bác Trần có vẻ vui hơn, cười mở hơn. Bị một lần tai biến mạch máu não, bác Trần nói năng có khó khăn nhưng tôi nghe hiểu được tâm

sự của bác. Suốt những lần tâm sự, không một lần bác trách cứ một người nào, ngược lại bác đã tự trách mình là đã sang đây để làm phiền con cháu. Chỉ đôi ba lần gặp gỡ, tôi rất thông cảm cho người nông dân Miệt Thứ, cả đời chỉ biết có ruộng đồng, cá mắm, sang đây với một ý muốn độc nhứt là gần gũi con cháu; chớ bác đâu hiểu được những khó khăn, những trắc trở ngoài sự tưởng tượng của bác.

Bác Trần là người thứ hai tôi gặp tại nhà dưỡng lão này. Người thứ nhứt là bà Hai, tục gọi là bà Hai Vàm Láng, người hàng xóm của nhà tôi. Năm năm trước do sự hướng dẫn của tôi, chị con gái út của bà Hai đưa bà vào đây. Bà Hai có đủ quyền lợi về bảo hiểm sức khỏe của chánh phủ, các con cháu không phải trả một phí khoản nào. Bà Hai bị bệnh mất trí nhớ, và không thể tự mình lo cho mình được, mà con cháu thì không rảnh để lo cho bà. Có điều lạ là bà Hai không quên những chuyện cũ lúc còn ở quê nhà. Gặp chúng tôi bà có dịp nhắc lại bao nhiêu chuyện cũ. Có chuyện vợ tôi còn nhớ nên cùng góp chuyện với bà làm bà thêm hào hứng, nói hoài không biết mệt. Cũng vẫn những chuyện ấy bà Hai cứ lặp lại mỗi lần chúng tôi đến thăm. Có một điều rất tốt cho bà Hai là hình như bà đã quên hẳn các con cháu nên bà chẳng hề nhớ rằng đã từ lâu các con cháu không đến thăm bà. Chỉ có một lần tôi thấy bà vò đầu con Lyly mà tưởng rằng mình đang vò đầu thằng cháu ngoại, bà đốt đốt nói với con chó: “Sao lâu quá rồi ngoại không thấy ba má con vô thăm ngoại?”. Nghe thấy vậy nhà tôi phải quay mặt về hướng khác, chậm nước mắt. Sau đó chừng non một tháng thì bà Hai mất. Không biết trước khi nhắm mắt bà Hai có gặp được đứa con, đứa cháu nào không. Hay chỉ một mình con Lyly bên cạnh?

Bà Hai đã ở đây và đã ra đi từ 4 năm trước. Bây giờ là bác Trần. Bác Trần chắc cũng không còn ở đây bao nhiêu ngày nữa. Tôi ước ao trong những ngày còn lại bác Trần sẽ như bà Hai, quên hẳn những gì bây giờ để chỉ nhớ chuyện xưa, chẳng hạn như chuyện dậm cù bắt chuột, chuyện đặt trúm giăng câu của những ngày bác còn là nông dân ở Miệt Thứ.

Ba mươi năm rồi vết thương cũ vẫn còn mưng mủ. Và những vết thương mới bỗng xuất hiện như một nỗi đau ngâm ngùi.

3. *Chuyện Con Lyly*

Ở phần trên tôi có vài lần nói phớt qua về con chó Lyly trong nhà dưỡng lão của bà Anita bạn tôi. Thật sự thì khi nghĩ tới đề tài để viết chuyên mục Quanh Cuộc Sống Chúng Ta cho số tạp chí kỳ này, tôi muốn chỉ viết về con chó Lyly thật độc đáo này. Nhưng triều suy nghĩ của tôi bỗng gặp phải một người Mỹ tốt bụng và hai người đồng hương tôi nghiệp, nên phải viết dài dài như trên. Nhân vật chánh trở thành nhân vật phụ.

Lyly là tên của con chó lông xù mịn, mỗ bằng, mũi thấp, mắt đen, tai có hình trái tim, chân thấp, thuộc giống Pekingese, một loại chó xuất hiện tại Trung Hoa từ thế kỷ thứ 8, là loại chó quý, rất thông minh, dễ dạy và trung hậu, hay vùi vãnh, được nuôi trong nội cung và các nhà quyền quý, nặng từ 6 pounds đến 14 pounds. Có thời những con Pekingese còn được coi là một linh thú ở Trung Hoa. Pekingese nhập vào các nước phương Tây từ những năm 1860.

Mẹ của bà Anita nuôi con Lyly từ khi nó mới được sinh ra, đến nay con Lyly đã trên 10 tuổi. Nếu so sánh với tuổi con người thì Lyly đã là bà già bảy mươi. Bà già bảy mươi này đã vô hình chung ở trong nhà dưỡng lão từ khi còn thơ ấu. Có lẽ nhờ vậy mà Lyly có những nét độc đáo đến nỗi một đài phát thanh địa phương đã có lần giới thiệu cùng thánh giả. Đó là việc Lyly từ nhiều năm nay đã là người bạn thân thiết của những người cao niên, bệnh tật trong nhà dưỡng lão The First Family Health Care. Lyly phụ giúp người già. Lyly làm trò vui. Lyly làm cho người già bớt cảm thấy cô đơn. Ông cụ làm rơi chiếc dép ở đầu đó, Lyly đi tìm, tha về cho ông cụ. Bà cụ bị nghẹt thở, nói không ra tiếng, Lyly chạy đi tìm bà y tá. Ông cụ buồn bã,

Lyly nhảy nhót, cúp đuôi, nhắm mắt làm trò hề. Bà cụ tựa cửa ngồi chờ con cháu đến thăm, Lyly ngồi gọn trong lòng bà như một củ chỉ vừa thân mật, vừa an ủi. Bà cụ vuốt lông Lyly mà ngỡ mình đang vuốt ve đứa cháu ngoại đã bật vô âm tín.

Từ 10 năm nay không ai nhớ được là Lyly đã làm bao nhiêu công việc lợi ích cho những thân phận già nua, cô đơn trong nhà dưỡng lão. Nhưng có một điều mà người ta vẫn nghĩ là những người già cả tội nghiệp từ nơi đây mà ra đi thế nào cũng mang ít nhiều hình ảnh dễ thương của con chó Lyly, một người bạn thân lúc nào cũng có mặt bên cạnh họ.



XUÂN THAO

U hoài

Đã xa từ thuở nào em?
Cho anh tìm lại môi mềm, vai êm
Lời thề cắt tóc làm tin
Chao, hương hoa buổi rụng thêm giêng, hai !
Tóc em còn cụm hoa cài?
Màu hoa thiên lý ngắt ngây chưa tàn?
Em chừ tay ẵm, vai mang
Hẫng quên những chuyện đá vàng ngày xưa?
Mình anh đi sớm, về trưa
Một mai ai có nhớ ai, hỡi tình!

(trích thi tập **Sống Mòn**, Bản Thảo xb)

Đào Anh Dũng

Có một bàn tay ...

Thiệp mời ghi sáu giờ, nhưng mãi đến bảy giờ rưỡi khách mới đến gần đông đủ. Lộc ra dấu cho Hạnh và Huy chuẩn bị, tiệc cưới sắp bắt đầu. Lộc là bạn thân của Hạnh và Huy. Anh chàng làm MC cho tiệc cưới của hai người tối hôm nay.

“Rồi cũng xong!”

Hạnh nói nhỏ nhỏ. Chị thăm nghĩ, vui, ngày cưới của mình làm sao mà không vui, nhưng đến lúc này, chị đã thấm mệt. Từ sáng sớm, trang điểm, mấy lần thay đổi xiêm y, qua các lễ nghi tại tư gia họ nhà gái, nhà trai, rồi ở thánh đường, và bây giờ tiếp tân tại nhà hàng. Cũng may, Hạnh có hai cô bạn là Khánh và Trang làm phù dâu, giúp đỡ từng chi tiết. Riêng Huy có cậu em út và Lộc theo sát, nhắc tuồng. Anh chị giống như một cặp múa rối theo các ngón tay điều khiển của phù dâu, phù rể, chỉ đâu đánh đó, ngoài việc cảm ơn khách chúc mừng và tươi cười khi chụp ảnh.

Hạnh ngược mắt nhìn Huy. Gương mặt anh dờ dẩn trông thật tội nghiệp, ánh mắt như đang thả hồn đâu đó. Anh có thấm mệt như chị không? Hay là ... Hạnh thấy mình bỗng dưng có một ý nghĩ là lạ. Phải chăng anh chàng còn nhớ đến mối tình xưa? Lúc này, khi Tuyết cùng chồng của cô đến bắt tay chúc mừng, Hạnh nhận ra một thoáng mất tự nhiên giữa hai người. Chỉ có chút mơ hồ ấy thôi. Vậy mà giờ đây chị đã hờn mát. Hình như lòng anh vẫn còn chút gì vẫn vương ... Hạnh lay mạnh tay Huy. Anh giật mình, nhìn chị, khe khẽ nói, giọng thật buồn:

“Giờ này mà chưa thấy, chắc chú An không đến được rồi! Anh lo quá, không hiểu chuyến bay của chú có sao không?”

Hạnh nhìn Huy, ánh mắt hơi ngờ ngàng. Chị cảm thấy hối hận đã nghi oan cho anh rồi. Chị chưa gặp chú thím của Huy lần nào, chỉ qua điện thoại, lần đầu khi anh

gười thiệu với chú chị là người yêu và sau đó thêm nhiều lần thăm hỏi. Tuy nhiên, chị có cảm tưởng mình đã biết chú từ lâu qua những câu chuyện anh kể về chú.

Chú An ở tận Orlando, Florida, là một kẻ lười ngược dòng trong gia tộc Lê Đình của Huy. Nhiều đồng hương người Việt cho chú là một tay gàn bướng, “từng”, không giống ai. Tuy nhiên, chú lại là thần tượng, một người gương mẫu của Huy. Hạnh biết anh rất mong muốn chú có mặt trong ngày trọng đại của anh chị. Cách nay hơn tuần chú gọi Huy, nhắc lại với anh gia đình chú sẽ đến Minneapolis vào khuya thứ sáu, kịp dự lễ cưới của anh chị vào sáng thứ bảy. Đến gần tám giờ đêm hôm qua, chú điện thoại cho hay chuyến bay từ Orlando bị hủy bỏ. Chú sẽ bắt chuyến sáng sớm, qua ngã Chicago. Sáng này, chú nhận tin mình còn kẹt ở Orlando vì Chicago đang có bão tuyết. Từ đó không ai biết chú ở đâu. Mọi người trong nhà đều bận rộn, không ai quan tâm đến chú như thường lệ, trừ Huy. Hạnh khẽ bóp tay anh. Anh siết tay chị. Bàn tay anh to với những ngón dài, hơi thô, nhưng mềm mại, ấm áp lạ kỳ. Hạnh có cảm giác chúng muốn chia sẻ tâm tư của anh. Lúc ấy, chị biết Huy thầm cảm ơn chị đã hằng tâm đến nỗi băng khuâng, lo lắng của anh. Và, Hạnh không sao quên được lần đầu tiên tay trong tay với Huy . . .



. . . Bốn năm học cùng lớp, cùng trường, cùng là đồng hương Việt Nam nhưng Hạnh không có dịp giao du thân mật với Huy, một anh chàng có vẻ mê học hành, thích thể thao và hoạt động xã hội hơn là có bạn gái. Hạnh không ưa thể thao lắm, chị cũng không có nhiều thời giờ với bè bạn, ít tham gia các sinh hoạt ngoài giờ học. Cha Hạnh là cựu tù cải tạo, đã trọng tuổi lại không nghề chuyên môn nên khi sang Mỹ cả hai cha mẹ chị đều phải đi làm công nhân ở một cơ xưởng mới đủ ăn. Khi có giờ phụ trội ông bà mừng, nhận ngay. Có dám bỏ qua đâu. Vì thế, sau giờ học Hạnh thường xuyên thay mẹ lo cơm nước,

giặt giũ cho cả nhà và trông nom hai đứa em còn nhỏ, sanh ra đời sau khi cha đi tù về. Vào những năm cuối trung học, Hạnh không đi dạ vũ của trường (*prom*). Cho đến khi ra trường, Hạnh mới xin phép cha mẹ dự đêm dành cho học sinh lớp cuối (*senior night*), đêm họp mặt cuối cùng của đời học sinh.

Người ta bảo rằng xứ Mỹ là một xã hội thành hình qua sự hội nhập của nhiều sắc dân, mà mỗi sắc dân, tuy phong tục, văn hóa dị biệt vẫn sẽ tự nhiên hòa đồng vào xã hội mới. Tuy nhiên, thật buồn cười, Hạnh thấy điều trái ngược trong buổi tiệc đêm hôm ấy. Lúc mới đến, mọi học sinh có vẻ hội nhập, họ chào đón, sinh hoạt chung với nhau. Khi đêm lắng xuống, họ lại chia ra nhiều nhóm, theo màu da, giọng nói. Trong lúc trò chuyện cùng các bạn Việt Nam, Hạnh mới biết Tuyết, một bạn cùng lớp, là bồ của Huy trong đêm dạ hội ấy. Thế mà đột nhiên Huy đến mời chị khiêu vũ. Hạnh nhò nhẹ từ chối vì thật sự chị không biết khiêu vũ. Anh rất táo bạo, nhưng không sở sảng, nắm tay, nhẹ nhàng kéo chị đứng lên và nói:

“Một lần nữa, xin hân hạnh mời bạn. Không sao, nhạc êm dịu, mình sẽ hướng dẫn bạn. *Tin tôi đi!* ”

Tin tưởng? Hạnh có quen thân anh chàng này đâu mà đặt lòng tin? Tuy nhiên, trong khoảnh khắc đó, chị nghĩ mình có thể tin tưởng chủ nhân bàn tay mềm mại, ấm áp ấy. Và, chị đã theo anh ra sàn nhảy. Sau vài phút, Hạnh có thể bước theo điệu nhạc, nhờ vào phong cách diu dặt hòa nhã của Huy. Qua những câu thăm hỏi xã giao trong lúc khiêu vũ, Hạnh được biết Huy sẽ học dự bị Luật tại một trường danh tiếng ở tận miền Đông để sau này nối gót cha anh. Huy tâm sự với Hạnh rằng anh không thích Luật, anh chọn ngành này theo ý muốn của cha anh mà thôi. Huy hỏi và Hạnh nói đến ước mơ làm cán sự xã hội của chị, để có thể giúp đỡ những kẻ không may mắn, và để có dịp trả lại phần nào món nợ xã hội Mỹ đã cưu mang gia đình chị. Huy khen chị, bảo đó là một ước mơ thật cao thượng và chúc chị được mãn nguyện. Hạnh cầu chúc Huy luôn may mắn và thành công trong những ngày sắp tới. Hết bản nhạc, Huy dìu chị về chỗ ngồi. Rồi họ chia tay. Thế thôi.

Nhưng hình như đôi bàn tay của Huy có linh hồn. Chúng đã mang đến cho Hạnh những giây phút khó nói, khó quên.

Phải đến hơn tám năm sau Hạnh mới gặp lại Huy, rất tình cờ. Khi ấy, chị đã tốt nghiệp ngành Xã Hội Học và làm việc gần bốn năm cho một cơ quan từ thiện chuyên giúp đỡ, tư vấn cho những công nhân thấp cổ bé miệng bị chèn ép trong các công ty, cơ xưởng. Hôm đó, cơ quan của Hạnh có một buổi họp với đại diện của tổ hợp luật sư X. Đây là một tổ hợp khá nổi tiếng tại địa phương. Họ có một bộ phận đặc biệt cung cấp dịch vụ miễn phí cho các cơ quan từ thiện, với mục đích chia sẻ trách nhiệm xã hội, nhưng thực chất là tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giao tế nhân sự và thanh danh của tổ hợp. Cuộc họp nhằm giới thiệu một luật sư mới. Ông sẽ là tư vấn pháp luật cho cơ quan Hạnh đang phục vụ. Thật bất ngờ cho Hạnh, vị luật sư mới đó chính là Huy. Nhờ đọc bản tóm lược thành tích của Huy, Hạnh mới biết anh tốt nghiệp một trường thuộc nhóm Ivy League và đã từng làm việc cho một tổ hợp luật sư danh tiếng toàn quốc có văn phòng tại Chicago.

Hôm ấy, bước vào phòng họp Huy nhận ra Hạnh ngay. Anh nhanh nhẹn đến bên chị, bắt tay nói: *Congratulations!* (Chúc mừng) Xong, anh giới thiệu cùng mọi người chị là bạn học của anh ngày xưa. Lúc đầu ai cũng có vẻ ngỡ ngàng trước hành động quá tự nhiên của Huy. Anh là người sẽ được giới thiệu mà! Riêng Hạnh, chị đâu có tin vui nào hay được thăng tiến trong việc làm mà anh chúc mừng? Tuy nhiên, sau khi nghe anh xin phép và kể lại lý do anh chúc mừng chị - đó là chị đã đạt được ước mơ làm cán sự xã hội, mọi người trong phòng họp vỗ tay tán thưởng. Hình như họ có ấn tượng rất đẹp về cử chỉ thân thiện và thành thật của anh, một đức tính hiếm có trong giới tư vấn luật pháp. Riêng Hạnh, chị rất cảm động khi biết sau bao nhiêu năm Huy vẫn còn nhớ đến buổi gặp gỡ xa xưa, tuy ngắn ngủi, nhưng là một kỷ niệm dễ thương của hai người bạn thời trung học.

Với chút cảm tình ấy, sau vài lần làm việc chung ở cơ quan, Hạnh không có chút do dự nào khi chị nhận lời mời của Huy, đi dùng cơm với anh tại một nhà hàng vào một buổi chiều cuối tuần. Dầu không quen thân trong những năm trung học, hai người cũng có những người bạn chung nay đã tứ tán khắp nơi. Họ ôn lại những kỷ niệm vui buồn thuở học trò và cảm thấy thoải mái khi cùng nhau trò chuyện. Nhờ vậy, Hạnh mới biết Huy trở về Minneapolis làm việc cho tổ hợp X, tầm vóc không bằng tổ hợp ở Chicago. Ở đó họ đồng ý cho anh phụ trách các công tác xã hội. Tuy biết mình khá lập dị, anh vẫn bảo thiên chức của nghề luật là phụng sự xã hội. Huy cũng tâm sự rằng Tuyệt và anh đã chia tay vì hai người không hợp với nhau.

Những tháng ngày sau đó, Hạnh và Huy có nhiều dịp gặp gỡ nhau, trong khi làm chung công tác và những lần hò hẹn riêng tư. Hai người trở thành một đôi bạn thân. Và rồi tình yêu đã đến với họ. Họ nhận thức họ có cùng một lý tưởng, một chí hướng cho cuộc đời. Lúc đầu Hạnh thắc mắc, không hiểu sao Huy lại đi ngược hướng với cái “danh gia vọng tộc” của anh. Sau khi nghe Huy kể chuyện chú An, chị mới nghiệm ra lý do.



Chú An là một kẻ lười ngược dòng. Người Việt định cư tại Minneapolis ít ai không biết đến gia tộc Lê Đình. Qua lời kể của những người quen sống lâu năm tại địa phương, Hạnh mới biết dòng họ Lê Đình là một trong số những gia đình người Việt đầu tiên đến thành phố này vào đầu mùa Hè 1975. Gia tộc gồm cha mẹ già và gia đình sáu người con: một cựu đại tá Quân Pháp, hai người bác sĩ, một dược sĩ, một luật sư là cha của Huy, và người con út là chú An, một phế nhân cụt mất chân trái. Dầu và rể cũng trong giới “sĩ”, chỉ có một người duy nhất nguyên là giáo sư trung học. Đó là mẹ của Huy. Lúc mới đến, họ sống bình thường như mọi người tị nạn khác, tham gia hội họp,

sinh hoạt cộng đồng nhưng rất giữ kẽ, không khoe khoang, ồn ào.

Sau vài năm, học hành đỗ đạt, có phương tiện làm ăn vững vàng, tài chánh tương đối, họ đưa cha mẹ già về miền nắng ấm Cali làm ăn sinh sống. Chỉ có hai gia đình ở lại Minneapolis: một người bác của Huy mở phòng mạch tư, và cha của Huy làm giám đốc một văn phòng tư vấn luật pháp. Từ đó, có thể vì nhu cầu giao tế, mục đích thương mại, bác của Huy và cha của anh cùng gia đình hoạt động tích cực hơn trong những công tác cộng đồng, như tổ chức các buổi sinh hoạt người Việt vào dịp Tết, họp mặt ngoài trời trong mùa Hè, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương ... Con cái họ lần lượt vào đại học, đa số đỗ đạt ngành Luật và Y.

Người duy nhất không theo hai nghiệp này là chú An. Chú mang chân giả, khập khểnh trở lại đại học. Sau khi tốt nghiệp cử nhân, thay vì nộp đơn vào trường Luật hay Y, chú tình nguyện phục vụ tại trại người Việt tị nạn ở tận đảo Palawan, Phi-Luật-Tân. Đây là một biến cố lớn trong gia tộc Lê Đình nhưng nó không thấm vào đâu so với việc hai năm sau đó chú trở lại Minneapolis với vợ con, một người đàn bà lơ đãng, bất bình thường và một đứa bé còn bồng trên tay. Gia tộc Lê Đình không chấp nhận cuộc hôn nhân này. Họ càng chống đối khi nghe những người tị nạn mới đến từ Palawan ác miệng loan truyền trong cộng đồng rằng vợ chú là một nạn nhân hải tặc trên đường vượt biên và con chú là kết quả của thảm trạng ấy.

Chú An xác nhận với gia đình sự việc đúng như tin đồn và xin gia đình mở rộng vòng tay. Không ai đồng ý. Tất cả lại còn có ý định từ chối nếu chú không ly dị người vợ có quá khứ khả nghi ấy. Huy là đứa cháu duy nhất thông cảm với chú, tới lui thăm viếng, an ủi chú, giúp đỡ gia đình chú trước khi chú lặng lẽ rời Minneapolis, đưa gia đình đi Orlando, nơi chú được nhận làm giáo sư trung học trong một vùng ổ chuột. Từ đó, chú An chưa một lần trở lại Minnesota.



Tiếp theo mục giới thiệu cô dâu và chú rể mới cùng gia tộc hai họ, và phần cảm ơn quan khách, các bạn của Huy lần lượt lên sân khấu “quay” anh khá kỹ. Huy nắm tay Hạnh, miệng không ngớt tươi cười qua những mẩu chuyện dí dỏm, ký ức bạn bè anh kể lại. Anh cảm thấy rất hạnh phúc trong ngày vui của mình - bạn bè tề tựu đông đảo, gia đình họ hàng không sót một ai. Trừ chú An. Lòng chùn xuống, Huy ước mong sao chú có mặt đêm nay để chia sẻ với anh niềm vui khi anh bắt đầu cuộc sống mới với người anh yêu, người tâm đầu ý hợp ...

Tràng pháo tay vừa chấm dứt, trong khi Huy cùng Hạnh còn nán lại trên sân khấu, nhường chỗ cho cha mẹ bước về bàn tiệc danh dự trước, anh chợt nghe tiếng xôn xao từ phía quan khách. Một người đàn ông mặc bộ âu phục màu xanh đậm đang khập khễnh bước nhanh về hướng sân khấu. Nhận ra khuôn mặt quen thuộc của người khách, Huy la lên:

“Chú An!”

Huy nắm tay Hạnh, kéo chị chạy như bay về hướng chú An. Gặp chú, anh ôm chầm lấy chú, nói như không kịp thở:

“Chú, chú đến khi nào vậy? Cháu mong chú mãi. Chú có mệt lắm không? Thím đâu? Còn em Nhiên, em Đức? Thừa chú, đây là Hạnh, vợ con ... vợ con nè chú!”

Chú An không trả lời Huy. Chú đưa tay ôm cả hai vợ chồng đưa cháu của mình.

“Chú thím chúc mừng hai cháu. Chú thím đến quá trễ, hai cháu đừng buồn.”

Không kịp cảm ơn câu chúc mừng của chú An, Huy hỏi tiếp:

“Thím đâu chú?”

Chú An xoay lưng, đưa tay ngoắt và gọi lớn:

“Chân ơi, em đưa hai con đến mừng cháu.”

Một thiếu phụ mặc chiếc áo dài màu lục cùng hai đứa trẻ, một gái và một trai ăn mặc tươm tất, từ cuối phòng tiệc bước đến. Hạnh biết ngay đó là thím An và hai người em họ của Huy. Chị vội vã đi nhanh đến đón. Thím An là

một người điềm đăm, nói năng chậm rãi, từ tốn như trong những lần Hạnh trò chuyện cùng thím trên điện thoại.

“Thím mừng hai cháu nên gia thất.”

Thím An vừa nói câu chúc mừng, vừa ôm Hạnh, vỗ nhẹ nhẹ trên vai chị. Đoạn thím dịu dàng bảo hai con:

“Nhiên và Đức chào chị đi con.”

Hai đứa trẻ ngoan ngoãn khoanh tay, cúi đầu chào Hạnh:

“Em chào chị ạ ...”

Cô bé giống mẹ, có duyên, tuy nước da hơi ngăm, mắt to, lông mi cong vút. Cậu con trai, lạ thật, sao quá giống Huy. Hạnh ôm hai đứa trẻ, miệng nói câu chào hỏi mà trong lòng ước ao sau này anh chị cũng sẽ có những đứa con dễ thương như hai cô cậu em họ này.

Huy dìu chú An đến, vồn vã chào thím và hai em, đoạn anh đưa mọi người lên sân khấu. Lộc biết ý bạn, trao cho Huy chiếc micrô. Huy tươi cười giới thiệu gia đình chú An:

“Kính thưa quý ông bà, quý quan khách. Tôi xin phép được giới thiệu cùng quý vị, chú thím An của tôi cùng với hai em của tôi là Nhiên và Đức, đến từ Florida!”

Tiếng vỗ tay rì rào. Phải chăng đã đến giờ nhập tiệc, quan khách đã chán ngấy cảnh giới thiệu họ hàng thân tộc của cô dâu chú rể? Hạnh lướt mắt nhìn về phía nhà chồng, chị bắt gặp vài vẻ mặt ngớ ngàng, điệu bộ lúng túng. Về phía quan khách, chị thấy nhiều người ghé tai nói nhỏ, nhiều ánh mắt tò mò, tiếng nói lao xao ... Hạnh cảm thấy bất nhẫn. Chị thầm nghĩ, chuyện đã xảy ra hơn mười năm rồi, sao lòng người vẫn còn hẹp hòi, nhỏ mọn ... Chợt giọng nói rộn ràng của chú An phá tan cái không khí ngột ngạt khi ấy:

Kính thưa quý quan khách, quý ông bà,

Tôi chỉ muốn được cùng quý vị nâng ly cầu chúc Huy và Hạnh, hai cháu của chúng tôi, câu “Trăm năm hạnh phúc, Sắc cảm hòa hiệp.” như thường tình. Tuy nhiên, sau khi nghe cậu Lộc kể lại những kỷ niệm lúc thiếu thời của các cậu để “quay” cháu của tôi trong ngày trọng đại này,

tôi bỗng có ý nghĩ sao mình không thuật lại một câu chuyện về Huy mà tôi giữ kín trong lòng bấy lâu nay.

Kính thưa quý vị,

Tôi hứa sẽ vẫn tắt, mong sao không làm mất thời giờ quý báu của quý vị tối hôm nay. Cuộc đời tôi có vài lần trải tàu. Gần nhất là hôm qua, chuyến bay từ Orlando đến xứ tuyết này để dự lễ thành hôn của cháu tôi, đáng lý ra chỉ có khoảng ba giờ bay, mà mãi đến tối nay tôi mới có mặt. Lần trải tàu tạo một khúc quanh quan trọng của đời tôi đã xảy ra cách nay gần 30 năm, vào đầu tháng năm, năm 1975, sau khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản. Tôi đóng quân xa Sài Gòn nên không thể về kịp, di tản cùng gia đình. Tôi phải tự tìm đường cứu lấy thân mình. Trong chuyến vượt thoát gian nan, nguy hiểm, chúng tôi phải chiến đấu mới sống còn. Khi ra đi, tôi có đủ tư chi. Lúc đến bến bờ tự do, tôi thành phế nhân. Vết đạn ở đùi quá nặng.

Kính thưa quý vị,

Một thời gian sau khi vết thương thuyên giảm, tôi đã gặp lại cha mẹ, anh chị của tôi và gia đình trong một trại tỵ nạn trên đảo Guam. Trong nỗi xúc động vô vàn ấy, tôi kể cho mọi người nghe về chuyến ra đi thập tử nhất sinh của tôi. Bất chợt, tôi nhận ra có một bàn tay nhỏ bé nắm tay tôi, bóp nhẹ nhẹ. Đó là bàn tay của Huy. Tôi cảm thấy ngay sự ấm áp của bàn tay êm dịu, sự siết nhẹ thân tình của bàn tay ấy. Nó đã mang đến cho tôi một xúc động thật chân thành, khó quên. Lúc ấy, và mãi cho đến bây giờ, tôi có được một niềm an ủi vô biên. Tôi nghiệm ra rằng hầu hết chúng ta ai cũng cần có một bàn tay ấm áp để làm điểm tựa trên đường đời lắm chông gai.

Cháu Hạnh,

Bàn tay ấm áp, thân yêu của Huy đã an ủi chú trong những ngày đau khổ ấy khi xưa. Nó đã theo chú, giúp chú trong mọi quyết định quan trọng của đời mình. Hôm nay nó đang trong tay của cháu. Chú tin rằng nó sẽ nòng nài, chia sẻ ngọt bùi cùng cháu trong suốt cuộc sống lứa đôi của hai cháu. Cùng với thân nhân, bằng hữu và quan

*khách của hai họ, chú xin nâng ly, chúc mừng hai cháu.
Xin chân thành cảm ơn quý vị.*

Không gian im lặng, chỉ có một vài tiếng ly tách khua động sau khi chú An dứt lời. Vài tiếng vỗ tay lẻ tẻ. Bỗng cả phòng tiệc như vỡ tan với sự tán thưởng nồng nhiệt. Đại gia đình của Huy ùa về sân khấu. Họ bu quanh gia đình chú An. Họ ôm nhau, người cười, kẻ chặm khăn mù-xoa trên khóe mắt. Họ mừng vì con chiến lạc bấy nay đã quay về? Họ đã nắm được một bàn tay ấm áp? Hay đó chỉ là nỗi xúc động nhất thời, rồi mọi việc sẽ trở về nếp cũ? Vô tình, trong phút chốc họ bỏ quên Hạnh, một người mới gia nhập gia tộc Lê Đình. Khi ấy, Hạnh thoáng có cảm tưởng mình là một kẻ đứng bên lề. Chợt có một bàn tay tìm lấy tay chị, bóp nhẹ. Hạnh âu yếm nhìn sâu vào mắt Huy, chị thấy lòng mình rạt rào hạnh phúc vì chị biết rằng bàn tay ấm áp ấy sẽ mãi mãi đồng hành với chị. Hạnh muốn chia sẻ niềm vui của mình với cha mẹ, chị hướng nhìn về phía bàn tiệc danh dự và chị bắt gặp ánh mắt sung sướng, cảm thông của cha, nụ cười của mẹ. Chị không kèm được những giọt nước mắt hạnh phúc đang ứa ra.

*Apple Valley, Minnesota
Hạ âm 2009
Đào Anh Dũng*



ĐẶNG ĐÌNH TÚY

Vàng mấy khoảng cho mặt trời tới đậu

Mỗi ước mơ coi là “hoàn thành” khi nó thể hiện được, *dưới bất cứ hình thức nào*, sự thèm khát bị ru ngủ trong con người. Ý kiến này của Freud nhưng có thể không hoàn toàn Freud, vì tôi nhớ tôi đã đọc nó đâu đó, rồi tự chính tôi tôi thêm thắt giải thích, theo tâm hiểu của tôi, theo kinh nghiệm của tôi. Hồi mới lớn, trong những đêm trằn trọc, mơ ước khám phá những sâu kín nơi người nữ, tôi thường nhớ tới mấy bức ảnh khỏa thân chụp vùng các thiếu nữ Á châu đầu trong ví (tôi cố ý chọn lựa vì cảm thấy xa lạ với các nàng vệ nữ Tây phương). Trong đêm đen, đôi khi muốn vùng dậy bật đèn ngắm các cơ thể trần truồng ấy nhưng thật bất tiện vì không có đèn kê bên giường ngủ, thay vì, tôi bèn nhớ đến những mẫu văn, những đoạn thơ mà tôi cho là nhạy cảm nhất vì chúng đánh thức những rối rắm sợ sùng, những tê mê hoảng loạn khi tuổi dậy thì chưa cho phép tôi nhìn rõ hiểu rõ hơn. Phải chăng đó là bước đầu để tôi nhận ra *huyền lực* của nghệ thuật ? Như vậy những lời viết trắng trợn dung tục, những hình vẽ thô thiển trên tường các nhà vệ sinh công cộng không “thể hiện” đủ nỗi khát thèm của tác giả chúng sao ? Tôi không có câu trả lời. Chỉ biết rằng người họa sĩ tài hoa chỉ cần vạch đôi nét đã tượng trưng được cả con người, khi là con người ưu tư phiền muộn khi hồ hởi vui tươi ; chỉ biết rằng khi đọc nhà văn Võ Phiến ví bắp chân người đàn bà với bụng con cá thu tôi bỗng thấy ròn rợn nhột nhột, cảm giác khó phai (nên nhớ rằng những xúc động loại đó phai rất nhanh và khó gọi lại để đạt đến cường độ cảm nhận lần đầu) ; và, mới đây, trong một tiểu luận thơ, có người nhắc Từ thể Mộng trong *Một phương quỳ* :

*Không phải tuổi
Không phải sông
Mà ướt đầm mái tóc*

*Không phải rực vàng
Một màu hoa cúc
Mà đơn sơ áo ướt một đôi vùng
Em tắm biển về ướt ở sau lưng
Vàng mấy khoảng cho mặt trời tới đậu
Em đạp xe về
Dáng hiền thực quá
Đơn giản vậy mà sao lòng anh lạ
Nghiêng theo em như thể đóa hoa quỳ*

Cái làm tôn thêm vẻ đẹp chính là sự không ý thức về nó. Người con gái đi tắm xong rồi đạp xe về. Nàng hừng hờ mặc áo không hề để ý rằng thân thể hãy còn ướt nước, những giọt nước rịn ướt thấm ra cả chiếc áo khô bên ngoài. Ngó vậy chứ mặt trước không gọi tình bằng mặt sau, dù mặt trước trực tiếp hơn. Cái ướt sau lưng chỉ có hai khoảng nhỏ hai bên vai bởi đường sống lưng lõm xuống không bao giờ chạm làn vải nhưng nghệ thuật không ở chỗ hiển lộ mà ở nơi che dấu, *vàng mấy khoảng cho mặt trời tới đậu* ! Sở dĩ tôi trích hơi dài vì muốn cho tròn ý tác giả. Tôi cam đoan rằng trong mỗi cuộc sống của chúng ta, ta có vạn lần nhìn thấy chiếc áo *ướt một đôi vùng* trên thân thể đàn bà, cũng có thể nhiều lần hình ảnh ấy khiến ta chột dạ nhưng chắc chắn cái ấn tượng sâu đậm gây bởi chiếc áo ướt chưa lúc nào mạnh mẽ và hằn dấu cho bằng lời gợi ý trong thơ Từ Thế Mộng. Lại xin nói thêm rằng không hẳn thi sĩ chỉ bị quyến rũ bởi chiếc áo ướt một đôi vùng đó thôi, tức là hoàn toàn vật dục ; không ! Phải có một cảm hứng cao hơn thể mới viết ra được những lời thơ đẹp như vậy. Một đam mê rất quân bình vừa hồn vừa xác. Dục tình trong yêu đương đúng nghĩa là dục tình chia xẻ, không phải chỉ dục tình dâng hiến. Không chia xẻ được thì một trong hai sẽ phải chối từ và ra đi :

*Ta thấy gì sau nhan sắc yêu kiều
Mà ta siết giữa đôi tay thất vọng* (Xuân

Diệu)

Có hai khuôn mặt mà vị trí tuyệt đối của họ không ai có thể phủ nhận được : Xuân Diệu làm thơ tình hay nhất. Và Trịnh Công Sơn viết nhạc tình hay nhất. Đã có không biết bao nhiêu giòng chữ tìm hiểu phân tích phê phán ca tụng họ, một thằng tôi nhỏ bé tầm thường chẳng tô vẽ thêm bớt được gì những vòng hào quang tôn vinh. Có chăng là thêm một dấu hỏi...

Đặc tính muôn thuở con người là che dấu. Chúng ta che dấu cái nhìn kẻ khác, đã đành ; chúng ta che dấu cả cái nhìn của chính ta. Phục sức, trang điểm là để che dấu cái bất toàn của thân xác và của nhan sắc ; còn nghệ thuật chẳng qua chỉ là cách che dấu nỗi khốn khổ nhân sinh. Viết, vẽ, ca hát là tìm cách làm đẹp cuộc đời ; nhất là tự làm đẹp mình. Đối chọi với khuynh hướng văn nghệ hiện thực là khuynh hướng lãng mạn. Lãng mạn là lối biểu hiện hiệu quả nhất để lừa người và lừa mình. Dù tôn trọng người đàn bà đến đâu, toan tính chinh phục của người nam vẫn hàm ý chiếm đoạt, nếu không chiếm đoạt được cả hồn lẫn xác thì ít ra cũng phần xác. Chỉ ít thì cũng trong vài phút hạn hẹp trước khi mồ hôi toát ra. Chỉ đến khi nào thực sự bị trói tay trói chân lúc đó thì ta phải đành mơ tưởng -tình trạng túng bấn của việc nhìn trái cấm mà không đụng tới được như con chồn của La Fontaine với chùm nho. Tôi chạnh nhớ tới Nguyễn trọng Trí :

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu
Đợi gió xuân về để là lời*

Cũng một sóng soài, nhưng sóng soài của Hoàng Cầm là sóng soài vécu :

*Thuyền ơi tóc xỏa đêm vàng
Giai nhân sóng soài hai hàng chiêm bao*

Hai sóng soài đều «đắc» nhưng hai tính chất khác nhau xa. Còn Xuân Diệu ? Tuy thi sĩ có sở thích hơi khác đời, lời thơ ông vẫn chứa chan chất nhục thể :

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần

Có tâm hồn thơ nào biểu hiện được cái sôi nổi trần thế đến

vậy không ?

Tôi xin trở lại với ý tưởng nhân đọc Từ Thế Mộng rằng lãng mạn hóa yêu đương là từ chối yêu đương -một yêu đương toàn vẹn, không phải chỉ yêu đương một nửa. Bởi người con gái là lụa là hương sắc nhưng bên dưới cái lụa là hương sắc còn có những hỗn hển ẩm ướt dẫu che. Phải đi đến cùng mới biết thế nào là hạnh phúc với khổ đau. Xin chọn lụa.

Và người ấy đã chọn lụa. Gọi người là thi sĩ cũng được ; mà nhạc sĩ cũng được, tài hoa ấy bao trùm nhiều lãnh vực. Và thừa mứa cơ hội để diễn đạt nữa : hơn sáu trăm ca khúc chớ ít sao ! Ông giáo sư đại học Cao Huy-Thuần viết một bài đặc sắc. Vì chọn bình một bài đặc sắc, *Đóa hoa vô thường*. Theo ông đó là một bản trường ca, gồm nhiều thể điệu thích hợp với từng tâm cảm. Dựa trên chính lối giải thích của kẻ sáng tạo, gồm bốn tâm trạng và *lời bật* : khúc thứ nhất, đi tìm tình, nhạc thông dong ; khúc hai, gặp tình đưa tình về, nhịp hớn hỡ ; khúc ba, bốn mùa yêu nhau trong lẽ vô thường của trời đất ; khúc bốn, tình phơi pha, nhạc hiu hắt ; rồi đoạn kết, nhạc mạnh (vì sao lại mạnh nhi ? Có phải cần mạnh để tự đánh thức mình?) rồi êm dịu lại : *Từ đó ta là đêm nở đóa hoa vô thường...* Tâm lúc ấy không còn vọng động nữa, sắp đạt tới chân như. Tuyệt ! Tuyệt cả hai, kẻ sáng tạo cũng như người phẩm bình.

Nhưng tôi là đứa phàm phu. Kẻ phàm phu suy nghĩ theo kiểu phàm phu. Rằng thì là thèm muốn là đầu mối của khổ đau, nhưng nếu chối từ thèm muốn thì là chối từ phất cái sống rồi còn gì ? Là một nỗi đau rất người, tránh nỗi đau đó là tránh làm người. Ngược lại với thái độ này, các nhà tu, các hiền triết, *dự kiến* về một lối tránh né khổ đau bằng cách không chịu đối đầu với nó. Lý luận của hầu hết các tôn giáo và triết học đều như vậy. Cho nên, để đừng chạm thân xác đàn bà, Trịnh Công Sơn chọn những sợi tóc và đôi vai, những bộ phận ít phụ thuộc nhất (và ít gây thương tổn nhất) đối với chủ nhân : *Tóc em từng sợi*

*nhỏ/Rớt xuống đời thành sóng lênh đênh ; còn vai thì phải
vai gầy đẽ như cánh vạc về chốn xa xôi (hơn nữa đẽ còn ái
ngại bởi nét mỏng manh mà không nở nặng tay nặng
chân) . Lộng giả và lộng chân đến hết còn hiểu được đâu
là thật và đâu là ảo. Đọc thơ TCS cũng tựa như xem người
làm ảo thuật. Ông mới vừa bảo :*

*Muốn một lần tạ ơn với đời
Chút mặn nồng cho tôi*

Rồi ngay tức khắc ông phủ nhận :

*Có những lần nằm nghe tiếng cười
Nhưng chỉ là mơ thôi*

Vậy thì có gì nồng mặn để phải tạ ơn ? Tương tự :

*Tình như nắng vội tắt chiều hôm
Tình không xa nhưng không thật gần
Tình như đá hoai những chờ mong
Tình vu vơ...*

Tình ấy ôm ờ ghê quá, tôi mà làm ông Trịnh thì tôi giận ừ
hoi. Giận cô gái mang hoa đến tặng (cử chỉ tình tứ biết
bao) than ôi, với nụ cười khúc khích : cười kiêu nào cũng
mở vòng tay ra được nhưng nụ cười mà khúc khích thì dễ
chạm tự ái lắm. Với nhạc sĩ lại khác, người cảm nhận theo
một phương cách đặc biệt : tôi rất tin khi nghe người bảo
rằng tình không xa nhưng không thật gần –platonique mà
làm sao *thật gần* được ! Ông Cao Huy Thuần còn phát
giác rằng nơi nhạc sĩ không có trực *anh* và *em* mà chỉ *tôi*
và *em*. Đây cũng là cách *dự kiến* về một lối tránh khổ đau.
Người Việt ta có cách cam kết bằng ngôn ngữ, nói rõ hơn,
khi sử dụng danh xưng người đàn ông đã định bụng ký
giấy cam đoan rồi đó : thuở đầu anh ta đứng xa xa “*thưa
cô*” ; sau thấy có mối hứa hẹn nên rằng “*tôi/em*” ; khi
được nàng chấp nhận thì thân mật “*anh/em*” ; và lúc thành
đôi thành lứa bèn “*mình*”. Cố ý hay vô tình không biết

(tay phù thủy ngôn ngữ không lý lại hớ hênh ?) nhạc sĩ chỉ chấp nhận vị thế số hai mà tôi dẫn trên đây, quả thật là *không xa nhưng không thật gần*. Loài người quanh nhạc sĩ (bọn thể nhân thường tình chúng tôi) hề thấy có cơ hội áp sát người đẹp thì chúng sẵn tới ngay không chần chừ. Nếu thành công chúng ca hát nhảy múa, chúng vui thật tình, vui như điên, vui mà *không chịu dự kiến* về một nỗi bất hạnh có thể đang núp lén rình chờ đâu đó. Rồi giá bất hạnh có đến thật thì chúng cũng buồn khổ như nhạc sĩ là cùng. Đâu phải như nhạc sĩ với một tinh thần chủ bại ngay cả khi chưa kịp ra quân. Tinh thần ấy nó bằng bạc trong mọi lời viết, bao giờ người bước tới một bước thì người cũng lùi lại một bước ; có khi chỉ một bước tới mà đến hai bước lùi... để bảo toàn lực lượng. Không phải người không hề biết say đắm. Chỉ mới cái nhìn đôi khác trước cùng một đối tượng mà người đã hân hoan ngần này :

*Từ khi trăng là nguyệt
Đèn thấp sáng trong tôi...
Từ khi trăng là nguyệt
Tôi như từng cánh diều vui*

Vì trăng hay là nguyệt thì *tự bản chất* không hề có đôi khác, duy chỉ có cái nhìn của người đôi khác thôi. Cũng may là đôi tượng cũng chịu hòa nhịp :

*Từ khi trăng là nguyệt
Em mang tim bối rối*

Chút tín hiệu đồng tình từ đôi tượng gửi đi, dù vậy, không đủ khuyến khích người chịu thừa thắng xông lên. Lòng người cũng đầy áp hân hoan, nhưng vội vàng lánh mặt ăn chay:

*Từ khi trăng là nguyệt
Vườn xưa lá xanh tươi
Đàn chim non lần hạt
Cho câu kinh bước tới
Từ khi trăng là nguyệt
Tôi nghe đời vỗ về tôi
Từ khi em là nguyệt
Câu kinh đã bước vào đời*

Chưa chi cả mà người đã dự kiến buổi chia tay :

*Từ bao la em đã đến
Hay em sẽ ra đi
Vườn năm xưa còn tiếng nói
Tôi nghe những đêm về*

Bắt đầu từ đoạn này thì là *nghề của chàng* rồi . Người tha hồ khóc than và triết lý. Từ chỗ trăng *biến* thành nguyệt tới chỗ trăng *thôi* là nguyệt, tất cả đều là hư chiêu. Nó có có không không, nó Lão tử Trang tử Thiền học, thôi thì thứ nào cũng hiện diện. Người thơ có lợi thế là có quyền nói lên ngay cả những điều mình chưa rõ lắm chỉ mới chợt bắt gặp trong mập mờ cõi mộng, người không nói bằng lý trí mà bằng cảm tính như tay họa sĩ vẽ tranh thủy mặc, nước là chỗ chân không, hàng cây là nét mực loang tình cờ, bầy chim xa chỉ là vài nét bút lông vung vẩy ! Biết sao. Những gợi ý chúng có cái rộng lượng cho phép ta tham gia sáng tạo và tái tạo bằng chính cảm hứng và kinh nghiệm riêng ta, cho nên chúng đi xa lắm : mỗi người đều có một-Trịnh-Công-Sơn-của riêng-mình. Điều đó giải thích niềm yêu mến của mọi tầng lớp quần chúng đối với họ Trịnh. Tất nhiên là còn những lý do khác nữa, chẳng hạn con người vẫn hàng ngày sống sà sà mặt đất (có khi còn lún sâu xuống tầng dưới nữa) nhưng chính vì vậy mà thường mơ ước bay cao. Có đôi cánh nào nâng chúng ta lên cao cho bằng đôi cánh triết lý hoặc tôn giáo ? Nhưng trước nhất phải gạt bỏ hòn chì dục vọng đã.

Hương hồn thi sĩ chắc bay cao lắm rồi đến mấy tầng trời đầu suất mà tôi thì cố đi tìm dấu vết thường nhân, để thấy một lần ông thực sự ngã xuống. Không, ông không hề ngã xuống. Ông nhẹ nhẹ ông thanh thanh, thật gần với tiên thánh trong khi tôi thì cứ suy luận theo đũa tặc tử, tự nhủ rằng tha không được gì nhưng đừng uống thuốc trừ hậu hoạn trước khi ngã vào tình yêu (Tây Mỹ nó cũng cho là như vậy : to fall in love / tomber amoureux).

Lộng ngôn cho vui nhân khi cao hứng đọc bài thơ Từ Thế

Mộng, nhưng xin tin tôi đi, những ý nghĩ nhảm nhí trên đây không hề làm tôi kém yêu Trịnh Công Sơn cũng như bớt ngưỡng mộ thiên tài của người nghệ sĩ ấy.

KHÚC QUANH Đặng Phú Phong.

Định mệnh khác như nhiên ?
Sao mưa về với gió ?
Mắt em xanh nhãn tiền
Tay em mềm vạn kiếp

Đường cười với dấu chân
Hồ Gươm choàng quá khứ
Ăn năn trong tủi hờn
Hoa đào trơ một nhánh

Ta chạy tràn khúc quanh
Hoa sữa cười khan tiếng
Nghiêng soi mặt nước xanh
Chao ôi là vết tích

Định mệnh và như nhiên
Mừng nhau nơi cuối phố
Tiếng ai đang cười hiền
Tiếng chim nào thánh thót.

Chiếc nôi xưa rách mồn
Ta kêu lên thăm thiết
Con rùa già lắc lư
Còn chẳng là ly biệt

TRẦN YÊN HÒA

Em có về

Khi anh đến đàn sáo rừng đứng ngó
Còn em thì mất hút tự ngàn xưa
Cũng có lẽ trăm năm không dừng lại
Nên ai chờ giữa buổi chợ đông trưa?

Em thì vẫn trong lòng anh thấm mãi
Như cơn mưa chiều nọ lúc em đi
Con đường cũ đã mười năm xa ngái
Mà anh ngờ như mới buổi hôm kia

Em thì vẫn dáng hiền như bông búp
Ngõ nhà em đầy những cụm vàng hoa
Em hiển hiện rồi em tan biến mất
Anh một mình quặn thắt lúc chia xa

Em thì vẫn như vầng trăng cổ độ
Gió bốn mùa lay động nhánh sông đêm
Nhánh sông ấy tít mù trong ánh mắt
Em không về đành lạnh lẽo chiều chẵn!

Anh thì vẫn ôm đàn ca giọng cũ
Bài ca buồn của chim sáo sang sông
Sáo bay mất và em cùng bay mất
Anh một mình lặng lẽ một mùa trăng

Giờ trở về nhịp cầu xưa nối lại
Lòng như mây tụ hội ở phương này
Kêu hoài hủ ý tên em, anh thức đợi
Em có về thì gọi cửa, đêm nay.

KHOA HỮU

Thơ viết trong bóng tối

Đêm trước ngày triệu tập

Đêm, nghe hơi thở cầm canh
sớm mai còn ngấn lệ quanh mắt người
ơn em hàm chút ơn đời
buồn chia chưa đủ môi cười tiễn nhau.

Cầm bằng bước lữ mai sau
tóc xưa đã cắt ngang đầu làm tin
chẳng chân cứng cũng đá mềm
chẳng quên đời thẳng thốt quên từng ngày.

- Cầm bằng ta hạt bụi bay.

Gửi dĩ vãng

Nhớ ta ngày tháng chiêm bao
thăm ta, vừa có kẻ nào chết đi
nắm xương da bọc nổi vè
đường xa thấy mặt phân ly nét sầu
nhớ ta đất đã bẻ dâu
tang thương chờ lấp mộ sâu cho người
thăm ta, còn kiếp luân hồi
nhớ ta, còn nổi nhớ ngoài nghìn năm.

Saigon 1990-1991

NGUYỄN THANH CHÂU

dương cầm. xanh

về bé VÂN

nấn nót dương cầm. xanh
căn phòng. khuya. huyền hoặc
giấc xưa về tình anh
hồn nhạc xanh lên mắt...

chiêm bao nàng

gió ơi. cuộn em lại
lỡ khuya tàn chiêm bao
chút tình trần mê mãi
sầu biệt trời xanh sao...

niệm khúc. lan

nhớ chi lan

thắm. một đoá chi lan
hơn nửa đời hiến tặng
hồn dẫu theo mây ngàn
vẫn ngát say. miền lặng...

Cái Trọng Ty

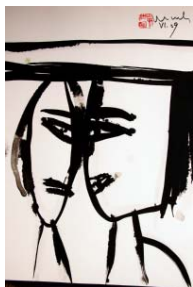
đêm trăng hoang dại

về sông mao
về chợ lâu phan rí
phòng tuyến dài từ đạo ấy sang xuân
sân ga vắng phố chàm trắng hoang dại
tháp hơi khuya chìm vô vọng trăm năm
đôi sương đọng dấu giày mờ lau lách
trăng lưa thưa mưa xóa bãi mìn chông
mùi máu tươi oi nồng bên lộ vắng
tai kiếp rình mò
chẳng khước từ ai
đêm hôm ấy trăng khuya đôi bát ngát
tôi theo trăng về muộn trước sân ga
nghe xa vắng còi tàu qua phố chợ
thân thể bọt bèo sống chết theo mây
dòng sông tím nước trôi mù mịt sóng
cuồn cuộn tai ương

đời bạc đến vô cùng
tôi đứng trên đôi
lau sậy đôi bờ đêm trăng xóa
soi bóng mình chìm nổi lênh đênh
người ngợm đỡ hơi
một thời quá tải
tiếng ai hú rừng chồi
vọng về lớp lớp
sóng từ trường trời đất giao thoa
khoảnh khắc mong manh vỡ tràn huyết sử
cô em chăm mắt đẹp thiên thu
buồn não ruột
ngàn dặm sao hôm
đêm sông mao về trong cô quạnh
còn nghe điệu hát hồn câm
kinh thành đổ tượng chàm u tịch
phía biển trời phát tán
lửa ưu trầm trầm năm

cáitrongty 09

Thơ tình trầnphùthế



GỌI

đêm đêm nghe gió
trở mình ngoài hiên
gọi thầm tên, thầm gọi tên
gọi em, gọi cả nỗi phiền lụy nhau

VÁC TÌNH

mây về ôm gió
lang thang bên đời
chữ tình nặng lắm em ơi!
nghìn cân vác nổi, một lời cũng buông.

Một bài thơ cũ do độc giả nhớ, ghi chép tại

LTS: Với chủ trương sưu tầm những áng văn thơ đã thất tán, sau đây là bài thơ của thi sĩ Nguyễn Đình Niên viết vào khoảng năm 1954-1955, do chị Ngọc Khuê, cựu giáo sư PBC/PT định cư tại Houston ghi chép lại, và gửi đến TQBT. TQBT thành thật cảm ơn chị Ngọc Khuê.

NGUYỄN ĐÌNH NIÊN TÌNH QUÊ HƯƠNG

Có những đêm trăng vắng vặc
Tôi từ phương Bắc,
Muốn ghé lại quê xưa
Thăm mái nhà tranh nho nhỏ
Đương yên lành chờ đợi người trai
Ra đi đã mấy năm trời chiến chinh...

Tôi mang giày đinh
Tùng lặn lội nơi rừng xanh đất đỏ
Tùng dạn dày với mưa nắng, phong sương
Và từng mệt mỏi đường trường,
Đèo cao, dốc cả bên nương những chiều

Tôi còn yêu
Người mẹ già tôi nữa
Ngày ngày tựa cửa chờ mong
Mắt già mòn mỏi đợi trông
Lòng vương sóng nước trên sông buổi chiều

Tôi còn yêu đứa em nho nhỏ
Ngày ngày cắt cỏ hái rau
Lên rừng mót củ xuống bầu bắt cua

Tôi nhớ năm xưa
Mẹ cùng em tiễn đưa tôi ra đi
Giữa mùa khói lửa
Buổi chiều ấy mưa
Lỡ sinh một kiếp nam nhi
Giữa mùa loạn
Thì tôi đâu dám oán.
Thì tôi đâu dám oán
Và cười vang cố rút hận chia ly

Tôi ra đi
Lòng còn ngoảnh lại
Thương người em dại
Vớ một mẹ già
Khuất mình rồi sau bãi dâu xanh
Nhà ai xinh xinh
Như vẫn sống thanh bình mãi mãi
Có cô gái nhỏ
Ngày ngày dệt vải kéo tơ
Đời đượm màu thơ
Bên mấy màu sợi trắng
Bên sắc tóc dịu dàng
Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Đã lâu rồi
Nàng yêu tôi
Đôi bên vừa ăn hỏi
Môi chưa thấm trầu cau
Đã xa nhau vì súng nổ bập bùng
Lan tràn đất nước

Tôi phải bước lên đường
Đâu ước được ngày trở lại
Để cùng nàng kết tóc xe tơ
Sống những ngày thơ
Bên mấy mùa hoang dại
Mấy bãi hoang hoang

Tơ ai vương vương bên đường

Lòng buồn ái ngại, yêu đương lại về
Và tình quê hương
Và những người thương
Giờ đây còn sống bên nường
Cạnh giàn hoa lý, cạnh đường yêu yêu
Nhớ nường khoai
Cùng bãi sắn
Tôi nghe nằng nặng
Tình quê hương

Nguyễn Đình Niên
(Học trò của ông Cao Hữu Hỷ)



Trang Suu tập Di sản văn chương miền Nam thời chiến:

Kỳ này, chúng tôi xin công hiến bài trường thi nhan đề "Gió" của Ngô Kha, được suu tầm từ tạp chí Mai, số 39 phát hành năm 1964.

Ngô Kha sinh năm 1938, giáo sư, bị động viên khóa 16 Thủ Đức vào năm 1964. Trong thời gian này, ông đã chứng tỏ sự dấn thân cũng như lý tưởng nhập cuộc của mình qua bài thơ Mặt Trời Mọc đăng trên tạp chí Mai số 32, để tặng bạn đồng khóa:

*...Cho tôi ở lại bộ binh để làm nữ hoàng của chiến trận
buổi mai thức dậy thấy ánh nắng vô tư diễn hành trên các đợt
cây*

doanh trại đẹp như những vãn thơ

....

*hỡi những người lính Tàu, lính Nhật, lính Mỹ, lính Pháp
những người Cộng Sản*

cát bụi công bình mà thương cho số phận tất cả

bởi ai đã chối bỏ chìa khóa mở cửa chốn địa đàng này

nên bây giờ có những lũ người đi vào bằng bạo lực

Ta phải chiến đấu...

(trích Thơ Tự Do Miền Nam, Thư Ấn Quán xb năm 2008)

Trong biến cố Phật giáo miền Trung ông tham gia tích cực chiến đoàn Nguyễn Đại Thức mà đa số là quân nhân Sư đoàn 1 BB chống lại chính quyền đương thời. Năm 1971 ông bị an ninh quân đội VNCH bắt giam, nhưng được tha bổng bởi Tòa án quân sự mặt trận vùng Một chiến thuật vì không có chứng cứ buộc tội. Cuối năm 1972 ông bị chính quyền dân sự địa phương Huế/Thừa Thiên bắt (mặc dù ông vẫn còn thuộc quân số của QLVNCH như là một quân nhân biệt phái). Năm 1973, ông bị thủ tiêu. Cho đến nay không ai nhận trách nhiệm, và cũng không rõ ông có tội hay không vì chưa có bản án. Theo Chu Sơn, người bạn thân của ông cho biết, có lần ông tâm sự về nỗi nguy khốn vây bủa ông, nhưng ông muốn "Chết dưới tay người Quốc gia để khỏi bị giết bởi những người Cộng sản..." (theo trang Web Damau.org)

Trân trọng mời quý bạn thưởng ngoạn một bài thơ tự do rất dài

của NK, do chúng tôi sưu tầm từ tạp chí Mai, vào năm 1964 lúc tác giả vẫn còn mang áo lính VNCH, thuộc quân đoàn 3.

NGÔ KHA

BÀI THƠ “GIÓ”

1.

tôi chẳng phải là chim
sao biết đường bay mỗi
đôi cánh này ngông cuồng và rồ dại
gió đã đến rồi
xin một bàn tay đắp lên vết thương
sao gió không ru nỗi buồn tôi đi ngủ
bây giờ gió là đứa trẻ hoang tàn
đem cuộc đời tôi làm hát dạo
lần tôi trở lại
sao chẳng là em
mà chỉ là gió trong vườn làm tôi rơi nước mắt
đất này xiềng xích
nên người tù tù một lần ghi tội danh làm sự nghiệp
gió có đôi bàn chân nhỏ
bước đi trên những miền thâm kín của tâm hồn này
tôi quì lạy
gió đừng đem tôi đi thăm những nơi tôi đã lớn lên
vì tôi sẽ khóc
như chồi hoa mùa đông hải hùng nhìn vết giày bạo tàn của gió
để lại
có những ý nghĩ cần phải xóa
cũng như gió đã lạnh lùng
ra đi
có lẽ gió đang hóa thân ở miền nào
tôi làm sao hay biết
bây giờ tháng 5
mùa hạ về vườn nở hoa và kết trái
gió có còn màu trinh cho các chồi bông
xin đừng quên màu hồng nhiệt tình cho các trái cây
rồi gió ra đi

đứng ở lại làm gì
thảo mộc trong vườn không muốn gió nhìn khi tàn tạ
và một ngày vô định
gió sẽ về miền hư vô xa lắm
như thế thì chỉ có một lần
tôi và gió gặp nhau vào giờ này
buổi trưa bằng lòng cho chúng ta yên lành trò chuyện
tôi đã nhìn thấy một thời khắc vô cùng linh diệu
gió mang thi hải người yêu đi qua giấc ngủ cô đơn của loài hoa
hồ người
bây giờ gió còn trẻ
chúng mình nói chuyện về tình yêu
có người bảo gió đa tình
vì gió đã từng ở lại ban đêm trong những khu rừng
kể tâm tình với những giòng sông
gió đã từng hôn lên những mảnh trăng và những đóa hoa bây
giờ tan vỡ
tôi biết gì về gió?
gió là một nhà thơ
gió là một nghệ sĩ khát tình
như loài nai rừng thềm uống nước trong những giòng suối đêm
ôi lời thì thầm của gió và trái đất
bây giờ là cổ sử
hằng đêm tôi đến tìm gió trên những con đường công viên sau
thành phố
để nói chuyện người yêu
gió kể cho tôi nghe những mối tình vĩ đại những giấc mơ thần
tiên
nhưng tôi im lặng như bóng cây
vì chắc gió cũng biết rồi
ôi sẽ không đủ can đảm trở về trên con đường cũ
khi tôi kể cho gió nghe câu chuyện tình độc nhất
thì tôi chỉ còn lại thân thể hoang tàn với trái tim cô độc
xin gió nghe tôi
dù đã một lần bội tình với gió
trong cuộc đời này có lúc tôi không còn nữa
nhưng gió vẫn muôn đời với thiên tình thần thoại
gió vẫn còn tự do rong chơi
gió vẫn hồn nhiên mãi mãi
như tình yêu bao giờ cũng vẫn còn trẻ lại
như mặt trời ngày nào cũng tập đi

2.

và gió thức đêm nay làm gì
linh hồn ta để tang chờ gió qua sông
gió ơi
gió làm gì một mình
đêm không gầy và không xanh xao như nỗi niềm của gió
giòng sông thì vẫn còn một mình ca bài ca nguyên thủy
và sóng còn buồn lãng du
bây giờ ta đánh thức linh hồn
đợi chờ gió về cùng những vần thơ khắc khổ
bãi cát âm thầm như nắng mưa là chuyện tâm tình những lần về
quê hương úp mặt
bây giờ vào khuya hơi thở đất mềm
trời cũng mưa
gió hãy xếp cánh trở về cùng ta
giấc ngủ này là nơi dừng chân của gió
hỡi gió
gió xanh
gió hồng
gió tím
gió rừng
và gió đại dương
ta đợi chờ gió đến
niềm đau này đã một lần mòn mỏi
gió có về linh thiêng
như lòng ta hằng réo gọi
như tuổi đời ta chảy giọt máu xanh
gió ơi
gió hiền lành
gió thương cuộc đời của người con gái nhỏ
gió hát
gió reo
gió đọc bài thơ
gió hôn lên vết thương
gió săn sóc cho những lần đau giấc ngủ
gió thánh thần
gió đọc kinh cầu cho tuổi trẻ
gió viết tình yêu ta
như một lần vết chim

gió khắc bên kia đời ta
như một lần chối bỏ
hỡi gió
gió yêu
cùng gió nhớ
bao giờ gió đến hôn ta
ước mong lần gió trở lại
ta chưa làm một hạt bụi thời gian
gió
gió hồn nhiên
gió thiên đàng
đường bay của loài chim đêm đã mỏi
hải điều cũng sâu như bãi bọt xanh
hỡi gió
và gió
có nghe gì không
có thấy gì không
có con mọt nằm gõ bụi trên án thư
gỗ tùng hương nhớ rừng vẫn còn đau vì gió
đây lửa hồng
và đây là giấy ngũ sắc
ta muốn gió cùng ta tá túc đêm nay
thời gian không có lần thứ hai hờ gió
bây giờ ở ngoài ấy có một bầu trời
chúng sẽ cần lên mình gió
và gió có đau không
gió ơi
khi gió đến hội cùng ta trên bờ sông này
thì vũ trụ giận tôi nằm im như trái đất buổi đầu lịch sử
tôi là đứa trẻ đã đánh rơi quá khứ ở trong thành phố này
bây giờ đi qua đây làm cho tôi muốn khóc
thôi đừng bảo rằng
nước mắt là phù phiếm
hỡi gió và gió
đêm nay xin ngủ yên đừng thức giấc làm gì
cây khô giận hờn
tôi muốn gió chẳng bao giờ là một niềm kinh dị
rồi có lúc gió đau gió ốm
gió sẽ về giữa hoang hôn khóc bóng đêm
khi gió trở mình buồn phiền làm ngổ ngào
giường chiếu chăn

chỉ là lời dỗ dành
hư vô là tiếng gọi
bây giờ căn bệnh gió hồng lên
máu chảy tràn tóc đỏ
làm sao cho gió khép mi
khi cuộc đời xanh còn mở mắt
ta vẫn nói
chắc một ngày rồi gió chết
ở vô biên gió sẽ lịm như sao
trong cô đơn gió dẫn ta vào
niềm vô vọng như đau lên thì thể
thế là gió một mình
làm kẻ giang hồ cô độc
cũng như ta vẫn một mình đi hoang trên xác chữ khuya
mà thổi gió
một kiếp người phận nhỏ
lời thơ này đã hóa tiền thân
nhớ quê hương
đất chúa cũng tàn ngần
và xứ phật
tình yêu không tiếng gọi
chân đã mỗi
thân tượng đồng buốt lạnh
ta ngủ vui
đợi gió làm chim bay

3.

cái vẫy tay cho buổi chiều
gió đã chuyển lời già biệt của em
khi **con** thôi của thành phố quay rất nhanh trên đại lộ và đôi
chân nhỏ của em từ từ bước
theo tiếng kim đồng hồ ngoài nhà ga
người con gái tôi đến thăm chiều nay đã già từ thành phố để đi
tìm một dạ hội chim xanh
có tiếng nói như hơi thở trong đĩa hát nắng trưa
người thiếu phụ tự ru cho mình ngủ bằng những vãn điệu êm

đêm của gió
bây giờ tôi ngồi cho buổi chiều đến chất vắn
bầy chim nhỏ trên hàng hiên nhìn tôi với đôi mắt từ thiện
cầu cho chim tìm được trái cây xanh chiều nay trước khi về tổ
và tôi cũng muốn được
mời đi uống một cốc cà phê trong quán
nước có người con gái quen
bây giờ nắng đã thay áo và em cũng bắt đầu bữa cơm chiều
thế nào tôi cũng phải rời bỏ nơi này vì linh cảm về một điềm
xấu
tôi muốn bước đi theo tiếng kèn chiều nhưng đứa trẻ con khóc
làm tôi sợ hãi
tôi cũng muốn ra ngoài đường phố để nhìn sự chuyển động của
mọi người nhưng
chiều nay gió đã nằm bệnh và tôi cần phải săn sóc
tôi hòa những vắn thơ trong nước lã làm thần dược cho gió uống
tôi lật những trang nhật ký tìm những mẫu tự tình yêu hằng ghi
để làm quà cho gió
nếu có người về Phi châu hay qua Hắc hải
tôi sẽ đánh điện tín thăm những họ hàng và chị em gió
thôi hãy yên nghỉ êm đêm như mấy cánh hoàng lan trước nhà
chiều nay có tên xà ích đánh xe thổ mộ đi qua xin gió đừng
hoảng hốt
nơi trở về ngàn đời của gió không có trên bản thổ này
đất cát miền này không có kinh nghiệm gì về cuộc đời tình cảm
và lá cây xanh hằng đêm thao thức đợi
gió về xin một ít mùi hương xa
gió ơi
cho ta hỏi thăm điều này
gió đã làm gì để các đóa hoa mùa hè tắt thở trên các ngọn nắng
có phải gió đem phổ biến lời ca của bọn người bi quan đi tìm cõi
chết
nếu không phải là giải pháp thần tiên thì đó là điều độc dược
thôi đừng nữa nhé
ta đã vô tình
đem chuyện người bắc cầu với mưa nắng
bởi vì ta đã say
như **một** cánh buồm ăn nhiều gió
như một con tàu uống nhiều rượu muối của biển khơi
và đến gió cũng say
nên chiều nay gió nằm bệnh

như ta say nằm nhờ hư vô
lần giã từ này
mặt trời không nhìn về thi thể của hoa
thi sĩ hôn lên kỷ niệm
bây giờ gió đã mềm
vì gió quen biết bàn tay em
như đường gân xanh là ngõ về những lời thì thầm của gió
ta đã có lần đặt tên cho số phận
như nỗi buồn cần gỗ vào âm thanh
gió ơi
chờ đường bay mới
về xin trú ẩn tóc em
con chim bay về tổ cũ nghe thời niên thiếu đi qua
lời hát tình yêu còn xanh trên lá nhỏ
ngày mai lên tàu cùng thời gian
chúng ta làm mùa cho những mối tình người ngủ yên
vùng mắt nâu còn ở đó ưu phiền
những ánh trăng trung tuần hằng đêm sẽ còn trở lại
khi ta ở cách gió một đường bay
một con sông
một giấc chiêm bao
linh hồn ta vẫn chấp chùng với những ngọn nến khuya
như những lời trong thánh kinh còn chờ lần phục sinh em ạ
thôi bây giờ người đã rời ngưỡng cửa
tình yêu đang chuyển vận trên bánh xe
đường tàu
đường mây
hay hải đảo
người thủy thủ không còn trở về biển
hơi thở thiên thần của em là sóng cả
rải địa cầu và 24 giờ mỗi ngày là động cơ

4.

nay gió không về làm chim rừng trên bụi tóc
cành cây treo cung chờ người trở lại
gió đưa trăng sĩ qua sông
bây giờ thiếu phụ treo áo cười trên giường ngủ
ta nghe lạnh lùng gió xưa bay về
gọi em lên các ngã ba
tìm em trong dấu tích

máu vẫn ôm đau trên những đường gân xanh
gió hòa nước mắt em làm hạt máu trắng
chiều làm con ngai tím thức ăn lá dâu
bây giờ em đi xa rồi phải không
tiếng trống ân tình không còn giục giã
cát vàng chảy như giòng sông dạ quang
gió về tắm đêm nay
hóa thân làm tượng đồng với mỗi linh nhiệt đới
này gió ơi
hạt trắng đã bay xa rồi
mắt cũng xanh xao như vào đêm cuối hạ
làm sao nói cho rừng biết yêu thương
cho loài ngũ cốc biết trường sinh hờ em
đêm nay ta kể tên bè bạn
mưa đã khép cửa kinh thành nên tình yêu đi ngủ sớm
ta hỏi thăm tin tức về gió
bây giờ nàng ca kỹ trao chìa khóa đêm cho người tình
gió bay quanh đại hồ cầm
nước mắt nhỏ lên khoảng không trắng
người thi sĩ ngồi dưới gốc cây chờ hoa nở từ bao giờ
cô gái khuya (dạ lan) mời thi sĩ đi thăm biệt thự tình yêu
trong giấc ngủ triền miên thi sĩ thấy mình làm thượng đế
khi thức dậy
trên cây không còn chiếc hoa nào
tất cả các đóa hoa đều rụng
thi sĩ cảm thấy đau như một lần hóa kiếp
bây giờ ta không còn là ta
và gió cũng không còn là gió nữa

5.

giấc ngủ sóng thần tịch biên cuộc đời người thi sĩ
đưa trẻ hoang phí tuổi xanh đã trở về
và bắt chợt lời ru
khóc như một cây kèn thổ huyết
khu vườn chiều nằm buồn trong cơn sốt
nhiệt độ cao
chồng sách mỗi một và hơi thở của lũ côn trùng
mà chợt khóc
bây giờ căn phòng có vô số lời giải bày về số phận
những bộ xương ướp bằng nét chữ khô gầy

tiểu sử mỗi người
gấp bìa những quyển sách có đề tên tác giả
cốc nước lọc đứng yên
người cha già lặng lẽ cúi xuống nhìn
cọng hoa xanh
nước xanh trong bình thủy tinh
và nước mắt còn đứng yên trên hàng mi trắng
đó là buổi chiều gió không trở về
khúc đàn hồi hương ta không gây
cành cây có trái ối đen và những chiếc bông trái mùa
con muỗi
ta bỗng ôm em mà khóc
ta ôm em vắng mặt
như ôm thể xác ta
bây giờ một mình
bây giờ một mình ngồi đây
thạch cao trong độc bình biết gì về gió
hay gió đã quên ta chiều nay
hay gió đi rồi
bên kia chân trời
vũng nước xanh
thung lũng của đàn chim trắng
lá hoa tình yêu với lúa mì trở bông
tiểu phu loài vượn của gỗ rừng và lời ca những bài sấm
nơi ra đi của giòng sông và lần giã từ nhau nguồn nước vỗ vào
gốc cây ca hát
trên ngọn đồi đêm, thú rừng và chuyện hoang đường gió trắng
và kẻ đá
gỗ trầm hương lời nguyện cầu của các loài hoa, tù và khu rừng
cổ thụ
với bữa cơm chiều màu hồng
tiếng khóc núi rừng phát hỏa
và người nữ ca sĩ về khoe áo mới trên mộ người yêu
ta nắm tay em âm thầm như một người tình mù
em là thiên thần hay là gió bay lên các vì sao
vì ta có thể cùng em chết đi chiều nay
vì ta có thể viết di chúc cho em
vì ta có thể quên mình làm gió
bây giờ trên địa cầu
người xạ thủ đứng nhìn mặt trăng
ước mơ

một lần cho hoa rụng trên cây độc huyền
xin chào người nhạc sĩ quá cố
thơ ta sẽ bay đi tìm gió
đêm nay
con sò huyết ôm quả tim hồng mòn mỏi
em hãy trở về ký ức gõ hồi chuông
đợi ngày gió trở lại
hoa trong độc bình không còn chất dinh dưỡng
hoa đã quên đời
một lần thương nhớ đất
ta cũng quên đời
nên uống hết gió
có lẽ ngoài trời không còn có gió nữa đâu
đàn cò trắng vỗ cánh đi ăn đêm



TRẦN VĂN NAM

QUA THI PHẨM CỦA THÀNH TÔN NGHĨ VỀ THƠ BIỂU CẢM VÀ THƠ BIỆN LUẬN

Âm vang các bộ sách “Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến”, “Một Thời Lục Bát Miền Nam”, “Thơ Tự Do Miền Nam”, “Thơ Tình Miền Nam” và “Văn Miền Nam” của nhà xuất bản Thư Ấn Quán vẫn còn đang lẩn quất, cho nên bài viết này cũng đang trong vòng liên hệ đến các bộ sách ấy. Lần này, xin đề cập đến nhà thơ Thành Tôn, một người đã có công sưu tầm thơ văn Miền Nam trước đây để cung cấp đóng góp vào 5 bộ sách đó cho nhà xuất bản Thư Ấn Quán, gắn bó bên cạnh hai người chủ trương là Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân (hai người này đã bỏ công rất nhiều khi sưu tầm thơ văn từ các bạn bè trong nước ngoài nước, mấy lần đi xa đến thư viện có dồi dào sách Việt Ngữ của Đại Học Yale tại tiểu bang Connecticut). Riêng về Thành Tôn, người viết bài này đã từng chứng kiến anh bỏ công copy các tập thơ “Mặt Đắng” của Nguyễn Đình Toàn, “Hóa Thân” của Viên Linh, tạp chí cũ kỹ Văn Học số 80 ấn hành vào tháng 8 năm 1968 tại Sài Gòn, cả đến đôi cuốn sách dịch qua Việt Ngữ dày độ 300/400 trang. Vậy mới biết nhà thơ Thành Tôn cũng là một người vô cùng quý sách.

Tập thơ “Thấp Tình” của Thành Tôn do “Ngưỡng Cửa” xuất bản vào tháng 7 năm 1969, trong đó có hai bài thơ tình-cò ở cạnh nhau (trang 67/68 và 69/70), nhưng tính chất thì lại gần như khác hẳn nhau, một nghiêng về biện luận và một nghiêng về biểu cảm. Chúng gọi hứng cho người viết bài này đề cập đến, vì đây là vấn đề người viết cũng đã từng bàn qua nơi bài “Sự giải thích trong thơ” (Trong Dòng Cảm Thức Văn Học Miền Nam, sách xb năm 2006, từ trang 15). Nhưng trước hết, xin đề cập đến những câu thơ rất đạt của nhà thơ Thành Tôn trong thi phẩm. Bốn câu thơ lục bát dưới đây của Thành Tôn thật

hay, chắc hẳn ai đọc tới cũng thấy cánh dùng chữ tài tình. Những chữ khá mới trong thơ, nhưng cách-dùng-chữ không phải chưa ai có. Nổi bật trong những người khởi xướng cách dùng chữ và dùng thi-ảnh tân kỳ là Cung Trầm Tưởng. Thành Tôn sáng tác thơ trong thời kỳ mạnh nha thơ tân kỳ của Tạp chí Sáng Tạo (tân kỳ về đảo ngữ, tạo từ ngữ lạ, và tân kỳ trong thi ảnh), cho nên mặc dù từ ngữ khá mới riêng của Thành Tôn, nhưng cách-dùng thì có lẽ đã chịu ảnh hưởng từ người khác. Riêng mà chưa khác biệt, cũng như điệu tango riêng, điệu valse riêng, nhưng cách thức một nam một nữ gắn bó biểu diễn trên sân khấu thì vẫn giống nhau; thật khác biệt lối khiêu vũ đi hàng một của người Tây Nguyên Việt Nam hay lối khiêu vũ tập thể đi theo hàng chữ chi và tự do sáng tạo bước đi của từng loài thú, trong điệu múa người da đỏ Mỹ Châu.... Nói có dẫn chứng, những câu thơ hay của nhà thơ Thành Tôn dưới đây có chút phảng phất từ các câu thơ “*Cổ cao áo kín đi về buồn-tôi*” và “*Buông đôi tay, rộng sợ đầu/ Mi xuôi mắt ngủ giấc sầu cô miên*” của Cung Trầm Tưởng. Một chút ảnh hưởng từ khí-hậu-sáng-tạo chung của giới trẻ Miền Nam lúc đó, do vậy thơ Thành Tôn tuy xuất sắc với “*gió vông mưa dù*” mà từ lâu không được nêu ra làm điển hình cho các trích dẫn thơ lục bát tân kỳ:

*Tay không vòng giáp thân gù
Cối này gió vông mưa dù mộ ôi
Kiếp nào thấm thấu khuya tôi
Má nheo mặt lệ xẻ bồi tượng khô.*
(Trong bài Tội Đồ)

*Về đây nằm đất hoang đường
Nằm nghe hơi thở côn trùng phân thây.*
(Trong bài Vào Lòng Đất)

Cung Trầm Tưởng sáng tạo từ ngữ “buồn-tôi” đã được giới yêu chuộng thơ thời Văn Học Miền Nam tán thưởng và sau này được nhiều nhắc nhở. Thành Tôn với “khuya-tôi” và “một-ta” cũng là những điển hình cho lục bát tân kỳ, cho dù sáng tạo của anh không phải là sáng-tạo-chủ-xướng. Ở trong vòng ảnh hưởng không hẳn là

điều làm hạ giá. Có ảnh hưởng của một phong trào làm thành dòng lớn (như phong trào làm thơ mới thời Tiền chiến 1932-1945), có phong trào chỉ rải rác vài người (như phong trào làm thơ toàn từ ngữ huyền ảo khó hiểu kiểu Xuân Thu Nhã Tập). Phong trào làm thơ lục bát tân kỳ là dòng-thơ-đáng-kể (không rầm rộ, cũng không lẻ tẻ). Nếu xét kỹ, ta thấy phong trào lớn của lục bát là lục-bát-tập-trung (nghĩa là trong các bài thơ lục bát ngắn, sau các câu thơ khởi đầu bình thường hay một chút khác thường, thì sẽ tập trung vào hai câu cuối làm sao cho thật ấn tượng). Ấn tượng ấy có khi hết sức lạ lẫm; có khi biền ngẫu đối xứng; có khi bàng bạc; có khi vang vọng; có khi thật trái khuấy với tiên liệu của ta... Thật ra lục bát tập trung cho thật hay ở hai câu cuối không đích thực là phong trào, mà chính là cách thức gần như quy ước chung khi sáng tác. Nhưng cũng có nhà thơ tránh không muốn chỉ tập trung vào hai câu cuối mà đặt các câu thơ ấn tượng ở vị trí giữa bài thơ. Thành Tôn là một người trong số đó. Các câu thơ hay trích dẫn dưới đây đều nằm ở giữa bài:

*Máu hồng mạch sẽ lặn qua
Bàn chân vĩa phố một ta kẻ chờ*

.....

*Đi, về bóng lạ bàn chân
Dòng sông nghiệp dĩ tiếp dần biển khơi
Quanh co nghĩ rộng đất trời
Cái tôi hiện hữu một thời vong nô.*

(Trong bài Ranh Giới).

“Thấp Tình”, nội dung tiềm tàng qua nhan đề thì phẩm có nghĩa là làm sáng lại tình người, làm ấm lại đời, mà trong bài thơ đầu tiên “Nói Với Con Gái” được trình bày như một thông điệp gửi cho thời buổi khổ đau kéo dài quá lâu trên đất nước: “*Con thức dậy với đôi mắt dịu dàng của tuổi thơ cha không có. Đôi má mủn mủn của ấu thời mẹ đánh rơi...*”. Thấp lại tình người thì biết bao nhiêu thứ tình, nên có vẻ trừu tượng bao quát, nhưng đau khổ do chiến tranh thì cụ thể rõ ràng trong bài thơ “Thư Cho Mẹ”: *Trên xứ sở xanh xao từng tiếng súng/ Trong hồn người*

dấu đạn đã chia phe. Lúc sáng tác tập thơ này, tác giả mới 25 hay 26 tuổi, tuy ở vào lứa tuổi đã trưởng thành nhưng làm sao “thấp tình” nổi cả một thời đại nhiều nhưong nằm vào “một phần tư thế kỷ 20” thuộc lịch sử Việt Nam, nên một mặt thì muốn thấp tình, một mặt thì cũng ý thức mình chỉ là một phần tử quay trong vòng xoáy:

Tôi chóng mặt đi theo chiều tròn ốc

.....

Thử đứng lại nhưng dòng sông vẫn chảy

.....

Tôi xa lạ như tháng ngày cuốn hút

.....

Tôi lấy trốn để thăng bằng lại.

(Trong bài Cuộc Đuối Bắt)

Những ý tưởng và từ ngữ nhà thơ Thành Tôn đã sáng tác trong thi ca thể hiện như trên, đã xác nhận nhà thơ có khuynh hướng làm thơ tân kỳ, và nội dung hơi cao vọng muốn thấp tình thời thế. Nhưng đọc bài thơ dưới đây, có thể nói đó là một trong vài bài thơ hiếm hoi nghiêng về “chân quê” hay “chơn chất”. Có lẽ tác giả muốn sáng tác thơ khác màu sắc một chút, nên đôi bài có vẻ như không đứng chung dòng thơ trong cả thi phẩm, nhưng nhờ vậy ta lại khám phá thấy tính chất nhân văn xuyên suốt cả chiều dài đất nước qua từ ngữ (cách đặt tên người và nơi chốn):

Đọt khổi lam chiều tương tư mái rạ

Anh có thấy gì trong đó hay không?

.....

Sáng ra đồng những bác Tư cày cuốc

Trong trường làng những thằng Út ê a

Vọng từ ruộng dâu tiếng hò quen thuộc

Giọng những cô Lài trăm bông gần xa

.....

Trống sớm làng Trung, chuông chiều xóm Thượng

Tiếng quê hương vang vọng tháng năm dài...

(Trong bài Hương Đồng Phần Nội)

Đến đây, xin bắt đầu đề cập đến thơ biểu cảm và thơ biện luận mà ta thấy hiện diện trong hai bài thơ tình cò

đứng cạnh nhau trong thi phẩm Thấp Tỉnh của Thành Tôn, bài “Giả Dụ Cho Một Người” và bài “Tĩnh Thê”. Nói một cách cường điệu thì thơ biểu cảm là “Thơ Đoạt Hồn” và thơ thiên về biện luận là “Thơ Đoạt Trí”. Nghiêng về biện luận mà thôi, ta không khẳng định tác giả hoàn toàn biện luận, vì đã là thơ thì phải dùng hình ảnh, phải có nhạc tính, không phải toàn từ ngữ trừu tượng. Nhưng khi đọc bài thơ thiên về biện luận, dù là đầy ắp hình ảnh, dù là điều hòa âm điệu, ta vẫn bần trí, cần đọc đi đọc lại vài lần để nắm bắt điều tác giả muốn diễn tả. Bần trí như vậy, ta cường điệu là thơ đoạt trí. Còn khi đọc được bài thơ biểu cảm, ta thấy lâng lâng cảm khoái hoặc chìm vào mơ hồ huyền ảo, ta không cần trí tìm hiểu điều gì cả, mà chỉ thích thú hoặc tự nhiên buồn buồn qua lời thơ, có khi chưa rõ tác giả nói cái gì. Chưa rõ điều gì tác giả muốn diễn tả mà lại rung cảm, ta cường điệu nói đó là “thơ đoạt hồn”. Ví dụ cụ thể như khi ta đọc thơ của Nguyễn Xuân Sanh trong nhóm Xuân Thu Nhã Tập thời tiền chiến 1932-1945, ta rơi vào ảo diệu của từ ngữ đầy tính thi ca, không rõ tác giả nói điều gì: *“Quỳnh hoa chiều đọng nhạc trăm mi/Hồn xanh ngát chở dẫu xiêm y... Lên mùa xuân khách vút xe hương/Vai nghiêng xuôi trái lạnh hồn đường”*. Có dư luận nói tác giả làm thơ như vậy chỉ là lựa chọn một số từ ngữ huyền ảo cùng vần bằng, cùng vần trắc, cho vào từng hộp riêng; cứ lấy ra đủ 7 từ cho một câu và cũng theo thứ tự niêm luật hoặc đôi khi ít tuân theo niêm luật cho có vẻ phóng khoáng, rồi ráp lại một cách luân phiên tình cờ. Nhờ vậy ta có bài thơ huyền ảo, có nhạc tính do niêm luật, nhưng khó hiểu. Nếu như vậy thì đây là “thơ ảo thuật”, và ảo thuật đã làm ta quên sự đòi hỏi sáng sủa của trí hiểu. Nói như thế thì những câu thơ sau đây không thể liệt vào ảo thuật mà phải liệt vào nghệ thuật vì tính chất tuyệt vời, cũng của Nguyễn Xuân Sanh: *“Tỳ bà sương cũ đọng rừng xa/Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà... Nghe mạch hương, mùa khuya trái giữ/Tay nao sương đất hạt lầu đời”*. Có bài thơ không làm ta quên hẳn trí, mà chỉ như yêu cầu tạm gác qua sự tìm hiểu, ngay lúc “chạm trán” với bài thơ. Thoạt tiên ta “chìm vào” tịch lặng trước đã, sau đó “hồi tỉnh” mà

tìm hiểu sau. Nói tóm, thơ “đoạt trí” thì phần “logic” chặn ta trước cửa khi bước vào căn nhà thơ, “thơ đoạt hồn” (không phải là thơ ảo thuật) thì mở toang cửa cho ta vào ngay, sau đó phoi bày cho ta biết đã qua cửa nhờ vào đâu, nghĩa là nó vẫn tiềm tàng “logic” nếu ta muốn biết. Ta thử đọc bài thơ “Ao cũ” của Thiền sư Basho để minh thị phần “logic” đi sau phần hồn cảm: “*Ao cũ/Con ếch nhảy vào/Vang tiếng nước xao.*” (Nhật Chiêu dịch, kèm theo lời bản như sau: *Một con ếch đã đánh thức vũ trụ bằng bước nhảy của mình, giống như một tiếng gõ cửa có thể mở cả vũ trụ... Ta là chiếc ao cũ, và là tiếng vang của chính ta, là tiếng vang của vũ trụ.* Sau phần hồn cảm mà tác giả Nhật Chiêu đã đại diện cho ta mà phát biểu như trên, dĩ nhiên ta cũng “hồn cảm” như vậy (nên mới nói Nhật Chiêu là đại diện). Và sau đó là phần “logic” ta xét thấy như sau: *Những sự kiện trong bài thơ tiềm ẩn lời giải thích về liên hệ nhân quả; có con ếch nhảy vào thì mới có nước xao; có hoàn toàn vắng ngắt chung quanh thì mới có vang dội vào tâm hồn; có trong vườn cũ 500/600 năm thì mới nhận ra thời gian và không gian đã thuộc về vũ trụ thăm thẳm.* Bây giờ ta đọc đoạn thơ dưới đây của Thành Tôn, ta chạm trán với những “giả dụ hình tượng”, chúng bắt trí ta phải tìm hiểu tác giả muốn liên hệ điều gì mà hình tượng đó có thể là đại diện, có khi đại diện cho hai điều chứ không phải một. Hai điều làm con người không biết điều nào là đúng, hoặc cả hai đều đúng. Tương tự như trong lời hát nói về một nhạc sĩ tấu nhạc quá hay làm cho người đẹp rơi vào tình trường, và nhạc sĩ phân vân: “*Nàng yêu tôi hay yêu đàn?*” Thành Tôn cũng bắt trí ta phân vân như vậy, cái nào cũng đúng, và có khi cả hai đều đúng:

*Giả dụ tôi, hình nhân canh ruộng lúa
 Áo quần mang, mũ đội, đứng dang tay
 Chim chóc sợ tôi hay thảng người già*

.....

*Giả dụ tôi, tượng trưng bày triển lãm
 Để bị nhìn, thay vì được hỏi han
 Người ca tụng tôi, hay thiên tài nghệ thuật*

.....
*Giả dụ tôi, ngại thờ ngôi linh tượng
Ý tưởng người, hay tôi hiển linh.*
rong bài Giả Dụ Cho Một Người)

Còn vài giả dụ hình tượng nữa trong bài thơ, xin nêu ra luôn cho dễ nhận ra sự “ngiên về trí” của bài thơ, như tác giả hỏi khi khăn vái phù thủy là do sự thành ý của người sùng bái hay chỉ nói ra lời giả dối của thầy cúng. Thơ nghiêng về trí, nên nó có thể mang tính đa dạng do trí ta sẫm soi, lắm khi làm ta diễn sai ý tác giả, vì ta không trực cảm gần kề với đồng điệu cùng tác giả như khi đọc thơ biểu cảm. Trường hợp “*giả dụ tôi là phù thủy*” trình bày như trên, nhưng không chắc ý tác giả muốn nói như vậy. Và “*giả dụ tôi là tượng trưng bày triển lãm*”, ta có thể đoán tác giả muốn phát biểu về tính phức tạp trong tình cảm người khi yêu thích pho tượng. Họ ca tụng điêu khắc gia hay đúng ra là ngợi khen kiệt tác nghệ thuật mà không kể gì đến người tạo ra? Hay là họ chỉ trầm trồ thiên tài nghệ thuật (một giới siêu đẳng nói chung chứ không phải cụ thể con người tôi). Đến giả dụ thứ năm, giả dụ sau hết của bài thơ: “*Giả dụ tôi là anh chẳng hạn*” thì thật khó hiểu ý tác giả muốn nói gì với những câu tiếp theo “*Thử rờ xem mặt mũi tay chân/ Có phải chúng ta là dụng cụ*”. Ta nghĩ tác giả nói về thời thế phân tranh tận dụng con người vào cuộc chiến; hoặc nghĩ tác giả nói về triết lý siêu hình ta nhìn tha nhân như một đồ vật chứ không phải như một hiện sinh. Cả hai đều có thể đúng vì lúc tác giả xuất bản tập thơ ở vào thời chiến tại Miền Nam Việt Nam; và ở vào thời triết lý hiện sinh của Sartre (phổ biến trong giới văn nghệ Miền Nam) nói về cái nhìn làm người khác bị nhốt trong thức giác của kẻ nhìn. Nghĩ xa nghĩ gần, có khi theo thời thượng triết lý, ta cứ loanh quanh tra tìm ý, vì thơ bất độc giả bận trí.

Bây giờ đến lượt ta đọc thơ nghiêng về biểu cảm của nhà thơ Thành Tôn trong bài “*Tinh Thế*”. Cũng vậy, chỉ thiên về mà thôi, không hẳn hoàn toàn biểu cảm, vì cũng có một chút biện giải ở trong thơ. Nhưng chạm trán đến

bài thơ này, ta hứng thú trong dòng hình tượng, trong dòng nhạc tính, trong dòng tình cảm nổi niềm trôi giạt của thân phận con người (về Địa Ngục hay Thiên Đường đều ngoài tầm biết rõ của ta, thiếu Đức Tin làm ta phân vân). Hình, nhạc, tình, ba thứ hòa quyện vào nhau làm ta thấy hay. Nhạc tính quen thuộc của lục bát, nhạc tính do từng đôi biên ngẫu nhưng từ ngữ khá mới nên làm mất đi tính khuôn khổ cổ điển. Khi đọc bài thơ, ta trôi theo lời thơ nên chưa kịp bận trí, sau đó mới bận trí hỏi tác giả tại sao “lên cao” thì tan tành, và tại sao “xuống sâu” thì không nở. Phải chăng lúc ấy (thập niên 1960) nhà thơ muốn nói đến kiến thức khoa học du hành không gian (bay bằng tốc độ quá cao, nếu không có trang phục phi hành thì không thể chịu nổi áp lực khi tàu vũ trụ vượt sức hút trọng lực của Trái Đất). Và phải chăng “*xuống sâu không nở*” là do từ những kiến thức triết lý phổ biến thời ấy (như Hữu-Tại-Thể của Heidegger, Hiện-Sinh-Phi-Lý của Sartre). Ta trôi trong những hình tượng thì ca nhuộm màu Phật Giáo “*cát bụi trùng trùng diệt sinh*”, và sau khi qua phút rung cảm ta mới bận trí hỏi nhà thơ Thành Tôn có phải ý tứ trong bài cũng nhuộm màu sắc Thiên Chúa Giáo (quỹ dữ, thần linh, bay bổng, trì hoãn):

*Quần quanh thảng tận năm cùng
Hai vai cát bụi trùng trùng diệt sinh
Về đâu quỹ dữ thần linh
Nửa thân bay bổng nửa mình trì hoãn
Dấn thân lại muốn thu hồi
Đã nghe cát lở sóng bồi loanh quanh
Lên cao nghĩ sẽ tan tành
Xuống sâu không nở thôi đành ở đây...*
(Trong bài Tinh Thể)

*Walnut, California, tháng 10 năm 2009
Trần văn Nam*

KHUẤT ĐẤU

NGƯỜI GIỮ NHÀ THỜ HỌ

(truyện vừa, tiếp theo)

Đây không phải là phần hai của truyện Những Tháng Năm Cuồng Nộ. Nhưng bối cảnh của truyện là ngôi làng An Định với những nhân vật Khử và Thành gắn thết suốt 9 năm đã có ảnh hưởng trực tiếp đến những nhân vật trong truyện này. Dĩ nhiên toàn bộ là hư cấu dù tất cả này mầm từ mảnh đất đầm máu và nước mắt. Nếu cây đời không được xanh tươi mà quái dị, đó không phải là do ý muốn của tác giả.

Chương 2

Chuông gọi hồn ai?

Đêm thứ nhất, sau khi trét xong cái vách đất biển ngôi nhà thành một cái hang lộ thiên khổng lồ, ông không thể nào chợp mắt được. Cái mùi xăng vẫn còn nồng nặc, rồi mùi của đất ướt ngai ngái, mùi của bóng tối đậm đặc, mùi của cây gỗ bị rang nóng... làm ông ngạt thở. Đã mấy lần ông chui ra ngoài hiên, ngồi đốt thuốc nhìn trời. Con sông Ngân hà giống như con sông chảy qua làng trong mùa lũ, trông mệnh mang cả một trời sao trắng đục. Ông thấy sao con công vẫn còn kéo cái đuôi óng ánh dài lê thê, sao con vịt xấu xí héch cái mỏ lên trời và ông nghe thấy tiếng con chim heo kêu ụt ụt. Không có tiếng vạc kêu, cũng không có tiếng chim cú ném vào đêm tối những tiếng kêu dài ma quái. Đất trời vẫn yên hàn thanh tịnh, chỉ có lòng người vẫn không ngớt dậy lên những trận phong ba kinh hồn, lúc nào cũng để lại những tiếng dội âm ỉ như tiếng sấm rền trong mây.

Cớ làm sao chỉ một bước mà mình đã lên địa chủ?

Rồi một bước nữa là phản động. Đâu phải mình muốn bước mà mình bị đẩy lên, bị nắm tóc kéo lên chỉ sau một tiếng nói của nó. Mình đâu có gây thù kết oán gì với nó ? Hay là lúc mình cản không cho nó đem cái áng thờ của đình về nhà? Mình đã nói cái vật này linh thiêng lắm, không còn đình thì đem tới chùa chứ đừng đem về nhà. Mình nhớ ra rồi, lúc ấy nó quắc mắt lên trông rất dễ sợ. Nhưng nó đã mang được của đình về nhà, cứ tưởng thế là xong, không ngờ nó vẫn không quên. Mình ngu quá. Mình bị nó làm khó làm dễ, sắp đem ra đấu tố cũng phải thôi.

Lúc ông chui vào để cổ ngủ một chút, ông bất ngờ nghe đâu đó có tiếng nghiêng răng. Kèn kẹt, kèn kẹt! Cái âm thanh của những chiếc răng cưa siết vào nhau trong đêm, nhất là trong cái nhà không cửa sổ này, nghe thật khó chịu. Ông giật mình ngồi dậy. Phải một lúc ông mới nhớ ra rằng đó là tiếng nghiêng răng của cô con dâu. Tiếp theo là tiếng nuốt nước bọt ừng ực. Làm như thể hai hàm răng đó đang xay bột. Giờ ông mới nhớ ra căn nhà lắm bên cạnh không có mái đất bên trên, đã cháy. Đó là buồng ngủ của hai vợ chồng cô. Và đó cũng là kho hàng với hàng trăm ký hành rải trên nền nhà, hàng trăm xâu tỏi khô treo nhòng nhảnh. Cô quen thuộc cái mùi nồng nồng ấy đến nỗi khi nằm chỗ khác, cô cũng thức trắng không tài nào ngủ được. Cô nói sao nó lạt lạt, khó chịu quá. Ông đã mắng, nói tầm bậy, đâu phải nhà làm nước mắm mà thấy lạt, mặn! Cô chỉ cười.

Cái nhà lắm không còn, cả cha chồng và nàng dâu đành chui rúc trong hang như hai con chồn trong truyện Liêu Trai. Thực là chuyện lạ suốt 12 đời họ Phạm giờ mới có. Cái ngọn lửa của quân thù thực hiểm độc. Chẳng những đốt nhà nó còn đốt luôn cái bức tường vô hình dựng lên suốt mấy trăm năm. Cô con dâu chưa bao giờ dám ngửa mặt ngó bố chồng chứ nói chi đến chuyện cùng chui ra chui vào như thế. Và dĩ nhiên dù có nghiêng răng cũng chỉ quấy rầy cái lỗ tai của chồng chứ đâu có đến bố chồng. Vậy mà giờ đây nó cứ rít lên như dế gáy.

Chỉ còn một chỗ để cho cô ngủ là cái rương xe

của mẹ chồng. Đây là một cái sạp bằng gỗ kiềng kiềng rất nặng, có bốn bánh xe để chuyển dịch. Những nhà khá giả khi cất nhà đều làm một cái rương như thế để cất giữ những vật quý giá nhất. Chủ nhà ngủ trên đó như thần giữ cửa. Chỗ của mẹ chồng mà phải nằm lên là đã thấy ngại rồi. Trên đầu cô lại là cái xà định mệnh. Ngủ dưới một cái xà treo cổ làm sao mà ngủ được!

Cô cứ nhìn trừng trừng vào bóng tối. Đã mấy lần cô muốn hét lên khi nghe có tiếng chuột chạy, hay lơ mờ tuồng chừng cái lưỡi của cô thứ chín cứ dài mãi ra, dài mãi cho đến lúc chạm vào da thịt cô, liếm như chó liếm. Nhưng rồi sau những ngày dài căng thẳng mệt mỏi cô cũng thiếp ngủ lúc nào không hay. Và trong khi ngủ say cô lại nghiêng răng kèn kẹt như một con tắc kè trong bông cây.

Ông hơi bất ngờ khi biết mình và cô con dâu cùng phải ngủ trong một căn nhà, cùng hít thở cái mùi không khí cháy sém, khô róc đến rất hợm. Ông vốn khó ngủ, tiếng con thằn lằn, tắc lưỡi, tiếng con chuột chạy, giờ lại thêm tiếng nghiêng răng! Ông nhớ lúc nhỏ cũng đã từng bị cái bệnh nghiêng răng như thế. Nghiến trèo treo cả đêm không cho ai ngủ được. Mẹ ông đã phải mua về mấy cái c...heo đem luộc, giả như da heo trộn gói để dụ ông ăn. Từ đó răng ông mới thôi nghiêng. Nhưng, nó là gái thì có ăn được không và chẳng lẽ lại bảo nó đi mua cái thứ mà con gái đàn bà nào cũng mắc cỡ đỏ mặt. Thôi thì mặc nó nghiêng cọt kẹt nghe cũng đỡ buồn. Thì cũng giống như nghe một anh kéo đàn cò đang thử dây vậy thôi. Ông cười thầm, nằm nghiêng qua một bên cố dỗ giấc ngủ.

Đúng lúc đó ông nghe có tiếng trống tum, tiếng mõ, tiếng phèng la hoà cùng tiếng thùng thiết. Rồi tiếng hô đã đảo địa chủ, đã đảo ù lì! Tất cả như từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất chui lên bao kín ngôi nhà trọc trời của ông. Đám thiếu niên đã được lệnh quấy phá ông, thế là không cần tuyên bố trước dân làng, ông đã bị quy vào địa chủ phản động. Từ nay ông hoàn toàn bị bao vây cô lập.

Ngon đèn dầu phụng nhỏ như hạt đậu leo lét trên bàn thờ chỉ làm cho bóng tối trong nhà như đậm đặc hơn

lên. Tiếng động bên ngoài bắt ngờ làm cho nó sùi bọt như trong một nồi cám heo. Ông hốt hoảng lăn xuống phản bò đến cái lỗ ra vào. Cô con dâu cũng không còn nghiêng răng nữa, tỉnh như sáo, đến kê đầu bên cạnh ông, nhìn ra.

Cả hai cùng nín thở.

Bọn trẻ tụ tập ở ngoài ngõ, nhưng chưa vào trong sân.

Dường như chúng đang đợi lệnh.

Một cây đuốc chạy như bay tới.

Và bọn chúng lập tức tràn vào.

Hai cha con cũng lập tức thụt đầu vào, lấy ván đập lại. Vẫn chưa yên lòng, cả hai cùng cố sức đẩy cái rương xe nặng chịch để trấn giữ. Cả hai cùng tựa lưng vào vách thờ hào hển. Nếu người này đặt tay lên ngực người kia chắc nghe được tiếng trống ngực dồn dập chẳng khác gì những tiếng hỗn độn ở bên ngoài. Chúng có phá nhà không cha? Cô lo lắng hỏi. Không đâu, ông trấn an, chúng chỉ làm huyền não vậy thôi. Phải cố giữ bình tĩnh. Có một miếng vách bẽ ở phía sau, hay là mình lén chui ra, cô thì thảo bên tai ông. Không được đâu, chúng đang hung hăng. Chúng mà thấy được thì khổ.

Bồng: bịch! bịch! đất cục và gạch vụn ném tới tấp vào nhà. Tấm vách ướt mới trét rung lên. Cùng với tiếng gạch đá là tiếng hô đã đảo, tiếng mắng chửi thủ bản Khâm ù lì. Cái trò này được đặt tên là *dạ não* tức là quây phá làm cho kẻ thù mất ăn mất ngủ. Hằng đêm, chúng tụ tập ở gò đình, sau khi nhảy *xôn đổ mị* mỗi chân liền kéo đến nhà tổng Bá, giờ đến lượt nhà ông. Vì đây là kẻ thù mới nên chúng gõ trống mõ to hơn, đập thùng thiết mạnh hơn, chúng còn hò reo đòi phá nhà. Chỉ cần mỗi đứa một tay đẩy nhẹ thôi là cả tấm vách đổ nhào. Chúng sẽ xách cổ ông và cô con dâu như xách tai hai con thỏ. Chúng sẽ đốt thêm đuốc dẫn đi quanh làng cho mọi người thức dậy xem. Chúng sẽ bày ra nhiều trò khác mà ngay cả trời cũng không biết được.

Áp mặt mình vào cánh tay cô con dâu, vai ông rung lên. Một chút nước nóng són ra ở đáy quần. Ông xấu hổ muốn khóc. Cô con dâu bỗng mạnh mẽ, đứng dậy. Cô

mở nắp rương, nói: Hay là cha chui vào trong rương đi. Nếu chúng vào thì con nói cha đi đâu không có nhà. Không được, không được, ông nói trong tiếng khóc, tóm được là chúng xé xác ra ngay! Đã là địa chủ phản động thì có chui xuống đất cũng không trốn được.

Đã đảo địa chủ! Đã đảo!

Lôi cổ nó ra đây! Lôi cổ!

Hai người cứ chịu trận cái trò dạ náo như thế cho đến lúc chúng ném hết đất đá, mới tay, mới bỏ đi

Đợi cho thật xa, thật yên, hai cha con cố sức đẩy cái rương xe sang một bên. Ông chui ra trước để thở và tìm nước uống. Ông thả gàu xuống giếng, kéo nước lên, nốc một hơi đầy bụng. Còn nước, ông cúi xuống xối ướt cả đầu. Ông ngồi trên hiên, giờ không còn cột và cái mái tranh vênh cong như mái đình, thở róc ra như dốc ngược cái bao than trút xuống đất. Quả thật, chưa bao giờ ông sợ đến nghẹn thở như vừa rồi. Ông không hiểu vì sao lại có thể sợ đến thế. Mà lại sợ những đứa trẻ chỉ bằng tuổi cháu ông. Sợ tiếng trống tiếng mõ của chúng, sợ tiếng hô đã đảo, sợ cái cảnh chúng hòa theo đám dân quân dẫn ông đi ra sông như đem chó đi trần nước. Đột nhiên ông cảm thấy cái yên lặng của đêm tối còn đáng sợ hơn là những tiếng la hét ồn ào. Trong bốn bức tường, dù sao ông cũng được che chắn, còn ở giữa đất trời ông thấy mình hụt hơi đuối sức mà chẳng bám víu vào được một chỗ nào. Ông lại chui vào nằm ngay trên sàn nhà, thở.

Đã có lần ngôi nhà tươi tắn như một cô gái sắp về nhà chồng. Một rạp to phủ kín mặt sân, những chiếc đèn lồng màu đỏ đu đưa trong gió và có đến những bốn cây tạ đăng làm sáng rực cả ngôi nhà. Những cây cờ đuôi nheo bay phấp phật với những cái tua màu đỏ vòng vèo như râu mực. Rồi ban nhạc với đầy đủ trống kèn cò nhị rúc lên những tiếng ai oán trong khi trống đánh hồi một thùng thùng. Đó là lúc người ta đón mừng một tân khoa họ Phạm dưới triều Tự Đức. Ngày ấy đã hơn trăm năm nhưng những người trong họ vẫn tưởng như mới xảy ra hôm qua và ai cũng nói về cái tài thơ phú của người đã khuất với tất

cả trịnh trọng nhưng sai lệch. Ai cũng tin rằng mình đúng và hai cánh mũi lúc nào cũng nở to phập phồng với một vẻ đắc thắng và tự hào.

Ông tổ 12 đời của họ Phạm đến lập nghiệp ở làng An Định có một cái mả dài đến những 12 thước rộng 1 thước. Nếu quả thật ông cao đến như vậy người ta chắc phải ghép cau lại để làm hòm cho ông. Phải chực đưa chất chít gì đó mới giầy xong cái mộ của ông trong buổi sáng tháng chạp. Cũng có thể là ông làm quan võ khá to vì chẳng hiểu từ bao đời, nhà họ Phạm lại được hưởng mấy mẫu ruộng công thần. Một điều lạ là con cháu các đời sau đều có tên tuổi ngày sinh ngày mất trên bài vị, nhưng ông thì không. Cái bài vị cao nhất đẹp nhất chỉ ghi mỗi một chữ cao tổ mà thôi. Trải qua 12 đời, đã có bốn mươi hai người chết chôn ở núi Mò O và để lại bài vị trên bàn thờ họ Phạm. Ông thủ bản Khâm là cháu đích tôn nên có vinh dự và bổn phận chăm sóc bốn mươi hai bài vị cùng bốn mươi hai ngôi mộ.

Nếu người chết nào cũng phải cúng giỗ thì mỗi năm ông phải làm đúng bốn mươi hai mâm cỗ, đó là chưa nói tới ngày tết. Nhiều người xì xầm rằng ông đã bớt xén trong việc cúng đình để có thể lo nổi bốn mươi hai đám giỗ ở nhà. Ông thì có trời đất chứng giám rằng ông không thèm tờ hào một bum nếp hay rẻo thịt nào bởi vì ngoài hai cái giỗ cha mẹ không thể không cúng để trả nợ miệng, còn ngoài ra chỉ cây nhang bát nước mà thôi. Ông không sắm nổi hay sao mà phải động đến của thánh thần. Nhiều người có vai vế trong làng đều tin ông vì không ai qua được ông cái tính sạch sẽ tinh khiết. Từ con heo, cân nếp cho đến bình bông nải chuối ông đều tự tay chăm sóc rất cẩn thận. Ngày cúng đình ai cũng được ăn no và ăn ngon, các vị hào mục lại còn được kinh nữa cái đầu heo hay tờ thịt. Nhưng cũng chính vì vậy mà ông bị kết tội là cùng ăn cánh với hương lý trong làng nên bị đẩy thêm một nấc nữa là địa chủ phản động!

Vợ chồng tổng Bá đã phải quỳ đến rướm máu để dân hỏi tội. Cụ cử Vân bị đem ra sông nhúng nước trong tiết đông chí. Giờ đến lượt ông. Trong số các địa chủ thì

ông trẻ nhất. Ông lại có chút ít võ nghệ nên không dễ gì thoi đập mà ông chết được. Vì vậy người ta đã phải chặt mấy gốc tre đực chẻ làm tư, lấy những miếng cong cong như gậy đập đầu nành để chờ lệnh là hỏi tội ông ngay. Trong buổi họp chi bộ, đồng chí Khứ đã nêu rõ quyết tâm sẽ đấu với tên ác ôn thứ ba này một trận ra trò.

Tháng mười mưa lụt, trong một đêm bà giật mình thức giấc khi cái rương xe to nặng chứa đầy đồ từ khí của nhà họ Phạm bỗng nghiêng hẳn đi như sắp được nhắc bổng lên. Bà chưa kịp đặt chân xuống đất thì nó đã lật ngửa như một con trâu nằm phoi bụng. Một luồng nước mạnh ừng ực từ dưới đất trào lên đẩy cái rương vào sát vách và ném bà xuống nước. Rất may bà ôm được một cây cột leo lên. Sau đó chẳng những chỉ riêng người nhà họ Phạm mà cả xóm Miếu ai cũng kinh hoàng vì bọn trộm trong mùa nước cạn đã đào một đường hầm từ bờ sông vào tận buồng ngủ của vợ chồng. Khi xong việc chúng đã đốt một cái chòi vệt đề dụ hai người ra xem. Và đêm hôm đó, từ dưới đất, chúng đã đẩy cái rương qua một bên, dọn sạch tất cả những gì chứa đựng trong đó. Bao nhiêu những đồ đồng thau, chén bát bằng sứ, những nồi bầy nồi ba, những mâm to chảo lớn đã không còn. Cái giỗ năm ấy ông phải đi mượn của đình đem về cho bà mới đủ lo cho cả trăm người ăn uống.

Ngày đó trước cách mạng và ông đã đem trả cho đình không thiếu một đôi đũa nhưng ông Khứ vẫn bảo là chưa trả. Ông đã mời ông Khứ đến nhà lục soát nhưng ông Khứ lại bảo cái đường hầm ấy đâu phải trộm đào mà chính nhà ông đào để chuyển tài sản ra đường sông! Mãi đến khi chết ông cũng chưa hiểu được rằng khi những người thay mặt đảng, bảo trắng là phải trắng dù đen, và bảo đen là phải đen dù trắng. Hãy cứ nhắm mắt mà tin vào. Đã không tin mà còn cãi lại thì cái chết là không tránh khỏi.

Ông chưa kịp tiếc thương cái ngôi nhà cùng lớn lên với ông thì đã bị nhốt trong hang. Chẳng những bị giặc Pháp cấm ghét vì có một cái nhà to như một kho thóc mà

còn bị xóm làng xa lánh, bị đám thiếu niên cờ đồ bao vây. Nằm trong bốn bức tường với một cái lỗ để chun ra chun vào, ông đã hiểu được thế nào là lô cốt. Có điều lô cốt của tây thì làm bằng xi măng kiên cố, có lỗ châu mai bốn hướng để quét từng tràng đại liên. Còn ngôi nhà vừa mới bị tây đốt của ông thì chống đỡ làm sao với sức mạnh điên cuồng của bàn cổ nông lao động! Nghĩ tới cảnh bọn họ đập tấm vách mới trét vào lõi cổ ông ra nhét vào bội mạ khiêng đi mà rung mình. Trước tiên bọn họ sẽ đi điều quanh làng. Ông sẽ bị gai bàn chải đâm, sẽ phải chịu đau nhức như có hàng trăm con ong vò vẽ cùng bu vào đốt. Bọn du kích sẽ dùng gậy thọc vào ông như thọc vào những con chó trong chiến dịch đại sát cầu. Cũng có thể bọn họ sẽ bỏ ông xuống hầm tròn rồi hun trâu xung quanh. Và nếu trời không rét bọn họ dám đun sôi nước tạt vào ông. Chiến đấu với bọn gian ác tức là phải nghĩ ra cách gì làm cho chúng khổ sở điều đứng, muốn chết mà vẫn không chết được. Đã có kẻ nghĩ ra cách chẻ những cây lồ ô rồi bó lại bắt địa chủ cởi quần áo từ trên tuột xuống. Chùng vài lần thì còn gì là da là thịt. Nghe lạnh mình còn hơn Pháp lấy kẽm lột móng tay.

Ông ngồi dậy khêu cao cái tiêm dầu phụng. Ông đứng lên phân tìm cái dùi chuông và chậm rãi gõ đúng bốn mươi hai tiếng. Trong những ngày qua, hết nhà cháy đến trét nhà, ông quên mất phải thỉnh chuông để gọi bốn mươi hai linh hồn về với tổ đường. A Di Đà Phật, ông vái hai vái rồi nằm xuống phản. Ông mơ hồ cảm thấy như tiếng chuông hơi bị rè, có lẽ là do sức nóng chứ chuông đâu có rơi xuống đất. Đây là cái chuông quý, được lấy lên từ cái giếng lạnh trong vườn. Ngoài quả chuông còn có hai bộ xương một to một nhỏ chắc là của hai vợ chồng. Có người bảo là của Hời nhưng ông cãi Hời làm gì có chuông.

Ông cố dỗ giấc ngủ bằng cách nghĩ tới người vợ. Ông rất nhớ cái cách bà chăm sóc ông. Cứ như mẹ chăm con vậy. Mùa nóng bà cắt quạt mo cho ông quạt, mùa lạnh bà đốt than để dưới gầm giường cho ông sưởi. Không tình tứ, không ồn ào, nhưng từ cọng rau thơm cho đến miếng

bánh đều được bà chăm chút còn hơn cho chính bản thân mình. Trong những năm phải ăn độn, chính bà hấp mì khô lên trên để riêng phần bà, còn ông thì phần cơm không độn. Khi bà còn sống, ông coi đó là những chuyện vụn vặt, tầm thường. Có cũng được, mà không có cũng chẳng sao. Nhưng bà mất đi, giờ ông mới thấy những lo toan tỉ mẩn đó sao mà thấm thiết, xót xa đến như vậy.

Kháng chiến đã đem những người con trai vào nơi bom đạn chỉ để lại ở nhà những người già, những cô vợ không chồng, những đứa du kích mặt còn búng ra sữa. Bọn chúng tay cầm gậy, lưng đeo dây dưa lúc nào cũng nghênh ngang đi khắp đường làng, hạch hỏi những ai ra vào các nhà đã bị ông Khứ quy là địa chủ. Nếu được lệnh áp giải ai đó là chúng sung sướng như được cho quà. Chúng rầm rập bao quanh kẻ tội đồ vừa cầm gậy thúc vào sườn, gõ vào đầu vừa hò hét còn hơn là khi chúng lừa trâu ra đồng. Chẳng cần biết già trẻ, đàn ông hay đàn bà, chỉ biết đó là bọn phản động, bọn bóc lột, bọn tay sai là chúng đã coi họ còn tệ hơn một con vật.

Sau này, khi mọi sự giống như một bệnh dịch đã qua, chúng ngần ngại không hiểu vì sao lúc đó lại có thể hung hăng đến như vậy. Có người bảo rằng chúng chỉ là thuộc nỏ còn ngòi chính là ông Khứ, bà Thanh. Sau hiệp định Giơnevơ, hai cái ngòi nỏ ấy đi tập kết là chúng trở lại làm những nông dân nghèo ít học nếu không muốn bảo là ngu dốt. Chúng được cha mẹ cắt tóc, tắm gội sạch sẽ, mặc áo quần mới rồi đi cưới những cô nữ dân quân cũng ngờ ngáo và ngu như thể về làm vợ. Rồi một thế hệ mới bụng ỏng, mặt mũi nhem nhuốc ra đời, lúc nào cũng chống mắt ra mà nhìn người từ thành phố về như nhìn người ngoài hành tinh. Có một chiếc xe nào chạy qua là chúng vung tay múa chân đuổi theo trong đám bụi mù một cách khoái trá. Và rồi chúng lại lớn lên lấy nhau sinh con đẻ cái. Những vòng đời nghèo đói ít học cứ miên man nối tiếp nhau như thể trong cái tỉnh lặng quen thuộc của xóm làng.

Ông vẫn chưa ngủ được. Có nghĩ đâu đâu rồi cũng loay hoay trở về với những nỗi lo, nỗi sợ chất chứa trong

đầu. Bên ngoài, tiếng trống mõ lại nổi lên. Rồi tiếng hô đã đảo, rồi đất đá ném vào nhà. Chúng tấn công lần nữa và hai cha con lại phải xoay cái rương xe để chặn cái lỗ ra vào. Thôi mặc, muốn chửi rửa máng nhiếc ù lì phản động hay gì gì nữa thì xin cứ việc. Đây mệt mỏi lắm rồi. Mà đây cũng đéch thêm sợ nữa. Chết là cùng chứ gì. Ai chẳng phải chết ngay cả sống đến ba trăm năm như ông Bành tổ.

Lặng yên một lúc.

Rồi lại bình bịch, bình bịch!

Hoá ra chúng vào trong sân. Thay vì ném đá, chúng dùng chân đạp vào vách. Cái tấm vách vừa trét chưa khô rung lên, nhiều mảnh đất trộn rom rơi xuống. Bỗng có một bàn chân chui tọt vào trong. Cô con dâu sợ hãi rú lên nhưng ông chộp lấy rồi dùng hết sức kéo mạnh vào. Nghe bên ngoài có tiếng la hét hoảng. Ông muốn bẻ quặp cho lợi căng ra, nhưng nghe tiếng, ông biết nó chỉ chừng mười tuổi nên đẩy mạnh ra ngoài. Chủ nhân của cái chân hú hồn. Bọn nhỏ cười lớn rồi kéo nhau chạy mất.

Ông giật mình khi nhớ tới đứa cháu ngoại. Nó mười tuổi, chắc cũng vào đội và đêm đêm đi quậy phá những nhà địa chủ. Mẹ nó dù có muốn bắt nó ở nhà cũng không được. Nó không còn là con của cha sinh mẹ đẻ mà là con của đảng, cháu của bác. Có lần ông nghe một người bạn ở Yên Thới kể rằng đứa cháu của ông ấy chui vào nhà địa chủ. Nó được lệnh nằm dưới gầm giường để nghe vợ chồng bàn chuyện trốn thuế hay tâu tán tài sản. Nó chẳng nghe được gì ngoài tiếng vạt giường kêu răng rắc. Nó sợ sập liền chui vào nằm dưới gầm phản. Rồi mệt mỏi ngủ quên, sáng ra bị chủ nhà bắt được. Nó tưởng bị dẫn tới nhà máng vốn, nhưng chủ nhà chỉ cười, bảo nó đi về, lại còn cho một trái xoài tượng trên bàn thờ.

Ông ấy bảo dạy trẻ con làm những chuyện như thế thật trái với đạo lý. Đầu có chỉ rình mò như kẻ trộm mà còn bịa không nói có để được khen là ngoan, là có tinh thần đấu tranh cách mạng. Nhiều đứa ranh ma đã dựng nên những chuyện động trời. Như dấu vàng dưới giềng, hay chuẩn bị trốn vào vùng tề. Báo hại chủ nhà thì bị bắt trói còn bọn dân quân phải mất cả ngày để tát cạn giếng,

đào bới, và đêm đêm phải canh cả vòng trong lẫn vòng ngoài. Như thế thì có muốn sửa chữa dạy khác đi cũng đâu có được. Nghe đâu ở bên nước bạn Trung Hoa có những nông trang rộng mênh mông, cùng làm cùng ăn, ai làm nhiều ăn nhiều, ai làm ít ăn ít. Ở đó, nam ở một trại riêng, nữ một trại riêng, mỗi tháng gặp nhau hai lần. Con sinh ra có nhà nước nuôi, khỏi phải mắc công chăm sóc dạy dỗ gì cả. Chúng nó suốt ngày ca hát chơi đùa cứ như ở trên thiên đàng.

Nghe nói thế, ông hết muốn có cháu nội.

Bọn chúng đi rồi, ông bảo con dâu giúp ông đẩy cái rương xe qua một bên. Ông muốn chui ra ngoài. Trời đêm thật mát dịu. Vãn sông Ngân quen thuộc vắt ngang giữa bầu trời, vẫn con công đầu đội mũ bình thiên và núi non cây cối vẫn xanh dịu im lìm, cứ sao những con người ở đây lại khác xưa đến như vậy. Giá như không có kháng chiến, giá như không có đấu tranh giai cấp thì chắc hẳn ông đang ngủ nghề thoải mái và lủ nhỏ cũng ngủ mê, có đứa nói mớ có đứa đái dầm. Ông Khử bà Thánh chắc cũng như ông Sáu Hủ bà Hai Thành quanh năm chỉ biết có con trâu cái cày và một bầy con cùng với gà heo lúc nhúc trong chuồng. Cái gì làm cho họ lông lên như thế? Ông Mác ông Lê là ông nào mà làm cho cả thế giới sôi lên sùng sục? Lại còn ông Xít, ông Mao, ông Kim, ông Phiden... nhiều ông quá chen chúc trên cái bàn thờ tổ quốc. Cứ mỗi lần có đại lễ thì các ông lại xúm xít quanh ông Hồ, y như bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ họ Phạm. Mà họ đâu có bà con anh em gì với nhau. Họ bảo cùng lý tưởng giải phóng loài người,

Ông đứng lên định đi tiểu nhưng lại nghe tiếng nước xối ào ào trong bụi chuối gần giếng nên lừng thừng đi ra ngõ. Chỉ mới mấy tháng trước đây thôi khi chưa phát động chiến dịch đấu tố, rào dậu nhà ông lúc nào cũng thẳng thớm. Những cây đuối cành lá đan vào nhau được cắt tỉa cẩn thận trông như một bức tường màu xanh. Cái mái của nhà ngõ cũng toàn đuối được đường cao uốn cong trông rất đẹp. Từ Yên Thới qua những đám ruộng lúa chín

vàng, ông đã trông thấy cái cơ ngơi màu xanh của nhà họ Phạm. Tất cả là nhờ một tay Bốn Ngo, một anh tá điền ít nói làm rẽ của ông đến hai mẫu ruộng đã thay ông chăm sóc. Nhưng sau đó được đảng giác ngộ, thực ra là ông Khứ buộc, phải trả lại ruộng cho ông để khỏi phải làm người nô lệ. Ông bỏ mặc cho cây lá muốn mọc ra kiểu gì cũng được. Cái mái nhà gỗ rũ xuống, nhiều cành muốn chọc vào mắt, ông cũng không thèm cắt bớt. Ông bước ra khỏi ngõ vén quần phóng nước giải xuống ruộng nghe tồng tồng.

Cô con dâu tắm xong đã chui vào nhà. Nước mát đã đưa cô vào giấc ngủ. Cô lại bắt đầu nghiền răng. Kèn kẹt, kèn kẹt. Như tiếng một con nhòng học nói, nhưng ông nghe như tiếng của lưỡi cửa chạm vào ngà của một tay thợ tàu chuyên làm đĩa ngà cho những cặp vợ chồng mới cưới. Những đôi đĩa một đầu vuông, một đầu tròn có khắc những chữ Hán bôi sơn đen và đỏ rất đẹp. Cái gã thợ tàu ấy không hiểu vì sao chỉ làm những đôi đĩa quý hiếm ấy trong đêm khuya. ! Gã cắt ngà ra từng khúc, xẻ nhỏ, rồi mới chuốt láng từng chiếc. Gã tỉ mẩn hứng từng chút bột ngà rơi xuống nhỏ mịn như trứng tằm. Để làm thuốc, quý lắm, gã nói. Cũng may là gã sống ở phố Quy Nhơn chứ nếu ở An Định, gần mả Thập miên thì người ta dễ tưởng lầm là gã đào mồ lấy trộm xương lên làm.

Ông nhắm mắt cố ngủ nhưng tiếng kèn kẹt vẫn như lưỡi cửa mỏng đi xuyên qua đầu. Ông lại nhớ tới tiếng con mụ Dĩa khi si và ông tổng Bá, nó cũng rìn rít qua hai hàm răng như thế. Đó là cấm thù. Còn con nhỏ thù ai? Chẳng lẽ thù ông hay thù cả nhà họ Phạm này? Mà cũng có thể lắm, nó được gì khi phải sống trong nhà này. Chồng không có, như đứa khác thì đã dặt trai vào nhà, bằng không thì cũng bỏ mặc cái giường lạnh lẽo đó mà chui vào một cái giường khác. Nó ngu hay mình ngu? Ông lại nghe rõ tiếng nước chảy trong bụi chuối, lại mơ hồ thấy nước chảy qua áo qua quần, lại tưởng đến bàn tay đang kỳ cọ, những ngón nhỏ len lỏi ...

Ông rùng mình ngồi dậy. Nằm trên phản mà ông tưởng như nằm trên nắp ván thiên. Bốn mươi hai bộ xương lớn bé của nhà họ Phạm kêu lột rột trong đó! Ông đứng lên mò tìm cái dùi chuông và như phát cuồng, ông nện liên hồi kỳ trận vào cái chuông mà không cần biết là bao nhiêu tiếng. Cái chuông tội nghiệp đang say ngủ bỗng giật mình kêu thét lên. Nó vừa kêu vừa nhảy chơi chơi như một đứa bé bị ăn đòn oan. Bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ đều nhòe dậy. Cái chuông bị tra khảo giống như bị đấu tố đành chịu trận cho đến khi đứt dây rơi xuống phản. Nó tự gõ thêm một tiếng choang đau đớn rồi im bặt. Mồ hôi túa ra, ông cũng ngã vật xuống phản.

Thôi ngủ đi!

Ừ!

Nắm mắt lại và nhớ tới những đợt tre rung rinh, những tàu cau xanh và mùi hoa cau ngọt lịm, nhớ tới cánh đồng lúa chín có những con cùm nùm làm tổ với những cái trổng màu nâu lốm đốm trắng rất dễ thương..

Ừ!

Nhớ tháng giêng xỏ cổ nhọn, hát bội, nhớ tiếng hát của cô đào thương, tiếng thét Trương Phi ở cầu Trường Bản và ngủ đi!

Ừ!

Đừng nhớ chỉ tới cái chân trắng của con đầm lai, đừng nhớ cái cách nó nằm gác chân lên vách để cái váy rơi xuống, đừng nghe nó rên rỉ gằm gừ, đừng nhớ tới tiếng nước chảy trong bụi chuối

Ừ!

Vẫn cứ nhớ à, nhớ như chạm như khắc vào tận xương da thì bắt chước hoà thượng bỏ nhang lên đầu mà đốt, hay lấy dùi nhọn mà đâm vào háng như các cha

Vẫn không ngủ được...

Thì hãy đi ra vườn, ra ngoài đồng, ra bờ sông, đi thật xa cái hang tối tăm này

Chi vậy?

Để quên

Quên?

Ừ

*Quên gì?
Quên mùi mồ hôi nồng nồng, quên mùi nước bọt
mặn mặn
Ừ!
Ngủ và ngủ!*

Anh con trai cuối cùng của nhà họ Phạm mười sáu tuổi đã đậu Pòrime (bằng cao tiểu) được cả nhà ngả heo ăn mừng. Một cái rạp được dựng lên trước sân, bốn cái bàn tròn khép mở được các nhà trong xóm cho mượn bày ra bốn góc cùng ba mươi hai cái ghế đầu. Bà con nhà họ Phạm, sui gia và các ông chánh phó lý, hương bộ, hương mục, hương kiểm, chánh phó tuần đều đem tiền đựng trong phong bì đỏ hay chai rượu tới mừng. Ông thủ bản trình trọng hủ hê cúi thấp gần như sát đất chào đón từng người một. Tân khoa mặc áo lương đen bên trong có áo trắng, đi lại giữa các bàn châm rượu và đón nhận những lời chúc mừng.

Trong tiệc một người bỗng kêu anh lại kề miệng sát vào tai anh vừa nói vừa nhai miếng sụn kêu rạo rạo: tối nay đi Qui Nhơn nghe, xuống đó ăn khao mới đã chớ! Mọi việc ta lo hết cho, mày cứ việc vác xác tới là có ngay. Anh chỉ cười, không gật đầu cũng không lắc. Đó là ông bác họ sinh sống ở cảng Qui Nhơn. Có một thời ông đi lính thủy đem về một con đầm lai sáng nào cũng lấy dao nhíp ra cạo lông chân, nhiều khi trầy xước chảy máu phải xin cau của bà thủ bản rịt vào. Nàng thường mặc váy dài sát đất, trời lạnh thì ngủ kẹp tay vào giữa háng còn trời nóng thì tóc vấy lên tận bụng. Đáo đẻ hơn nữa, mỗi khi đi ngang qua đám đàn ông đang ngồi hóng chuyện ở gòm Miếu thượng, nàng lại tinh nghịch kéo váy lên làm cho bọn họ cứ hả mãi cái họng đầy kinh ngạc ra cho đến khi nàng đi khuất mới chịu ngậm lại. Nhiều anh thú thực trông thấy tối về nhà không tài nào ngủ được.

Nàng giống như chó tháng năm lặng lẽ toả ra một thứ mùi thắm kín làm cho lũ đàn ông nhộn nhạo như phát cuồng. Không lúc nào ngớt những gã lạ hươ lạ hoắc ở tận An Đông, Yên Thới cũng tới hỏi mua cái này bán cái nọ,

thực ra là để lom lom dòm ả. Mà ả thì có chịu ở trong nhà đâu, cứ kéo cái váy phết đất bẹo trước hàng hiên, cứ ngoáy móng, ềnh ngực khiến bà thủ bản dù là dẫu nhưng vẫn là chủ từ đường họ Phạm, ngứa mắt chịu hết nổi. Bà diên tiết đuổi cả hai vợ chồng ông anh họ đi đâu thì đi cho khuất mắt. Ông chồng xề xoa năn nỉ ông anh bớt giận thì bà lừ mắt bảo nếu ông muốn giữ cái quân lộn chồng đó thì tôi đi. Ông anh bảo không việc gì mà chú thím bận tâm, nó chỉ là đồ chơi qua ngày, chứ ăn đời ở kiếp gì đâu, nếu không thích thì sáng mai tôi đem nó đi. Sau bốn lăm, người ta vớt được xác ông trong một cái bao bố và con vợ hờ cũng bị giết vì cái tội đi thaơ sau khi đã bị hãm hiếp.

Chính vì có ông anh họ có cái máu ưa đàn bà ấy mà lúc nào bà cũng nghi ngờ chồng mình hay liếc ngang liếc dọc, đi qua chỗ đông người thì cứ cố mà chen vào giữa đám đàn bà con gái, đứng cạnh một mục nào thì tay chân ngứa ngáy không lúc nào yên. Ông kêu trời, bảo bà cái con ghen đã phát hoả lên tận đầu, nhìn đâu cũng thấy chồng bậy bạ. Dù tôi có chặt tay móc mắt đi nữa thì bà vẫn cứ ghen. Ai thêm ghen với ông, tôi nói thế là muốn giữ cái thể diện cho ông, dù gì cũng là trưởng họ Phạm, lại là thủ bản của làng An Định, ông đi lén phéng với bọn quỷ cái ấy không sợ đưa trẻ nhỏ nó cười cho à? Đó là chưa nói tới đàn ông gì mà chết nhục chết nhẽ như thế!

Quả thực không cách gì cãi lại được với bà. Chẳng những chuyện ghen mà đến cả chuyện nhà chuyện cửa đều do bà lo tất. Ví như sau bữa ăn khao hôm nay, bà bảo ông lo kiểm chỗ nào cưới vợ cho thằng Tân đi. Ông bảo nó còn nhỏ, hãy cố lấy cho được cái bằng Diplôm đã, rồi mới tính chuyện vợ con. Nhưng bà bảo, nữ thập tam nam thập lục, còn bé nhỏ gì nữa đâu. Đã mấy đời độc đinh nhà họ Phạm rồi, ông không sợ tuyệt tự à? Nghe nói thế ông đành phải gặt đầu. Đúng là hũ mắm treo đầu gian, bánh trắng treo đầu gậy, lỡ có bề gì thì mười hai đời họ Phạm đến đây là tuyệt hẳn. Ai lo giữ mấy mươi cái bài vị trên bàn thờ kia, ai lo giầy mấy mươi cái mã ở núi Mồ O! Nghĩ tới vừa sợ, vừa buồn. Vậy là ông bắn tiếng cho

hương kiếm Bồng chuyên làm mai dong kiếm một cô gái nào đó hợp tuổi để làm vợ con trai ông.

Chuyện này đâu có khó, ông hương kiếm Bồng cười tít mắt nói, có ngay liền, tôi đã để ý từ lâu cho con trai anh. Con nhỏ đó tuổi mùi, con anh tuổi ngo. Nhứt gái hơn hai nhì trai hơn một. Nói vậy chớ đàn ông ít ai chịu lấy vợ lớn tuổi hơn mình. Thế nào cũng bị nhạo kêu bằng chị. Chị bằng ta chọn cái tốt thứ hai thay vì cái tốt thứ nhất. Phải vậy không? Con nhỏ đó được lắm, da trắng như bông bưởi, con gái út của một ông cũng làm thủ bản như anh vậy đó. Ở đâu? An Đông hả? Ừ, được quá phải không? Thế cũng được. Nhưng không biết thằng nhỏ có chịu không đây. Thì ngày mai tôi đưa nó đi coi mắt, gần quá mà, chỉ một bước là tới. Rồi chị nhà muốn xem mặt nó thì cứ qua chợ An Đông là khắc biết.

Cô con gái nhà thủ bản Phùng mới mười lăm tuổi, mẹ mất sớm, nên trong lần thấy kinh đầu tiên cô đã khóc suốt ba ngày liền. Cô tưởng mình sắp chết đến nơi. Giống như một trái cam bị nứt làm đôi, bao nhiêu nước cứ chảy ra cho đến khi khô kiệt rồi rụng xuống. Không ai nói cho cô biết đó là chuyện bình thường của người con gái đang đến tuổi dậy thì. Cha cô vì lo việc cúng kiếng ở đình nên rất ghét những người đàn bà có kinh nguyệt mà ông gọi là “gãy cẳng”. Ông thường sai nàng đuổi những người đàn bà cầm mo cau nếu họ có ý định muốn bước vào nhà. Chẳng lẽ cô cũng đang “gãy cẳng” và cũng phải mang một cái mo cau như thế?!

Nhưng rồi mọi sự cũng quen dần, những người chị họ thường đi buôn côm tận Quy Nhơn đã dạy cô cách giữ vệ sinh và cô cũng biết được rằng không phải chỉ một lần mà nhiều lần nữa cho đến khi có cháu nội cháu ngoại. Cô đã biết mặc cỡ khi ai đó nhìn vào ngực mình. Hai cái vú như hai trái cau đang bắt đầu lớn căng như hai trái thị.

Dưới mắt nhìn của chàng trai họ Phạm thì cô khá đẹp. Còn dưới mắt của ông thủ bản Phùng thì chàng cũng đã đậu được cái bằng Pòrime. Cô nàng hơi khó chịu vì mặt anh chàng nhiều mụn, nhưng khi cha hỏi có ưng nó không thì nàng nói tùy cha. Ông nói với ông hương kiếm

Bồng, được rồi đó, về nói với bên đó năm sau sang đây đón dâu.

Một cái rạp to gấp đôi lúc ăn khao, chục cái bàn tròn, một trăm cái ghế đầu, hai trăm cái chén, bốn chục cái tô bự, hai chục cái đĩa bàn, một cái chảo bung, hai cái nồi bậy, một con bò hai con heo, năm mươi cây bánh tét, một chục chỗ xôi màu...Tuy chưa phải là to nhất làng, nhưng đám cưới như thế cũng khiến cho cả xóm nhớ mãi. Đám đưa dâu đi trên hai chiếc đồ ngang, còn đám rước cũng hai chiếc làm mặt sông như sáng bừng lên với những áo xanh áo hồng, những dù những nón. Bóng họ in xuống lòng sông đựng đầy mây trời trắng lớp, trông rất thanh bình.

Nhưng đêm tân hôn cô dâu lại ngủ quên trong ang lúa. Có chuyện lạ như thế vì chẳng ai nói cho cô biết làm vợ là phải làm thế nào. Khi người chồng bước vào buồng, cô hốt hoảng lui vào một góc. Khi anh ta lần tới thì cô vùng chạy xuống bếp. Và khi anh ta xuống bếp thì cô ra sau hè. Anh ta lên tiếng gọi, chẳng những cô đã không thừa còn dáo dác nhìn quanh và khi thấy một cái ang đựng lúa bỏ không, cô liền chui vào ngồi thu lu trong đó. Anh không dám gọi to sợ cha mẹ thức dậy. Anh cứ đi lên đi xuống rồi chán nản leo lên vồng nằm đưa một mình.

Mãi đến gần sáng mẹ anh mới biết chuyện. Bà cầm đèn đi tìm và thấy cô đang ngủ ngon lành. Bà không la mắng gì chỉ nói tội nghiệp chưa. Tối hôm sau chính bà cùng vào buồng nằm với cô. Bà rủ rì nói đủ thứ chuyện như mẹ nói với con, bà vuốt tóc cô khen tóc đen và dài, vuốt bàn tay cô khen tay nhỏ và đẹp. Bà nói như ru nên cô ngủ lúc nào không hay. Khi thức giấc cô đã thấy nằm bên cạnh mình là cái anh chàng xin lửa mỗi thuốc dễ ghét ấy. Rồi mọi việc cũng qua đi dù anh cũng hãy còn trẻ con và ngờ nghệch như cô. Rất nhiều năm sau này cô vẫn còn giữ cảm giác làm vợ giống như một trái bắp tươi bị bóc vỏ, kỳ cục và đau buốt không chịu được. Còn anh khi đi bộ đội nằm chung với bạn, cũng thú thực là lần đầu tiên anh chỉ bắn ướt đầy bụng vợ mà chẳng làm được gì.

Ông bà thủ bản âm ức mãi vì chuyện anh đi tòng

quân. Nào có ai bắt bớ gì đâu, nhà chỉ có một trai thôi mà. Đến cả vua ngày trước còn tha cho huống giở là cách mạng. Nhưng anh thì bảo là ghét cái mặt thẳng Khử không chịu được. Chẳng lẽ ở nhà làm du kích để nó sai bảo như xít chó đuổi gà! Dù gì cũng đã đậu Pòrime, cũng nói được đôi ba câu tiếng Pháp sao lại để một thằng chạy hiệu dốt đặc cán mai như nó ngồi trên đầu trên cổ. Phải như hai ông họ Phan mới là cách mạng chứ, nó chỉ có mỗi cái việc treo cờ và rải truyền đơn mà cũng gọi là cách mạng à? Anh đâu biết rằng chỉ có treo cờ búa liềm mới thực sự là cách mạng còn các cờ khác đều là phản động. Phan Chu Trinh thì ôm chân Pháp, Phan Bội Châu thì ôm chân Nhật. Giờ này mà nói tới hai kẻ ấy là đi cải tạo như chơi. Không chừng còn bị bắn bỏ như thầy giáo Hiên.

Thực ra anh đi vì mấy người bạn cùng thi Pòrime với anh. Bọn họ gồm ba người, tự cho là Lưu Quan Trương kết nghĩa. Anh ở An Định còn hai người kia ở Yên Thới. Hai làng gần nhau, chỉ hú một tiếng là đi ngay. Bảo là anh trốn nhà đi theo bộ đội cũng được vì ngay cả chị vợ vừa mới cưới anh cũng không hề nói cho biết. Chỉ có bà thủ bản âm ỉ kêu khóc chứ cô con dâu thì thấy vắng anh lại hay. Cô không thấy thú vị gì trong chuyện vợ chồng. Mãi mấy tháng sau mới cảm thấy nhớ anh, cô muốn đi thăm nhưng chẳng biết anh ở mặt trận nào.

Nhiều năm sau này cô vẫn không hiểu vì sao lại có cuộc cách mạng, vì sao lại phải kháng chiến. Khi cô chưa biết nói thì mẹ cô đã mất rồi. Cô sống thui thủi như con chim cuốc trong bụi rậm. Cha cô chưa bao giờ hỏi nói với cô một lời âu yếm. Ông cụ quanh năm suốt tháng chỉ lo có mỗi một việc là làm sao có con heo cho béo, có quýt chuối cho tốt, có nếp ngon rượu nồng để dâng lên các vị thần và sau đó là cả làng no say một bữa. Giá như không có người tới hỏi cưới thì ông cụ cũng quên mất là mình có một cô con gái. Dĩ nhiên ông cũng quên luôn cô không còn mẹ. Ông rất kỹ tính. Bữa cơm tuy đạm bạc nhưng phải được chăm chút cẩn thận. Cái mâm đồng phải dùng trầu chà cho thật sạch, bát chén phải rửa bằng tro bếp, đĩa phải

so thật bằng, rau luộc phải sắp gốc theo gốc ngọn theo ngọn, cá cũng vậy đầu đuôi không được lẫn lộn ngay cả cá cơm bé tí.

Tất cả những việc đó cô đón ý ông mà làm. Ông không hề sai bảo mắng chửi. Nếu không như ý ông chỉ lẳng lặng bỏ đi và nếu mọi việc cứ luộm thuộm như thế mãi thì chính ông tự đi làm. Cô rất sợ cái cách ông hờn dỗi như thế. Nhưng cô rất thương cha. Những lúc rảnh rỗi cô theo người làng đi vào tận Vân Canh đốt than để mùa đông sưởi ấm cho ông. Cứ tối đến là cô quạt đống than rồi đổ tất cả vào một cái chậu sành, phủ tro lên. Có hơi ấm ở dưới giường, cả đêm ông ngủ ngon không trăn trở. Thế là cô vui, cần gì được ông khen.

Cũng như An Định, đình An Đông bị phá chỉ còn mỗi cây thị. Có lẽ nó đã mọc trên núi Mộ cu từ khi ông không lờ ném một nắm đất lên mình con chim tội nghiệp để làm mồi cho nó. Cây thị cao to đến nỗi cành nhánh của nó đủ xoè ra ôm kín ngọn đồi. Mùa lúa tháng ba trong khi lúa chín vàng rực thì nó cũng đong đưa hàng ngàn quả thị vàng thơm. Những quả thị đẹp và thơm mỗi khi nhớ tới cô vẫn thấy thèm. Thích nhất là ăn xong lấy vỏ của nó dán lên vách để có những ngôi sao năm cánh, cả tháng mà vẫn không mất màu. Cây thị đó là lộc trời cho của dân làng. Không ai tính được bao nhiêu quả. Chỉ tính thúng thôi, được mùa có lúc đến cả trăm thúng. Khi ấy trái thị còn nhiều hơn cả lá. Ông đã thay mặt làng bán cho người nào trả giá cao nhất ngay từ lúc thị còn xanh. Số tiền ấy đủ mua cả một con bò để cúng đình. Giờ cách mạng không còn cúng tế nữa, làng khoán cho ông để lấy tiền bỏ quỹ. Ông tự hái trái đem xuống chợ An Đông bán. Cũng dư được chút đình đủ để mua trà.

Chiều mồng bảy tháng tư năm năm mươi, cô được tin cha ngã xuống đất từ trên cây thị. Lúc ấy cô đang mua hành ở tận Lục Thuận. Giống như những người rồi cá, vẫn giữ cái gánh trên vai, cô chạy một mạch về đến nhà thì cha cô đã chết. Máu trong miệng ông bỗng trào ra khi cô ôm chầm lấy xác cha kêu gào. Người ta bảo ông cụt âm ức vì không được thấy mặt con trước khi chết nên mới thổ ra

nghư vậy. Từ đó không bao giờ cô đưng đến trái thị. Cô lại càng không dám lên núi đưng dưới bóng cây thị mà nhìn lên. Cô cũng ít khi về thăm làng vì miệng đời rất tàn nhẫn. Người ta bảo cha cô bị thần vật chết vì trước kia ăn bót của đình. Cứ chết một cách không bình thường là người ta thêu dệt đủ điều. Một năm sau mẹ chồng chết vì trèo cau cũng bị đồn ầm là thần đình hỏi tội ông chồng làm thủ bản. Hai cái tang đó đã làm cho cô đã ít nói lại càng ít nói hơn nữa. Cô thường nằm khóc cha trong cái nhà lẫm giữa những tiếng rúc rích của lũ chuột. Lẫm không còn lúa nhưng chúng vẫn tìm tới đùa cợt cắn nhau chí choé. Chúng chạy rào rào ở trên đầu, đôi khi có một con chuột cồng chạy rầm rầm như có cả một chiếc xe ngựa.

Mẹ ruột chết, cha vợ chết, anh bộ đội chồng cô cũng không có mặt để chịu tang. Có ai ở cái làng này ngay cả công an Khứ biết được là anh đang ở đâu. Mà dẫu có biết chắc người ta cũng không chịu báo tin vì để anh yên lòng giết giặc. Không biết anh đã giết được bao nhiêu quân thù, lấy được bao nhiêu súng và anh còn phải hành quân đến bao giờ mới được trở về nhà. Lúc này cô mới cảm thấy thấm thía nhớ anh. Cô muốn úp mặt lên ngực anh mà khóc thay vì trên cái gối hôi mùi dầu dừa, cô muốn tự tay làm cơm cho anh ăn, muốn cùng anh ra đồng tát nước, tối đến muốn để anh đi vào trong cô và hồi hộp đón chờ một đứa con xinh xinh ra đời. Cô thấy nhớ quá chừng, bây giờ ngay cả cái mặt sần sùi nhiều mụn của anh cô cũng thấy thương. Nhưng anh vẫn cứ tít mù thăm thẳm.

Hay là anh đã chết mà người ta không muốn báo tin sợ sẽ gây hoang mang ở hậu phương. Từ ngày nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp, chỉ thấy ghi trên bảng tin dựng ở gồm miếu Thượng bao nhiêu thằng giặc bị giết chết ở An Khê, ở đèo Cả, ở Bắc Cạn, Lạng Sơn gì gì đó chứ đâu có thấy bộ đội chết bao giờ. Hay là anh đã bị giặc bắt? Có thể lắm. Dượng Ba một lần về thăm cha mẹ vợ đã nói, có lần chui vào đồn giặc ngủ chung với bọn chúng rồi lăn qua lăn lại, đứa nào có lông lá xồm xàm là tây trắng, đứa nào tóc quăn tít là tây đen, đứa nào chân tay nhỏ là

nguy binh. Có như thế mới biết được chính xác có bao nhiêu giặc để mà đánh.

Cũng có thể dượng ấy nói khoác lên một chút để lấy le với cha mẹ vợ. Nhưng sự thực thì đánh giặc bây giờ không phải như ngày xưa, lại càng không phải như trên sân khấu hát bội. Chỉ một lần duy nhất anh ấy về thăm nhà, không hề nói tới chuyện đã giết được thằng giặc nào chưa, chỉ xin mẹ mua cho mấy ký mắm ruốc kho chung với thịt ba chỉ xắt nhỏ trộn với ớt và sả, lại cho vào thật nhiều muối nện chặt trong hai ống tre khô để đem đi. Lần ấy cô mới biết được có chút gì vui của niềm ân ái, là máu mủ trao nhau đến chết cũng không rời. Nhưng anh ốm yếu quá và chỉ có hai ngày phép ngắn ngủi nên cô đã không có được cái mặt cười rất đáng hạnh diện của một người bị ốm nghén. (còn tiếp)

Độc sách

NHỮNG ĐÚA CON CỦA TỰ DO

*Bài viết của **Trần Bình Dân***

(sau khi xem bộ Văn Miền Nam)

Đã ba mươi năm hơn mà ngọn lửa phản thư của Tần Thủy Hoàng thế kỷ 20 vẫn còn nóng rùng rục. Những ngọn khói mang vị mặn của máu và nước mắt vẫn u uất chưa tan.

Chưa ai tổng kết có bao nhiêu nhà thơ nhà văn, một trong muôn ngàn tinh hoa của dân tộc, bị lôi ra khỏi bàn viết đưa đến những nơi ngục tù không kềm gai. Cũng không ai biết được có bao nhiêu ngàn tấn sách gọi là “văn hóa độc hại” bị thiêu sống, bị trấn nước, bị ném ra đường cho xe cán, bị xé chùi đít trong những nhà cầu công cộng đầy dòi bọ...

Từ đây, lên lút cất dấu, lên lút đọc những gì viết ra trước 1975 là có tội. Những tủ sách gia đình lép kẹp, đôi meo. Những con người khát chữ sống vật vờ. Cả nền văn học Miền Nam tốt tươi xanh muôn ngàn lá bỗng chốc trở thành hoang mạc. Chỉ có nắng “đỏ” chói chang và sỏi đá ngu ngơ.

Rồi đó, cái đạo quân trang bị tận óc não tư tưởng ngoại lai do một nguyên soái thi ca (được phong hàm nhờ ca tụng nguyên soái bạo tàn) lãnh đạo, đã nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa. Từ đây, điếc óc đĩnh tai những kẻ hô khẩu hiệu ngay cả lúc bước vào giường tân hôn, những kẻ tro tráo oang oang *con nai vàng ngơ ngác* nay không còn ngơ ngác nữa vì có đảng lãnh đạo!

Cái hoang mạc kia bỗng ngập tràn hết sức lòe loẹt những cây giả và bông hoa giả.

Khổ thân tôi, sống chung với cái giả tôi cũng biến thành con người giả. Tôi quên mất con người thật của chính mình. Cho đến một hôm trời không đẹp lắm đâu, có

người dầm dúi cho tôi xem bộ Văn Miền Nam dài trên một ngàn năm trăm trang, do Thư Án Quán góp nhặt xuất bản (1). Dù không có người tình cũ, tôi cũng tưởng như mình đang gặp lại người tình cũ. Nghĩa là sống sờ và run rẩy. Những hơn ba mươi năm sống dưới hàm sư tử, tình xưa vẫn sống sánh ngọt ngào như mới hôm qua.

Tôi gặp lại Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, gặp Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, gặp Nguyễn Mạnh Côn, Thế Nguyên...gặp hơn một trăm con người không biết hô khẩu hiệu, không tiêm chích một thứ ma túy độc dược nào ngoài cái mùi hương kín đáo của những kẻ yêu nhau mới biết quý nhau. Tôi kinh ngạc một cách thích thú khi biết tác giả Âu thị Phục An mới trên 20 tuổi mà đã viết được một cách tinh tế những ngại ngùng bối rối, những xót xa âm thầm khi phải để cho chồng chưa cưới làm chuyện đó trong một cái nhà tắm xệch xạc không mái che (Thăm viếng). Đó mới thật là “nỗi buồn chiến tranh”.

Và, chiến tranh với những mất mát đau thương, những cái chết oan khốc, ngu xuẩn, một cuộc nội chiến mù quáng đại đột được Y Uyên, Chu Trâm Nguyên Minh, Hoài Ziang Duy, Doãn Quốc Sỹ, Đặng Kim Côn...nói tới một cách trung thực không một chút dấu che cái phi lý bạo tàn, cái vô duyên hệt hẳng của những quân cờ trong cuộc chơi súng đạn và ý thức hệ của các cường quốc.

Rồi cái lọc lừa gian dối, cái côi đời ô trược với những bon chen xu nịnh được Kinh Dương Vương khui mở thối hoắc trong truyện Nhà Cầu và Lê Văn Siêu mỉa mai cay nghiệt trong Con Chó Uất Trì...

Nhưng sống sờ nhất, bàng hoàng nhất là khi đọc truyện Cái Xương Cụt của Chinh Ba. Bằng cảm quan của một con chó sói lạc bầy, tác giả tru lên tiếng kêu lạnh buốt báo trước một cuộc chà đạp phi nhô không thương tiếc những gì được gọi là văn hóa văn nghệ Miền Nam. Ba lò Heo chính là hình tượng rõ nét nhất của những kẻ ngu dốt, bất tài mà lại dâm ô, được đảng cất nhắc làm những quan ngự sử văn học nghệ thuật. Thật tội nghiệp những đầu óc non tơ của cả nước phải học, phải tụng, phải nhai nuốt những cái trên xương cụt gọi là thơ của hần.

Nhiều lắm. Một trăm một chục cây bút, già có trẻ có, nam có nữ có, lạng lẽ đâm chồi, lạng lẽ đơm hoa. Viết không vì cơm áo. Không vì chính quyền sai bảo. Không vì xun xoe nịnh bợ. Không vì một chút bổng lộc nào. Viết như là phải thở vì có phổi, phải thấy vì có mắt, phải nghe vì có tai, phải ngửi vì có mũi, phải nói vì có miệng...Viết trên hết vì là tự do, một thứ tự do bát ngát. Cho nên những đứa con của họ, những đứa con của Tự Do, đa số dù bị ném trên giàn thiêu, bị banh da xẻ thịt, vẫn còn đó một số đồng không kém, được những đồng bào dùng cảm che dấu, ấp ủ.

Có những đứa may mắn sống sót trên những con thuyền vượt biên, những đứa được các thư viện ngoại quốc đem đi tản trước 75 (như đi tản những trẻ mồ côi), nhưng có đứa phải nằm bẹp dí dưới đáy tủ, trong xó bếp, trong mớ giấy lộn ve chai, hay dãi dầu mưa nắng trên những hè phố bẩn thỉu...Lưu lạc, trốn chui trốn nhủi nhưng vẫn sống và hôm nay gặp nhau rì rào tí tê trăm chuyện.

Đừng bảo rằng đây là nghĩa trang mặc dù cuộc ra đi trên biển đã biến Thái Bình Dương thành Nghĩa trang dương. Đây là cuộc tập hợp tuy chưa đông đủ, nhưng bấy nhiêu thôi cũng có thể thấy được một nền văn học chân thực dù chỉ hơn hai mươi năm vẫn sống, vẫn tỏa sáng.

Vẫn sống, vì dù rằng nhiều người trong số họ đã chết và chắc chắn trong khoảng vài mươi năm nữa cũng sẽ chết hết, nhưng cũng hãy còn âm thầm trong đói rét, trong kiểm kẹp, bị chụp mũ, bị bẻ bút..vẫn có nhiều người tiếp tục viết. Viết và viết mãi! Nghĩa là những đứa con của Tự Do vẫn không ngừng hoài thai, không ngừng được sinh ra, không ngừng tìm cách quấy đạp để đón ánh mặt trời. Bởi Tự Do là Mẹ Vĩnh Cửu, là Bất Diệt.

Viết đến đây mà không rạp mình tạ ơn những người đã bỏ cả công sức, tiền bạc, vượt qua những hiểm nguy trừ dập, để quy tụ những đứa con của Thần Gió về họp mặt trong Thư Ấn Quán là cả một sự bội bạc.

Xin được cảm ơn những kỷ công không cần vinh danh nọ. Việc làm của các anh chị không như muối bỏ biển dâu,

cũng không phải là dụng mộ chí mà chính là nhóm lửa cho những ai lạc loài trong tối ám như chàng phi công trong Bay Đêm của St.Exupéry thấy được dưới trời giông bão vẫn còn có ánh đèn.

10/2009

Thơ Lê văn Trung

(*) Ý tthơ Nguyễn Tnh Đông

Tình Yêu Trong Chiến Tranh

Nguyễn Thị Hải Hà

Tôi vẫn thường tự hỏi vì sao các nhà văn thời cổ của Hy Lạp khi viết huyền thoại đã cho thần ái tình Aphrodite yêu say đắm thần chiến tranh Ares đến độ phụ bạc ông chồng Hephaistos của nàng. Tại sao cho tình yêu đi kèm với chiến tranh? Vô lý quá! Đáng lẽ đi kèm với thần chiến tranh phải là thần chết hay thần thù hận chứ. Cho Hera vợ của Zeus đi kèm với Ares cũng còn hợp lý hơn. Có phải người ta ngầm nói rằng tình yêu trong chiến tranh là những mối tình bất hạnh, có số phận phải tan vỡ bởi vì Aphrodite nổi tiếng đa tình phụ bạc người yêu, không phải một mà nhiều người? Hay người ta cần có tình yêu để có thể chịu đựng được những đau khổ sợ hãi luôn luôn có mặt trong chiến tranh? Tôi chưa tìm ra câu trả lời thỏa đáng nhưng thấy trong một số truyện ngắn của miền Nam, tương tự như huyền thoại của Hy Lạp, sự hiện diện của tình yêu trong chiến tranh. Trong 117 truyện ngắn của bộ Văn Miền Nam (1), đã từng xuất hiện trên các tạp chí Văn Học ở miền Nam từ 1958 cho đến tháng Ba năm 1975, có đến khoảng 60 phần trăm truyện ngắn viết về Tình Yêu trong khung cảnh Chiến Tranh.

Việt Nam có một lịch sử chiến tranh rất dài trải qua bao nhiêu đời; và bởi vì văn học bao giờ cũng phản ánh lịch sử với đời sống và xã hội, văn học Việt Nam có rất nhiều tác phẩm có bối cảnh chiến tranh. Chính phụ ngâm khúc là một thí dụ điển hình. Nàng chinh phụ đã đưa tiễn chồng ra trận rồi đứng nhìn theo:

*Dấu chàng theo lớp mây đưa
Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà
Chàng thì đi cõi xa mưa gió.
Thiếp lại về buồng cũ chiếu chăn
Đoài trông nay đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc trái ngàn núi xanh.*

Hay ca dao:

*Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng*

*Hay mơ hồ ngụ ý:
Anh đi em ở lại nhà
Vườn dâu em hái mẹ già em trông*

Người xưa, đưa anh hùng ra trận cho uống rượu bò
đào đựng trong chén dạ quang. Bảo chàng cứ uống cho
say bí tí đi bởi vì:

*Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*

Người đi ra trận ít khi về. Odysseus là một trong
những trường hợp hiếm có. Ông đi đánh chiếm thành
Troy xa quê hương hai mươi năm. Penelope, vợ của
Odysseus, nhất định chờ chồng về mặc dù các nhà quý tộc
quan lại cứ nài ép nàng phải tái giá. Penelope dùng kế
hoãn binh, nàng tuyên bố sẽ ưng thuận lấy chồng khác nếu
họ đồng ý để nàng được hoàn tất cái áo nàng đan cho ông
bỏ chồng. Penelope ban ngày đan áo, tối lại bí mật tháo
chỉ đan, mãi cho đến khi Odysseus trở về. Penelope son
sắt chờ chồng những hai mươi năm. Nàng Tô Thị của
chúng ta không được may mắn đến thế, bà cũng son sắt
chờ, cho đến khi hóa đá chàng vẫn không về. Và nhạc sĩ
Lê Thương đã có những câu hát: *Nàng đừng ôm con, xem
chàng về hay chưa? Về hay chưa?*

Tôi rất tức các nhà viết huyền thoại của xứ mình. Sao
không cho nàng hóa thành sấm sét đánh tróc gốc cây hay
hóa thành cuồng phong bão tố mà lại cho nàng hóa đá, bắt
nàng hứng chịu gió mưa muôn đời như thế.

Vương Thanh trong tác phẩm Giở Hư Chiến, đã
mượn lời một nhân vật quân nhân tên Hữu, viết thư cho
người tình bé bỏng tên Trang Thanh, nói về những mối
tình trong chiến tranh.

*“Em biết không có người chỉ ăn ở với nhau từ ngày
cưới vốn vẹn có 10 ngày phép rồi người chồng ra đi biên
biệt tại một tiền đồn hẻo lánh nào, một năm hai năm chưa*

được phép về một lần, có người đã vội vàng mang một vành khăn trắng vì người chồng sau những giờ phút chiến đấu tuy can trường nhưng bất lực. Anh còn biết người cha ba năm chưa được nhìn mặt con kể từ khi nó chào đời, và cũng có người cha kém may mắn hơn cả bao giờ còn được nhìn giọt máu thân yêu của mình nữa...”

Tôi tin là cô người yêu bé bỏng Trang Thanh rất chán anh Hữu mỗi khi anh lên lớp giảng giải về tình yêu, nhưng tôi, một người đi tìm dấu vết tư tưởng các nhà văn thời ấy đã để lại qua tác phẩm, đã rất cảm động, vì ở trong anh và các chiến hữu chỉ có tình yêu chứ không có lòng thù hận:

“Thật ra chàng không muốn bị thảm hóa cuộc chiến này. Nhưng sự thật đã diễn ra. Từng phút, từng ngày lớp lớp thanh niên ngã xuống, không lý do, không hận thù. Cái đau xót của chúng ta là đã chết đi mà không cho một hận thù nào cả. Có thể một người anh giết một đứa em, một người cha giết một người con, một người chồng giết một người vợ. Cái chết không hình thái, không dẫn đo, không từ chối, không phân biệt. Một viên đạn bắn đi, một khối chất nổ ném ra giữa những ràng buộc vây quanh. Sự chết nằm xuống.

Người ta nói đến chuyện cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi còn nhà văn Trần Doãn Nho nói về những người trở về nhưng không còn nguyên vẹn như câu thơ của nhà thơ Linh Phương được Phạm Duy phổ nhạc. *“Mai anh về trên đôi nạng gỗ. Bại tướng về làm gã cụt chân.”* Nhân vật của ông, Trang, trong truyện ngắn Con Mắt Thủy Tinh, trở về có vẻ như một người bình thường và nguyên vẹn. Mẹ của Trang đã bật cười bảo rằng bà hết hồn khi nghe anh trở thành thương phế binh. Mỗi khi Trang giải thích bà mới hiểu anh đã bị mất một mắt. Và con mắt còn lại sẽ dần dần bị mất khả năng nhìn thấy. Thích âm nhạc, anh tập chơi đàn guitar và tự chế nhạo mình là nhạc sĩ mù. Trang yêu Hiền, một cô bé 18 tuổi ở chung xóm nhưng lo ngại Hiền sẽ không còn yêu anh nếu biết con mắt còn lại rồi sẽ hỏng nốt.

Liệu Hiền có thương mãi một nhạc sĩ mù không.

Trang nhớ ra chưa bao giờ Trang can đảm nói với Hiền về tương lai của con mắt còn lại. Trang cứ sợ Hiền buồn, Hiền chán. Hiền còn nhỏ quá, mới mười tám tuổi. Trang vẫn nghĩ thế, nhưng không biết đằng sau cái khuôn mặt trông ngây thơ đó, Hiền đã thực sự có một cái gì người lớn chưa. Nếu Hiền người lớn rồi, biết đắn đo suy nghĩ, biết chọn lựa, hẳn Hiền sẽ không muốn quen Trang nữa, cũng nên. Trang cứ ngay ngáy lo một sự tuyệt vọng ở ngày mai, một sự tuyệt vọng Trang đã hình dung ra sẵn rồi, nhưng chắc không khỏi làm Trang bối ngỡ và đau đớn.

Điều Trang lo sợ cũng trở thành sự thật khi anh nhận thấy Hiền tìm cách từ chối tình yêu của anh. Cô bé không thích nhìn vào con mắt thủy tinh của anh và hỏi *“tại sao anh không chỉ xem Hiền như em gái.”*

Không chờ chồng đến độ hóa đá nhưng chị Đạo trong truyện ngắn Cuồng Hoa Khô của Lương Thái Sĩ đã hết mực chung tình. Chị Đạo có chồng. Chồng của chị là anh Tản, đi theo phía bên kia. Chị ở chung nhà với bố chị, là lão Nhận. Chị Đạo có đứa con còn nhỏ để lão Nhận trông chừng khi chị đi mua bán ở chợ. Trong làng có một người thương phé bình tên Hân phải lòng chị Đạo.

Chị Đạo nghĩ đến anh Tản những khi thằng Hân nhìn chị đôi mắt màu đục ngầu. Thằng Hân âm thầm coi chị thật gần. Chị coi hắn như ngoài chuyện tình cảm của mình. Anh Tản đi, chị ở lại thờ chồng ngày này qua ngày khác mở tóc đã bạc. Chị vẫn chưa quên người chồng với sự cần cù nào đó, tay ôm bó củi ì ạch vác từ miệt rừng về nhà người lão đảo muốn ngã. Chị cương quyết rồi. Thằng Hân, anh Tản không thể là một.

Hân tìm mọi cách để được lòng chị Đạo, kể cả hỏi chị thẳng thừng. *Tôi thương chị, chị thương lại tôi được không? Chị trả lời Không, tôi nhất định rồi.*

Bom đạn về làng, bố chết, con chết, chị Đạo quyết định bỏ làng vào thành phố ở. Nhưng đến phút cuối chị thay đổi ý ở lại, bởi vì ở làng quê này chị có thể chờ anh Tản về. *Chiếc lưng gù bó củi của chồng tôi, tôi quên sao được.*

Cũng đề cập đến khía cạnh tình yêu nhưng Trần Huyền Ân trong truyện ngắn Đứa Con đã nói lên một xung đột trong gia đình, sự tranh giành tình yêu của người đàn ông và hai người đàn bà, mẹ và vợ, trong khung cảnh chiến tranh. Bà mẹ, một mình nuôi con, sau khi khổ sở với bà mẹ chồng rồi chồng chết. Đứa con lớn lên trở thành quân nhân, giữ chức vụ chỉ huy, nhưng với bà người con vẫn là trẻ nhỏ. Bà mẹ sống trong trại gia binh với đứa con. Người con trai yêu một nữ trợ tá, bị bà phản đối. Bà cho là phụ nữ mà tham gia quân đội chỉ là dĩ. Người nữ trợ tá kết hôn với người quân nhân và có con. Một đêm vì không chịu nổi lời day nghiến giận hờn của bà mẹ. Bà cắn nhả vì anh đã dành tình yêu cho vợ chứ không dành tình yêu cho bà. Người quân nhân lại đi theo đoàn hành quân dù anh mới vừa trở về trong cuộc hành quân trước đó. Anh tử trận trong cuộc hành quân và bà mẹ lại nổi giận khi thấy người vợ được phép lãnh tiền tử tuất. Dù người vợ bằng lòng giao hết món tiền cho người mẹ nhưng bà vẫn không bằng lòng với chính quyền vì bà cho rằng người vợ không xứng đáng được quyền đó.

Truyện ngắn Thư Tình của Túy Hồng một câu chuyện tình rất ngắn và rất lãng mạn, cái lãng mạn của một cô gái trẻ tuy không còn choai choai mới lớn. Tình yêu mà *“Không gặp nhau được, lỗi bịch thật. Ái tình gì chỉ toàn viết thư. Viết thư rồi có thương nhau thật như trong thư không nhỉ?”* Viết dưới dạng thư tình, chuyện tình này kéo dài trong sáu lá thư. Túy Hồng có một bút pháp đặc biệt, giọng miền Trung, táo bạo, liếng láu một cách trẻ trung, nghe như đùa nghịch nhưng rất giàu tình cảm. Bà diễn tả thật điêu luyện tâm lý của một cô gái trẻ đang yêu. Người viết thư là một cô gái sống ở Quảng Trị tên là Nhân. Cô gái tự cho là mình không đẹp nhưng bằng lòng với nhan sắc của mình. Quảng Trị đối với cô là một thành phố âu sầu xa Sài Gòn *“như cái đầu và cái rốn của một thi thể.”* Thi thể đấy nhé chứ không phải thân thể. Cô không nói gì đến chiến tranh nhưng sao tôi vẫn cảm thấy chiến tranh

hiện diện đâu đó xa xa. Hay chìm thật sâu trong trí nhớ ai cũng biết Quảng Trị của một mùa hè đỏ lửa? Và vì những câu như thế này. “Chắc chắn Quảng Trị sẽ lê vào lịch sử hoen máu.” Cô tả quê hương Quảng Trị như thế này: “Bây giờ là buổi chiều nắng chia hai dòng sông Thạch Hãn. Đọc báo anh cũng biết lơ mơ dòng sông ngạo ngễ của quê hương em chứ? Quân ta ở bên này dòng sông Thạch Hãn, địch ở bên kia dòng sông.”

Người nhận thư tên Phi Ngạc, cô đùa tên anh nghĩa là cá sấu bay, một thứ nhãn hiệu nước mắm. Cô gọi anh bằng đủ loại tên. Anh muôn thuở. Mon trésor. Cá sấu thần của em. Nguồn tình của em. Giấy bạc của em. Bánh kẹo của em. Xạo của em. Anh của em là bột. Mũi tên độc yêu ái của em.

Qua 6 lá thư, người đọc biết anh ta là ca sĩ, xuất hiện trên truyền hình vì cô xem anh ta hát. Người yêu của cô có giọng hát óng ả bảy sắc cầu vồng. Anh ta có tặng quà cho cô; một cái máy magnétophone. Cô yêu anh lắm, và mơ mộng rất nhiều. Cô có công việc được vào Sài Gòn nên cô tìm đến gặp anh. Cô mơ mộng, tưởng tượng, hy vọng, lo lắng, đủ mọi thứ tình cảm chạy ngang trái tim cô. Cô cũng nhiều lần viết như báo động trước với người cô yêu cái nhan sắc của cô để tránh cho anh ta khỏi bị ngỡ ngàng. Nào là: “*Em mang một bộ mặt vô sản sạt nghiệp vào triều cống anh đó.*” Và: “*Ba ngày nữa con chim Mỏ Giác xấu xí này sẽ bay. em tự ví em như con chim Mỏ Giác là anh đủ biết em xí gái đến mức độ nào rồi!*”

Cô tả những nụ hôn cô ước ao sẽ có khi gặp người yêu. “*Những nụ hôn đóng trên môi như những khuôn dấu đóng trên công văn, những nụ hôn thon thon hình viên thuốc dầu cá thu trong bóng ngầy ngầy mùi sữa đậu nành và ẩm áp như mía ông Tàu bán đầu phố. Những nụ hôn tách riêng và có khi chung đụng như hai hạt đậu phộng nằm trong một cái vỏ.*”

Cô hỏi như bao nhiêu người tình bé bỏng và mơ mộng. “*Anh thương em bằng con kiến hay bằng con voi, bằng móng tay hay bằng cái tú? Anh thương em là*

thương miệng thương môi thương mũi thương mắt...” Rồi cô quay trở lại với thực tế: “anh ngó qua em một cái rồi anh bỏ em liền một khi! Em chết vì em xấu đó anh!”

Thế, cô biết thế. Thực tế đến thế nhưng cô vẫn nuôi hy vọng. Vẫn mong một kết cuộc đẹp để khi cô gặp người cô yêu. Hy vọng anh ta sẽ chấp nhận cô với cái cô gái có cái suy nghĩ và hình dáng mà cô đã tả qua những lá thư. Tuy nhiên hy vọng của cô biến thành tuyệt vọng. Bởi vì: *“tình người ta tan theo năm tháng, tình của mình tắt cái phụt ngay phút đầu gặp mặt.” “Tình chết khi em xuống tàu bay, tình chết ngay trên phi đạo không cáo phó, không thiệp tang, không ai điếu.”* Bởi vì: *“Tôi kêu tên anh, tôi hỏi anh có nhận ra tôi, giờ phút đó tại tôi bỗng dưng nghe một câu nguyên rủa: “không nhan sắc hãy tự sát cho rồi.”*

Anh ta đứng lạnh ngắt. Cái im lặng chết đứng của anh làm cô cho đó là sự ngỡ ngàng thất vọng. Khi tôi đọc đến đó tôi hy vọng là cô lầm. Nhưng, cô vượt cái mặt cô cho là xấu xí của cô và hỏi anh ta có nhận ra cô không. Anh Ngạc cố gắng mỉm cười rồi thôi. Thất vọng, thế giới của cô sụp đổ. *“Tình yêu... tôi nghe tiếng âm vang lớn nhất giữa chiến tranh này vì mộng mị cùng nổ tung một lúc như bao nhiêu kho đạn phé thải cùng nổ tung một lúc. Tình yêu... máu tôi đỏ như thác đổ; tim tôi mọc vòi, tim tôi làm băng.”*

Rõ ràng cô đã cố gắng loại bớt đi những mơ mộng quá đáng, những tượng tượng phi thường. Rõ ràng cô đã cố mở to mắt nhìn thực tế để không tự dối trá và làm khổ bản thân. Tình yêu của cô tan vỡ không phải vì chiến tranh mà vì thất vọng. Thất vọng không hẳn vì đối tượng xấu xí mà chỉ vì đối tượng không giống như người ta tưởng tượng. Trong lá thư cuối cùng cô có nói đến tự tử. Tôi hy vọng cô không ngu ngốc và điên cuồng đến thế.

Nhã Ca nổi tiếng cả hai mặt văn và thơ. Tôi vẫn còn thuộc vài đoạn bài thơ Tháng Sáu của bà. “Tôi là con gái. Buồn như lá cây. Chút hồn thơ đại. Xanh xao tháng ngày. Tôi là con gái. Một lần yêu người. Một lần mãi mãi. Bao giờ cho nguôi.” Thời còn đi học đám nữ sinh

chúng tôi thường khao nhau tác phẩm Mưa Trên Cây Sầu Đông của bà. Bà là người làm chúng tôi yêu thành phố Huế thơ mộng. Bà cũng đã lấy một ít nước mắt của tôi khi tôi đọc Truyện Cho Những Tình Nhân. Truyện này đã in trong Những Truyện Ngắn Hay Nhất của Quê Hương Chúng Ta năm 1974.

Diễm và Phan, đã đính hôn và đang chờ ra giếng sẽ cưới trước khi Phan vào quân trường Thủ Đức. Người Huế mà, kín đáo lắm. Sợ người ta dị nghị nên chiều Diễm đạp xe đi học về Phan lặng lẽ đạp xe theo sau. Vòng qua một chỗ vắng, nói chuyện chút xíu rồi đưa nàng về. Thấy Diễm bắt đầu đeo nhẫn mà Phan chưa đeo. Phan nói về nhà chàng cũng sẽ bắt đầu đeo nhẫn. Chàng trêu nàng mai một hết thương có lẽ nàng sẽ ném cái nhẫn xuống sông. Nàng bảo *“khi mô cái nhẫn ni rời khỏi tay em thì em chết.”*

Ngày Tết Phan đi về Truồi chúc Tết ông nội. Diễm ở lại Huế trong biển cổ Mậu Thân. Không được gặp nhau Diễm viết thư để lại cho Phan. *“Anh Phan, chắc em chết không gặp anh. Chắc chết quá anh ơi, súng vẫn bắn như mưa, trên đầu những người chờ đợi. Nhưng anh ơi, trong những phút kinh hoàng như thế này, trong những phút nằm chờ một quả bom canh đúng rơi trúng miệng hàm đôi lúc em vẫn còn đầy tư tưởng lãng mạn. Em nhớ anh hơn, nao nức hơn, và thấy mối tình mình trở nên quan trọng hơn.”*

Những ngày thành phố bị vây hãm, người trong gia đình Diễm bị thương, bị chết, đối diện với những hình ảnh đang thật sự xảy ra cho mọi người chung quanh, Diễm lo sợ: *“Anh ơi! Chắc em chết, gia đình em chết hết. Em khóc ròng đây, em muốn khóc ngất khi nghĩ rằng, khi yên, anh sẽ tới tìm em nơi này, anh sẽ không thấy xác em đâu nữa. Tay em nằm trong bụng con chó này, mặt em ở trong bụng một con chó khác. Anh ơi, em tội tình chi mà không được một nắm mồ.”*

Phan tìm hỏi tin tức biết Diễm trên đường chạy nạn bị bom rơi trúng “cả thân thể Diễm bay kẹt vào một bụi cây.”

Mười mấy ngày sau, khi Bến Ngự đã dẹp xong, Phan là người trước nhất đi dọc theo đường rầy xe hòa về Bến Ngự. Dọc đường Phan đã nhận ra xác Diễm. Diễm chỉ còn lại đầu tóc, chiếc mặt đã bầm dập, cả người đã sinh thối, nàng kẹt vào giữa bụi cây, và những dòng nước vàng đã chảy xuống. Cánh áo phin trắng của Diễm đã rách nát, nhưng nơi ngực áo, hai chữ P D lồng nhau thêu bằng chỉ trắng vẫn chưa mục, và nhờ đó Phan nhận ra xác Diễm. Diễm mất một cánh tay, và nơi bàn tay còn lại, Phan không nhìn thấy ngón đeo nhẫn đâu hết. Ngón tay đeo nhẫn của Diễm cũng đã bị cắt lìa. Phan tìm cùng khắp không thấy vết tích đốt tay và chiếc nhẫn đó nữa.

Khi đem xác Diễm về tần liệm, mọi người phác giắc ngón tay đeo nhẫn của nàng đã nằm gọn trong đám ruột bầy nhầy, không ai hiểu tại sao, và chiếc nhẫn cũng không tìm thấy.

Nhã Ca dựng truyện rất khéo. Và biết đánh thức tâm lý của độc giả. Ở đầu truyện bà đã cho đôi tình nhân nói đùa với nhau về cái nhẫn. Cái nhẫn trên ngón tay là hiện thân của yêu thương, của nguyện ước, của bền chặt và hôn nhân. Đeo nhẫn là thuộc về nhau. Chết cũng không cởi nhẫn. Khi nàng chết ngón tay rơi vào trong lòng nhưng cái nhẫn đi đâu? Cái nhẫn đã rời khỏi tay nàng. Như nàng đã thệ ước, khi mô cái nhẫn ni rời khỏi tay em thì em chết. Phan và Diễm, không oán thù ai, chỉ trách chiến tranh. Ngay cả người thân và bạn bè cũng không dám hỏi thăm hay an ủi Phan bởi vì anh không bao giờ đứng lại khi có người nhắc đến tên Diễm.

Hễ có bóng dáng của tình yêu, là có bóng dáng của phản bội. Aphrodite là nữ thần đa tình mà. Bà yêu nhiều và phản bội cũng nhiều. Trong một truyện ngắn của Đặng Đình Tòng, Cái Chết ở Cạnh Nhà, có một chi tiết rất nhỏ nhưng nó mang một nỗi đau lòng rất lớn. Có anh lính tên Vị. Anh này chỉ là một nhân vật nhỏ trong truyện chỉ được nhắc đến vài hàng thôi, nhưng anh ám ảnh tôi rất nhiều nên sau khi đọc 117 truyện ngắn, có truyện tôi đọc hai ba lần, tôi vẫn không quên anh. Anh ta bị vợ bỏ. Vì

thất tỉnh nên anh giải sầu bằng men rượu. Vì say sưa nên bị phạt đi phục kích. Tác giả đổ thừa vì say nên anh không thấy đường bắn súng, nên chết. Nói là nói vậy chứ biết bao nhiêu người đã chết vì súng đạn dù không say. Sao cái anh Vị bị vợ bỏ đó không may mắn mà say đến bất tỉnh để nằm như chết để bom đạn tình cờ mà tránh anh? Có ai cảm thấy mặc cảm tội lỗi trong cái chết của anh? Truyện Bão Khô của Y Uyên nói về một người lính đi tìm vợ. Anh nghe đồn là chị đã ngoại tình. Anh hờn giận, ghét bỏ, hăm hực tìm đến một thành phố nhỏ nơi quân đội Mỹ vừa đến đóng. Hôm trước mìn nổ. Một cái xe lam, một cái xe nhà binh bị mìn, sáu mươi mấy người chết. Người quân nhân gặp một người phụ nữ mặc đồ tang đang đi tìm cánh tay có đeo nhẫn của người chồng để chôn chung với cái xác. Anh quân nhân nghe có một trong những xác chết vô thừa nhận là một xác người đàn bà bị mất đầu, người ta tìm thấy cái đầu bị văng xuống sông và xác chết đó có thể là xác chết của người vợ. Điều mỉa mai là rất có thể anh đã nghi oan cho chị vì chị chỉ buôn bán tảo tần để kiếm sống. Chị chết rồi còn ai minh oan?

Một nhân vật trong phim The English Patient đã nói: *“Phản bội trong chiến tranh chỉ là trò trẻ con. Phản bội trong thời bình mới thật sự là khốn nạn.”* Cái phản bội trong câu nói của này không phải nói về sự phản bội trong tình yêu. Nó nói đến một sự phản bội to lớn có tầm cỡ quốc gia. Tuy nhiên nó cũng áp dụng được khi nói về sự phản bội của tình yêu cá nhân. Trong chiến tranh đôi khi người ta phản bội người yêu chỉ vì chiến tranh mang cô đơn đến. Không phải ai cũng kiên trì chờ thấy mình hóa đá và biết đâu chừng cái chết sẽ đến với mình chiều nay hay ngày mai. Mùng Mán trong truyện ngắn Những Chỗ Ngồi Bỏ Trống đã nói đến người thiếu phụ tên Lâm. Chị có chồng và người chồng đã theo du kích vào rừng. Chị thèm có một đứa con để an ủi nên âm thầm qua lại với Phù là giáo viên trong vùng. Có lần người chồng cũ cùng với toán du kích về thăm vợ, Phù phải nhảy xuống ao trốn.

Ngại, nhân vật chính trong truyện ngắn này, gặp lại chị Lâm thấy chị đang để tang người chồng theo du kích mới chết. Ngại tự thắc mắc không biết đứa nhỏ có phải là con của Phủ. Tuy nhiên chị Lâm khóc nói rằng chị để tang cho bố đứa bé. Anh ấy chết xác bị bỏ ngoài ruộng.

“Làm sao chúng ta có thể chịu đựng được nhau cho đến hết đời nếu lúc nào ta cũng chỉ nghĩ rằng đời sống có những việc được gọi là hạnh phúc mà thật ra không phải như vậy.” Đó là ý nghĩ của Minh, nhân vật chính trong truyện ngắn Thăm Viếng của Âu Thị Phục An. Minh đang học năm cuối trong chương trình đại học. Minh đã yêu một người tên Vị, yêu tự nguyện, không có vẻ gì bị ép buộc. Vị đã vào quân trường Thủ Đức, và đến đây thì gia đình hai bên và dĩ nhiên cả Vị nữa, muốn hỏi thúc việc kết hôn của hai người. Đám hỏi đã được tổ chức vội vã. Vị muốn cô rời Đ., nơi cô đang học để kết hôn. Cô không đồng ý nhưng im lặng. Bởi vì đời sống không thông dong để có thể sống yên ổn trong đời sống chung, và bởi vì hai người vẫn xa cách. Cái đám hỏi và chiếc nhẫn cưới làm cô cảm thấy *“Đây là tất cả thành trì dường như muốn ngăn chặn đời sống tôi đang trải dài. Tôi bỗng như ngột ngạt.”* Và *“Nhưng thành trì đó liệu có đủ chắc chắn ngăn tôi thoát ra ngoài hay ngược lại chặn những kẻ ở ngoài muốn vào? Ngày chính thức trở thành vợ của Vị còn lâu, cũng khiến tôi thoải mái chút ít.”* Cô nghĩ là nếu cho cô một thời gian để suy nghĩ có lẽ cô cũng sẽ ưng thuận. Nhưng kết hôn bây giờ, hôn nhân như chỉ để thỏa mãn nhu cầu xác thịt. Cô suy nghĩ thế bởi vì cuối tuần cô bị độc thúc đi thăm viếng Vị ở quân trường. Ở đây có *“những bóng mát tạm bợ và một vài chiếc lều được dựng vội vã nên trông trải và xiêu vẹo che dấu một cách hời hợt những cặp tình nhân nằm với nhau bên trong. Những cặp tình nhân hôn nhau, vuốt ve nhau một cách tự nhiên như chung quanh họ là một nơi riêng biệt vậy.”* Vị đưa Minh đến một phòng tắm làm bằng những mảnh gỗ tạp quây chung quanh, không có nóc. Vị hôn nàng, cái móc áo nịt ngực cản làm cho nàng đau. *“Chúng tôi vẫn im lặng hôn*

nhau. Tôi nhắm kín mắt khi Vị yêu tôi.” Thế, không say đắm mê cuồng gì cả. Nhắm mắt như để trốn không nhìn những quần áo lót của đàn bà vương vãi trong phòng tắm lộ thiên, để tránh không nhìn một thực tại khôn đồn, để tránh không nhìn một nỗi nhục nhã mơ hồ trong lòng một cô gái nhạy cảm.

Người ta nói rằng *“Yêu nhau đầu quân chiếu giường. Một tàu lá chuối che sương cũng vừa.”* Hồ thẹn vì yêu nhau (hay bị yêu thì đúng hơn) trong nhà tắm quay tạm bợ bằng những tấm gỗ vụn thì có phải là không yêu hay không còn yêu? Trong 117 truyện ngắn, truyện ngắn này theo đuổi tôi mãi sau khi tôi gấp sách lại. Không phải vì đây là truyện ngắn xuất hiện đầu tiên trong tuyển tập, cũng không vì người viết mới 21 tuổi khi truyện đăng tháng 2 năm 1975. Nó theo đuổi tôi bởi vì nó rất mới lạ trong suy nghĩ của tôi. Nó mới ở chỗ, cô có suy nghĩ một cách độc lập đến cái hạnh phúc của riêng cô, việc học, sự xa cách của hai người, cái định nghĩa của hạnh phúc *“Làm sao chúng ta có thể chịu đựng được nhau cho đến hết đời nếu lúc nào ta cũng chỉ nghĩ rằng đời sống vợ chồng có những việc được gọi là hạnh phúc mà thật ra không phải như vậy?”* Có thể nói nhân vật vị kỷ rất hiện đại, cái hiện đại của Tây phương. Cô thẳng thắn và chống đối không muốn bị gia đình hai bên và nhu cầu của Vị xua cô vào chuồng như một con cừu hiền lành. Cô muốn nói với người yêu lần thăm viếng này là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng. *“Thăm viếng lần nữa? Ồ, không ai đủ can đảm đưa tay đập vào vết thương của mình lần thứ hai. Không bao giờ. Căn phòng tắm lộ thiên. Cái móc soutien bị cán và trăm ngàn nỗi cùng quần trong đầu... Không bao giờ.”*

Đọc bài này, ở cương vị người ngoại cuộc, nhìn sự kiện này 34 năm sau, tôi cảm thông tâm hồn người thiếu nữ nhưng không khỏi thương xót người lính trẻ tuổi trong bài. Anh có nhận biết hay không, chiến tranh tuy vẫn còn ở xa nhưng bàn tay móng vuốt của loài yêu quái đã cướp mất của anh những tiện nghi vật chất, tự do, tuổi trẻ, và tương lai; còn lắm le cướp đi tình yêu của anh? Và nếu

anh chỉ mất bấy nhiêu tôi cho là anh vẫn còn may mắn hơn nhiều người. Anh có nhận thấy cái chau mặt của vị hôn thê vì đau hay chỉ nhận thấy cô ép sát người vào anh để tránh bị cắn đau mà anh tưởng là cô đáp ứng? Anh có thấy thái độ thay đổi, im lặng, ngập ngừng, cái nhìn lảng tránh, thay đổi trong tâm hồn của Minh, mà đau đớn? Anh có nghĩ người ta “*yêu nhau mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua*” thì vị hôn thê của tôi sẽ không phiền lòng vì tình huống như thế này? Tác giả không diễn tả thái độ của anh, không có một ánh nhìn buồn bã, đá cái lon không bị vắt trên đường, hay mím môi, cho tôi thấy là anh nhận biết. Với cái nhìn của một người phụ nữ sống lâu năm ở ngoại quốc, tôi cho là Minh có quyền hành động vị kỷ như thế, vì đó là sự chọn lựa của cô. Nhưng trong cách suy nghĩ của xã hội VN thời ấy, tác giả tuy rất ngầm, người đọc vẫn cảm nhận được, nhân vật có cảm giác tội lỗi trong sự chọn lựa của nàng.

Qua 117 truyện ngắn của 117 tác giả, có khoảng 60 phần trăm trong tổng số truyện là truyện viết về tình yêu. Nhà văn miền Nam trong thời chiến tranh lại rất lãng mạn và đa tình. Họ viết về tình yêu và người họ yêu. Đa số tác phẩm đều có thấp thoáng bóng dáng của một người phụ nữ, người mẹ, bà, bạn gái, vợ, người yêu, cô y tá, hay cô thư ký. Họ có khi gọi người bên kia là giặc là địch nhưng không biểu lộ lòng thù hận, quyết tâm đòi giết, và không có màn mổ bụng ăn gan uống máu kẻ thù. Phải nói là họ cũng không xem người chiến đấu bên mặt trận đối nghịch là kẻ thù. Tình yêu như một sức mạnh giúp những người chiến đấu đương đầu với sự khắc nghiệt của chiến tranh.

Ghi chú của tác giả: Tất cả những truyện ngắn được nhắc đến trong bài viết trích từ bộ truyện ngắn ba tập Văn Miền Nam.

(1) Bộ tuyển tập truyện ngắn ba tập Văn Miền Nam do Thư Án Quán xuất bản năm 2009 rải rác trên các tạp chí văn học như Văn, Khởi Hành, Trình Bày, Ý Thức, Thời Tọa, Mai, v.v...

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Phạm Văn Nhân phụ trách

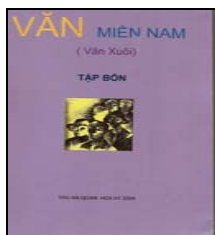
LTS: Mục Giới thiệu Sách Báo do anh Phạm văn Nhân phụ trách. Chúng tôi hứa sẽ cố gắng đọc kỹ, và rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị có nhã ý gởi tặng. Xin gởi về

Phạm văn Nhân

2004 Heather st

Amarillo, Tx 79107

Trường hợp gởi về P.O Box chúng tôi xem như là sách tặng người chủ trương (THT). Vì anh THT quá bận nên không thể đọc để giới thiệu một cách nghiêm chỉnh trên Mục này được. Rất mong quý vị thông cảm.



VĂN MIỀN NAM Tập 4.

Trên tạp chí TQBT số 39, phát hành vào tháng 10 năm 2009, chúng tôi có giới thiệu ba tập VĂN MIỀN NAM do nhóm bảo tồn: *Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam* chủ trương. **VĂN MIỀN NAM tập 4** tiếp tục hoàn thành và phát hành vào tháng 11 năm 2009.

Với tập 4, nhóm chủ trương đã sưu tầm thêm 42 tác giả. Nâng tổng số 4 tập lên 158 tác giả. Theo như nhà văn Trần Hoài Thư, đại diện nhóm cho biết, đây không có nghĩa là tập cuối, mà tùy theo, có thể, còn thêm vài tập nữa, nếu nhóm “sưu tầm” thêm nhiều tác phẩm của nhiều tác giả khác trước 1975.

Vâng, đúng vậy, với một chiều dài “ Văn Học Miền Nam”, chỉ riêng bộ môn văn, từ năm 1954 cho đến tháng 4 năm 1975 không có nghĩa là với 158 tác giả, mà phải nói

còn nhiều, rất nhiều nữa là khác. Nhưng phải nói thật khó tìm, bởi vì sau tháng 4 năm 1975, vì một “*hận thù nhỏ nhoi*” mà những tạp chí văn học cũng như những tác phẩm nghiên cứu đều bị “đốt sạch”. “Họ” đã cố ý “hủy diệt” một nền “văn học đa dạng” của Miền Nam, mà đáng lẽ ra họ phải duy trì (loại bỏ đi cụm từ Văn Hóa Đồi Trụy) . Những bài văn trong **bốn tập sách Văn Miền Nam** do Thư Ấn Quán phát hành không những là những bài văn đã một lần được chọn lọc đi trên các tạp chí văn xuất bản ở Miền Nam mà còn có giá trị “đích thực” của nó trên văn học. Ngoài ra còn đề cho những nhà nghiên cứu Văn Học hiện tại và sau này tìm hiểu về một nền Văn Học Miền Nam; Đã có một chiều dày gần ¼ thế kỷ này. Bởi: Văn Miền Nam đa dạng trong nhiều đề tài sáng tác, không cứng nhắc đơn thuần là chiến tranh. Mà bao gồm: chiến tranh, thân phận, tình yêu, chính trị, triết lý và nhân sinh...Nhất là thân phận con người trong cuộc chiến. Tập 4 dày 550 trang . Giá bán 30 đô la (nội địa) . Ngoài Hoa Kỳ 35 đô la.

Tôi nghĩ: những ai còn tâm huyết với một nền văn học đa dạng của Miền Nam cũ, nên có trong tủ sách BỐN TẬP VĂN này. Sách in có hạn.

Địa chỉ liên lạc:

Thư Ấn Quán

P.O.Box 58

South Bound Brook, NJ 08880

Hay E.Mail

tranhoaitu@verizon.net



Sinh Nhật Của Một Người Không Còn Trẻ,

tập thơ của **Lữ Quỳnh**. Do Văn Mới xuất bản tại California, Hoa Kỳ năm 2009.

Tôi nhận được tập thơ “Sinh Nhật Của Một Người Không Còn Trẻ” của anh Lữ Quỳnh gửi tặng vào tháng 10-2009. Tập thơ dày khoảng 123 trang (gồm cả phụ lục). Tựa: Du Tử Lê, và 10 phụ bản của họa sĩ Đinh Cường. Với 123 trang gồm 35 bài thơ ngắn có, dài có. Có bài thơ chỉ có 4 câu. Trong tập thơ này, bao gồm những bài anh sáng tác trước 1975 (trong nước- 2/3 tập thơ) và những bài làm sau 1975(1/3 tập thơ).

Đối với Lữ Quỳnh, độc giả trước và sau 1975 thường biết anh qua “nhà văn” hơn là “nhà thơ”. Và đúng vậy, ngay cả tôi, biết anh từ những ngày còn ở Quy Nhơn cũng là “nhà văn”; Mà những tác phẩm của anh đã phát hành cũng là những tác phẩm văn một thời để lại trong tâm của bạn bè và của độc giả. Nào là: Cát Vàng, Sông Suong Mù, Những Con Mưa Mùa Đông, Vườn Trái Đắng. Riêng tập truyện Cát Vàng đã tái bản tại Cali do Văn Mới xuất bản vào năm 2006.

Thường, những nhà văn ít có ai làm thơ hay, rất hiếm. và ngược lại. Nhưng, với Lữ Quỳnh nhất là với tập thơ, có lẽ đây là tập thơ đầu tiên của anh ở vào cái tuổi không còn trẻ nữa nên anh mới cho xuất bản (?). Dù tập thơ không dày, chỉ 35 bài, nhưng đọc bài nào cũng hay. *“tay với trời cao không thấu nỗi/ tuổi già mắt bạn cũng mờ rồi”*

Với 35 bài thơ trước và sau năm 1975 mà Lữ Quỳnh mới cho trình làng, cái tính nhân hậu trong từng con chữ của thơ Lữ Quỳnh cũng như những câu chuyện anh viết qua những tác phẩm văn xuôi đều biểu lộ rõ trong từng con chữ mà anh trân quý. Một tập thơ hay, đáng tìm đọc.

Liên lạc : NXB Văn Mới. P.O.Box 287. Gardena, CA 90248. ĐT: 310-366-6867.

Giá 15 Mỹ Kim

Gió Mùa Đông Bắc của Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu.

Sách dày 505 trang, bìa cứng. Giấy vàng nhạt. In đẹp.

Trần Nguơn Phiêu tên ông không lạ gì đối với người dân miền Nam, trước và sau 1975. Vốn là một vị Bác Sĩ. Ông tốt nghiệp Y Khoa Đại học Bordeaux (Pháp). Phục vụ hơn 17 năm trong ngành Quân Y Hải Quân. Từng đảm nhiệm: Tổng Trưởng Xã Hội (1968-1974). Chủ tịch Y Sĩ Đoàn VN (1974-1975) và nhiều chức vụ khác sau 1975 tại Hoa Kỳ. Chức vụ trước khi giải ngũ là Cục phó Cục Quân Y/ QLVNCH.

Tác phẩm Gió Mùa Đông Bắc là một thể loại tự truyện, dưới dạng tiểu thuyết. Nói về một thanh niên miền Nam lớn lên và trưởng thành trong thời kỳ đất nước chuyển mình tranh đấu thoát ách thực dân Pháp ngay sau Thế Chiến Thứ hai. Và, chống trả những mưu toan của thực dân Pháp trở lại VN lần thứ hai. Đề rồi sau đó hơn ba mươi năm kế tiếp là một giai đoạn lịch sử đầy biến động và đồ nát.

Với ngòi bút của tác giả Trần Nguơn Phiêu, Gió Mùa Đông Bắc đã đưa người đọc đi từ trang đầu tiên cho đến trang cuối hơn 500 trang một cách hấp dẫn, không buồn chán. Kèm theo những dẫn chứng rõ ràng, dù là một cuốn tiểu thuyết tự truyện qua nhân vật chính là TRIỆU.

Nhưng, với Gió Mùa Đông Bắc, đọc qua ta thấy toàn là những sự kiện có thật 100% lịch sử nước nhà thờ cận đại, ngay cả những nhân vật trong sách mà (*tác giả ghi- nếu trong sách có những trùng hợp về tên tuổi, địa danh, xin người đọc tha thứ*) từ sự khởi đầu của Nam Bộ Kháng Chiến cho đến Cách mạng Mùa Thu. Những tháng ngày cuối cùng của nền Đế Nhất Cọng Hòa, rồi Mùa Hè Đỏ Lửa. Những tháng năm sống ở Pháp và những năm tháng trong quân ngũ (Đời lính thủy). Và cuối cùng Cuốn Phong Trên Đất Nước.

Được biết đây là tác phẩm ăn ý nhất của tác giả đã ấp ủ trên 10 năm trời, nay mới trình làng. Sau những tác phẩm mà ông đã viết trước đây: Phạm văm Hùm, thân thể và sự

nghiệp/ Những ngày qua.

Tác giả đã từng cộng tác Thế Kỷ 21, Văn Hóa, Lướt Sóng.
Y Tế Nguyệt San, Nội san các Hội Y Tế Nha Dược...

Đọc giả TQBT nên tìm đọc **Gió Mùa Đông Bắc**.

Liên lạc với bác sĩ Trần Nguơn Phiêu qua địa chỉ:

Hải Mã. P. O. Box 19543. Amarillo, Tx 79114 USA

Hay E.mail: phieutran@sbcglobal.net

Giá : 20 Mỹ Kim.

Sóng Mòn tập thơ Xuân Thao

Với nhà thơ Xuân Thao, không ai là không biết anh trước 1975 với những bài thơ đã đi trên các báo. Nhưng với tập thơ Sóng Mòn thì quả thật, đây là tập thơ đầu tay của anh, được bạn bè trong và ngoài nước động viên, hỗ trợ để anh cho ra mắt độc giả, và bạn bè. Nhưng cũng chỉ dưới dạng “bản thảo”. Dù dưới dạng gì, thì tập thơ SÓNG MÒN của XUÂN THAO cũng ra đời mà tác giả đã gửi email cho chúng tôi biết: đây là tập thơ đầu tay.

SÓNG MÒN chia làm 2 phần. Phần 1 (gồm những bài sáng tác trước 1975). Phần 2 (gồm những bài sáng tác sau 1975)

Nhà thơ lớn lên trên một mảnh đất “dữ dằng” bom đạn. Cuộc chiến cứ kéo dài hết năm này tháng nọ trên quê hương. Là một người dạy học, lại mang trong người “dòng máu văn nghệ” do đó Thơ dễ đến trong tâm hồn của một người thầy, khi thấy quê hương ngập trong khói lửa (nhất là hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi). Thơ anh có mang hơi hướm phản chiến.. Và cũng viết nhiều về chiến tranh: quê hương và thân phận con người.

Đọc thơ Xuân Thao, nỗi buồn chiến tranh thấy rõ trong thơ anh.

Không thấy có phụ bản như những tập thơ khác trong nước. Bài giới thiệu về thơ Xuân Thao do nhà văn Phạm Ngọc Lư viết.

TQBT thành thật cảm ơn nhà thơ Xuân Thao đã gửi sách tặng. Hiện anh đang sống tại Đà Nẵng. Việt nam.

TQBT xin trích đi bài thơ : Những Rừng Dừa Cụt Đầu Ở Tam Quan từ tập thơ SỐNG MỠN của anh, để giới thiệu với độc giả. Một bài thơ viết về chiến tranh.

Những rừng dừa cụt đầu

ở Tam Quan

Tặng Lữ Thứ và H. Phước

*Tôi đi qua những rừng dừa ngút ngàn
Tôi đi qua những rừng dừa cụt đầu, cháy xém
Miệng cháy bỏng, trời tháng tám khô se
Ôi, tôi khát ! Tôi khát !
Khát vô cùng giọt nước dừa ngọt lịm
Tôi khát và đồng bào tôi khát
Biết ngày nào thôi hết chiến tranh,
Biết ngày nào thanh bình trở lại ?
Cho dừa xanh nghiêng ngả lá
Cho trái ngọt treo trên cành mời gọi
Người lữ khách giữa trời trưa tháng tám
Miệng cháy bỏng, khô se bởi khát..*

*Ôi, Tam Quan, quê hương yêu dấu !
Người ra đi còn nghe Qui Nhơn biển réo gọi về
Tam Quan ơi, Tam Quan !
Một ngày nào lò lửa chiến tranh
trùng trùng trút xuống
Những rừng dừa bốc cháy
Những thôn làng bốc cháy
Đồng bào chạy tan tác:
Những trẻ con lạc mẹ
Những mẹ mất con
Những vợ mất chồng
Người xa Tam Quan còn mang theo*

bóng dừa, mái lá

Dừa ơi, dừa ơi !

Dừa đã cho người trái lành, nước ngọt

Dừa đã cho người mái lá đơn sơ

Dừa đã cho ta bánh trắng rắc mè

Dừa đã cho em thơ ta cọt dừa rửa mặt

Ôi, những em gái Tam Quan thịt da nhan sắc !

Tóc chấm bờ vai, mắt biếc tay dừa...

Tôi đi qua những rừng dừa cụt đầu, cháy nám

Những thân dừa mang đầy dấu đạn,

Những tường vôi đổ xuống những tường vôi,

Những mái tranh cất vôi,

Những em gái Tam Quan mắt sầu cổ xù,

Đang mơ:

Một ngày nào thôi hết chiến tranh,

Một ngày nào thanh bình trở lại ?

Cho những rừng dừa lá xanh nghiêng ngả

Để em gái tôi mắt biếc lại reo vui,

Hát khe khẽ trong nắng vàng rực rỡ :

“Anh về qua xóm nhỏ,

“Em chờ dưới bóng dừa...” ()*

(*) Lời bài hát “Tình quê hương”

của nhạc sĩ Phan Lạc Tuyên

Sách mới nhận được:

Một số tác giả đã gởi tặng tác phẩm mới xuất bản về địa chỉ P.O Box 58 South Bound Brook, NJ 08880. Vì phần hành giới thiệu sách do nhà văn Phạm văn Nhân thực hiện, nếu quý bạn muốn giới thiệu cần kè và nghiêm túc thì

vui lòng gửi thẳng về địa chỉ của anh Phạm văn Nhân (ghi ở phần trên).

Sau đây là các tác phẩm mới nhận được. Tòa soạn chân thành cảm ơn tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc:

Net Em, tập truyện của Trần Yên Hòa, Thế Kỷ xuất bản 2009. Sách dày 222 trang, gồm 17 truyện ngắn. Giá \$20. Địa chỉ liên lạc: Trần Yên Hòa 9155 Pacific Ave. #246, Anaheim, CA 92804, email: tran_hao47@yahoo.com; ĐT: (714) 360-7356

Yên Ương, Phượng Hè và Khát vọng, tập thơ của Trần Yên Hòa. Dày 125 trang. Có phụ bản nhạc Khan cổ gọi Tình về do nhạc sĩ Vĩnh Điện phổ phổ từ bài thơ cùng tên của TYH. Giá \$15. Địa chỉ ghi trên.

Thơ tuyển Bốn Mươi Năm của Trần Mộng Tú. Tác giả xuất bản 2009. Không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc.

Vườn Măng Cụt, tập truyện của Trần Mộng Tú. Văn Mới xuất bản 2009. Giá \$14. Liên lạc: Điện Thoại: (310) 366-6807.

Sống với thời quá vãng, tập truyện và tản văn của Phan Xuân Sinh. Hợp Lưu xuất bản 2009. Sách dày 241 trang. Giá \$15. Liên lạc Tác giả tại 7711 Winter Glen Lane Houston, TX 77072. Email: pxsinh@yahoo.com

GIỮA CHÚNG TÔI VÀ THÂN HỮU/BẠN ĐỌC

Nhắn tin chung:

Trong thời gian qua, chúng tôi đã nhận được một số sáng tác thơ văn của các thân hữu đã có lòng ưu ái tới tạp chí TQBT.

Trường hợp nếu quý bạn không thấy bài mình qua hai kỳ báo, quý bạn có thể tự tiện gửi đến các tạp chí khác. Xin vui lòng thông cảm. Đa tạ.

Tin về một số anh em văn Nghệ ở Phú Yên trong trận bão lụt vừa qua:

Tin từ quê nhà cho biết, sau trận bão lụt khủng khiếp vừa qua, anh em văn nghệ cư ngụ tại Phú Yên, Tuy Hòa như Trần Huiễn Ân, Nguyễn Lệ Uyên vẫn bình an, nhưng nhà cửa đa phần bị thiệt hại nặng. Sau đây là một lá thư của một bạn văn từ vùng bị bão lụt hoành hành, gửi ra:

Thân gửi các bạn,

Bão Marinae quá lớn, tâm bão vào ngay Tuy Hòa. Phần đông nhà cửa đều bị tốc mái, xiêu vẹo, cây cối ngã đổ, thương vong...

Nhà tôi cũng bị tốc mái sau, nước dội xuống ướt phần lớn sách. Nhà dưới thì bị bay mất tôn, cây ăn trái ngọn cắm xuống đất, gốc chổng lên trời. Vườn mai định tết này kiếm vài triệu ăn tết coi như theo ông Giáo ông Mác xuống địa ngục!

Bão vừa dứt thì hôm sau lụt lại tới, nước vào nhà cao tới bụng (hơn mét, nhà tôi coi như cao nhất nhì làng). Phải 24 tiếng sau mới rút. Mọi thứ đều theo Hà Bá. May mà cái thân già này chưa bị gì, sống để tiếp tục nhìn thấy sự điều hành đất nước một cách vô trách nhiệm của nhà nước này. Các bạn nhìn thấy những hình ảnh trên TV thì có thể hình dung cảnh tượng kinh hoàng ở PY mấy ngày vừa qua. Bão thì do thiên tai còn lũ lụt trận này là do NHÂN TAI, 4 nhà máy thủy điện xả lũ cùng một lúc, đổ xuống hạ lưu sông Ba tới trên 16.000 khối/giây!!! bão sao không chết dân? Còn mấy huyện phí bắc PY thì bê đập chứa nước, cuốn phăng tất cả những gì cản dòng chảy. Thiệt kinh khủng!

Nếu chúng kiến cả gia đình leo lên nóc nhà, nước lại lên, người cha lấy dây cột tay mình, vợ và 4 con lại và cùng chết. Xác tìm thấy cách đó 3 cây số nhờ mắc kẹt vào lùm tre, thì cảng kinh hãi

hơn.

Không thể tưởng tượng nổi. Tới giờ này mà ngay chính tôi cũng chưa hết bàng hoàng

Mãi tới chiều nay mới có điện, check mail và trả lời cho các bạn.

Sống là may rồi.

Cảm ơn những lời thăm hỏi, động viên của các bạn,

Thân mến,

Nhà văn Nguyễn Minh cưới vợ cho con gái út.

Chúng tôi vừa nhận được thiệp báo tin:

Ông Bà NGUYỄN MINH

105/781/4 Nguyễn Kiệm - Gò Vấp - Sài Gòn

NGUYỄN NHỊ HOA PHƯỢNG (Út Nữ) sánh duyên cùng

NGUYỄN TẤN HÒA (Út Nam)

Hôn lễ cử hành tại Sài Gòn ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Được biết, nhà văn Nguyễn Minh vừa được hồi phục sau nửa tháng mà anh mô tả là "bệnh toi bời. Sưng Gan và Tiểu đường. Chán quá già rồi nên đủ thứ bệnh."

Nhóm chủ trương TQBT xin thành thật chúc nhà văn Nguyễn Minh sớm được hoàn toàn bình phục, và xin chia vui cùng anh chị, về ngay cưới của hai cháu.

Nhà thơ Cái Trọng Ty, TX.

Được tin buồn của anh về sự ra đi của thân phụ vào ngày 9 tháng 11 năm 2009 tại Úc, thọ 98 tuổi.

Trong dịp đau buồn này, Nhóm chủ trương TQBT xin thành thật chia buồn cùng anh và tang quyến. Xin được cầu nguyện hương hồn Bác sớm về cõi Vĩnh Hằng.

Bộ sách Di sản văn chương miền Nam

Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến (tập I, tái bản)

Bìa cứng, khâu chỉ, dày 860 trang

Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến (tập II)

Bìa cứng, khâu chỉ, dày 740 trang

Một Thời Lục Bát Miền Nam

Bìa mềm, dày 600 trang

Thơ Tự Do Miền Nam

Bìa mềm, dày 660 trang

Thơ Tình Miền Nam

Bìa cứng, dày 710 trang

Văn Miền Nam Thời Chiến Tập I, II, III

Mới hoàn tất:

Văn Miền Nam Thời Chiến tập IV

Địa chỉ liên lạc:

Thư Ân Quán

P.O Box 58

South Bound Brook, NJ 08880

E mail: tranhwaithu@verizon.net